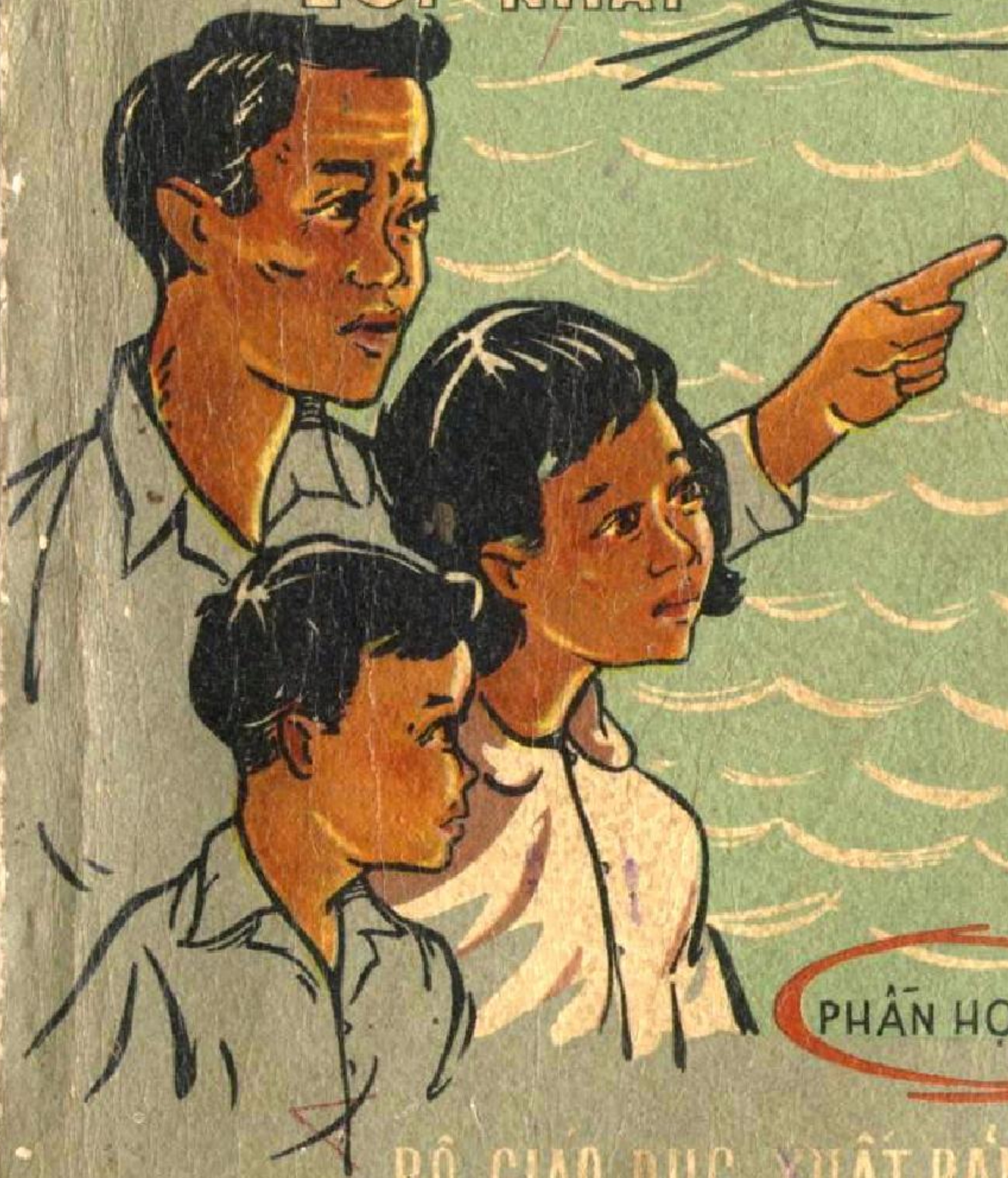


ĐỊA LÝ

LỚP NHẤT



PHẦN HỌC SINH

BỘ GIÁO DỤC XUẤT BẢN

TỦ SÁCH
NGUYỄN TRỌNG TUẤN
An Dân Tân Tạo, An Túc - 22031975

ĐỊA-LÝ

LỚP NHẤT

SÁCH ĐỊA-LÝ BẬC TIỂU-HỌC
BỘ GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN
1966

SOẠN-THẢO VÀ ẤN-HÀNH TRONG
KHUÔN-KHỔ CHƯƠNG-TRÌNH HỢP-
TÁC GIỮA BỘ GIÁO-DỤC VÀ PHÁI-
BỘ KINH-TẾ HOA-KỲ TẠI VIỆT-NAM

Soạn-thảo dưới sự hướng-dẫn của :

Ông TRỊNH-HUY-TIỀN
Nguyên Chánh-sự-vụ Sở Học-liệu

và

Ông LÝ-CHÁNH-ĐỨC
Chánh-sự-vụ Sở Học-liệu

Với sự tham-gia ý-kiến của :

Ông ĐINH-GIA-DZU
Đại-diện Nha Giám-độc Tiểu-học

và

Ông FRED J. ARMISTEAD, Ph. D.
Phái-đoàn Đại-học đường Southern Illinois

và

Bà MABEL RING, M. Sc, B. Com.

Với sự giúp đỡ về kỹ-thuật của :

Ông RALPH H. HALL, Ph. D.
Phái-bộ kinh-tế Hoa-kỳ tại Việt-nam.

BAN BIÊN-TẬP :

Soạn-giả :

NGUYỄN-HỒNG
ĐOÀN-XUYỀN
NGUYỄN-THỊ-MINH
BÙI-VĂN-ANH

Họa-viên :

NGÔ-VĂN-THỌ

Chuyên-viên Tu-thư :

Bà LÊ-DOÃN-KIM

Chuyên-viên Hoa-kỳ :

Bà MABEL RING, M. Sc., B. Com.

Ông FRED J. ARMISTEAD, Ph. D.

TOÀN ban Biên-tập xin thành-thật cảm ơn quí vị sau đây đã góp phần vào việc soạn sách này :

Ô. LÊ-XUÂN-THỦY

Nhân-viên Phái-bộ kinh-tế Hoa-kỳ tại Việt-nam.

Ô. LUYỆN-QUANG-ĐĂNG

Nhân-viên Phái-đoàn Đại-học-đường Southern Illinois.

LỜI NÓI ĐẦU

Mục-đích môn Địa-lý ở trường Tiểu-học là dạy cho học-sinh, những người Công-dân mai sau, hiểu biết những khả-năng về kinh-tế, chính-trị và văn-hóa của nước nhà, của các nước lân-cận và của các cường-quốc trên năm châu để rồi so-sánh suy-nghĩ, đặng tìm cách theo kịp người hoặc vượt hơn người. Môn địa-lý cũng như các môn khác, còn phải mở mang những năng-khiều của học-sinh. Bởi vậy, trong sách, chúng tôi đã cố-gắng loại bỏ những chi-tiết có tính cách nhồi sọ mà lưu ý lựa chọn những điều cốt-yếu khả dĩ luyện cho các em biết nhận xét, phán-đoán, suy-luận. . .

Về hình-thức, sách có nhiều tranh ảnh và bản-đồ để các em ham xem và thích đọc. Về nội-dung, mỗi bài học được trình bày thành một câu chuyện có đôi-thoại linh-động để trẻ đọc thấy hứng-thú. Sách gồm cả thầy 59 bài ; mỗi bài gồm có ý chính, câu chuyện, bài học và bài tập. Sau bốn năm bài, lại có một bài học ôn soạn theo lời trác-nghiệm khiến cho học-sinh phải suy-luận nhiều hơn là học thuộc lòng.

Mong rằng sách sẽ được thêm phần hoàn-hảo, chúng tôi trân-trọng kính xin quý bạn đồng-nghiệp xa gần, với thiện - chí xây - dựng, vui lòng chỉ giáo cho chúng tôi những điều thiếu sót mà chúng tôi không sao tránh khỏi. Thành-thực cảm tạ.

Saigon, ngày 2-5-1965

CÁC SOẠN-GIẢ

GIỚI-THIỆU CÁC BẠN MỚI

Trong sách Địa-lý này, các trò sẽ gặp hai bạn mới. Đó là Loan 12 tuổi, nữ-sinh và Tuấn 11 tuổi, nam-sinh. Loan, Tuấn là chị em ruột, cùng học lớp Nhất tại một trường công-lập ở Sài-gòn. Các em đều là những học-sinh thông-minh, chăm-chỉ và rất ngoan.

Ba má các em là ông bà Thịnh, thương-gia. Cùng ở chung với gia-đình, có chú Tư, em trai ông Thịnh. Chú Tư là sinh-viên văn-khoa, vui tính và rất thương yêu các cháu nên được các cháu qui-mến vô cùng. Loan, Tuấn còn có một người dì là cô Mai-Anh. Cô Mai-Anh hiện đang du-học bên Hoa-kỳ, vẫn thường gửi thư về cho các cháu.

Ngoài ra Loan, Tuấn còn có nhiều thân-thuộc ở thôn-quê và các tỉnh. Những ngày nghỉ, ông bà Thịnh hay chú Tư thường cho Loan, Tuấn đi thăm viếng bà con họ hàng, do đó ngoài Sài-gòn ra, các em còn được biết thêm nhiều nơi trong nước.

Đọc sách này, các trò sẽ có nhiều dịp theo dõi Loan, Tuấn trong các cuộc du-ngoạn, đồng thời được nghe chú Tư giảng thêm nhiều điều mới lạ về môn Địa-lý và thỉnh-thoảng còn được đọc thư của cô Mai-Anh kể lại nhiều chuyện hay ở ngoại-quốc.

MỤC-LỤC

CHƯƠNG I. VIỆT-NAM

Việt-nam thiên-nhiên

1—	Vị-trí, giới-hạn, hình-thể, diện-tích	.	.	.	.	17
2—	Núi và cao-nguyên Bắc-phần	.	phần học	.	.	21
3—	Núi và cao-nguyên Trung-phần.	.	học	.	.	27
4—	Bình-nguyên	.	.	học	.	31
5—	Học ôn	.	.	.	.	34
6—	Biển	.	.	biển học	.	35
7—	Bờ biển	.	.	học	.	39
8—	Khí-hậu	.	.	học	.	43
9—	Sông ngòi Bắc-phần và Trung-phần	.	.	học	.	47
10—	Sông ngòi Nam-phần	.	.	học	.	53
11—	Học ôn	.	.	.	.	57

Việt-nam nhân-văn

12—	Dân-cư : Người Việt	.	.	.	.	59
13—	Dân-tộc thiểu-số và ngoại-kiều	.	.	.	.	61
14—	Chính-quyền Trung-ương	.	.	.	.	66
15—	Chính-quyền địa-phương	.	.	.	.	70
16—	Các thành-phố và các tỉnh	.	.	.	.	73
17—	Học ôn	.	.	.	.	79

Việt-nam kinh-tế

18—	Nông-nghiệp : các cây dùng làm thực-phẩm	.	.	81
19—	Nông-nghiệp : cây dùng trong công-nghệ — Chăn nuôi	.	.	84

20—	Thủy-sản	8
21—	Lâm-sản	9
22—	Khoáng-sản	9
23—	Học ôn	9
24—	Tiểu công-nghệ	10
25—	Kỹ-nghệ	10
26—	Sự giao-thông : Đường bộ	10
27—	Sự giao-thông : Hỏa-xa, Đường thủy, Hàng-không	11
28—	Thương-mại	11
29—	Học ôn	12

CHƯƠNG II. CÁC NƯỚC LÂN-CẬN VIỆT-NAM

30—	Ấn-độ thiên-nhiên	124
31—	Ấn-độ nhân-văn	128
32—	Ấn-độ kinh-tế	131
33—	Phi-luật-tân thiên-nhiên và nhân-văn	131
34—	Phi-luật-tân kinh-tế	131
35—	In-đô-nê-xi-a thiên-nhiên và nhân-văn	142
36—	In-đô-nê-xi-a kinh-tế	146
37—	Học ôn	148
38—	Miến-điện thiên-nhiên	150
39—	Miến-điện nhân-văn và kinh-tế	153
40—	Mã-lai-á thiên-nhiên	156
41—	Mã-lai-á nhân-văn và kinh-tế	160
42—	Nhật-bản thiên-nhiên và nhân-văn	164

43—	Nhật-bản kinh-tế	168
44—	Học ôn	173

CHƯƠNG III. NGŨ-ĐẠI-CHÂU

45—	Ngũ-Đại-châu	176
46—	Châu Á	180
47—	Châu Âu	185
48—	Châu Úc	190
49—	Châu Phi	194
50—	Châu Mỹ	198
51—	Học ôn	203

CHƯƠNG IV. CÁC CƯỜNG-QUỐC CÓ LIÊN-HỆ VỚI VIỆT-NAM

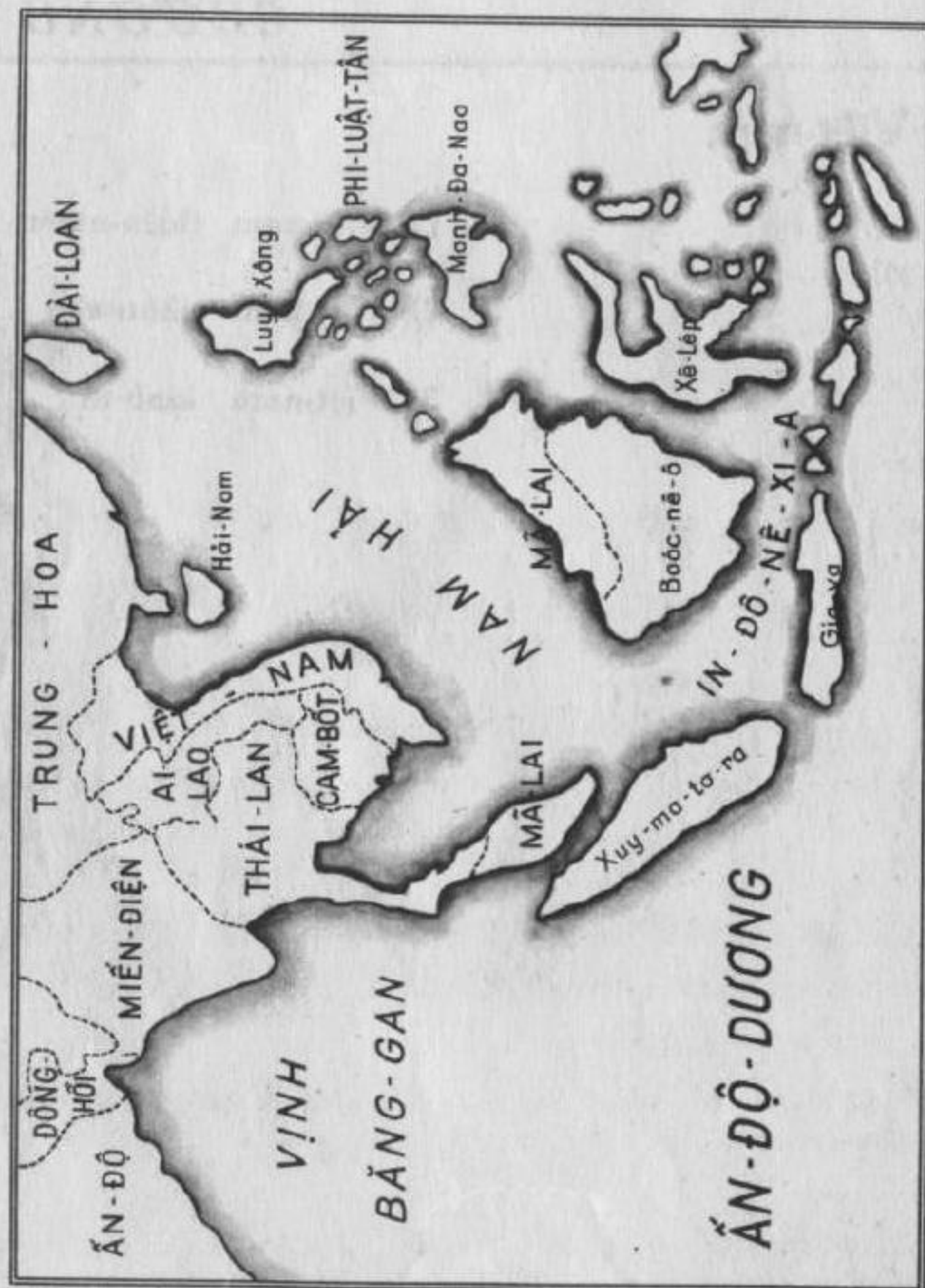
52—	Hoa-kỳ thiên-nhiên	206
53—	Hoa-kỳ nhân-văn	210
54—	Hoa-kỳ kinh-tế	213
55—	Nước Anh thiên-nhiên và nhân-văn	217
56—	Nước Anh kinh-tế	222
57—	Nước Pháp thiên-nhiên và nhân-văn	226
58—	Nước Pháp kinh-tế	229
59—	Học ôn	233

CHƯƠNG I

Nước Việt-nam

- 1) Việt-nam thiên-nhiên
- 2) Việt-nam nhân-văn
- 3) Việt-nam kinh-tế

VIỆT-NAM TRONG VÙNG ĐÔNG-NAM-Á



I. VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN

Vị-trí, giới-hạn, hình-thể, diện-tích.

Ý-CHÍNH

I. Vị-trí, giới-hạn:

Sự quan-trọng của vị-trí nước Việt-nam về kinh-tế.

Việt-nam giáp:

- Phía Bắc: nước Trung-hoa.
- Phía Đông và phía Nam: biển Nam-hải.
- Phía Tây: Ai-lao và Cam-bốt.

II. Hình-thể, diện-tích:

Nước Việt-nam có hình dài và diện-tích trung-bình (326.000 cây số vuông).

CÂU CHUYỆN

Bản đồ Đông-Nam-Á

Sáng nay đi chơi về, chú Tư cho hai cháu Loan và Tuấn xem bức bản đồ Đông-Nam-Á tô màu mà chú vừa mua để cho các cháu treo phòng học.

Loan và Tuấn ngắm-nghía và khen đẹp. Tuấn hỏi chú:

— Trong bản đồ này, cháu thấy có nước Việt-nam, nhưng không hiểu sao lại đề là bản-đồ Đông-Nam-Á, hả chú?

Loan nhanh nhẩu trả lời:

— Đông-Nam-Á là miền Đông-Nam của châu Á trong đó có nước Việt-nam và các nước lân-cận.

Chú Tư mỉm cười:

— Cháu Loan giỏi Địa-lý đấy. Còn cháu Tuấn, cháu có biết nước Việt-nam giáp những nơi nào không?

— Cháu biết rồi! Nước Việt-nam phía Bắc giáp nước Trung-hoa, phía Tây giáp nước Ai-lao và nước Cam-bốt. Phía Đông và phía Nam giáp biển Nam-hải. À! Nước ta giáp biển nhiều quá mà cháu chẳng được ra biển bao giờ, chú ạ!

— Cháu cứ yên lòng, trong kỳ nghỉ hè này, thế nào chú cháu mình chẳng có dịp đi tắm biển.

Loan lấy ngón tay chỉ theo chiều dài bờ biển Việt-nam và hỏi chú:

— Thưa chú, nước Việt-nam giáp biển nhiều như vậy thì có lợi gì không?

— Lợi lắm chứ! Nhờ ở vị-trí giáp biển, ta có thể thông-thương với các nước ngoài, không như Ai-lao và tỉnh Vân-nam nước Tàu vẫn phải mượn đường của ta để ra biển. Lợi nhất là nước Việt-nam ta lại ở ngã ba các đường giao-thông quốc-tế. Các tàu biển và phi-cơ từ Âu-châu sang Nhật-bản, Trung-hoa, hoặc từ Mỹ-châu sang Miến-điện, Ấn-độ, đều ghé qua Việt-nam. Như vậy nếu ta có nhiều sản-vật, đem bán cho ngoại-quốc thì cũng được dễ-dàng.

Tuấn ngắm-nghĩa bản đồ, ra vẻ thích chí như vừa khám-phá ra điều gì mới lạ:

— Cháu thấy nước Việt-nam hình dài, phía trên phình ra, lưng cong cong như hình con rồng vậy.

Chú Tư tiếp lời Tuấn:

— Cháu muốn tưởng-tượng là vật gì tùy ý. Nhưng nên biết rằng nước Việt-nam mình dài thế thì không có lợi. Vì hình nước ta dài mà sự giao thông giữa ba miền thành khó-khăn. Người ba miền ít có dịp đi lại, tiếp xúc với nhau.

Loan từ nãy vẫn chăm chú nghe, bây giờ phát biểu ý-kiến:

— Thưa chú, cháu nhận thấy nước Việt-nam so với Trung-hoa thì bé nhỏ quá!

— Đúng thế, các cháu ạ. Nước ta rộng 326.000 cây số vuông, so với các nước khổng-lồ như Trung-hoa, Ấn-độ, Hoa-kỳ, Úc-đại-lợi thì nhỏ quá. Nhưng so với nhiều nước khác, kể cả các cường-quốc ở Âu-châu thì nước ta có một diện-tích vào hạng trung-bình. Nếu dân ta tiến-bộ thì trong tương-lai, nước ta cũng sẽ trở nên một cường-quốc được.

BÀI HỌC

Nước Việt-nam ở trong vùng Đông-Nam-Á, phía Bắc giáp Trung-hoa, Tây giáp Ai-lao và Cam-bốt, Đông và Nam giáp biển Nam-hải.

Nước Việt-nam có một vị-trí thuận-lợi vì ở ngã ba các đường giao-thông quốc-tế.

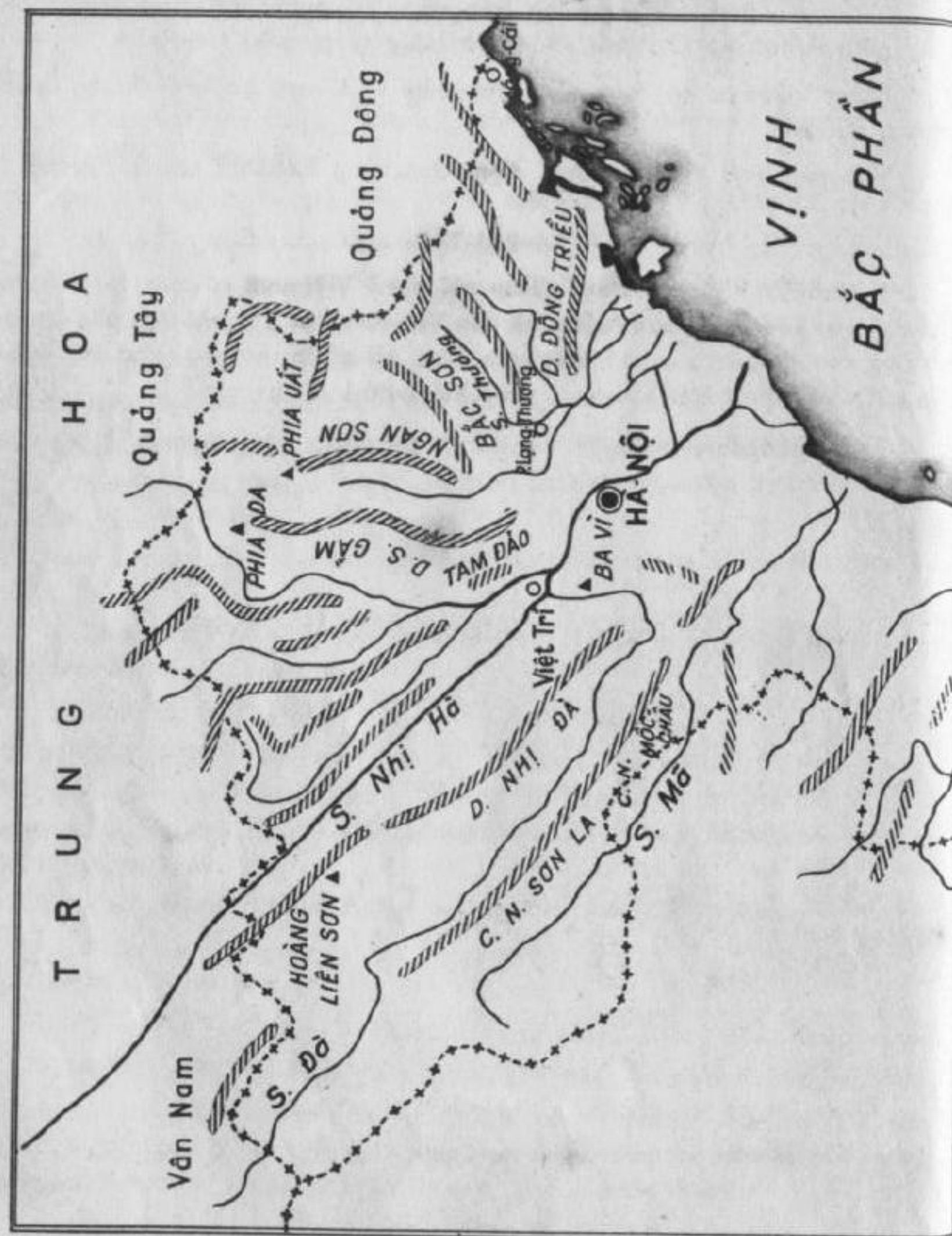
Việt-nam hình dài và hẹp; diện-tích chừng 326.000 cây số vuông.

BÀI TẬP

1. Nước Việt-nam ở đâu? Giáp nơi nào? Việt-nam có một vị trí thuận-lợi, vì sao? Vì sao nước Ai-lao và tỉnh Vân-nam bên Tàu thường phải mượn đường của ta để ra biển? Việt-nam hình dài có lợi hay hại như thế nào? So với nhiều nước trên thế-giới, nước Việt-nam lớn hay nhỏ?

2. Vẽ phác bản-đồ nước Việt-nam trong vùng Đông-Nam-Á.

NÚI VÀ CAO-NGUYÊN BẮC-PHẦN



2. VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN

Núi và cao-nguyên Bắc-phần

Ý CHÍNH :

I. Miền Thượng-du :

- Năm dãy núi chính
- Những cao-nguyên Sơn-la, Mộc-châu và cao-nguyên khác.
- Có nhiều rừng rậm.

II. Miền Trung-du :

- Đồi núi thấp độ 1.000m.
- Những dãy núi : Tam-đảo, Ba-vì, Yên-thế.
- Có nhiều đồn-diền, nhiều đồi trồng trà, cà-phê, sơn, thom...

CÂU CHUYỆN

Núi và cao-nguyên tại Bắc-phần

Hôm vừa rồi, Loan và Tuấn được chú Tư giảng cho nghe về nước Việt-nam. Bữa nay, thấy chú vào phòng học, hai em lại gọi chuyện. Loan mở đầu :

— Cháu thấy trên bản đồ Bắc-phần có nhiều núi non quá và những dãy núi chạy theo những chiều-hướng khác nhau.

— Cháu nhận xét đúng. Ở Bắc-phần, những núi và cao-nguyên chiếm đến 3/4 diện-tích, chỉ còn độ 1/4 là đồng bằng. Tất cả có năm dãy núi chính đều hướng về núi Tam-đảo, trông khác nào 5 cái nan quạt xoè ra. Năm dãy núi ấy từ Tây sang Đông là :

1. Dãy Nhị-Đà, gọi thế vì nó ở giữa sông Nhị và sông Đà. Trong dãy này có núi Hoàng-liên-sơn (3.142m), cao nhất Việt-nam.
2. Dãy sông Gâm có hồ Ba-bể là một thắng-cảnh thuộc tỉnh Bắc-cạn.
3. Dãy Ngân-sơn gọi thế vì nơi đây có mỏ bạc, mỏ thiếc.
4. Dãy Bắc-sơn hay Cai-kinh nằm dọc theo hữu-ngạn sông Thương.

5. Dãy Đông-triều chạy từ Phủ-lạng-thương ra Móng-cái, song song với bờ biển.

Chú Tư vừa nói vừa chỉ trên bản đồ. Tuấn hỏi :

— Thưa chú, còn những cao-nguyên ở đâu ?

— Ngoài những dãy núi, còn có những cao-nguyên là những vùng đất cao có người ở và trồng trọt được. Lớn nhất là những cao-nguyên Sơn-la và Mộc-châu cao chừng 1.000m., ở giữa sông Đà và sông Mã. Ở gần biên-giới Việt-Hoa cũng có những cao-nguyên khác không quan-trọng mấy.

Chú Tư nói tiếp :

— Những dãy núi và cao-nguyên chú vừa kể thuộc miền Thượng-du. Phía dưới miền Thượng-du là miền Trung-du.

Ở miền Trung-du chỉ có những đồi núi thấp độ 1.000m. như núi Tam-đảo ở tỉnh Vĩnh-yên, núi Ba-vì ở tỉnh Sơn-tây, núi Yên-thế ở tỉnh Bắc-giang.

Loan vội hỏi :

— Có phải núi Yên-thế, nơi mà ông Hoàng-Hoa-Thám khởi-nghĩa phải không chú ?

— Phải đấy, cháu tôi nhớ sử quá !

Tuấn nói :

— Cháu thấy người ta bảo rằng lên miền Thượng-du Bắc-phần thì hay bị bệnh sốt rét, nên người miền xuôi ít người muốn lên đó.

Loan bảo Tuấn :

— Cô giáo dạy rằng ở miền Thượng-du, những rừng rậm có nhiều muỗi A-nô-phen truyền bệnh sốt rét.

Tuấn hỏi thêm :

— Thưa chú, còn ở miền Trung-du có nhiều rừng rậm không ?

— Ở miền Trung-du chỉ có những rừng thưa, nhiều vùng đã được khai-khẩn. Ở miền này đất hơi cao, ít cây lúa, nhưng có nhiều đồn-điền, nhiều trái đồi trồng trà, cà-phê, sơn, thơm, v.v... Như vậy là cả hai miền Thượng-du và Trung-du đều có ích-lợi vì cung-cấp cho ta nhiều sản-vật.

BÀI HỌC

Ở Bắc-phần Việt-nam, những núi và cao-nguyên chiếm đến 3/4 đất đai.

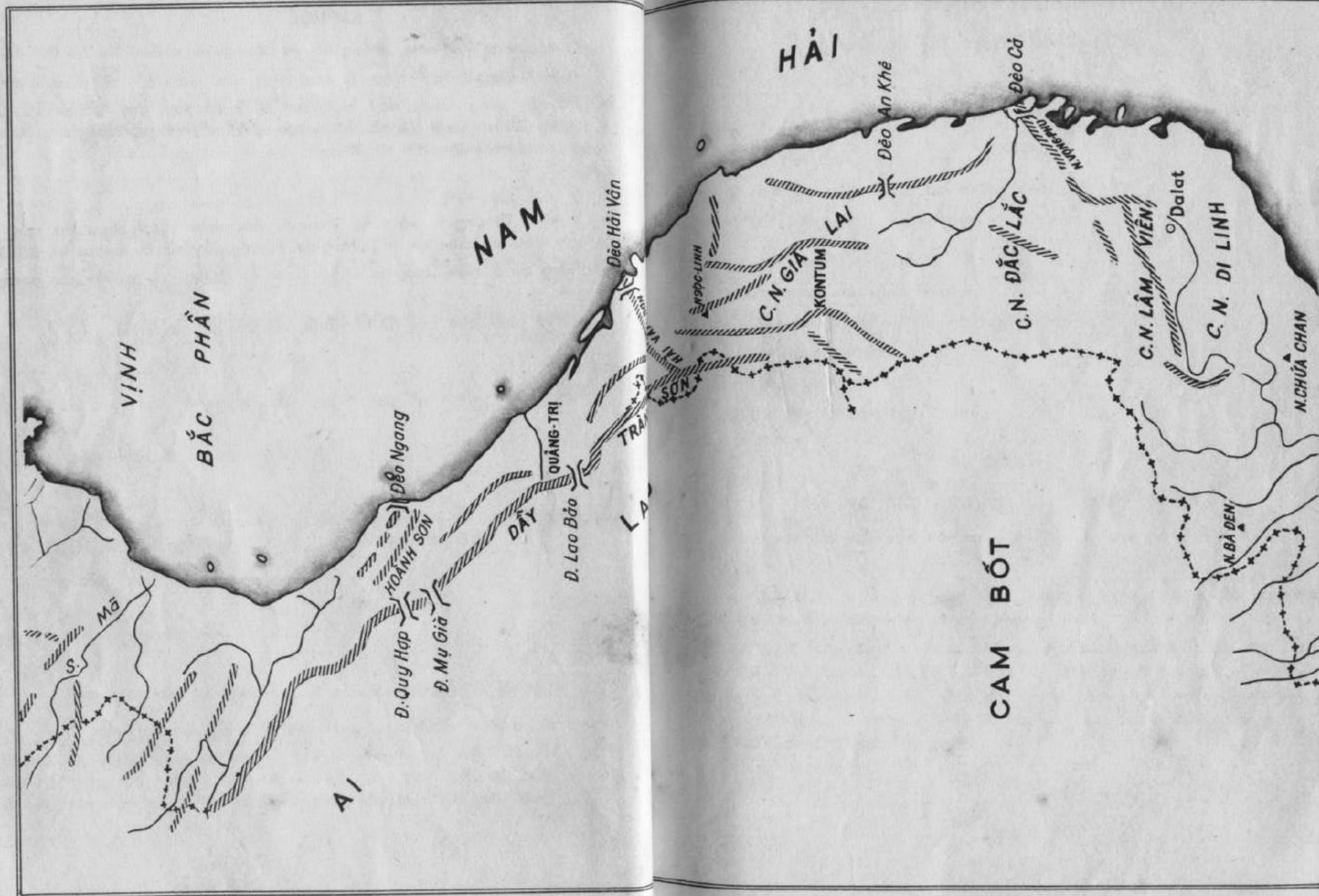
Miền Thượng-du có nhiều núi cao, rừng rậm. Năm dãy núi chính là dãy Nhị-Đà, dãy sông Gâm, dãy Ngân-sơn, dãy Bắc-sơn, dãy Đông-triều. Ở giữa sông Đà và sông Mã có những cao-nguyên Sơn-la và Mộc-châu. Miền Trung-du chỉ có những đồi núi thấp.

BÀI TẬP

1. Miền Thượng-du và miền Trung-du Bắc-phần khác nhau thế nào ? Kể năm dãy núi chính miền Thượng-du. Những dãy núi ấy hướng về đâu ? Kể những núi ở miền Trung-du. Ở Bắc-phần có những cao-nguyên nào quan-trọng ?

2. Vẽ phác qua bản đồ Bắc-phần với năm dãy núi chính.

NÚI VÀ CAO-NGUYÊN TRUNG-PHẦN



3. VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN

Núi và cao-nguyên Trung-phần

Ý CHÍNH :

I. Dãy Trường-sơn :

- Núi dài nhưng không cao lắm.
- Chia làm nhiều đoạn bởi những đèo.
- Có những nhánh ngang đâm ra bờ biển.

II. Cao-nguyên Trung-phần :

- Chiều cao trên dưới 1.000m.
- Diện-tích gần bằng Nam-phần Việt-nam.
- Đất trồng-trọt tốt.
- Khí-hậu mát mẻ.
- Thổ dân là đồng-bào Thượng.

CÂU CHUYỆN

Núi và cao-nguyên tại Trung-phần

Chiều nay, chú Tư ở nhà nên hai cháu lại nhờ chú giảng cho về địa-lý.

Loan hỏi :

— Cháu thấy ở Trung-phần có dãy Trường-sơn chạy suốt từ Bắc xuống Nam. Dãy núi này dài nhưng có cao không chú ?

— Dãy Trường-sơn dài nhưng không cao lắm. Ngọn núi cao nhất là Ngọc-linh ở tỉnh Kontum, chỉ độ 2.600m. Dãy Trường-sơn tuy dài nhưng lại chia ra làm nhiều đoạn cách nhau bởi những đèo như Quy-hợp, Mụ-già, Lao-bảo, An-khê... Quan-trọng nhất là đèo Lao-bảo, do nơi đây người ta có thể đi từ Quảng-trị sang Lào.

Tuấn nói :

— Cháu thường nghe nói đến đèo An-khê, có phải nơi ba anh em Tây-sơn khởi-nghĩa không chú ?

— Đúng thế ! Đèo An-khê thuộc tỉnh Bình-định, nó mở một con đường đi từ Qui-nhơn đến các tỉnh Pleiku, Kontum ở Cao-nguyên Trung-phần.

Loan hỏi tiếp :

— Thưa chú, cháu nghe nói đi từ Bắc vào Nam cũng phải đi qua nhiều đèo, những đèo nào ?

Chú Tư chỉ vào bản đồ :

— Trước hết là đèo Ngang, rồi đến đèo Hải-vân, đèo Cả. Những đèo này không phải ở dãy Trường-sơn mà ở những nhánh ngang chạy từ dãy Trường-sơn ra biển, như dãy Hoàng-sơn, dãy Hải-vân-sơn, dãy Vọng-phu... Những nhánh ngang này chia Trung-phần thành nhiều ngăn nhưng có thể thông thương với nhau.

Tuấn hỏi :

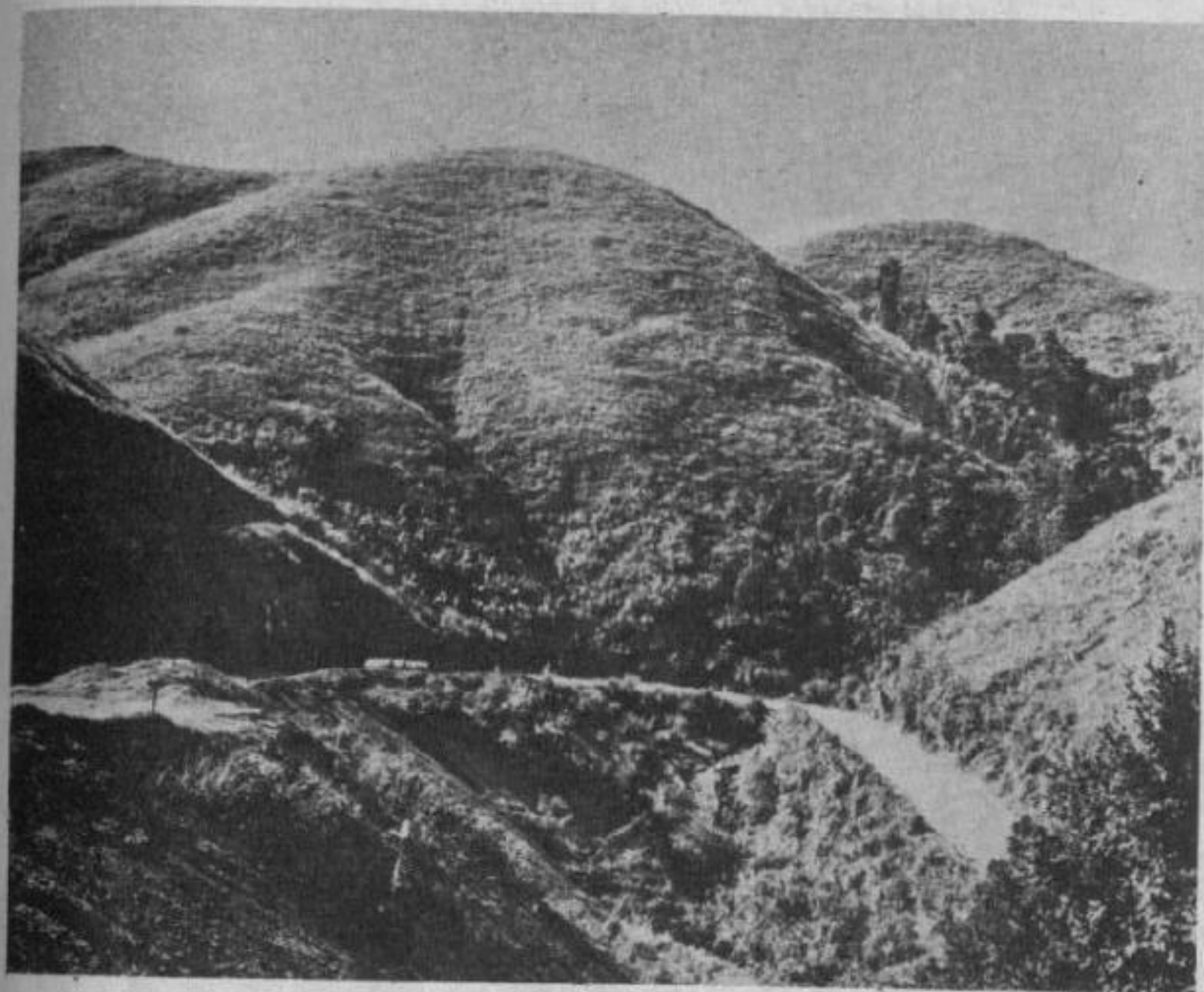
— Từ Quảng-ngãi trở xuống, dãy Trường-sơn mở rộng về phía Tây thành những cao-nguyên gọi chung là cao-nguyên Trung-phần. Miền này thế nào hả chú ?

— Những cao-nguyên Trung-phần cao trên dưới 1.000m., gồm có những cao-nguyên Gia-lai, Đắc-lắc, Lâm-viên và Di-linh ; diện-tích tổng cộng gần bằng Nam-phần Việt-nam. Nơi đây đất tốt, nhiều chỗ có đất đỏ trồng cà-phê, trà, thông, cây ăn trái rất thích-hợp. Khí-hậu lại mát mẻ nên cũng có nhiều người ở. Thổ-dân là những đồng-bào Thượng hăy còn chậm-tiến. Miền cao-nguyên Trung-phần có thể có một tương-lai rất tốt đẹp.

BÀI HỌC

Ở Trung-phần có dãy Trường-sơn không cao lắm, phân ra làm nhiều đoạn bởi những đèo như Lao-bảo, An-khê... Dãy Trường-sơn còn có những nhánh ngang nhưng những nhánh ngang này cũng có đèo, nên sự giao-thông không bị trở-ngại.

Tại miền Nam Trung-phần, dãy Trường-sơn mở rộng thành những cao-nguyên trồng trọt rất tốt.

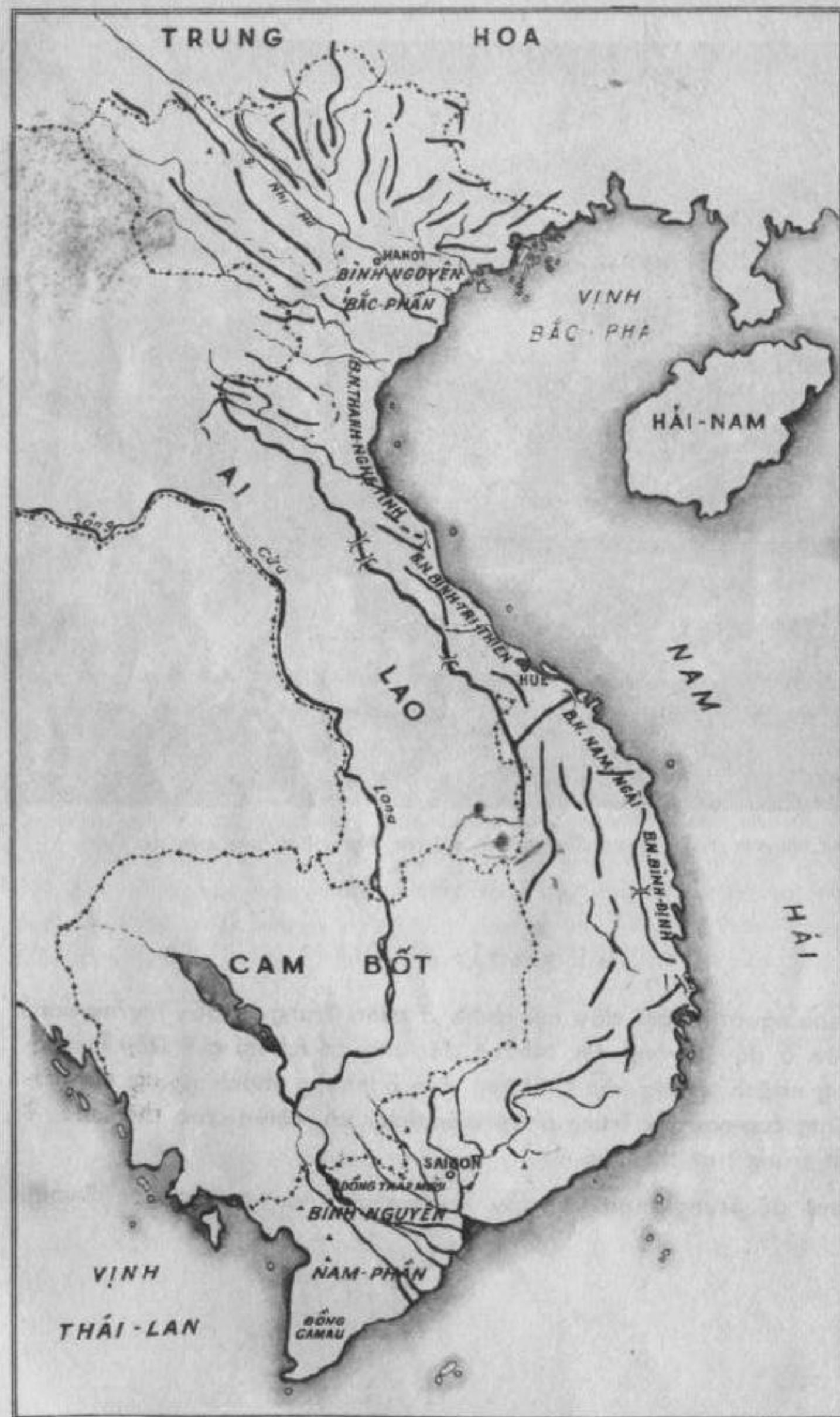


Một cảnh núi non ở Cao-nguyên Trung-phần với con đường đèo lượn trên vực thẳm

BÀI TẬP

1. Tại sao người ta gọi dãy núi chính ở miền Trung là dãy Trường-sơn ? Kể những đèo ở dãy Trường-sơn. Những đèo này có ích-lợi gì ? Dãy Trường-sơn có những nhánh ngang nào ? Những đèo ở những nhánh ngang có ích-lợi gì ? Những cao-nguyên Trung-phần diện-tích và chiều cao thế nào ? Nơi đây đất trồng trọt thế nào ?

2. Vẽ bản đồ Trung-phần với dãy Trường-sơn và cao-nguyên Trung-phần.



4. VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN

Bình-nguyên

Ý CHÍNH

I. Bình-nguyên Bắc-phần và Nam-phần

- Cả hai hình tam-giác.
- Bình-nguyên Bắc-phần rộng gần 1/3 bình-nguyên Nam-phần.
- Cả hai bình-nguyên trước là biển bị lấp dần do phù-sa của các sông.
- Bình-nguyên Nam-phần có hai vùng đất xấu là Đồng-thấp-mười và đồng Cà-mâu.

II. Bình-nguyên Trung-phần

- Rải rác dọc bờ biển chứ không liên-tiếp.
- Nhỏ hẹp, trừ bình-nguyên Thanh-Nghệ-Tĩnh.
- Bình-nguyên Trung-phần đất xấu, sản-xuất không đủ cho nhu-cầu địa-phương.

III. Kết-luận

Việt-nam chỉ có hai bình-nguyên quan-trọng.

CÂU CHUYỆN

Bình-nguyên Việt-Nam

Bữa nay chú Tư đưa hai cháu về miền quê chơi. Chiếc xe hơi bon bon trên đường nhựa chẳng mấy chốc đã tới nơi đồng ruộng. Loan và Tuấn thấy lúa chín trĩu nặng trĩu, trăm-trò khen đẹp.

— Chà! Lúa nhiều thế này thì dùng sao cho hết được!

Chú Tư nói:

— Đây chỉ là một cánh đồng nhỏ, lúa có vậy, chưa lấy gì làm nhiều.

Nước ta có hai bình-nguyên rộng bao-la, một ở Bắc-phần, một ở Nam-phần và nhiều bình-nguyên nhỏ rải-rác ven bờ biển Trung-phần.

Tuấn hỏi :

— Hai bình-nguyên miền Bắc và miền Nam thế nào chú ?

— Hai bình-nguyên trước kia đều là biển, do phù-sa các sông lấp dần đi mà thành như ngày nay, nhưng khác nhau ở điểm bình-nguyên miền Bắc thì hẹp, chỉ bằng non 1/3 diện-tích bình-nguyên Nam-phần. (Bình-nguyên miền Bắc : 15.000 cây số vuông ; bình-nguyên miền Nam : 50.000 cây số vuông). Bình-nguyên miền Nam chiếm gần hết Nam-phần, rất phì-nhiều, nhưng cũng có nhiều vùng đất xấu, sinh lầy, có chất phèn hay nước mặn, đó là Đồng-thấp-mười và đồng Cà-mâu.



Một cánh đồng nhỏ ở Nam-phần

đồng - bằng Thanh - Nghệ - Tĩnh khá rộng, những bình-nguyên khác ở Trung-phần đều nhỏ hẹp và đất xấu, sản-xuất không đủ cho nhu-cầu địa-phương.

Nghe chú giảng xong, Loan nói :

— Như vậy, cháu nhận thấy ở Việt-nam có hai bình-nguyên quan-trọng ở miền Bắc và miền Nam ; còn những bình-nguyên ở miền Trung thì chỉ thường thôi.

Loan hỏi :

— Còn những bình-nguyên ở Trung-phần thế nào, chú ?

— Những bình-nguyên ở Trung-phần vì bị phân-cách bởi những dãy núi chạy từ Trường-sơn ra biển nên không liền nhau mà lại rải-rác dọc theo bờ biển. Trừ

BÀI HỌC

Ở Việt-nam hai bình-nguyên quan-trọng nhất là bình-nguyên miền Bắc và bình-nguyên miền Nam.

Bình-nguyên miền Bắc (15.000 cây số vuông) chỉ bằng non 1/3 bình-nguyên Nam-phần (50.000 cây số vuông). Cả hai bình-nguyên là những vựa thóc của Việt-nam.

Trừ bình-nguyên Thanh-Nghệ-Tĩnh, những bình-nguyên miền Trung đều nhỏ hẹp và đất xấu.

BÀI TẬP

Hãy so-sánh diện-tích bình-nguyên miền Bắc, bình-nguyên miền Nam với diện-tích toàn quốc. Những bình-nguyên ấy được cấu-tạo thế nào ? So sánh hai bình-nguyên, ta thấy có điểm nào khác nhau ? Bình-nguyên miền Nam thế nào ? Ở miền Trung, vì sao chỉ có những bình-nguyên nhỏ hẹp và đất xấu ?

5. HỌC ÔN

Nước Việt-nam: Vị-trí, giới-hạn,
Núi, Cao-nguyên và Bình-nguyên

1. Đánh dấu + vào ô trống trước những tiếng nào mà em cho là đúng:
Việt-Nam ở :

☐

Phía Đông châu Á

☐

Phía Tây châu Á

☐

Phía Nam châu Á

☐

Phía Đông-Nam châu Á

2. Việt-Nam giáp giới với :

Về phía Đông :

Về phía Tây :

Về phía Nam :

Về phía Bắc :

3. Hãy xếp theo thứ tự từ Tây sang Đông năm dãy núi chính miền
Thượng-du Bắc-phần : dãy Ngân-sơn, dãy Đông-triều, dãy sông Gâm
dãy Nhị-Đà, dãy Bắc-sơn (Cai Kinh).

a) , b) , c) ,

d) , e)

4. Kể tên những núi ở miền Trung-du Bắc-phần :

.
.

5. Gạch một gạch dưới những tên Đèo của dãy Trường-sơn và hai gạch
dưới những tên đèo của những nhánh ngang thuộc dãy Trường-sơn :

Đèo Quý-hợp, Đèo Ngang, Đèo Mụ già, Đèo Hải-vân, Đèo Lao-bảo
Đèo Cả, Đèo An-khe.

6. Đánh dấu + vào ô trống trước những câu nào mà em cho là đúng :

☐

Hai bình-nguyên Bắc-phần và Nam-phần diện-tích hơn
kém nhau nhiều.

☐

Hai bình-nguyên ấy trước kia đều là biển bị lấp dần do
phù-sa những con sông.

☐

Ngày nay hai bình-nguyên đều phì-nhiều như nhau.

6. VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN

Biển

I. Biển Nam-hải

II. Thủy-triều ở miền Nam

III. Những ích-lợi của biển :

- Hải sản : tôm cá, muối
- Biển giúp sự giao-thông được thuận-tiện
- Biển điều-hòa khí-hậu

CÂU CHUYỆN

Biển Nam-hải

Chú Tư cùng hai cháu đi nghỉ mát tại Vũng-tàu. Đây là lần đầu mà
Loan và Tuấn được ra biển, nên hai em thấy cái gì cũng cho là hay, là
lạ. Những cuộc đi tắm biển, đi chơi trên bãi biển và đi thăm các làng
chài lưới đều làm cho các em thích-thú.

Lúc này hai em cùng chú Tư đang ngồi nghỉ trên một mỏm đá ở bờ
biển. Tuấn như chợt nhớ ra điều gì, hỏi chú Tư :

— Thưa chú, ra biển mấy ngày nay mà cháu chưa biết biển này là
biển gì :

Loan nói ra vẻ thông-thạo :

— Biển này là biển Nam-hải mà !

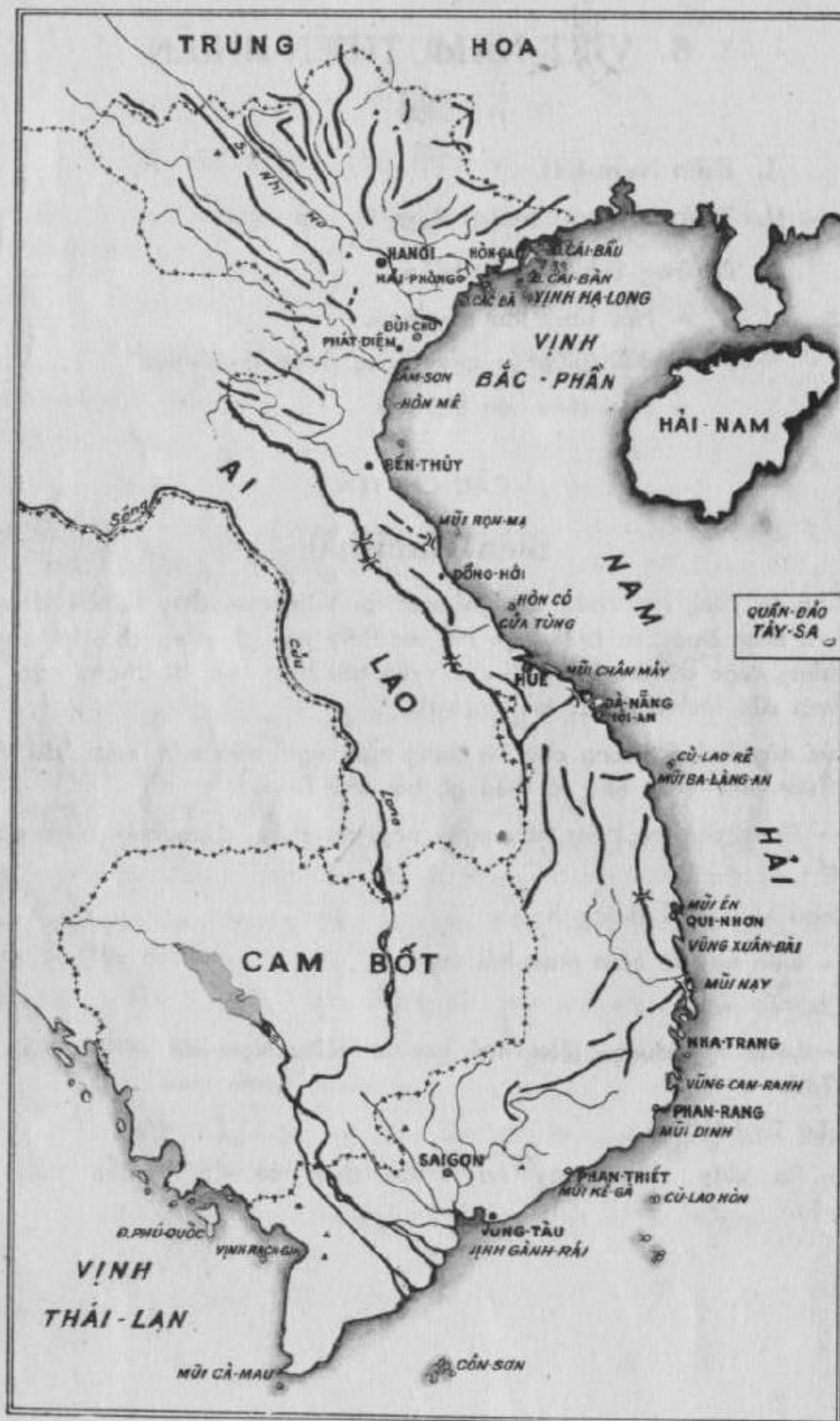
Chú Tư nói :

— Loan nói đúng. Biển này gọi là biển Nam-hải vì ở phía Nam
nước Tàu.

Chú Tư hỏi tiếp :

— Ra đây mấy ngày nay, các cháu có đề ý đến thủy-triều
không ?

VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN: BIỂN VÀ BỜ BIỂN



Trên mặt biển, những con thuyền đang lướt sóng

Tuấn đáp :

— Có ạ, cháu thấy thủy-triều lên xuống mỗi ngày hai lần. Cô giáo cháu bảo rằng đó là do sức hút của mặt trăng và mặt trời.

— Đúng lắm! Thế cháu có biết thủy-triều ích-lợi gì không ?

Tuấn đáp :

— Cô giáo cũng đã giảng cho biết là ở bờ biển chỗ nào cũng có thủy-triều, nhưng riêng ở Nam-phần, thủy-triều lên cách xa bờ biển nhiều, nên ghe thuyền có thể theo nước triều mà đi lại, đỡ phải chèo chống vất-vả. Ngoài ra, thủy-triều còn đem phù-sa vào nội-địa, lấp dần các đầm ao.

Chú Tư nói :

— Xem như vậy, biển ích-lợi lắm. Các cháu có biết biển còn có những lợi gì khác không ?

Loan thưa :

— Biển có nhiều tôm cá, nước biển dùng làm muối, đó là những nguồn lợi vô-tận. Biển giúp cho sự thông-thương với các nước ngoài được thuận-tiện. Biển còn điều-hòa khí-hậu các miền duyên-hải.

Tuấn nói tiếp :

— Thưa chú, nước ta thật may mắn được tiếp-giáp nhiều với biển, không như nước Ai-lao và nhiều nước khác cách biển rất xa.

BÀI HỌC

Nước Việt-nam giáp biển Nam-hải ở phía Đông.

Ở miền Nam, thủy-triều lên rất cao giúp cho ghe thuyền đi lại được dễ-dàng.

Nhờ có biển, nước ta có nhiều hải-sản như tôm cá, muối... Biển còn giúp cho sự thông-thương với các nước ngoài và điều-hòa khí-hậu các miền duyên-hải

BÀI TẬP

Vì sao biển tiếp-giáp với Việt-nam được gọi là Nam-hải? Ở miền Nam, thủy-triều có lợi gì? Kể những hải-sản ở nước ta. Những nước giáp biển còn được những lợi gì?



Một trái núi trên bờ biển tại Vũng-tàu

7. VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN

Bờ biển

Ý CHÍNH

- I. Điều-kiện thiết-yếu để lập hải-cảng
- II. Nhận xét về những hải-cảng lớn hiện thời của Việt-nam
- III. Bờ biển Việt-nam hình chữ S, dài 2.200 km
- IV. Bờ biển Việt-nam có thể phân làm 4 đoạn: hai đoạn bờ biển cao, có đá, hai đoạn bờ biển thấp và phẳng.

CÂU CHUYỆN

Bờ biển Việt-nam

Hôm nay biển động, chú Tư và hai cháu đều ở lại nhà trọ, không đi tắm biển. Loan mở tấm bản-đồ Việt-nam em đem từ nhà đi, treo lên tường rồi cùng Tuấn ngắm-nghĩa. Chú Tư bảo các cháu:

— Máy ngày nay, các cháu tha hồ xem biển. Biển rất ích-lợi, nhất là khi người ta có thể lập được những hải-cảng để thông-thương với nước ngoài. Nhưng việc thiết-lập hải-cảng còn tùy-thuộc ở bờ biển.

Loan nhanh-nhau hỏi:

— Bờ biển thế nào mới có thể lập được hải-cảng hả chú?

— Một hải-cảng tốt thì nước phải sâu để tàu có thể vào sát bờ mà không sa lầy. Hải-cảng phải kín-đảo để tàu có thể chống được với gió bão. Muốn cho kín gió, hải-cảng phải ở trong một vũng hay vịnh nhỏ, phía ngoài có bán-đảo hay đảo làm bình-phong che thì càng tốt. Ngoài ra hải-cảng cần phải ở vào một miền giàu có, có nhiều khoáng-sản, nông-sản hay nhiều kỹ-nghệ. Có như vậy mới có thể dễ trao đổi sản-phẩm với các nước ngoài.

Tuấn hỏi:

— Nước ta có hai hải-cảng lớn là Sài-gòn và Hải-phòng, phải không chú?

— Đúng vậy, nhưng tiếc rằng hai hải-cảng đó không ở ngay trên bờ biển. Tàu bè ngoại quốc muốn đến Sài-gòn phải ngược dòng sông đến tám chục cây số.

Loan nói :

— Cháu thấy người ta ca-tụng vịnh Cam-ranh của nước mình, vậy Cam-ranh có thật tốt không chú ?

— Tốt thật, Cam-ranh là một hải-cảng thiên-nhiên, kín-đảo, có mực nước sâu, nhưng tiếc rằng nó lại ở vào một miền nghèo nàn, nên hiện nay chỉ có thể là một quân-cảng tốt.

Loan hỏi chú :

— Thưa chú, đại-khái bờ biển Việt-nam thế nào, có tiện cho việc lập hải-cảng không ?

Chú Tư vừa nói vừa chỉ vào bản-đồ :

— Bờ biển Việt-nam hình chữ S, tất cả dài vào khoảng 2.200 cây số, như thế là nhiều lắm. Theo hình-thế, bờ biển nước ta có thể phân làm bốn đoạn rõ rệt :

Đoạn thứ nhất, từ Móng-cái đến Hải-phòng : đoạn này tiếp giáp với miền núi nên bờ biển cao, có đá gồ-gề, có nhiều vũng vịnh như vịnh Hạ-long, vịnh Bái-tử-long. Nơi đây có mấy hòn đảo như Cái-Bàu, Cái-Bàn, Cát-Bà và vài hải-cảng lớn như Hòn-gai, Cầm-phả, Hải-phòng.

Tuấn hỏi chú :

— Cháu nghe nói vịnh Hạ-long là một thắng-cảnh nổi tiếng được nhiều người ngoại-quốc đến thăm viếng phải không chú ?



Trên bãi biển Nha-trang

— Đúng thế, phong-cảnh Hạ-long thật là kỳ-ảo, có đến hàng ngàn hàng vạn cù-lao nhỏ lơ-lô trên mặt nước.

Chú Tư nói tiếp :

— Đoạn thứ hai, từ Hải-phòng đến Qui-nhơn : đoạn bờ biển này thấp và phẳng trừ vài nơi có núi đâm ra biển như Hoành-sơn, Hải-vân-sơn. Đoạn này có hải-cảng Đà-nẵng khá tốt. Ngoài khơi có quần đảo Tây-sa.

Đoạn thứ ba, từ Qui-nhơn đến Phan-rang : bờ biển lờm-chờm những đá, hiểm-trở, vì sát với dãy Trường-sơn. Đoạn này có nhiều vịnh kín-đảo rất tốt như vũng Nha-trang nhất là vũng Cam-ranh.

Đoạn thứ tư, từ Phan-rang đến biên-giới Việt-Miên : đoạn này thấp, phẳng, nhiều quặng có bùn lầy, rừng đước như ở mỏm Cà-mâu, lại hay bị cát đứt bởi các cửa sông. Trừ thương-cảng Sài-gòn ở sâu trong nội-địa, đoạn bờ biển này không có hải-cảng tốt. Ngoài khơi có quần-đảo Côn-sơn và đảo Phú-quốc.

Nghe chú giảng xong, Tuấn nói :

— Cháu nhận thấy ở Việt-nam mình, những hải-cảng tốt lại ở miền Trung là miền không trù-phú mấy ; còn ở những miền trù-phú thì những hải-cảng lại không tốt lắm.

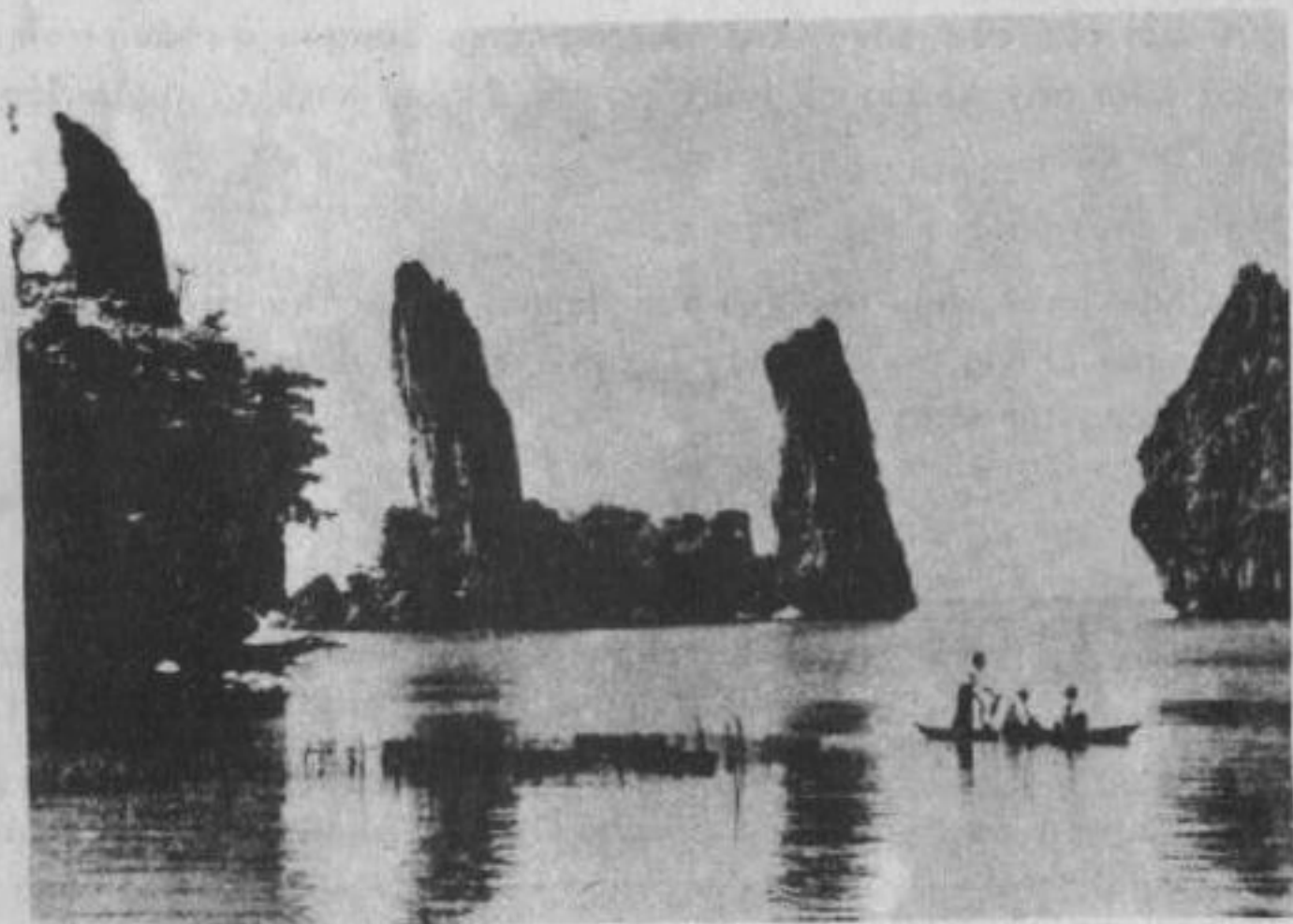
BÀI HỌC

Bờ biển Việt-nam hình như chữ S, dài chừng 2.200 km, chia làm 4 đoạn rõ rệt, hai đoạn cao và hai đoạn thấp xen lẫn với nhau. Từ Móng-cái đến Hải-phòng và từ Qui-nhơn đến Phan-rang, bờ biển tiếp giáp với các miền núi nên cao và có đá gồ-gề. Từ Hải-phòng đến Qui-nhơn và từ Phan-rang đến biên-giới Việt-Miên, bờ biển thấp và phẳng. Riêng ở Nam-phần, bờ biển nhiều quặng sinh lầy, có rừng bần, rừng đước... Dọc theo bờ biển nước ta, có nhiều hải-cảng tốt như Hòn-gai, Đà-nẵng, Nha-trang, Cam-ranh. Hai thương-cảng quan-trọng là Hải-phòng và Sài-gòn thì ở sâu vào nội-địa.

BÀI TẬP

1. Một hải-cảng tốt cần phải thế nào ? Việt-nam có những hải-cảng nào quan trọng nhất ? Những hải cảng ấy có khuyết điểm gì ? Vì sao vũng Cam-ranh không phải là một hải-cảng quan-trọng ? Bờ biển Việt-nam có hình gì ? Dài bao nhiêu ? Bờ biển Việt-nam có thể phân làm mấy đoạn ? Mỗi đoạn thế nào ? Có những vũng, vịnh, cù-lao và hải-cảng nào ?

2. Vẽ bản-đồ bờ biển Việt-nam với các vũng, vịnh, cù-lao và hải-cảng....



Trong vịnh Thái-lan, gần Hà-tiên, có những cù-lao
đẹp-hình. Đây là hòn Phụ-tử

8. VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN

Khí-hậu

Ý CHÍNH :

- I. Nước Việt-nam ở vào Nhiệt-đới nên nói chung có khí-hậu nóng. Miền Nam nóng hơn miền Bắc. Miền cao-nguyên mát hơn miền đồng-bằng.
- II. Nước Việt-nam có hai thứ gió mùa : gió Bắc và Nam. Mùa gió Nam thường có mưa nhiều, mùa gió Bắc ít mưa, trừ ở miền Trung Trung-phần. Ở vịnh Bắc-Việt và miền Trung hay có bão.

CÂU CHUYỆN

Khí hậu nước Việt-nam

Hôm nay trời nóng quá. Thấy chú Tư và Loan đang mở nước chanh, Tuấn đến gọi chuyện :

— Hôm nay nhiệt-kế lên đến 34°. Nước Việt-nam mình sao nóng thế !

Loan nói :

— Việt-nam mình nóng là vì ở vào miền Nhiệt-đới. Các nước Thái-Lan, Lào, Cam-bốt, Ấn-độ, Đại-Hồi, Mã-tại, Nam-dương cũng ở vào nhiệt-đới nên nóng như mình cả.

Tuấn nhăn-nhó ra vẻ khó chịu :

— Nhưng nóng quá, nóng quanh năm, miền Nam mình không có mùa lạnh như ở miền Bắc.

Chú Tư nói :

— Miền Bắc có mùa nóng lại có mùa lạnh là vì ở xa đường Xích-đạo hơn miền Nam, nhưng cháu cũng phải biết rằng có mùa lạnh không hẳn là sướng đâu nhé ! Những ngày nhiệt-kế xuống đến 10° thì những người nghèo thiếu quần áo mặc cũng khổ lắm. Nếu sợ nóng thì ta lên cao-nguyên Trung-phần như Đà-lạt hay Lâm-đồng mà ở thì mát vì ở trên cao

KHÍ HẬU NƯỚC VIỆT-NAM: GIÓ MƯA



bao giờ cũng mát hơn dưới đồng-bằng. Miền Nam tuy nóng nhưng vào mùa mưa thì khí-hậu cũng mát và dễ chịu.

Tuấn hỏi :

— Tại sao có mùa mưa hả chú ?

— Sở dĩ có mưa là vì nước ta ở vào một khu vực có gió mùa. Vào mùa nóng, mặt trời chiếu những tia nắng gay-gắt xuống nước Việt-nam và các nước lân-cận, kể cả nước Tàu... Làn không-khí ở đó bị hun nóng trở nên nhẹ và bốc lên cao. (Chú Tư vừa nói vừa chỉ lên bản-đồ). Để bù vào chỗ trống, không-khí mát ở ngoài bề chạy lên, thành ra có gió Nam. Gió Nam đem khí mát vào lục-địa, lại còn đem theo hơi nước ở ngoài biển vào nên sinh ra mưa nhiều.

Tuấn hỏi lại :

— Thế tại sao lại có mùa khô hả chú ?

— Cái đó cũng dễ. Các cháu hãy tưởng-tượng biển Nam-hải là một nồi nước khổng-lồ. Trong mấy tháng hè, nồi nước ấy được mặt trời nung nấu. Đến mùa đông, nước biển còn nóng ấm, làn không-khí trên mặt biển thành nhẹ và bốc lên cao. Để bù vào chỗ trống, làn không-khí lạnh ở bên Tàu chạy xuống thành ra gió Bắc. Gió Bắc, còn gọi là gió Bắc, lạnh lắm và khô, không đem mưa mấy vì gió này từ nội-địa nước Tàu thổi xuống, không đi qua biển. Tuy nhiên, vào mùa gió Bắc, ở miền Trung Trung-phần lại mưa nhiều, vì ở đây gió Bắc thổi qua vịnh Bắc-phần, mang theo nhiều hơi nước.

Loan hỏi tiếp :

— Cháu đã hiểu nguyên-nhân của gió mưa ở nước ta rồi. Còn bão thì thế nào ?



Một phong-cảnh đẹp ở Đà-lạt : Sudi vàng

— Bão tức là gió lớn, hay sinh ra ở nước ta về những tháng gió mùa đông chiều. Ở Việt-nam thường hay có bão tại vịnh Bắc-việt và tại Trung-phần. Ở Nam-phần ít khi có bão.

Loan nói :

—Cháu thấy ở Việt-nam mình mưa nắng điều-hòa, cây cỏ mọc xanh tốt, thế là hay lắm. Còn như khí-hậu nóng hay lạnh, cũng vừa phải, không bao giờ đến nỗi thái-quá nhờ ảnh-hưởng của biển.

BÀI HỌC

Nước Việt-nam ở vào nhiệt-đới nên nói chung có khí-hậu nóng. Miền Nam ở gần đường xích-đạo, nóng hơn miền Bắc. Miền Bắc có mùa nóng và mùa lạnh còn miền Nam hầu như nóng quanh năm. Tuy nhiên ở trên cao-nguyên mát hơn ở dưới đồng-bằng.

Nước Việt-nam ở trong khu vực có gió mùa. Vào mùa nóng, gió Nam từ biển thổi lên nên trời mát và có mưa nhiều. Vào mùa lạnh, gió Bắc từ Trung-hoa thổi xuống lạnh và khô, nên ít mưa. Riêng ở miền Trung Trung-phần, lại có mưa nhiều về mùa gió Bắc.

Ở vịnh Bắc-phần và Trung-phần hay có bão.

BÀI TẬP

Vì sao nước Việt-nam nói chung có khí-hậu nóng? Miền Nam và miền Bắc, miền nào nóng hơn? Vì sao? Vì sao trên cao-nguyên Trung-phần khí hậu mát mẻ? Nước Việt-nam có mấy thứ gió mùa? Gió Bắc và gió Nam khác nhau thế nào? Bão hay xảy ra ở đâu về tháng nào?

9. VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN

Sông ngòi

Ý CHÍNH

I. Sông ngòi tại Bắc-phần

1. Sông Nhị-hà :

- Phát-nguyên ở miền núi Vân-nam.
- Chiều dài : 1.200 km.
- Đặc-tính :
 - a. Hai đoạn: từ Lào-cai đến Yên-bái và từ Yên-bái trở xuống.
 - b. Hay sinh ra ngập lụt : đắp đê.
 - c. Chở nhiều phù-sa : những bãi tân bồi.

2. Sông Thái-bình :

- Hạp bởi sông Thương, sông Cầu và sông Lục-nam.
- Chia ra nhiều ngành chảy ra biển.
- Giúp cho sự giao-thông.

3. Sông Bằng-giang.

- Chảy vào sông Tây-giang bên Tàu.

II. Sông ngòi ở Trung-phần.

- Trừ sông Mã và sông Cả, những con sông đều ngắn, nước chảy xiết, không tiện-lợi cho sự giao-thông.

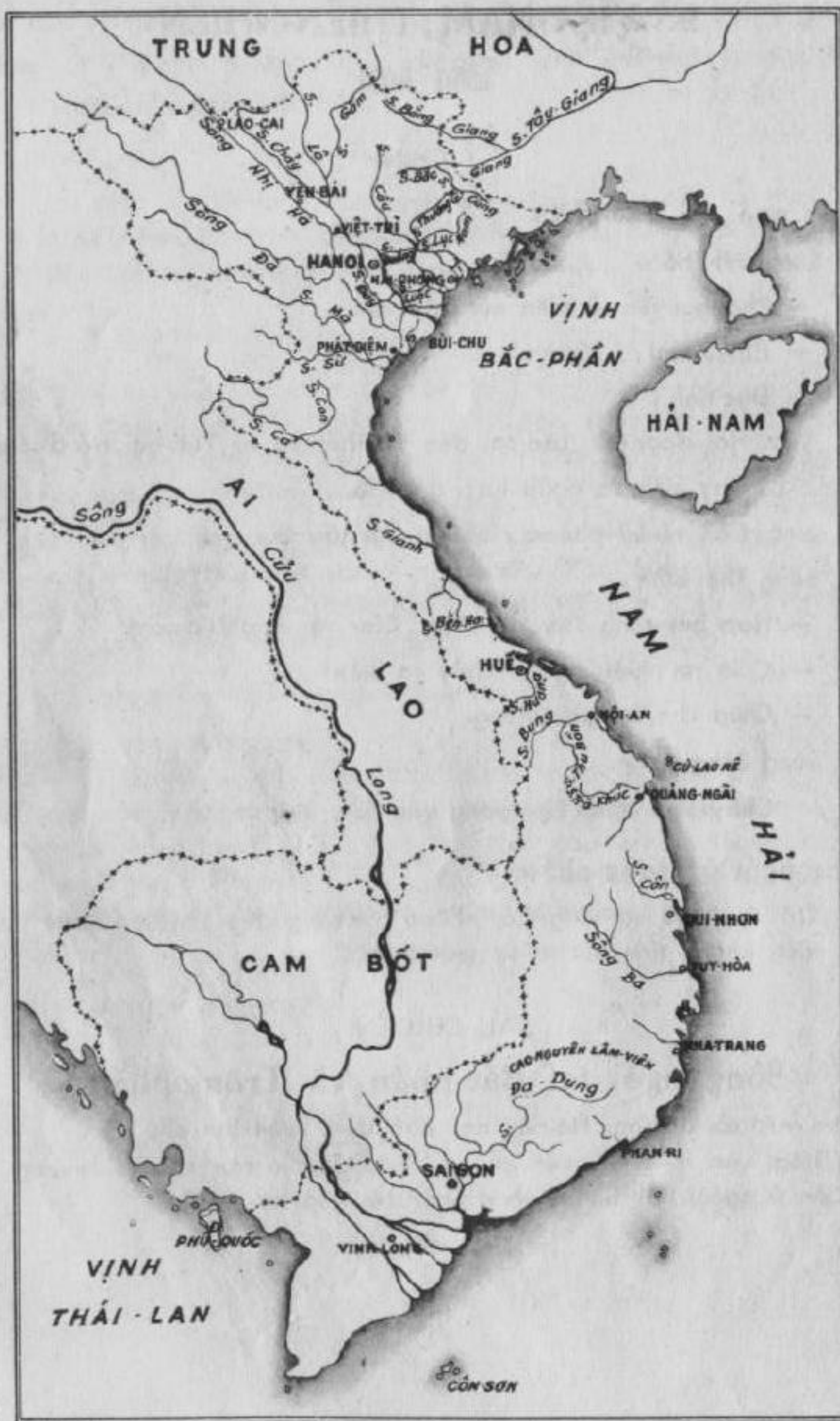
CÂU CHUYỆN

Sông ngòi tại Bắc-phần và Trung-phần

Hôm vừa rồi đi chơi Hà-tiên nay nhớ đến, Tuấn hỏi chú Tư :

- Hôm vừa rồi đi Hà-tiên, chúng cháu đi qua con sông Cửu-long lớn quá. Còn ở ngoài Bắc những sông ngòi thế nào hả chú?

SÔNG NGÒI BẮC-PHẦN VÀ TRUNG-PHẦN



— Ở ngoài Bắc, những con sông không lớn như sông Cửu-long và về phương-diện giao-thông cũng không được tốt bằng. Hai con sông chính là sông Nhị-hà và sông Thái-bình ; ngoài ra ở phía Đông-Bắc, có sông Bằng-giang chảy vào sông Tây-giang bên Tàu.

Chú Tư chỉ lên bản-đồ Việt-nam nói tiếp :

— Nhị-hà còn gọi là Hồng-hà, phát-nguyên từ miền núi Vân-nam bên Tàu. Nó dài chừng 1.200 cây số, chảy qua Bắc-phần ra biển Nam-hải. Từ Lào-cai tới Yên-bái, dòng sông có nhiều ghềnh-thác, nước chảy xiết nên tàu bè không đi lại được. Từ Yên-bái trở xuống sự giao-thông thuận-tiện vì triền sông không dốc mấy, nước chảy chậm. Về mùa cạn, tàu bè không đi lại được dễ dàng và hay mắc vào những bãi cát ở lòng sông. Về mùa mưa, lại là mùa tuyết tan ở các núi miền Vân-nam, sông Nhị-hà bị tràn ngập bởi nước lũ. Nếu không kịp thoát ra biển, nước sông lên cao, nhiều khi phải tràn ra đồng bằng, hoặc làm vỡ đê, sinh ra ngập lụt rất là tai hại : nhà cửa, cây cối, hoa-màu, trâu bò bị dòng nước cuốn đi.

Đề tránh nạn ngập lụt, từ xưa người ta đắp ở hai bên bờ sông Nhị-hà những con đê khá cao và vững chắc. Đắp đê như vậy tuy có lợi nhưng cũng có hại. Một là vì đắp đê mà phù-sa sông Nhị không trải ra được hai bên đồng-bằng để làm cho ruộng đất thêm phì-nhiều. Hai là khi đê vỡ thì chỉ có vùng ở gần khúc đê vỡ phải gánh chịu nạn ngập lụt rất tai-hại. Nếu không có đê thì nước sông san-sẻ đi khắp nơi và như vậy không nơi nào bị thiệt hại nặng-nề.

Loan và Tuấn từ nãy chăm chú nghe. Loan hỏi :

— Ban nãy chú bảo sông Nhị-hà còn có tên là Hồng-hà, có phải là vì nước sông chở nhiều phù-sa màu đỏ ?

— Đúng thế, các cháu ạ, sông Nhị-hà chở nhiều phù-sa từ thượng-lưu về. Trong hàng vạn năm, phù-sa này đã bồi thành châu-thỏ Bắc-phần, và hiện nay các bãi tân bồi ở Thái-bình, Ninh-bình cũng còn được bồi đắp thêm mỗi năm tiến ra ngoài biển được chừng một trăm thước.

Tuấn hỏi :

— Sông Nhị-hà có nhiều phụ-lưu không chú ?

— Có nhiều phụ-lưu. Ở hữu ngạn có sông Đà. Ở tả ngạn có sông Lô, sông này có hai sông nhánh là sông Chảy và sông Gầm. Ở hạ-lưu, bên hữu ngạn, sông Nhị-hà phân ra sông Đáy chảy ra biển; bên tả ngạn phân ra sông Đuống và sông Luộc chảy vào sông Thái-bình.

Loan hỏi :

— Thưa chú, còn sông Thái-bình thế nào ?

— Sông Thái-bình không dài như sông Nhị-hà. Nó tạo thành bởi sông Thương, sông Cầu và sông Lục-nam, ba con sông này hợp nhau ở Phả-lại rồi chia ra làm nhiều ngành chảy ra biển. Trên sông Thái-bình tàu bè đi lại dễ dàng từ Hải-phòng đến Đáp-cầu, Phủ-lạng-thương và Lục-nam. Sau hết nhờ có sông Đuống và sông Luộc, hệ-thống đường thủy ở Bắc-phần được mở rộng, tàu bè có thể liên-lạc nhiều thị-trấn nhất là Hà-nội và Hải-phòng.

Tuấn hỏi :

— Còn sông Bằng-giang có quan-trọng không chú ?

— Sông Bằng-giang chỉ là một sông nhỏ ở miền Đông-Bắc Bắc-phần. Nó có phụ lưu là sông Bắc-giang và sông Kỳ-cùng và chảy vào sông Tây-giang bên Tàu.

Loan hỏi :

— Cháu thấy những sông ngòi ở Trung-phần phần nhiều ngắn cả. Vậy thì những sông ngòi ấy có quan-trọng không chú ?

— Ở Trung-phần ngoài con sông Mã và con sông Cả hơi dài, chảy ở bình-nguyên Thanh-Nghệ-Tĩnh, những con sông khác đều ngắn vì phát-nguyên ở dãy Trường-sơn gần bờ biển. Về phía Nam, dãy Trường-sơn càng gần biển thì những con sông càng dốc, nước càng chảy xiết không lợi cho sự giao-thông. Những sông ngòi chính ở Trung-phần, từ Bắc xuống Nam là : sông Mã (có phụ-lưu là sông Sừ), sông Cả, sông Gianh, sông Bến-hải, sông Hương, sông Trà-khúc, sông Ba hay sông Đà-rằng.

BÀI HỌC

Phát-nguyên từ miền núi Vân-nam, sông Nhị-hà chảy qua Bắc-phần ra biển Nam-hải. Sông Nhị-hà có phụ-lưu là sông Đà, sông Lô và thông với sông Thái-bình bởi sông Đuống và sông Luộc.



Cầu Long-biên bắc qua sông Nhị, dài hơn 3 cây số.

Sông Thái-bình hợp thành bởi sông Thương, sông Cầu và sông Lục-nam chia ra nhiều ngành chảy ra biển.

Sông Nhị-hà và sông Thái-bình rất ích-lợi cho nông-nghiệp và cho sự giao-thông ở miền châu-thỏ.

Phía Đông-Bắc Bắc-phần có sông Bằng-giang chảy vào sông Tây-giang bên Tàu.

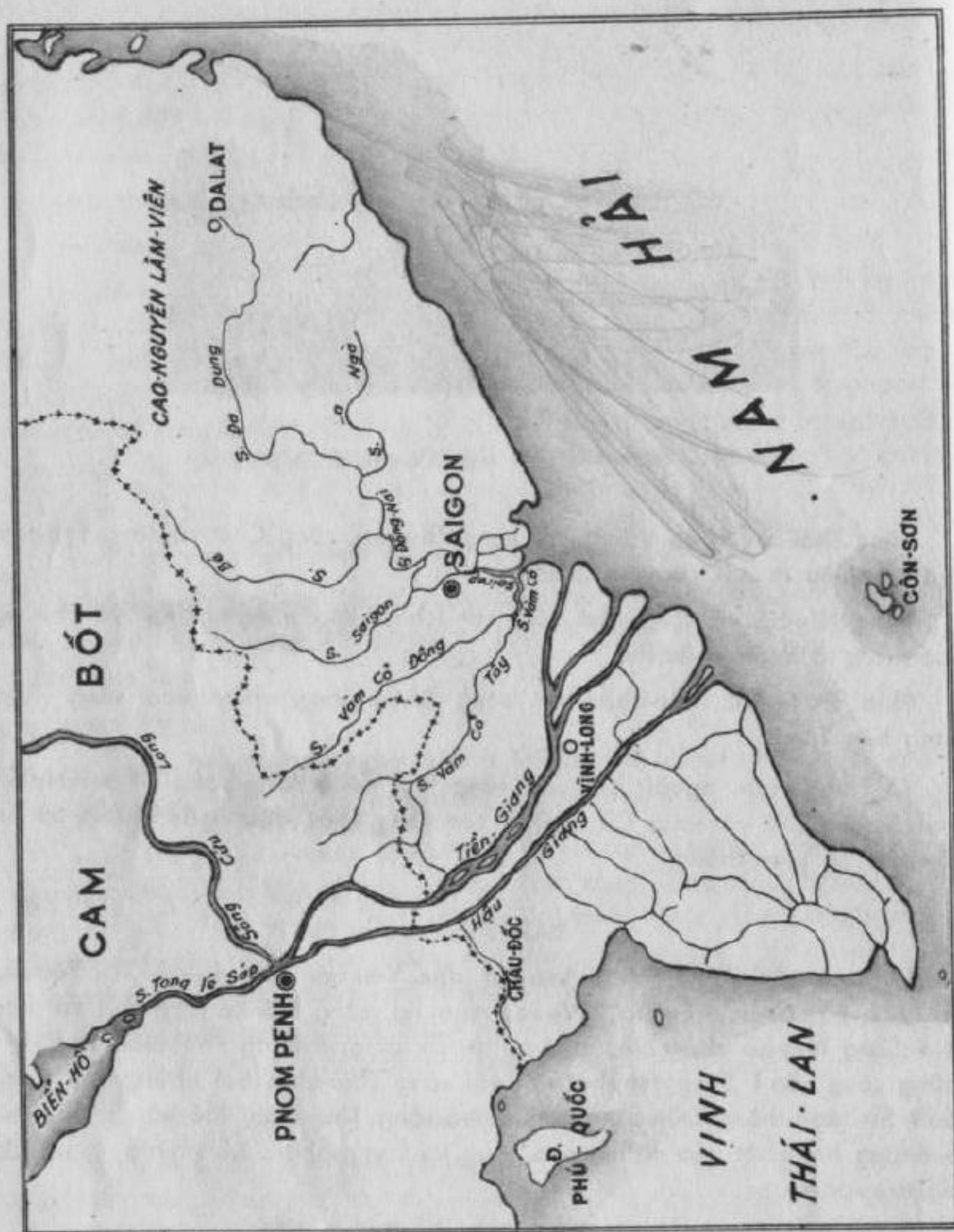
Ở Trung-phần ngoài hai con sông hơi dài ở đồng-bằng Thanh-Nghệ-Tĩnh là sông Mã và sông Cả, những con sông khác đều ngắn không ích-lợi mấy cho sự giao-thông.

BÀI TẬP

1. Đoạn sông Nhị-hà từ Lào-cai đến Yên-bái thế nào ? Từ Yên-bái đến vịnh Bắc-phần thế nào ? Vì sao mùa hạ, sông Nhị-hà hay sinh ra nạn lụt ? Sông Nhị-hà chở nhiều phù-sa thì có lợi gì ? Sông Thái-bình hợp bởi những sông nào ? Sông Nhị-hà nối với sông Thái-bình bởi những con sông nào ? Sự giao-thông trên sông Nhị-hà và sông Thái-bình thế nào ? Hãy nói về những tính-chất của những con sông tại Trung-phần. Kể những con sông tại Trung-phần.

2. Vẽ bản-đồ sông ngòi ở Bắc-phần và Trung-phần.

SÔNG NGÒI NAM-PHẦN



10. VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN

Sông ngòi (tiếp theo)

Ý CHÍNH

III. Sông ngòi tại Nam-phần

1. Sông Cửu-long :

- Chiều dài : 4.200km.
- Phát-nguyên : Cao-nguyên Tây-tạng.
- Các ngành : Sông Tiền-giang, sông Hậu-giang.
- Tính-chất :

Mực nước điều-hòa (ảnh-hưởng của Biển hồ).

Về tháng chín tháng mười, nước sông tràn ra đồng bằng.

Tải nhiều phù-sa bồi cho mồm Cà-mau.

2. Sông Đồng-nai :

- Phát-nguyên : Cao-nguyên Lâm-viên.
- Phụ-lưu : Sông La-ngà ở tả ngạn ; sông Bé và sông Sài-gòn ở hữu ngạn.
- Ra gần biển thì phân ra nhiều ngành. Ngành cực tây gọi là Soi-rạp có phụ-lưu là sông Vàm-cỏ.
- Tính-chất : sông Đồng-nai có ít phù-sa nên lòng sông sâu.

3. Sông ngòi miền Tây-Nam : chỉ có những sông nhỏ, những rạch chảy thẳng ra biển.

4. Những kinh rạch : 3.000 km chằng-chịt khắp Nam-phần.

5. Nhận xét chung : sông ngòi Nam-phần rất ích-lợi cho nông-nghiệp và sự giao-thông, lại có nhiều tôm cá.

CÂU CHUYỆN

Sông ngòi tại Nam-phần

Loan và Tuấn đang ngồi trong phòng học. Thấy chú Tư vào, Loan nói:

— Hôm qua chú mới giảng cho các cháu về sông ngòi ở Bắc-phần và Trung-phần. Hôm nay, xin chú nói chuyện tiếp về sông ngòi ở Nam-phần.

Chú Tư nói:

— Sông ngòi ở Nam-phần so với sông ngòi ở Bắc và Trung-phần thì có nhiều điểm thuận-lợi hơn. Ta hãy xem trước hết con sông Cửu-long. Sông này còn có tên là Mê-kông, phát-nguyên từ cao-nguyên Tây-tạng, chảy qua tỉnh Vân-nam, nước Ai-lao, nước Thái-lan, nước Cam-bốt. Tại Phom-Penh, thủ-đô Cam-bốt, sông Cửu-long hợp với sông Tông-lê-sáp (con sông của Biên-hồ) rồi chia thành hai ngành là sông Tiền-giang và sông Hậu-giang mà chảy xuống Nam-phần qua tỉnh Châu-đốc. Hai con sông chảy song song rồi chia làm nhiều ngành mà chảy ra biển Nam-hải.

Đến đây, Tuấn vội hỏi chú:

— Thưa chú, so với sông Nhị-hà thì con sông Cửu-long thế nào?

— So với sông Nhị-hà thì sông Cửu-long tốt hơn nhiều vì dòng nước chảy từ từ, mực nước điều hòa nhờ có Biên-hồ ở Cam-bốt.

Loan nói:

— Thưa chú, cháu vẫn chưa hiểu vì sao mà Biên-hồ làm cho mực nước sông Cửu-long điều-hòa được.

— Cháu vẫn chưa rõ ư? Đây nhé, về mùa nước to, mặt sông Cửu-long cao hơn Biên-hồ thì nước sông Cửu-long theo sông Tông-lê-sáp chảy vào Biên-hồ. Về mùa cạn, trái lại nước Biên-hồ lại chảy về sông Cửu-long. Nhờ đó mực nước sông Cửu-long được điều-hòa, không mấy khi mực nước lên cao quá hoặc xuống thấp quá.

Tuấn hỏi:

— Lần trước chú bảo ở Bắc-phần, sông Nhị-hà có đê ở hai bên bờ còn ở Nam-phần, sông ngòi không có đê. Sông Cửu-long không có đê thì có hại gì không chú?

— Theo ý chú thì sông Cửu-long không có đê là một điều lợi chứ không có hại vì nước sông lên to nhưng từ từ; tràn ra hai bên bờ rải phù-sa làm cho ruộng đất ngày càng màu mỡ.

Loan hơi ngạc-nhiên:

— Thế ra sông Cửu-long cũng tải phù-sa hả chú?

— Có chứ! sông Cửu-long cũng tải phù-sa bồi cho mồm Cà-mau ngày càng rộng thêm.

Chú Tư nói tiếp:

— Ở ngoài Bắc, về phía Đông có con sông Thái-bình nhỏ hơn sông Nhị-hà; ở trong Nam về phía Đông cũng có con sông Đồng-nai nhỏ hơn sông Cửu-long.

Sông Đồng-nai phát-nguyên từ cao-nguyên Lâm-viên ở gần Đà-lạt. Phụ-lưu ở tả ngạn là sông La-ngà, ở hữu ngạn là sông Bé và sông Sài-gòn. Từ chỗ gặp sông Sài-gòn trở đi, sông Đồng-nai lấy tên là Nhà-bè và phân ra làm nhiều ngành chảy ra biển. Ngành cực tây là Soi-rạp có một phụ-lưu là sông Vàm-cỏ. Sông Vàm-cỏ hợp thành bởi sông Vàm-cỏ Đông và sông Vàm-cỏ Tây. Sông Đồng-nai có ít phù-sa nên lòng sông sâu; tuy nhiên hàng năm người ta cũng phải lo vét bùn ở lòng sông cho tàu bè đi lại dễ dàng.

Tuấn hỏi:

— Ngoài sông Cửu-long và sông Đồng-nai, Nam-phần còn có sông ngòi nào nữa hả chú?

— Ở miền Tây-Nam còn có những sông nhỏ, những rạch, chảy thẳng ra biển. Ngoài ra ở khắp Nam-phần có tới 3.000 km kinh đào chẳng chịt như mạng nhện.

Loan tiếp lời chú:

— Cháu nhận thấy ở Nam-phần hệ-thống sông ngòi đầy đủ quá, rất tiện lợi cho nông-nghiệp và việc chuyên-chở nông-sản.

Tuấn cười nói:

— Cháu thích nhất là sông ngòi ở miền Nam này có nhiều cá!



Trên sông Sài-gòn, tàu bè đi lại không ngớt.

BÀI HỌC

Ở Nam-phần hai ngành sông Cửu-long là sông Tiền-giang và sông Hậu-giang đi sóng đôi rồi chảy ra biển bởi nhiều cửa.

Ở miền Đông Nam-phần có sông Đồng-nai phát-nguyên từ cao-nguyên Lâm-viên. Từ chỗ gặp sông Sài-gòn trở đi, sông Đồng-nai chia ra nhiều ngành chảy ra biển. Những phụ-lưu của nó là sông La-ngà, sông Bé, sông Sài-gòn, sông Vàm-cỏ.

Miền Tây-Nam có nhiều sông con.

Nói chung, ở Nam-phần, những con sông thiên-nhiên cùng với 3.000 km kinh đào giúp nông-nghiệp, nền thương-mại và nghề chài lưới được phát-đạt.

BÀI TẬP

1. Ở Nam-phần có những con sông nào lớn? Miền Tây Nam có những sông ngòi thế nào? Tính-chất những con sông ở Nam-phần thế nào? Vì sao nghề chài lưới ở Nam-phần được phát-đạt?

2. Vẽ bản-đồ sông ngòi ở Nam-phần.

11. HỌC ÔN

Nước Việt-nam: Biển và bờ biển,
Khí-hậu, Sông ngòi

1. Tìm những tiếng thích đáng mà điền vào những câu sau đây:

a) Người Việt-nam quen gọi biển Nam-hải là biển

b) Những vịnh quan-trọng ở bờ biển Việt-nam là *Hải phòng, vịnh Bắc bộ, vịnh Thái Lan, vịnh Đà Nẵng, vịnh Cam Ranh.*

c) Năm thương-cảng lớn nhất của Việt-nam là

2. Việt-nam có 2 đoạn bờ biển cao và 2 đoạn thấp. Hãy chỉ rõ đoạn nào cao hay thấp:

— Từ Móng-cái đến Hải-phòng, bờ biển

— Từ Hải-phòng đến Qui-nhơn, bờ biển

— Từ Qui-nhơn đến Phan-rang, bờ biển

— Từ Phan-rang đến Cam-bốt, bờ biển

3. Đánh dấu + vào ô trống trước những tiếng mà em cho là đúng:

Việt-nam có 2 thứ gió mùa:

— Gió Bắc thổi về:

☐ mùa nóng

☐ mùa lạnh.

— Gió Nam thổi về:

☐ mùa mưa

☐ mùa khô.

— Thứ gió hay đem mưa vào Nam-phần là:

☐ gió Nam

☐ gió Bắc.

— Thứ gió hay đem mưa vào miền Trung Trung-phần là:

☐ gió Nam

☐ gió Bắc.

— Thứ gió hay đem mưa vào miền Bắc là:

☐ gió Đông-Nam

☐ gió Tây-Bắc.

4. Chọn những tiếng thích-hợp (nóng, khô, lạnh, mưa) mà điền vào những câu sau đây:

Miền Bắc Việt-nam có hai mùa là mùa và mùa
Miền Nam Việt-nam có 2 mùa là mùa
và mùa

5. Trả lời những câu hỏi sau đây:

- Sông ngòi ở miền nào thường ngắn và nước chảy mạnh?
- Sông ngòi ở miền nào thuận tiện cho sự giao-thông hơn cả?
- Sông ngòi ở miền nào chỉ thuận-tiện cho sự giao-thông tại miền châu-thò?
- Con sông nào có đê đắp hai bên bờ và hay gây nạn lụt?

12. VIỆT-NAM NHÂN-VĂN

Dân-cư : Người Việt

Ý CHÍNH

I. Dân-số : 30 triệu ; đông đúc ở miền đồng-bằng, miền duyên-hải và các tỉnh-thành ; thưa-thớt ở các miền rừng núi.

II. Người Việt :

Đặc-tính : thông-minh, hiếu-học, chịu khó, có tinh-thần quốc-gia mạnh-mẽ.

Tôn-giáo : Đạo Phật, đạo Không, đạo Thiên-Chúa, đạo Cao-đài, v.v...

CÂU CHUYỆN

Dân-tộc Việt-nam

Thấy Loan và Tuấn chiều nay đi học về hơi trễ, chú Tư hỏi :

— Bữa nay sao các cháu về muộn thế ?

Loan đáp :

— Thưa chú, hôm nay, khi đi về, chúng con bị kẹt xe.

Chú Tư nói :

— Nạn kẹt xe dạo này xảy ra luôn. Đô-thành bây giờ khác hẳn mười năm về trước. Ngoài đường, xe cộ như mắc cửi, khách bộ-hành chen chúc nhau. Người đâu mà đông thế !

Ngẫm nghĩ một lát, chú Tư nói tiếp :

— Dân mình sinh đẻ nhiều, nên mặc dầu chiến-tranh, dân-số vẫn tăng mau chóng. Cách đây mười năm, nước ta chỉ có độ 25 triệu người, thế mà ngày nay theo các bản thống-kê, số dân ta đã lên đến 30 triệu cả thảy : 16 triệu ở miền Bắc và 14 triệu ở miền Nam.

Tuấn hỏi :

— Nếu đông quá thì người ta đi đâu mà ở hả chú ?

— Thiếu gì nơi ! Vì hiện nay nước ta chỉ đông dân-cư ở các miền đồng-bằng phì-nhiều, ở các miền duyên-hải, và nhất là ở các thành-phố. Trái lại tại những miền rừng núi, cao-nguyên, dân-cư còn thưa-thớt lắm.

Loan nói :

— Cháu tưởng người Việt mình chỉ tập trung ở miền đồng-bằng và miền duyên-hải để làm nghề nông và nghề chài lưới, chứ có chịu lên miền rừng núi đâu!

Chú Tư đáp :

— Người Việt mình đâu mà chẳng dám đi? Các cháu học sử thì biết rằng nước Việt-nam ta xưa chỉ gồm có Bắc-việt và vùng Thanh-hóa, Nghệ-an ngày nay. Rồi lần lần, trong hàng bao nhiêu thế-kỷ, người Việt tiến xuống miền Nam, mở rộng bờ cõi đến tận mồm Cà-mau.

Tuấn tỏ vẻ khâm-phục :

— Xem như vậy thì người Việt mình cũng có nhiều khả-năng đấy nhỉ!

— Hẳn thế! Người Việt mình thông-minh, chịu-khó, hiếu-học. Trong những thời-kỳ Bắc-thuộc và Pháp-thuộc họ lại hấp-thụ được những tinh-hoa của nền văn-hóa Đông Tây. Phần đông người Việt theo đạo Phật, đạo Khổng, thờ cúng tổ-tiên; có chừng hơn hai triệu người theo đạo Thiên-Chúa. Ngoài ra còn một số theo đạo Cao-đài và Phật-giáo Hòa-hảo.

Loan ra vẻ hiểu biết :

— Điều đáng kể là người Việt mình có tinh-thần quốc-gia mạnh-mẽ. Cháu đọc sử thấy biết bao lần người Việt mình đã anh-dũng nổi lên chống lại các đế-quốc thống-trị!

BÀI HỌC

Nước Việt-nam ngày nay có độ 30 triệu người. Ở các đồng-bằng, dân cư đông-đúc, còn ở các miền rừng núi, dân cư thưa-thớt.

Người Việt phần lớn chuyên về nghề nông và nghề chài lưới. Người Việt thông-minh, chịu khó, có tinh-thần quốc-gia mạnh-mẽ. Phần đông theo đạo Phật, đạo Khổng, thờ cúng tổ-tiên. Có chừng hơn 2 triệu người theo đạo Thiên-Chúa. Ngoài ra còn một số theo đạo Cao-đài và Phật-giáo Hòa-hảo.

BÀI TẬP

Dân-số Việt-nam hiện nay có độ bao nhiêu? Dân-số ấy phân-phối thế nào? Người Việt chuyên làm những nghề gì? Họ theo những tôn-giáo nào?

13. VIỆT-NAM NHÂN-VĂN

Dân-tộc thiểu-số và ngoại-kiểu

Ý CHÍNH

I. Dân-tộc thiểu-số: Hơn 2 triệu người.

- 1) Ở Bắc-phần : Mường (cùng giống với người Việt) — Thái, Mèo, Lô-lô (từ Trung-hoa di-cư sang).
- 2) Ở Trung-phần : Mường ở miền núi tỉnh Thanh-hóa — Chăm và Thượng đều thuộc giống Mã-lai.
- 3) Ở Nam-phần : Người Miên, thổ-dân còn sót lại của Thủy Chân-lạp xưa.

II. Ngoại-kiểu: Chừng 700.000 người gồm có Trung-hoa, Pháp, Mỹ, Ấn, Hồi, v.v...

CÂU CHUYỆN

Những dân-tộc thiểu-số và ngoại-kiểu ở Việt-nam

Hôm nay là ngày chủ-nhật. Buổi sáng trời đẹp, chú Tư đưa cháu đến phòng thông-tin Đô-thành xem triển-lãm họa-phẩm.

Loan và Tuấn trầm-trồ khen-ngợi những bức tranh màu treo la-liệt trong phòng. Bỗng Tuấn nhìn thấy mấy bức tranh vẽ những người cỡi trần, đóng khổ, tay cầm ná, liền hỏi chú :

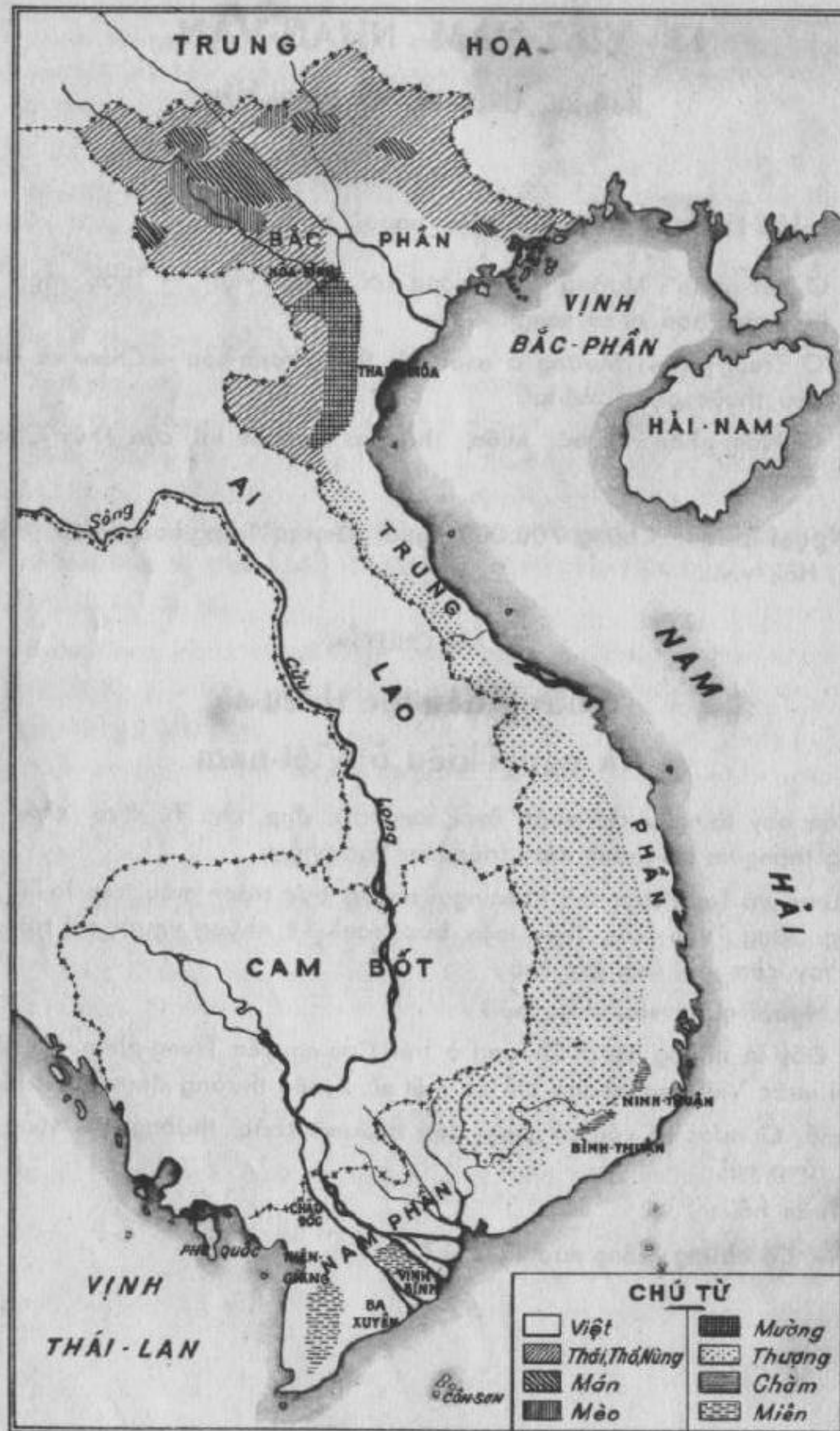
— Người nước nào đấy chú?

— Đây là những người Thượng ở trên Cao-nguyên Trung-phần. Họ cũng là người nước Việt-nam, nhưng chỉ có một số ít, nên thường được gọi là dân-tộc thiểu-số. Ở nước ta còn có nhiều dân thiểu-số khác, thường sinh sống ở các miền rừng núi.

Tuấn hỏi :

— Có những giống nào hả chú?

CÁC SẮC DÂN TẠI VIỆT-NAM



Đống bào Mán tại Bắc-phần.



Một thanh-niên Thợ tại Cao-nguyên Trung-phần

— Tại Bắc-phần, ở tỉnh Hòa-bình, vùng Nho-quan (Tỉnh Ninh-bình) và miền núi Tỉnh Thanh-hóa có người Mường cùng giống với người Việt. Họ là con cháu những người Việt xưa kia đã trốn vào miền rừng núi để tránh sự thống-trị tàn-ác của người Trung-hoa. Trên miền rừng núi ở Thượng-du Bắc-phần còn có những người Thái, Mán, Mèo, Lô-lô ở rải-rác. Họ đều gốc ở Trung-hoa và di-cư sang Việt-nam. Người Thái ở các thung-lũng phì-nhiều, gồm có Thái-Đen, Thái-Trắng, Thổ và Nùng. Người Mán chiếm các núi thấp, người Mèo đóng ở các núi cao, đều hay di-cư và đốt rừng để làm rẫy.

Loan chỉ vào mấy bức tranh treo trên tường :

— Các cô Thái Trắng mặc áo trắng và các cô Thái Đen mặc áo đen đây phải không chú ? Các cô ấy chẳng kém gì các cô thiếu-nữ Việt.

Chú Tư khen Loan nhận xét đúng rồi nói tiếp :

— Tại Trung-phần, ở dãy Trường-sơn và vùng cao-nguyên có những người Thợ mà các cháu vừa được coi tranh vẽ kia. Họ gồm có nhiều bộ-lạc nói tiếng khác nhau và đều còn chậm tiến. Ở miền Nam Trung-phần, tại các tỉnh Ninh-thuận, Bình-thuận có những người Chăm ở rải-rác các nơi. Họ là con cháu những người nước Chiêm-thành xưa đã từng viết nên những trang sử oanh-liệt.

Tuấn tiếp lời chú:

— Cháu đọc sử thấy nói về cuối đời nhà Trần, có lần họ đã đem quân ra đánh phá Thăng-long!

Chú Tư khen Tuấn nhớ sử rồi nói tiếp:

— Sau hết, tại Nam-phần ở các tỉnh Châu-đốc, Kiên-giang, Vĩnh-bình, Ba-xuyên có nhiều người Miên hợp thành làng ở rải-rác. Đó là những thổ-dân còn sót lại của xứ Thủy Chân-lạp xưa mà người Việt đã chiếm-cứ. Họ còn giữ phong-tục và tiếng nói của họ, song họ đã Việt-hóa một phần vì họ đều mặc Việt-phục và biết nói cả tiếng Việt.

Loan hỏi chú Tư:

— Thưa chú, tất cả những dân-tộc thiểu-số nay có độ bao nhiêu người?

— Tất cả độ hơn 2 triệu, so với số người Việt được chừng 1/10. Từ xưa họ vẫn sống yên-ôn bên cạnh những người Việt.

Tuấn hỏi:

— Ngoài người Việt và dân-tộc thiểu-số, ở nước ta còn có những người nào khác?

— Còn những ngoại-kiều, nhiều nhất là người Trung-hoa, rồi đến người Pháp, người Mỹ, người Anh, người Hồi, v.v...

Người Trung-hoa có chừng 600.000 người ở khắp các tỉnh-thành, phần nhiều làm nghề buôn bán. Họ tập-trung đông nhất ở Sài-gòn và Chợ-lớn. Người Pháp chừng 10 ngàn người, buôn bán, làm kỹ-nghệ và nghề trồng tía. Người Mỹ hiện nay khá đông, họ thuộc các phái-đoàn viện-trợ về văn-hóa, kinh-tế và quân-sự cho Việt-nam.

BÀI HỌC

Các đồng-bào thiểu-số ở Việt-nam có chừng hơn 2 triệu người. Ở Hòa-bình và miền núi tỉnh Thanh-hóa có người Mường cùng giống với người Việt. Những người Thái, Mán, Mèo, Lô-Lô, ở rải-rác trên Việt-bắc đều gốc ở Trung-hoa.



Hai phụ nữ Chăm bận lễ phục



Một tháp Chăm

Ở miền Nam Trung-phần có những người Chăm thuộc giống Mã-lai; ở đây Trường-sơn và miền Cao-nguyên Trung-phần có những người Thượng cũng thuộc giống Mã-lai; nhưng những người Thượng chậm tiến hơn người Chăm. Ở miền Nam những người Miên lập ra những làng lẻ-tẻ riêng biệt.

Những ngoại-kiều ở nước ta có nhiều nhất là người Trung-hoa, rồi đến người Pháp, người Mỹ, người Anh, người Hồi.... Người Trung-hoa và người Pháp, phần đông làm thương-gia hay kỹ-nghệ-gia. Còn người Mỹ thường thuộc các phái-đoàn viện-trợ cho Việt-nam.

BÀI TẬP

1. Hãy kể những dân-tộc thiểu-số ở Việt-nam. Người nào cùng giống với người Việt? Những người nào di-cư từ Trung-hoa sang?

Người Thượng ở đâu? Người Chăm hiện nay ở đâu? Xưa kia người Chăm đã lập ra nước nào? Người Miên hiện nay ở đâu? Nội những dân tộc thiểu-số, những người nào tiến-bộ hơn cả? Những người nào chậm tiến? Ngoại-kiều nước ta có những người nào?

2. Biên vào bản-đồ Việt-nam tên những dân-tộc thiểu-số của mỗi miền.

14. VIỆT-NAM NHÂN-VĂN

Chính-quyền Trung-ương

Ý CHÍNH

1. Chính thể nước Việt-nam : Nước Cộng-hòa có Quốc-hội.
2. Chính-phủ Trung-ương : Quốc-trưởng, Thủ-tướng, Tổng-trưởng.
3. Việt-nam trong khối Dân-chủ tự-do : Việc bang-giao quốc-tế.

CÂU CHUYỆN

Nước Việt-nam Cộng-hòa

Hôm nay từ sáng sớm, thành-phố có vẻ nhộn-nhip khác thường. Mới 7 giờ, ông bà Thịnh, chú Tư đều ăn mặc chỉnh-tề, đang sửa soạn ra phố.

Tuấn thấy vậy hỏi :

— Ba má và chú Tư đi đâu sớm vậy ?

Ông Thịnh nói :

— Hôm nay, ba má và chú Tư đi bầu Hội-viên Hội-đồng Đô-thành, các con không biết ư ?

Loan nhanh-nhau đáp :

— Thưa có ạ, con thấy từ mấy hôm nay ngoài phố có treo nhiều biểu ngữ cổ-động mọi người đi bỏ phiếu.

Tuấn nói :

— Con không hiểu bầu Hội-viên Hội-đồng Đô-thành để làm gì.

Chú Tư bảo Loan và Tuấn :

— Hai cháu hôm nay được nghỉ, hãy đi xem bỏ phiếu rồi lát nữa về, chú nói chuyện cho nghe.

Loan và Tuấn bèn theo chị mẹ và chú đi đến phòng phiếu. Hai em đứng ngoài xem những tờ bích-chương in hình các ứng cử-viên, rồi nhìn qua cửa sổ xem mọi người bỏ phiếu.

Khi về nhà, chú Tư giảng cho hai cháu :

— Ở Sài-gòn, mọi người công-dân đi bỏ phiếu bầu những người xứng-đáng thay mặt mình để bàn những việc công-ích trong phạm-vi Đô-thành. Ở tỉnh nào cũng tổ-chức một cuộc bỏ phiếu như vậy để bầu hội-viên Hội-đồng hàng tỉnh.

Loan ra vẻ nghĩ-ngợi :

— Cháu nghe nói ít lâu nữa sẽ có cuộc bầu-cử dân-biểu Quốc-hội ; điều đó có đúng không, chú ?

— Đúng thế ! cháu ạ. Như mọi nước dân-chủ trên thế-giới, nước ta trước đây đã có Quốc-hội. Nhưng sau cuộc Cách-mạng ngày 1-11-1963, Quốc-hội đã bị giải-tán. Khi nào các miền thôn quê hoàn-toàn an-ninh thì Quốc-hội chắc sẽ được bầu lại. Quốc-hội gồm có những dân-biểu do những người công-dân trong toàn-quốc bầu ra, có nhiệm-vụ bàn-luận mọi việc quan-trọng, soạn-thảo và biểu-quyết những đạo-luật sẽ được áp-dụng trong nước. Quyền sau này của Quốc-hội gọi là quyền lập-pháp. Ngoài dân-biểu Quốc-hội, mọi người công-dân còn được bầu Quốc-trưởng là người đại-diện chủ-quyền quốc-gia nữa.

Trong một nước mà mọi người dân được bầu người thay mặt mình để cai-trị hoặc đề đặt ra pháp-luật, nước ấy là một nước dân-chủ. Một nước dân-chủ không có vua như Việt-nam gọi là nước Cộng-hòa.

Loan hỏi chú :

— Chú à, dưới Quốc-trưởng còn có Thủ-tướng. Vậy Thủ-tướng giữ nhiệm-vụ gì ?

— Thủ-tướng là người do Quốc-trưởng cử để lãnh-đạo Chính-phủ Trung-ương. Chính-phủ gồm có nhiều bộ như bộ Nội-vụ, bộ Quốc-phòng, bộ Ngoại-giao, bộ Tư-pháp, bộ Tài-chánh, bộ Kinh-tế, bộ Công-chánh, bộ Thông-tin, bộ Xã-hội, bộ Y-tế, bộ Giáo-dục v.v... Mỗi bộ do một Tổng-trưởng điều-khiển. Những Tổng-trưởng đều do Thủ-tướng lựa chọn.

Tuấn chỉ lên bản đồ Việt-nam hỏi chú :

— Nước Việt-nam tự-do chỉ từ vĩ-tuyến 17 trở xuống phải không chú ? Còn bên kia vĩ-tuyến thì thế nào ?



*Hội trường Diên-Hồng, nơi nhóm họp
các cuộc hội-ngị quan-trọng tại Việt-nam*

Chú Tư đáp :

— Hiện nay nước Việt-nam ta chia làm 2 phần: Phần trên vĩ-tuyến 17 do chính quyền Hà-nội kiểm-soát; phần dưới vĩ tuyến 17 là nước Việt-nam Cộng-hòa ở trong khối các nước Dân-chủ tự-do và đã được nhiều nước trên thế-giới công-nhận. Nhiều nước như Mỹ, Anh, Úc, Đức, Trung-hoa quốc-gia, Đại-Hàn, Phi-lật-tân, Thái-lan, v.v... đã cử Đại-sứ đến Việt-nam Cộng-hòa để thiết-lập bang-giao. Ngược lại Việt-nam cũng cử Đại-sứ đến các nước đó.

Loan ra về lo lắng :

— Cháu lấy làm buồn cho nước mình cứ bị phân chia mãi, ước gì chóng được thống-nhất !

BÀI HỌC

Nước Việt-nam ở phía dưới vĩ-tuyến 17 theo chính-thể Cộng-hòa đã được nhiều nước trong thế-giới Tự-do công nhận.

Đại-diện cho chính-quyền quốc-gia là Quốc-trưởng. Quốc-trưởng cử Thủ-tướng để lãnh-đạo Chính-phủ gồm có nhiều Tổng-trưởng.

Bên cạnh Chính-phủ là quốc-hội có nhiệm-vụ soạn-thảo và biểu-quyết những đạo-luật và bàn-luận về mọi việc quan-trọng trong nước.

BÀI TẬP

Việt-nam theo chính-thể nào ? Một nước Cộng-hòa là gì ? Quốc-hội do ai bầu và có nhiệm-vụ gì ? Quốc-trưởng do ai bầu và có nhiệm-vụ gì ? Thủ-tướng do ai cử và có nhiệm-vụ gì ? Hiện nay Chính-phủ gồm có những bộ nào ? Nhiều nước đã trao đổi Đại-sứ với Việt-nam nhằm mục-đích gì ?

15. VIỆT-NAM NHÂN-VĂN

Chánh-quyền Địa-phương

Ý CHÍNH :

I. Nhiệm-vụ của chánh-quyền địa-phương :

Thi-hành những chánh-sách của Chính-phủ.

II. Hệ-thống tổ-chức chánh-quyền địa-phương :

1. Xã có Hội-đồng Xã do dân bầu lên.
2. Tổng có chánh-tổng đứng đầu.
3. Quận có quận-trưởng do Chánh-phủ bổ-nhiệm.
4. Tỉnh có tỉnh-trưởng do Chánh-phủ bổ-nhiệm.

CÂU CHUYỆN

Chánh-quyền địa-phương

Loan và Tuấn viết thư hỏi thăm một người bác họ ở thôn-quê. Chú Tư dẫn :

— Lúc đề bao thư các cháu phải ghi rõ tên Xã, Tổng, Quận, Tỉnh. Chú Tư liền giảng về cách tổ-chức chánh-quyền địa-phương cho hai cháu nghe:

— Các cháu đã biết là Chánh-phủ trung-ương đóng ở thủ-đô Sài-gòn, nhưng Chánh-phủ trung-ương chỉ nắm giữ những đường lối đại-cương và ấn-định những kế-hoạch mà thôi còn việc thi-hành những chánh-sách của Chánh-phủ thì phải giao cho chánh-quyền địa-phương. Để tiện việc cai-trị, nước ta được chia làm nhiều tỉnh, tỉnh chia làm nhiều quận, quận chia làm nhiều tổng, tổng chia làm nhiều xã. Xã hay làng là đơn-vị hành-chánh bé nhất. Gần đây, ta lại có thêm đơn-vị ấp.

Xã do hội-đồng xã điều-khiển. Những viên-chức trong hội-đồng này do dân bầu lên, gồm có một đại-diện xã, một thư-ký và một số ủy-viên. Mỗi ủy-viên giữ một hay hai ba chức-vụ như sau: hộ-tịch, tư-pháp, tài-chánh, thuế-vụ, giáo-dục, y-tế, công-chánh và canh-nông...

Nhiều xã hợp lại thành tổng, có chánh-tổng đứng đầu, có quyền kiểm-soát công việc làm của các hội-đồng xã. Riêng ở Trung-nguyên Trung phần, không có đơn-vị tổng.

Nhiều tổng hợp lại thành quận, có quận-trưởng đứng đầu. Quận-trưởng do Chính-phủ bổ-nhiệm có văn-phòng ở quận-lỵ. Quận-trưởng có bổn-phận giữ-gìn an-ninh trật-tự và lo cải-thiện đời sống cho dân-chúng trong địa-hạt của mình.

Nhiều quận hợp lại thành tỉnh. Tỉnh đặt dưới quyền cai-trị của một tỉnh-trưởng do Chánh-phủ bổ-nhiệm. Tỉnh-trưởng đứng đầu tất cả các ty hành-chánh và chuyên-môn trong tỉnh như Công-chánh, Y-tế, Tiểu-học, Nông-vụ, Mực-súc, Thông-tin, Thuế-vụ v.v...



Một tòa hành-chánh tỉnh (Tỉnh Bình-tuy)

Tòa tỉnh-trưởng và các ty này đều đặt ở một địa-điểm phồn-thịnh nhất trong tỉnh, gọi là tỉnh-lỵ hay thị-xã. Ở đây có phố-xá và dân-cư buôn bán sầm-uất. Tên tỉnh và tên thị-xã của tỉnh đó thường khác nhau, thí-dụ : Tỉnh Long-an có thị-xã là Tân-an, tỉnh Kiến-hòa có thị-xã là Trú-giang nhưng cũng có nhiều nơi, hai tên này trùng nhau, thí-dụ Quảng-trị, Quảng-ngãi, Biên-hòa v.v...



Một văn-phòng ban trị-sự ấp.

Chú Tư giảng đến đây, Loan tỏ vẻ thông hiểu và nói :

— Bây giờ cháu hiểu rồi, muốn gửi thư cho ai ở thôn quê phải đề rõ địa-chỉ theo hệ-thống xã, tổng, quận, tỉnh vì xã nằm trong tổng, tổng ở trong quận, quận thuộc về tỉnh, có ghi như thế thì nhân-viên bưu-điện mới biết lối mà chuyển thư đi.

BÀI HỌC

Để tiện việc cai-trị, nước ta chia làm nhiều đơn-vị hành-chánh từ nhỏ đến lớn là xã, tổng, quận và tỉnh.

Để điều-khiển một xã, có hội-đồng xã do dân bầu lên, gồm có một đại-diện xã, một thư-ký và nhiều ủy-viên. Nhiều xã hợp thành một tổng có chánh-tổng đứng đầu. Nhiều tổng hợp lại thành quận, do quận-trưởng cai-trị, văn-phòng đặt ở quận-ly. Nhiều quận hợp lại thành một tỉnh, thuộc quyền một tỉnh-trưởng. Quận-trưởng và tỉnh-trưởng đều do Chánh-phủ bổ-nhiệm.

Tòa tỉnh-trưởng và các ty đặt tại một địa-điểm phồn-thịnh trong tỉnh. Nơi này gọi là tỉnh-ly hay thị-xã.

BÀI TẬP

1) Kể các đơn-vị hành-chánh địa-phương từ nhỏ đến lớn. — Hội-đồng xã gồm những chức-vụ nào và do ai chọn? — Ai đứng đầu một tổng?

— Quận-trưởng và tỉnh-trưởng do ai bổ-nhiệm? — Quận-ly và thị-xã khác nhau thế nào?

2) Cho biết rõ địa-chỉ của trường học em.

16. VIỆT-NAM NHÂN-VĂN

Các thành-phố và các tỉnh

Ý CHÍNH

I. Đô-thị:

- Thủ-đô: Sài-gòn
- Thành-phố: Huế, Đà-nẵng, Đà-lạt, Vũng-tàu, Hà-nội, Hải-phòng.

II. Các tỉnh:

1. Nam-phần:

- a) Miền Đông : 9 tỉnh
- b) Miền Tây : 17 tỉnh

2. Trung-phần:

- a) Trung-nguyên : 14 tỉnh
- b) Cao-nguyên : 7 tỉnh

3. Bắc-phần:

- a) Trung-châu : 13 tỉnh
- b) Trung-du : 4 tỉnh
- c) Thượng-du : 10 tỉnh

CÂU CHUYỆN

Các thành-phố và các tỉnh Việt-nam

Sau khi nghe chú Tư giảng về hệ-thống tổ-chức chánh-quyền địa-phương, Loan, Tuấn đã phân-biệt được thế nào là xã, tổng, quận và tỉnh. Loan lại hỏi thêm:

— Thưa chú cháu nghe nói ngoài các tỉnh ra nước ta còn có những thành-phố, vậy thành-phố và tỉnh-ly khác nhau thế nào?

— Một thành phố cũng tương-tự như một tỉnh-ly nhưng lớn hơn, đông dân-cư hơn và được tổ-chức thành một đơn-vị hành-chánh riêng biệt, không thuộc vào một tỉnh nào. Viên-chức đứng đầu một thành phố gọi là thị-trưởng. Nước ta có các thành-phố sau đây: Đà-nẵng, Huế, Đà-lạt, Vũng-tàu, Hà-nội, Hải-phòng. Sài-gòn cũng là một thành-phố nhưng vì Chánh-phủ đóng ở đây nên được gọi là đô-thành và có đô-trưởng đứng đầu.

CÁC THÀNH-PHỐ VÀ CÁC TỈNH NAM-PHẦN



Nhà Văn-hóa (Sài-gòn)



Tòa Đô-chánh Sài-gòn

Tuần hỏi thêm :

- Thừa chú ngoài các thành phố, nước ta có những tỉnh nào ?
- Muốn biết hết tên các tỉnh, các cháu phải nhìn lên bản-đồ và theo lời chú chỉ dẫn.

Các tỉnh ở Nam-phần chia làm hai khu là miền Đông và miền Tây

Miền Đông có 9 tỉnh là :

Gia-định, Biên-hòa, Phước-tuy, Bình-tuy, Long-khánh, Bình-dương, Tây-ninh, Bình-long, Phước-long.

Miền Tây có 17 tỉnh là :

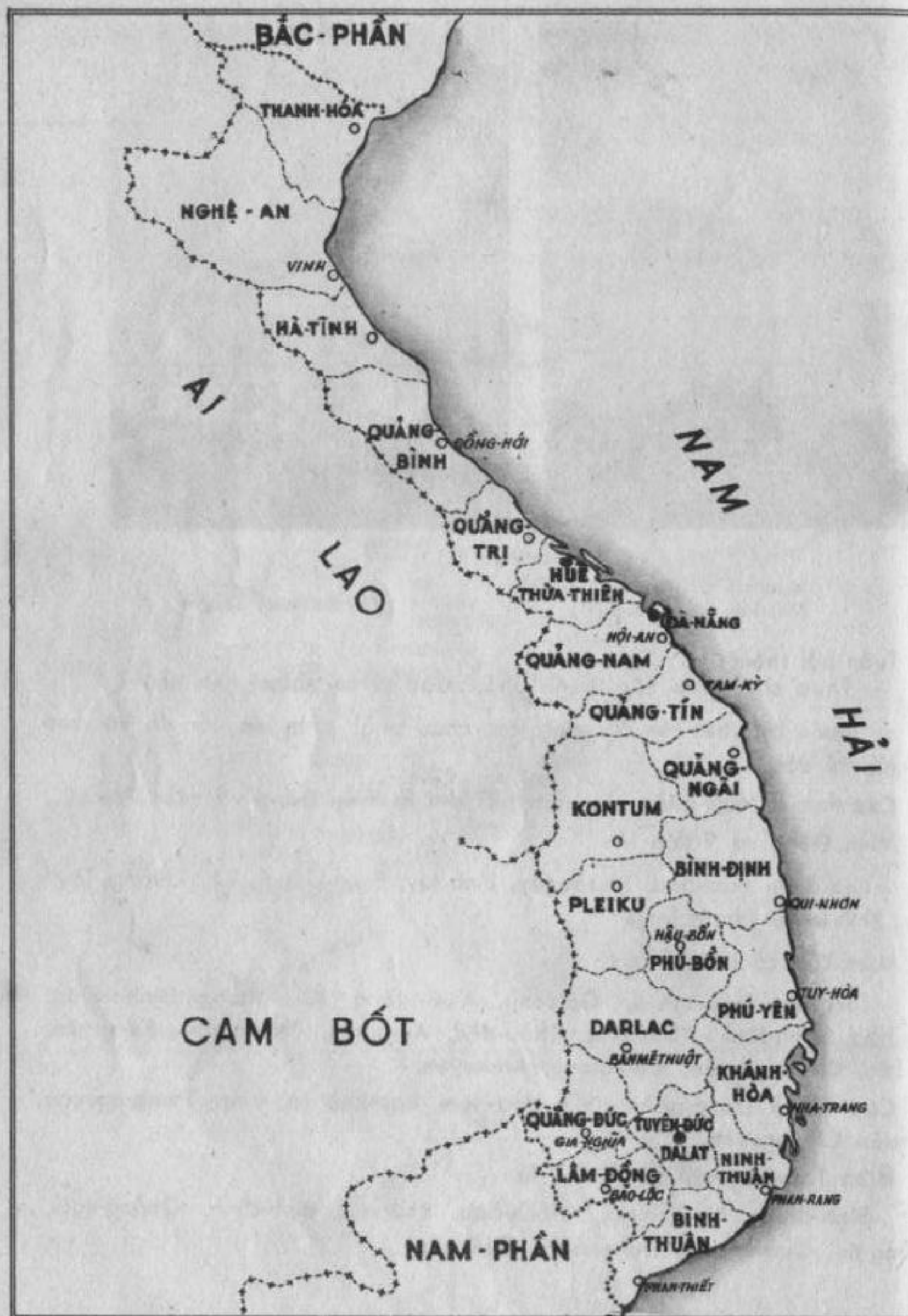
Long-an, Hậu-nghĩa, Gò-công, Kiến-tường, Kiến-phong, Định-tường, Kiến-hòa, Vĩnh-bình, Vĩnh-long, Châu-đốc, An-giang, Phong-dinh, Ba-xuyên, Bạc-liêu, Chương-thiện, Kiên-giang, An-xuyên.

Các tỉnh ở Trung-phần cũng chia làm hai khu là miền Trung-nguyên và miền Cao-nguyên.

Miền Trung-nguyên có 10 tỉnh là :

Bình-thuận, Ninh-thuận, Khánh-hòa, Phú-yên, Bình-định, Quảng-ngãi, Quảng-tín, Quảng-nam, Thừa-thiên, Quảng-trị.

CÁC THÀNH-PHỐ VÀ CÁC TỈNH TRUNG-PHẦN



Cũng thuộc về miền Trung nhưng ở phía Bắc sông Bến-hải có các tỉnh: Quảng-bình, Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hóa.

Miền Cao-nguyên có 7 tỉnh là: Lâm-đồng, Tuyên-đức, Quảng-đức, Darlac, Phú-bồn, Plei-ku, Kon-tum.

Năm 1945, Bắc-phần có 27 tỉnh chia làm ba khu là miền Trung-châu, miền Trung-du và miền Thượng-du.

Miền Trung-châu có 13 tỉnh là: Vĩnh-yên, Phúc-yên, Sơn-tây, Bắc-ninh, Hà-đông, Hải-dương, Thái-bình, Hưng-yên, Kiến-an, Quảng-yên, Nam-định, Hà-nam, Ninh-bình.

Miền Trung-du có 4 tỉnh là: Thái-nguyên, Tuyên-quang, Phú-thọ, Bắc-giang.

Miền Thượng-du có 10 tỉnh là: Hải-ninh, Lạng-sơn, Cao-bàng, Hà-giang, Lào-cai, Lai-châu, Sơn-la, Hòa-bình, Bắc-cạn, Yên-bái.

Nói đến đây chú Tư bảo các cháu:

— Thế là hết các tỉnh Việt-nam, hai cháu thử cộng lại xem nước ta có bao nhiêu tỉnh tất cả.

Tuần mau miệng trả lời ngay

— Thưa chú, Nam-phần có 26 tỉnh, Trung-phần có 21 tỉnh, Bắc-phần có 27 tỉnh, vị-chỉ nước ta có 74 tỉnh tất cả.

BÀI HỌC

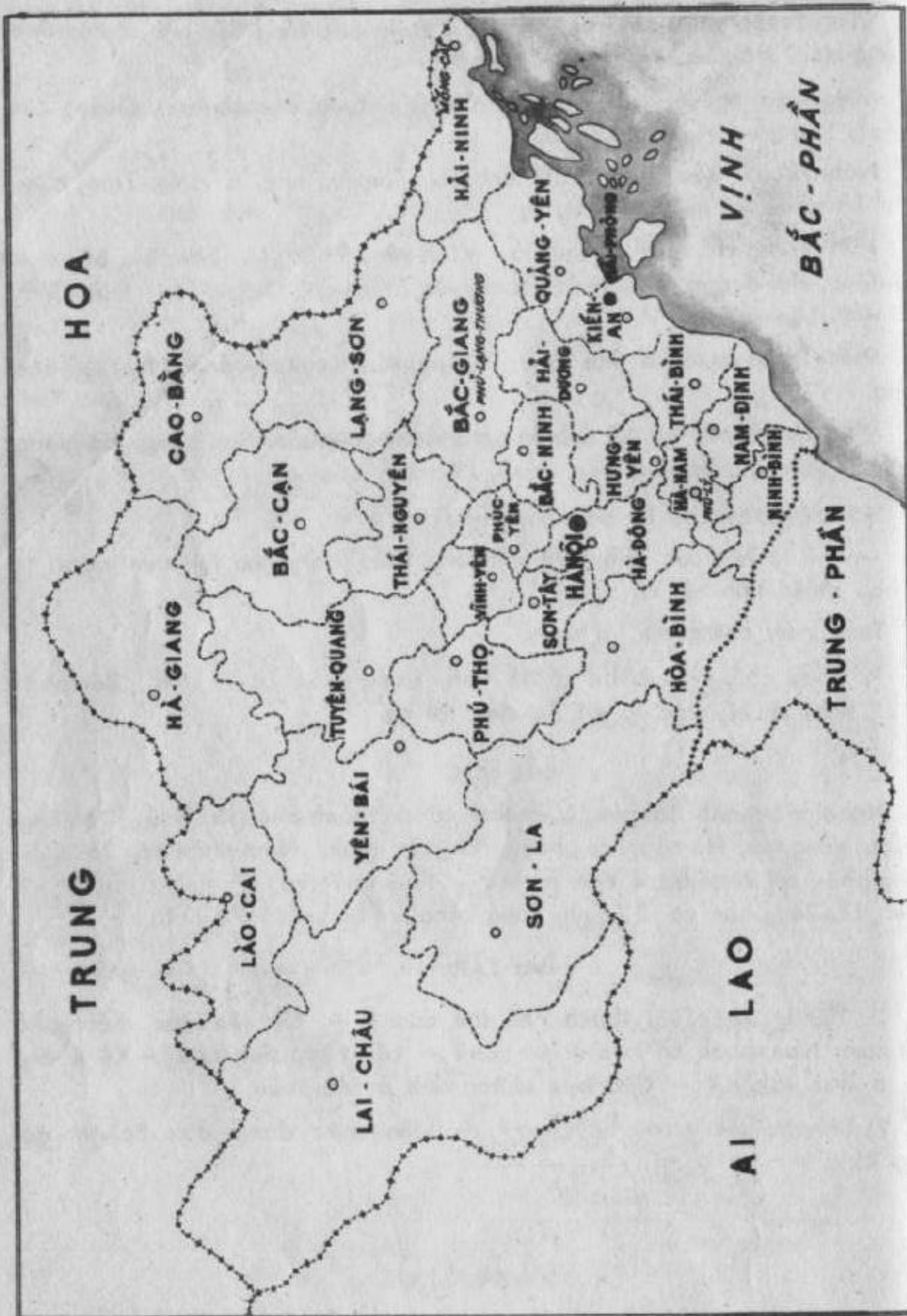
Ngoài đô-thành Sài-gòn, Việt-nam có 6 thành-phố là Huế, Đà-nẵng, Đà-lạt, Vũng-tàu, Hà-nội, Hải-phòng. Về các tỉnh, Nam-phần có 26 tỉnh; Trung-phần có 21 tỉnh; 4 tỉnh ở trên vĩ-tuyến 17 và 17 tỉnh ở dưới vĩ-tuyến 17. Bắc-phần có 27 tỉnh. Tổng cộng Việt-nam có 74 tỉnh.

BÀI TẬP

1) Tỉnh-lỵ khác với thành-phố thế nào? — Kể tên các thành-phố Việt-nam. Nam-phần có bao nhiêu tỉnh? — Là những tỉnh nào? — Kể những tỉnh ở Trung-phần? — Cho biết những tỉnh ở Bắc-phần.

2) Sài-gòn nằm trong tỉnh nào? — Viên-chức đứng đầu Sài-gòn gọi là gì?

CÁC THÀNH-PHỐ VÀ CÁC TỈNH BẮC-PHẦN



17. HỌC ÔN

Nước Việt-nam: Dân-cư — Chính-quyền Trung-ương —
Chính-quyền địa-phương — Các thành-phố và các Tỉnh.

1. Bôi bỏ những tiếng nào mà em thấy sai :

Những dân-tộc thiểu-số :

- Ở Bắc-phần là : Thổ, Thái, Chàm, Miên, Nùng, Mường, Mán, Mèo.
- Ở Trung-phần là : Thổ, Chàm, Mường, Thượng, Mán, Mèo.
- Ở Nam-phần là : Thái, Mường, Chàm, Thượng, Miên, Mán.

2. Gạch dưới tên những ngoại-kiểu ở đông nhất tại Việt-nam Tự-do : Thái-lan, Cam-bốt, Pháp, Trung-hoa, Hoa-kỳ, Phi-luật-tân, Ấn-độ, Hô-lê, Nhật-bản, Đại-hàn, Úc.

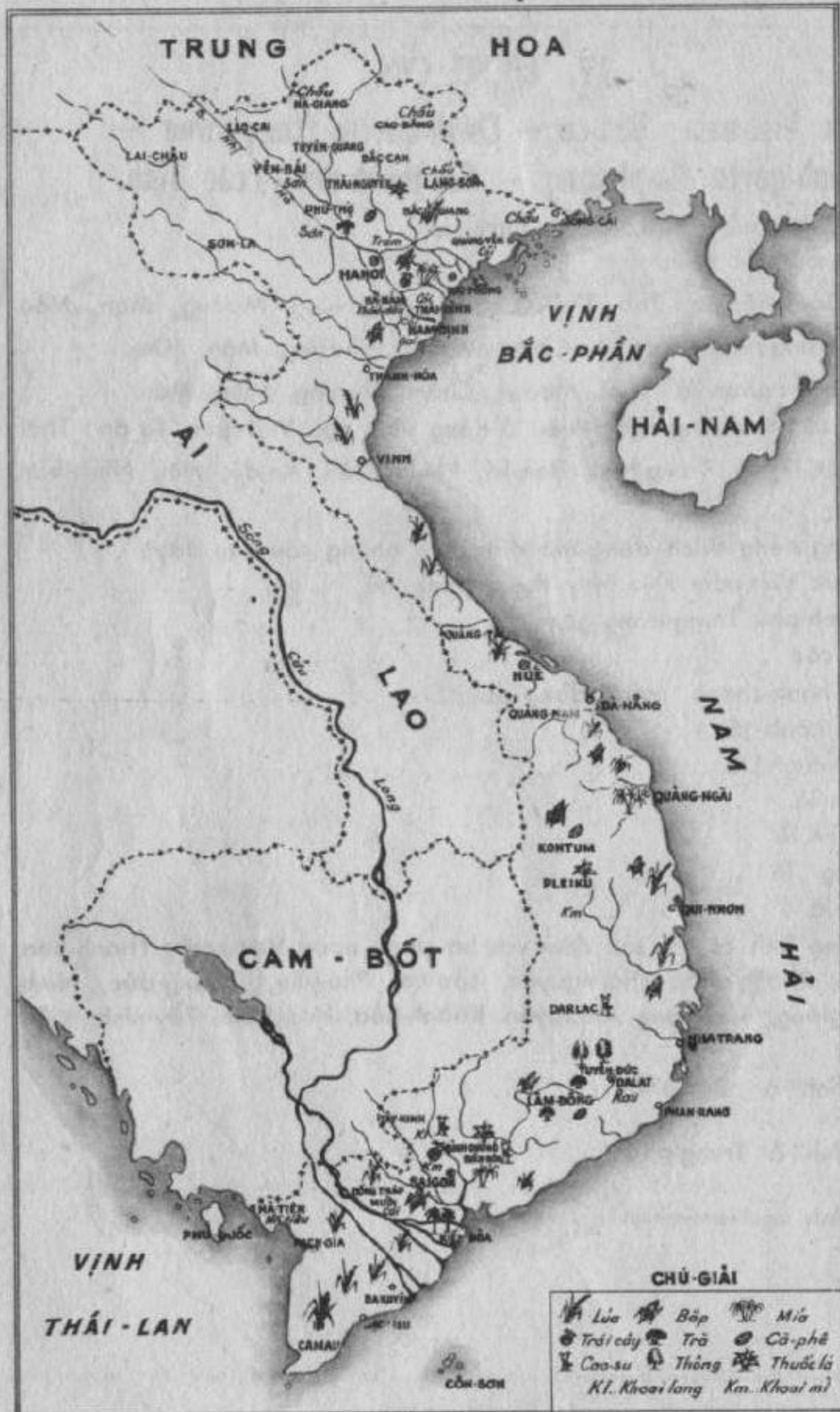
3. Tìm những tiếng thích-đáng mà điền vào những câu sau đây :

- Nước Việt-nam hiện nay theo chính-thể
- Chính-phủ Trung-ương gồm có
- Về hành-chánh, người đứng đầu:
- Đô-thành là
- Thành-phố là
- Tỉnh là
- Quận là
- Tổng là
- Xã là

4. Xếp những Tỉnh có tên sau đây vào ba phần nước Việt-nam : Thanh-hóa, Quảng-bình, Phong-dinh, Thái-nguyên, Lào-cai, Phú-yên, Quảng-đức, Ninh-bình, Kiên-giang, Bắc-giang, An-xuyên, Khánh-hòa, Hòa-bình, Tây-ninh, Kiến-tường.

- Các Tỉnh ở Bắc-phần
- Các Tỉnh ở Trung-phần
- Các Tỉnh ở Nam-phần

BẢN-ĐỒ VIỆT-NAM NÔNG-NGHIỆP



18. VIỆT-NAM KINH-TE Nông-nghiệp: các cây dùng làm thực-phẩm

Ý CHÍNH:

I. Sơ-lược nông-nghiệp ở Việt-nam.

1. Đa số dân-chúng làm nghề nông.
2. Các đồng-bằng không đủ đất cho nông-dân cày cấy.

II. Nông-sản:

1. Cây dùng để ăn: Lúa, bắp, khoai lang, khoai mì, đậu, rau, trái cây, hồ tiêu...
2. Cây làm đồ uống, thuốc hút: Trà, cà-phê, thuốc lá, thuốc Lào.

CÂU CHUYỆN

Mùa gặt hái

Tháng 10 âm-lịch là tháng giữa mùa gặt hái ở thôn-quê. Nhân ngày chủ-nhật đẹp trời, chú Tư cùng Loan, Tuấn đạp xe đò về Định-tường thăm gia-đình bác Hương, tiện thể xem nhà nông thu-hoạch mùa-màng.

Vừa ra khỏi đô-thành vài cây-số, chị em Tuấn đã nhận thấy những cánh đồng lúa chín bát-ngát đến tận chân trời. Dân-quê như những đốm đen nổi lên trên những đợt sóng vàng, đang cầm-cúi gặt-hái và đập lúa lấy hạt gánh về. Trước cảnh vui mắt đó, Tuấn thích chí nói với chú:

— Lúa chín đẹp quá, chú nhỉ?

— Lúa chín đẹp và cũng là nguồn sống của dân ta. Các cháu nên biết là đa số dân-chúng Việt-nam làm nghề nông, nhưng tiếc rằng nước ta chỉ mới khai-thác được các miền đồng-bằng nên không đủ đất cho nông-gia canh-tác. Hiện nay chính-phủ đang xúc-tiến công-cuộc khẩn-hoang các miền rừng núi ở cao-nguyên và các vùng đồng-lầy ở Đồng Thấp-mười và Cà-mau để lấy thêm đất trồng-trọt. Nhiều số tiền lớn đã bỏ ra để đáp



Mùa gặt lúa



Những bóng dừa quen thuộc
trong một làng ở Nam-phần

đập, khai sông, mua máy bơm nước, máy cày và cho nông-dân vay vốn để làm mùa. Nhờ vậy mà nông-nghiệp ở miền Nam có phần tiến-bộ hơn trước. Số lúa sản-xuất được không những đủ dùng trong nước mà còn thừa để xuất-cảng.

Từ đầu Loan chỉ lắng tai nghe, thấy chú ngừng nói, mới hỏi thêm :

— Thưa chú, ngoài lúa ra, dân ta có trồng cây gì khác để ăn không ?

— Có chứ, các cháu đã ăn bắp, khoai lang, khoai mì và các thứ rau, đậu, cùng trái cây, đó cũng là những nông-sản do dân-quê trồng được. Ngoài ra, dân ta còn trồng nhiều cây để làm gia-vị như hồ-tiêu, ớt, gừng v.v..... Chúng ta còn phải kể thêm những cây lấy lá hay hạt để uống như trà, cà-phê trồng khá nhiều ở Lâm-đồng, Tuyên-đức; những cây lấy lá để hút như thuốc lá, thuốc Lào, lác-đác trên các nương đất cao gần những ruộng lúa. Trong những nông-sản trên đây, ngoài lúa ra, ta còn xuất-cảng được trà, cà-phê, và hồ-tiêu.



Một công-trình dân-thầy nhập điển : Đập Đá-dựng thuộc tỉnh Bình-tuy

BÀI HỌC

Đa số dân Việt-nam làm nghề nông, nhưng phần nhiều qui-tụ ở các miền đồng-bằng, nên thiếu đất cày-cấy. Ngày nay, chính-phủ quốc-gia đang cố-gắng khẩn-hoang thêm các miền rừng núi và giúp đỡ nông-dân, nên nông-nghiệp của ta có phần thịnh-vượng hơn trước. Lúa gạo giữ mức sản-xuất quan-trọng nhất, ngoài ra, dân-quê còn trồng thêm được bắp, khoai lang, khoai mì, đậu, rau, trà, cà-phê, hồ-tiêu, trái cây, thuốc lá, thuốc Lào, v.v.....

BÀI TẬP

Đa số dân ta làm nghề gì ? — Những nơi nào cấy nhiều lúa ? — Ngoài lúa ra, dân-quê trồng được những cây gì dùng làm thực-phẩm ?

19. VIỆT-NAM KINH-TẾ

Nông-nghiệp : Các cây dùng trong công-nghệ, chăn nuôi.

Ý CHÍNH

I. Các cây dùng trong công-nghệ :

1. Cây lấy sợi : đay, gai, cói, dâu nuôi tằm.
2. Cây lấy dầu : dừa, đậu-phụng, mè, thầu-dầu, châu.
3. Cây lấy nhựa : thông, trám, sơn, cao-su.

II. Chăn nuôi :

- Trâu bò để giúp việc đồng-áng.
- Heo, cừu, dê, gà, vịt để ăn thịt.

CÂU CHUYỆN

Nông-trại bác Hương

Tới nhà bác Hương, sau khi chào hỏi mọi người, Loan, Tuấn nhờ ngay anh Thành, con bác, dẫn đi xem các khu vườn ở xung-quanh nhà.

Sau khi xem vườn rau và vườn cây ăn trái, Thành đưa hai em đến những thửa đất rộng trồng nhiều thứ cây dùng trong công-nghệ. Vì đã học cách-trí dạy về cây cỏ, Loan, Tuấn không đợi Thành chỉ-dẫn cũng nhận ra chỗ này trồng cây lấy sợi như đay để bện thùng, đan võng, gai để đan lưới, dâu để lấy lá nuôi tằm; chỗ kia trồng cây lấy trái để ăn và ép dầu như đậu-phụng, mè, dừa. Đặc-biệt có dừa là nhiều nhất, bất-cứ chỗ nào có đất trống là có những hàng dừa tàu lá xanh um, cây nào cũng sai bện những trái. Loan và Tuấn luôn miệng khen vườn nhà bác rộng và có nhiều thứ cây. Thành nhũn-nhận trả lời :

— Vườn này tuy gọi là rộng nhưng chưa thấm vào đâu nếu đem so-sánh với những đồn điền bao-la bát-ngát trên các miền đồi núi. Về các thứ cây thì ở đây chỉ mới có một số rất ít thường trồng tại đồng-bằng. Ngoài ra, nước ta còn có nhiều loại cây khác dùng trong công-nghệ như cói để dệt chiếu, làm thảm, mọc rất nhiều ở Đồng Tháp-mười và bờ biển Bắc-phần. Trên các bãi đất bồi dọc theo các dòng sông, người ta trồng thầu-dầu lấy trái ép dầu để làm thuốc. Châu là thứ cây cho ta dầu pha sơn thì mỗi độ xuân về lại nở bông trắng xóa như tuyết phủ kín các ngọn đồi trên các miền cao-nguyên. Ta còn phải kể những cây lấy nhựa ở thân ra như thông, trám ở những nơi đất cao, cây sơn mọc nhiều ở các tỉnh Yên-bái, Phú-thọ (Bắc-phần), và cây cao-su, một nguồn lợi lớn của nước ta thì đã được trồng thành rừng phủ kín những vùng đất đỏ ở miền nam Trung-phần và đông Nam-phần.



Một khu rừng cao-su ở Nam-phần

Xem vườn xong, Thành dẫn Loan Tuấn về, xem trại chăn nuôi. Ở đây có hai đôi trâu, một cặp bò và rất nhiều heo, gà, vịt, ngan, ngỗng. Anh Thành cho biết là chăn nuôi chỉ là một việc phụ của nông-gia để lấy trâu bò giúp việc đồng-áng và gia-súc để ăn thịt. Ở cao-nguyên tuy có nhiều đồng cỏ nhưng nghề chăn nuôi cũng chưa phát-dạt vì dân ta không đủ vốn để nuôi những đàn bò hàng ngàn con như bên Âu-Mỹ.

BAI HỌC

Việt-nam trồng được nhiều thứ cây dùng trong công-nghệ : những cây để lấy sợi như đay, gai, cói, dâu ; những cây lấy dầu như, dừa, đậu-



phụng, mè, thầu-dầu, châu; những cây lấy nhựa như thông, trám, sơn và quan-trọng hơn hết là cao-su trồng thành rừng ở các miền đất đỏ tại miền Nam Trung-phần và miền Đông Nam-phần.

Nghề chăn nuôi của ta còn thấp kém vì thiếu vốn.

BÀI TẬP

1. Kể những cây trồng ở Việt-nam để dùng trong công-nghệ.
2. Vẽ phác bản-đồ Việt-nam và ghi những chữ : cói, dừa, châu, thông, trám, sơn, cao-su vào những nơi mà những cây này được trồng nhiều.

20. VIỆT-NAM KINH-TẾ

Thủy-sản

Ý CHÍNH

I. Hải-sản chính :

1. Cá và nghề chài-lưới ở Việt-nam.
2. Muối và nước mắm ở các tỉnh trên bờ biển.

II. Các hải-sản phụ :

1. Tò yến trên các đảo ở Trung-phần.
2. Đồi-mồi ở Hà-tiên, Phú-quốc.
3. Xà-cừ ở biển Trung-phần và Nam-phần.

CÂU CHUYỆN

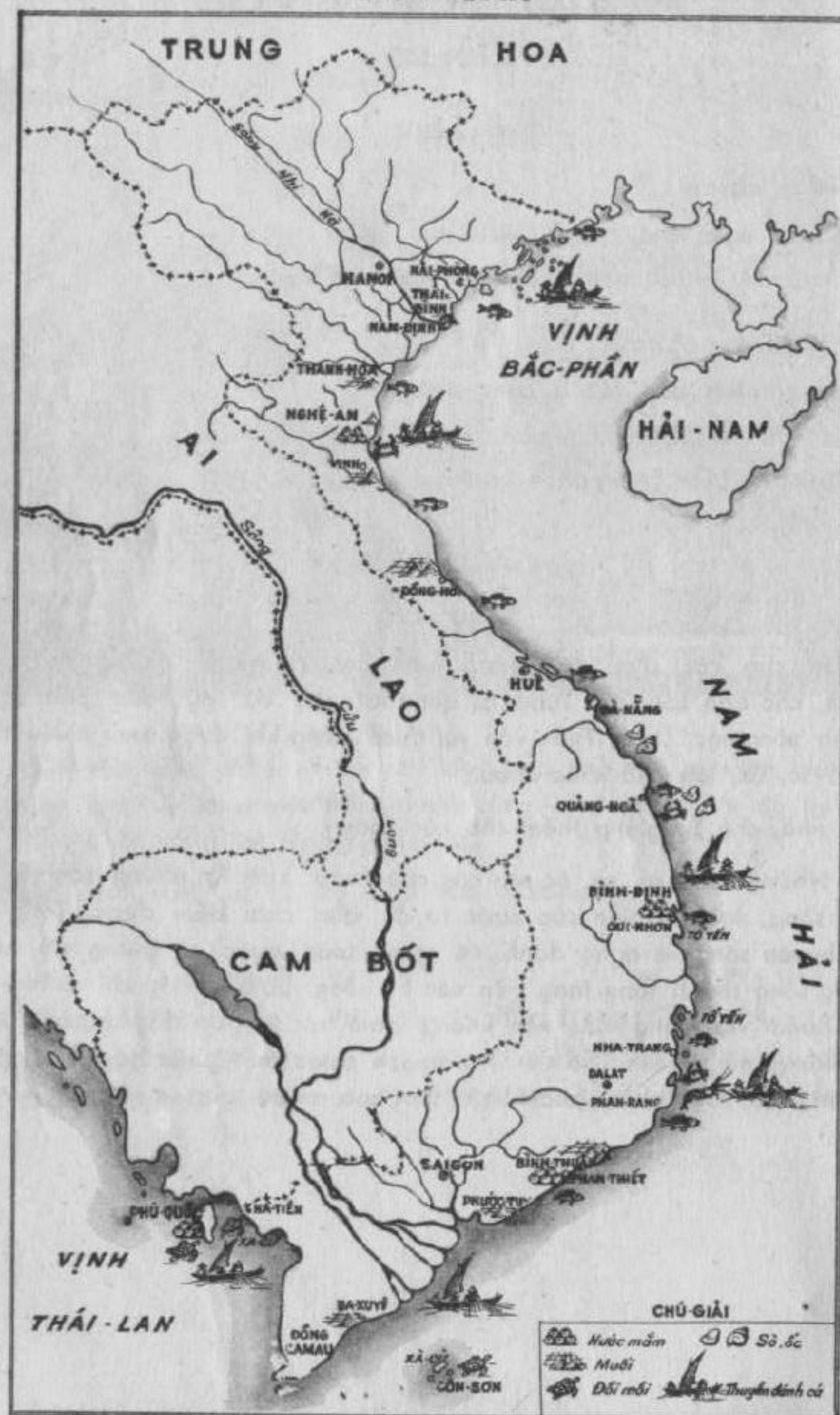
Chợ cá

Muốn cho các cháu có những hình ảnh cụ-thể về những thủy-sản Việt-nam, chú dẫn Loan và Tuấn đi quan-sát chợ cá. Mặc dầu phải ngửi mùi tanh nồng-nặng, Loan, Tuấn vẫn vui thích trong khi được xem nhiều thứ tôm, cá, sò, ốc, lớn nhỏ khác nhau.

Về nhà, chú Tư giảng thêm cho các cháu :

— Những tôm, cá, sò, ốc mà các cháu vừa xem là những sản-vật ở hồ, ao, sông, ngòi và biển của nước ta, do dân chài kiếm được. Tổng số người chuyên sống về nghề đánh cá trong toàn quốc có chừng độ nửa triệu. Họ sống thành từng làng trên các bờ sông, bờ biển. Họ chỉ có những thuyền bươm và xuồng máy nên không dám ra xa, do đó không đánh được những mẻ cá lớn. Số cá thu-hoạch được, một phần bán cho dân-chúng ăn tươi, một phần phơi khô, còn bao nhiêu ướp muối làm nước mắm.

BẢN-ĐỒ VIỆT-NAM THỦY-SẢN



Việt-nam có nhiều cá nước ngọt ở sông Cửu-long và cá nước mặn tại các miền duyên-hải và đồng Cà-mau. Chỗ nào đánh được cá là có công-nghệ nước mắm, nhưng nước mắm ngon thì phải kể ở những tỉnh Nghệ-an, Bình-định, Phan-thiết và đảo Phú-quốc. Cá và nước mắm của ta chỉ đủ dùng cho dân-chúng, không có thừa để xuất-cảng.

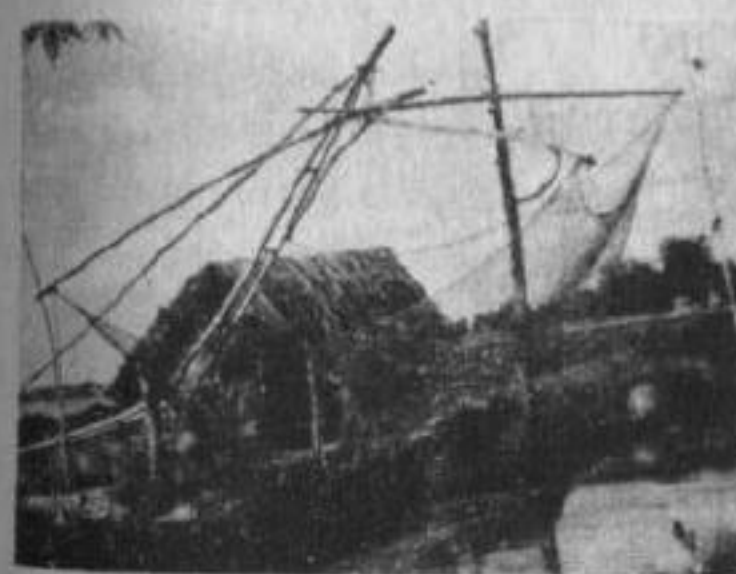
Tuần hồi lại chú:

— Chú vừa nói cá đem ướp muối để làm nước mắm, vậy muối lấy ở đâu hở chú?

— Muối cũng lấy ngay ở bờ biển bằng cách phơi nước mặn trong ruộng muối cho bay hết hơi nước. Các tỉnh Thái-bình, Nam-định, Thanh-hóa, Nghệ-an, Bình-thuận, Ba-xuyên, Phước-tuy, sản-xuất được nhiều muối. Muối của ta trắng và ngon, hàng năm xuất-cảng trên 50.000 tấn.

Ngoài cá và muối, nước ta còn có nhiều hải-sản phụ khác. Tại bờ biển Trung-phần, ta lấy được nhiều tò-yến làm món ăn rất bổ và quý-giá. Ở bờ biển Hà-tiên, Phú-quốc, Côn-sơn, có giống đồi-mồi, mai cứng như sừng và có vân đẹp dùng để làm quạt, lược, khay trà, hộp thuốc lá. Những sản-phẩm bằng đồi-mồi rất được các khách ngoại-quốc ưa-chuộng. Việt-nam còn có một thứ hải-sản đặc-biệt là những con trai lớn, vỏ dày có vân ngũ-sắc gọi là xà-cừ dùng để khảm đồ gỗ, đồ sơn.

Xem như vậy thì sông biển là một nguồn lợi quan-trọng của Việt-nam.



Vỏ cá ở bên sông

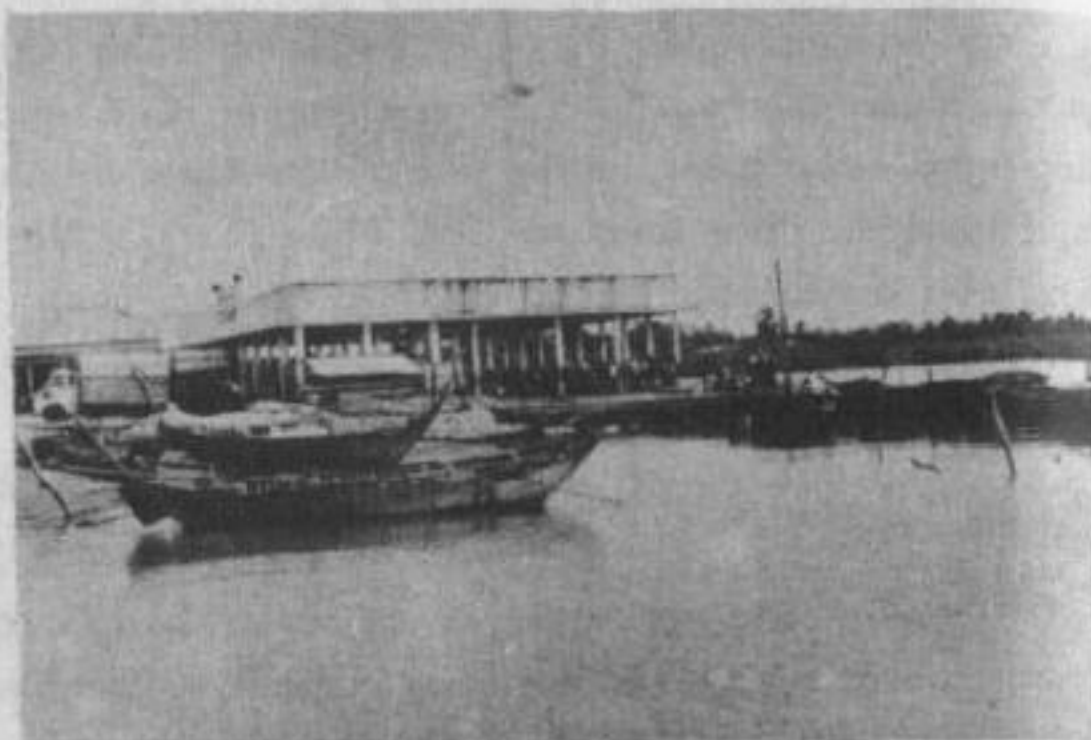
Nhưng muốn khai-thác kho-tàng quý-báu đó, ta cần phải canh-tân ngư-nghiệp, nhất là phải đóng tàu lớn để đánh cá.

BÀI HỌC

Chừng nửa triệu dân Việt-nam sống về nghề chài lưới trên các sông biển.... Số cá đánh được, một phần để ăn tươi hay

phơi khô, một phần làm nước mắm, không dư để xuất-cảng. Riêng có muối của ta trắng và ngon, sản-xuất được khá nhiều để bán ra ngoại-quốc.

Việt-nam còn có những hải-sản phụ, tuy ít nhưng rất quý là tồ-yến, đồi-mồi và xà-cừ.



Bến cá và chợ cá ở Bình-tuy

BÀI TẬP

Miền nào ở Việt-nam có nhiều cá nước ngọt? — Ở đâu có nhiều cá nước mặn? — Cá đánh được dùng vào những việc gì? — Tại sao ta không xuất-cảng cá và nước mắm? — Những tỉnh nào có nhiều ruộng muối? — Kể những hải-sản phụ của Việt-nam và công-dụng của những hải-sản đó.

21. VIỆT-NAM KINH-TẾ

Lâm-sản

Ý CHÍNH

I. Rừng ở Việt-nam :

Vì khí-hậu nóng và ẩm, Việt-nam có nhiều rừng trên các miền thượng-du và cao-nguyên.

II. Lâm-sản :

1. Lâm-sản chính : Gỗ quý, lim, gụ, trắc, cẩm-lai, gõ, sao. Gỗ tạp để làm giấy, than củi.

2. Lâm-sản phụ : Tre, nứa, lá gồi, củ nâu, cánh-kiến, quế, hồi.

— Dã-thú : hươu, nai, voi.

III. Nhiệm-vụ của sở Thủy-lâm : Bảo-vệ rừng.

CÂU CHUYỆN

Tiền rừng bạc biển

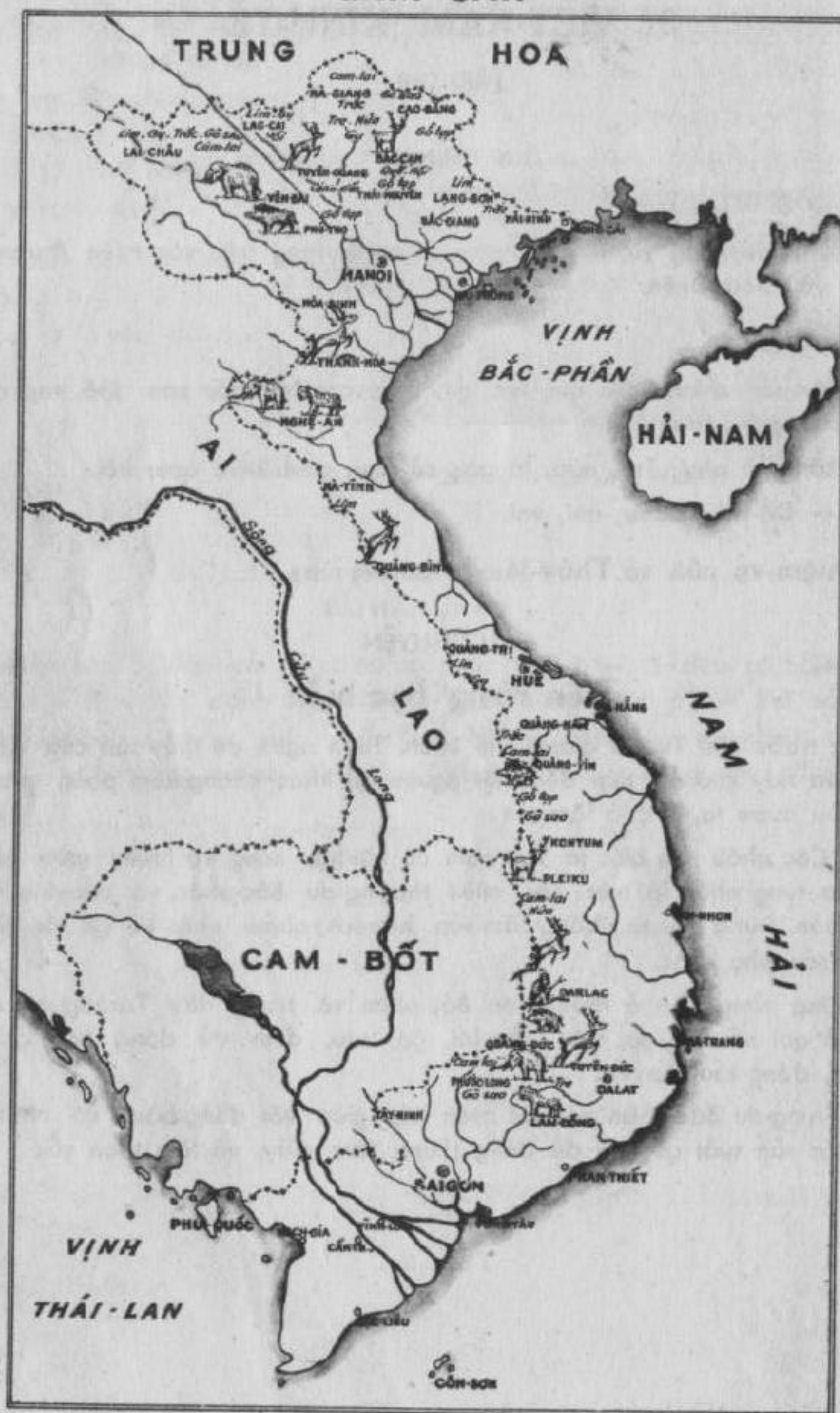
Lần trước chú Tư đã giảng cho Loan, Tuấn nghe về thủy-sản của Việt-nam, bữa nay chú nói tiếp đến một nguồn lợi khác không kém phần quan-trọng của nước ta, tức là lâm-sản :

— Các cháu nên biết là Việt-nam có khí-hậu nóng và nhiều mưa nên có nhiều rừng nhất là trên các miền thượng-du Bắc-phần và cao-nguyên Trung-phần. Rừng cho ta những lâm-sản hữu-ích, nhiều nhất là gỗ rồi đến các lâm-sản phụ khác.

Những rừng rậm ở thượng-du Bắc-phần và trong dãy Trường-sơn có nhiều gỗ quý như lim, gụ, trắc, cẩm-lai, gõ, sao, đinh, để đóng bàn ghế, làm nhà, đóng tàu, thuyền.

Ở Trung-du Bắc-phần và các miền tiếp giáp với đồng-bằng có những rừng thưa sản-xuất gỗ tạp để đóng thùng, làm giấy, và làm than củi.

BẢN-ĐỒ VIỆT-NAM LÂM-SẢN



Ngoài gỗ ra, rừng còn cho ta tre, nứa, lá gồi để làm nhà; củ nâu, cánh-kiến, chàm để nhuộm; hồi, quế, thảo-quả, sa-nhân để làm thuốc và làm đồ gia-vị.

Chú Tư vừa ngừng kể thì Tuấn đã nói xen vào:

— Ngày lên chơi Đà-lạt, trên đường đi, cháu đã trông thấy rừng rồi, toàn những cây với lá, coi buồn lắm, không vui bằng biển chú nhỉ?

Chú Tư cười và trả lời:

— Tuấn nhận xét đúng đấy, rừng không những có vẻ buồn âm-u mà còn gây cho du-khách những cảm-tưởng sợ-hãi vì rừng là nơi ẩn-náu của những dã thú như hổ, báo, voi, hươu, nai, heo rừng, cày, cáo, v.v.... Tuy-nhiên những loài vật này cũng là những lâm-sản quý-giá mà các thợ săn thường mạo-hiểm xông-pha vào rừng để tìm kiếm.

Tóm lại, lâm-sản của ta có rất nhiều thứ, riêng số gỗ sản-xuất thừa dùng trong nước, hàng năm còn được bán ra ngoại quốc. Rừng có lợi như thế nên Chính-phủ đã đặt ra sở Thủy-lâm để kiểm-soát việc khai-thác lâm-sản và chỉ-dẫn cho dân-chúng phương-pháp đốt rừng làm rẫy mà không cháy lây đến những khu rừng lân-cận.

Xem như thế thì rừng và biển là những nguồn lợi có thể góp phần vào sự thịnh-vượng của quốc-gia, vì thế tục-ngữ ta đã có câu: «Tiền rừng bạc biển» để nói lên những tài-nguyên phong-phú ở trên rừng và dưới biển.

BÀI HỌC

Việt-nam có khí-hậu nóng và ẩm nên có nhiều rừng. Rừng của ta bao-phủ các miền thượng-dự Bắc-phần và cao-nguyên Trung-phần. Rừng cho ta những gỗ quý như lim, gụ, trắc, căm-lai, gỗ... để làm bàn ghế đóng tàu và các thứ gỗ tạp để làm giấy và than củi. Trong rừng còn có tre, nứa, củ-nâu, cánh-kiến, quế, hồi và nhiều loài vật như hổ, báo, voi, hươu, nai, heo rừng, v.v....

BÀI TẬP

Tại sao Việt-nam có nhiều rừng? - Kể những lâm-sản quan-trọng của Việt-nam. Trong rừng còn có những lâm-sản phụ nào khác?

Sở thủy-lâm có nhiệm-vụ gì? Giải-nghĩa câu: «Tiền rừng bạc biển».

[illegible]

Hồng-gai - Cẩm-phả - Đông-triều - Nông-sơn (Quảng-nam).

- Kẽm : Bắc-cạn, Tuyên-quang, Thái-nguyên, Quảng-nam.
- Chì, bạc : Bắc-cạn
- Thiếc : Cao-bằng.
- Sắt : Thái-nguyên.
- Vàng : Quảng-nam.

III: Đất - Đá: Đất sét - Đá vôi.

Kho tàng trong lòng đất Việt-nam

Chú Tư cho Loan, Tuấn xem một ít than đá và mấy thứ quặng kim-loại rồi hỏi :

— Hai cháu có biết những thứ này lấy ở đâu không ?

Tuấn chưa nghĩ ra thì Loan đã kịp nhớ lại những bài địa-lý ở lớp Nhì liền trả lời :

— Thưa chú, đây là những khoáng-sản lấy ở lòng đất nước ta.

Chú khen Loan có trí nhớ dai, rồi giảng cho các cháu :

— Đúng thế, đất nước Việt-nam có rất nhiều khoáng-sản, quan-trọng nhất là các loại than, rồi đến các thứ quặng kim-loại và đất đá.



Trong xường cán đá ở Biên-hòa

Nói về than ta phải kể than đá hay than mỡ trước, trong dãy núi Đông-triều (Bắc-phần) có nhiều mỏ than già rạn như đá, nằm rải-rác trên một dải đất dài 150 cây số từ Phả-lại đến Vịnh Hạ-long. Có nơi than nổi ngay trên mặt đất, còn phần nhiều ở chìm dưới đất, phải đào hầm mới lấy được. Những miền lắm than nhất ở Bắc-phần là Hồng-gai, Cẩm-phả, Đông-triều. Ở Nông-sơn (Quảng-nam) cũng có mỏ than, nhưng không nhiều như ngoài Bắc. Than đá của ta có sức nóng rất cao, chuyên dùng để chạy máy và nấu quặng kim-loại. Số than của Việt-nam khai-thác được phần nhiều để xuất-cảng.

Việt-nam còn có một nguồn năng-lực khác có thể thay-thế than mỡ mà ta gọi là than trắng, đó là sức mạnh của những thác nước dùng để làm chuyển-vận những nhà máy sản-xuất hơi điện. Ở Tuyên-đức có một đập rất lớn trên sông Đa-nhim dùng để lấy nước cho máy thủy-điện. Nhà máy này có thể cung cấp điện-lực cho cả miền Nam nước ta.

Sau các thứ than, ta phải kể đến quặng kim-loại, phần nhiều ở trong các dãy núi Bắc-phần và Trung-phần. Các mỏ mà ta đang khai-thác là:

- Kẽm ở Bắc-cạn, Tuyên-quang, Thái-nguyên, Quảng-nam.
- Chì và bạc ở Bắc-cạn.
- Thiếc ở Cao-bằng.
- Sắt ở Thái-nguyên.
- Vàng ở Quảng-nam.

Hiện nay nước ta chưa có lò luyện kim và chưa có nhà máy đúc kim-loại. Các quặng lấy ở mỏ lên chỉ chọn lọc qua loa rồi đem bán ra ngoại-quốc.

Sau hết những khoáng-sản thông-dụng của ta là đất sét ở các miền châu-thỏ để làm gạch, ngói, đồ gốm; đá vôi ở Hải-dương, Kiến-an, Hà-tiên để nung vôi, làm xi-măng.

BÀI HỌC

Việt-nam có rất nhiều khoáng-sản: quan-trọng nhất là than đá ở Hồng-gai, Đông-triều, Quảng-nam. Các quặng kim-loại đáng kể là thiếc ở Cao-bằng, chì và bạc ở Bắc-cạn, sắt ở Thái-nguyên, vàng ở Quảng-nam, v.v..... Ngoài ra, ta còn có những khoáng-sản thông-dụng là đất sét, ở các miền châu-thỏ, và đá vôi ở Hải-dương, Kiến-an và Hà-tiên.

BÀI TẬP

1. Việt-nam có những mỏ than đá quan-trọng ở đâu? Than trắng là gì? Nước ta có những quặng kim-loại ở đâu? Đất sét lấy ở đâu và dùng được những việc gì? Ở đâu có nhiều đá? Đá vôi dùng để làm gì?
2. Vẽ sơ-lược bản-đồ Việt-nam và ghi những nơi có khoáng-sản.

23. HỌC ÔN

Nông-nghiệp, Thủy-sản, Lâm-sản, Khoáng-sản.

1. Bôi bỏ những tiếng sai trong các câu sau đây :

a) Nông-sản Việt-nam có các cây để ăn là : lúa, khoai lang, khoai mì, lúa mì, bắp, kê, rau, đậu, v.v.....

b) Việt-nam có nhiều lâm-sản ở thượng-du Bắc-phần, đồng-bằng Nam-phần, cao-nguyên Trung-phần, Trung-nguyên Trung-phần.

c) Nước ta có nhiều mỏ than ở Đông-triều, Lạng-sơn, Cẩm-phả, Hồng-gai, Hà-tiên, Quảng-nam, Quảng-ngãi.

2. Đánh dấu + vào ô trống trước những tiếng nào mà em cho là đúng :

a) Trà trồng nhiều ở :

☐ Kiên-giang, Gia-định

☐ Lâm-đồng, Tuyên-đức.

☐ Quảng-trị, Phan-thiết.

b) Cây cao-su trồng nhiều ở :

☐ Trung-du Bắc-phần.

☐ Miền Đông Nam-phần.

☐ Miền Bắc Trung-phần.

c) Những nơi sản-xuất được nhiều nước mắm ngon là :

☐ Long-an, Định-tường, Gia-định

☒ Nghệ-an, Phan-thiết, Phú-quốc.

☐ Tuyên-đức, Plei-ku, Kon-tum.

d) Việt-nam sản-xuất được nhiều lúa :

☐ Ở Bắc-phần hơn Nam-phần.

☐ Ở Nam-phần hơn Bắc-phần.

☐ Ở Trung-phần hơn Bắc-phần.

3. Điền vào chỗ trống thứ khoáng-sản của những địa-diểm sau đây :

a) ở Hồng-gai, Cẩm-phả, Đông-triều, Nông-sơn.

b) ở Bắc-cạn, Tuyên-quang, Thái-nguyên, Quảng-nam.

c) ở Cao-bằng.

d) ở Thái-nguyên.

BẢN ĐỒ VIỆT-NAM TIÊU - CÔNG-NGHỆ VÀ KỸ-NGHỆ



24. VIỆT-NAM KINH-TẾ Tiêu-công-nghệ

Ý CHÍNH

I. Tiêu công-nghệ cũ :

- 1) Tính-chất: có tính-cách gia-đình và thủ-công-nghiệp.
- 2) Sản-phẩm: tơ, lụa, đồ thêu, đồ sơn, đồ gốm, đồ đan, đồ đòi-mời.

II. Tiêu công-nghệ mới:

Sản-phẩm : Giấy, mũ, đồ da. Sửa máy-móc.

CÂU CHUYỆN

Hàng nội-hóa

Chủ-nhật vừa qua, chú Tư đã đưa Loan và Tuấn đi thăm nhà hàng triển-lãm tiêu-công-nghệ Việt-nam. Sau khi xem hết một lượt, hai cháu đều thích-thú và ngạc-nhiên vì không ngờ hàng-hóa do người Việt sản-xuất cũng tinh-xảo không thua kém đồ ngoại-quốc.

Khi về nhà, chú Tư giảng thêm cho các cháu nghe về sự phát-triển của nền tiêu-công-nghệ Việt-nam hiện nay :

— Tiêu-công-nghệ của ta có hai loại là tiêu-công-nghệ cũ và tiêu-công-nghệ mới.

Tuấn hỏi ngay:

— Thưa chú, thế nào là tiêu-công-nghệ cũ ?

— Tiêu-công-nghệ cũ là những nghề mà dân ta đã biết làm từ xưa như nghề mộc, nghề dệt, nghề thêu v.v... Nhưng tiếc rằng nền tiêu-công-nghệ cũ chỉ có tính cách gia-đình và làm theo lối thủ-công-nghiệp, nghĩa là không dùng máy-móc nên sản-phẩm đã không được dồi-dào, lại không đồng nhất, khi tốt, khi xấu, tùy theo tay thợ khéo hay vụng. Tuy-nhiên có những nghề cần đến sự nhẫn-nại và khéo-léo thì ngày nay đã tiến hơn trước là nhờ có khách-hàng ngoại-quốc. Đó là những nghề khảm xà-cừ, thêu tay, chạm gỗ và ngà, dệt thảm, đan tre, mây.

Loan hỏi tiếp :

— Thưa chú sản-phẩm của tiểu-công-nghệ cũ còn có những gì nữa ?

— Còn khá nhiều thứ, cháu ạ! Chú có thể lược kê như sau :

Hàng tơ tằm : là những tơ lụa quý giá, ngày xưa ở tỉnh nào cũng có, nhưng gần đây vì sợi hóa-học nhập-cảng nhiều, nên nghề nuôi tằm lấy tơ dệt lụa chỉ còn thấy lác-đắc ở một vài nơi như Long-xuyên, Bình-định, Quảng-nam, Quảng-bình, Hà-đông, Thái-bình, Nam-định.

Chiếu : ở Kiến-tường, Kiên-giang, Định-tường, Thái-bình, Phát-diệm.

Nón lá : ở Thừa-thiên, Bình-định.

Đồ khảm, đồ thêu, đồ chạm gỗ và ngà : ở Sài-gòn, Gia-định, Thừa-thiên, Nam-định, Bắc-ninh.

Đồ đồi-mồi : ở Kiên-giang (Hà-tiên) Côn-sơn.

Đồ sơn : ở Bình-dương.

Đồ gốm : ở Biên-hòa, Long-an, Thừa-thiên, Móng-cái, Bắc-ninh (Bát-tràng).

Đồ gỗ tiện : ở Sài-gòn, Bình-dương, Thừa-thiên, Nam-định.

Đường-cát : ở Biên-hòa, Quảng-ngãi.

Muối và nước mắm : ở các miền duyên-hải như Phú-quốc, Hà-tiên, Phan-thiết, Nghệ-an, Thái-bình, Nam-định, Quảng-yên.

Tuần hỏi tiếp

— Thưa chú còn tiểu-công-nghệ mới của ta thì có những gì ?

— Tiểu-công-nghệ mới thì chừng 50 năm trở lại đây mới xuất-hiện ở nước ta như là nghề làm mũ, đeo guốc, thuộc da đóng giày, may Âu-phục, sửa đồng-hồ và các máy-móc nhỏ.

Tóm lại, nền tiểu-công-nghệ của nước ta hiện nay khá phát-đạt, nhờ vậy mà hàng-hóa cũng tạm đủ để cung ứng cho nhu-cầu trong nước.



Một tiểu công-nghệ gia-đình : Nghề đan tre



Nghề làm đồ gốm

BÀI HỌC

Những tiểu-công-nghệ cũ của ta còn lại là nghề dệt tơ lụa ở Long-xuyên, Bình-định, Quảng-bình, Hà-đông; nghề dệt chiếu ở Kiên-giang, Phát-diệm; nghề làm đồ khảm, đồ thêu, đồ chạm ở Thừa-thiên, Bắc-ninh; nghề làm đồi-mồi ở Hà-tiên; nghề làm đồ gốm ở Biên-hòa, Bắc-ninh; nghề làm đường ở Biên-hòa, Quảng-ngãi; nghề làm muối và nước mắm ở các miền ven biển như Phú-quốc, Hà-tiên, Phan-thiết, Nghệ-an, Thái-bình, Nam-định, Quảng-yên.

Tiểu-công-nghệ mới của ta có những nghề làm mũ, đóng giày, guốc, làm đồ da, sửa đồng-hồ.

BÀI TẬP

1. Tiểu công-nghệ cũ của ta có những gì ? Tại sao nhiều công-nghệ cũ của ta không được phát-đạt ? Tiểu công-nghệ mới có những gì ?

2. Vẽ bản-đồ Việt-nam và ghi những tiểu-công-nghệ của mỗi tỉnh.

25. VIỆT-NAM KINH-TẾ

Kỹ-nghệ

Ý CHÍNH

I. Nguyên-nhân sự thấp kém của nền kỹ-nghệ Việt-nam.

- 1) Chính-sách thuộc-địa của Pháp.
- 2) Tình-trạng loạn-lạc gần đây tại Việt-nam.

II. Nền kỹ-nghệ Việt-nam hiện nay.

1) Kỹ-nghệ nhẹ : gò đồ nhôm, làm xe đạp, tiện kim-khí, ráp đồng-hồ máy may, khâu-thanh, làm diêm, thuốc lá, chế-tạo đồ cao-su, đồ nhựa, dệt vải và tơ hóa-học.

2) Kỹ-nghệ nặng :

- a — Than Nông-sơn.
- b — Xi-măng Hà-tiên.
- c — Xưởng đóng tàu ở Sài-gòn.

3. Kỹ-nghệ sản-xuất thực-phẩm : Các nhà máy xay lúa, làm la-de, nước ngọt, đóng đồ hộp.

III. Tương-lai nền kỹ-nghệ Việt-nam : Có nhiều triển-vọng.

CÂU CHUYỆN

Nền kỹ-nghệ Việt-nam

Sau khi nghe chú Tư nói chuyện về nền tiểu-công-nghệ Việt-nam, Tuấn thắc-mắc hỏi thêm :

— Thưa chú, ngoài tiểu-công-nghệ ra, chẳng nhẽ nước ta không có kỹ-nghệ hay sao ?

Chú Tư đáp ngay :

— Có chứ, nhưng so với các cường quốc Âu Mỹ thì nền kỹ-nghệ của ta còn thua kém nhiều lắm.

Loan hỏi tiếp :

— Xin chú giảng cho chúng cháu biết tại sao nền kỹ-nghệ của ta lại thua kém ?

— Sở-dĩ nền kỹ-nghệ của ta đến nay vẫn chưa phát-triển mạnh-mẽ là vì hai nguyên-nhân chính sau đây :

Trước hết, Việt-nam đã không may bị người Pháp chiếm làm thuộc-địa ;

trong khi cai-trị, họ chỉ mở mang một số ít kỹ-nghệ nhằm mục-đích khai-thác nguyên-liệu đem về chính-quốc hơn là biến-chế những nguyên-liệu đó thành đồ vật ngay tại chỗ.

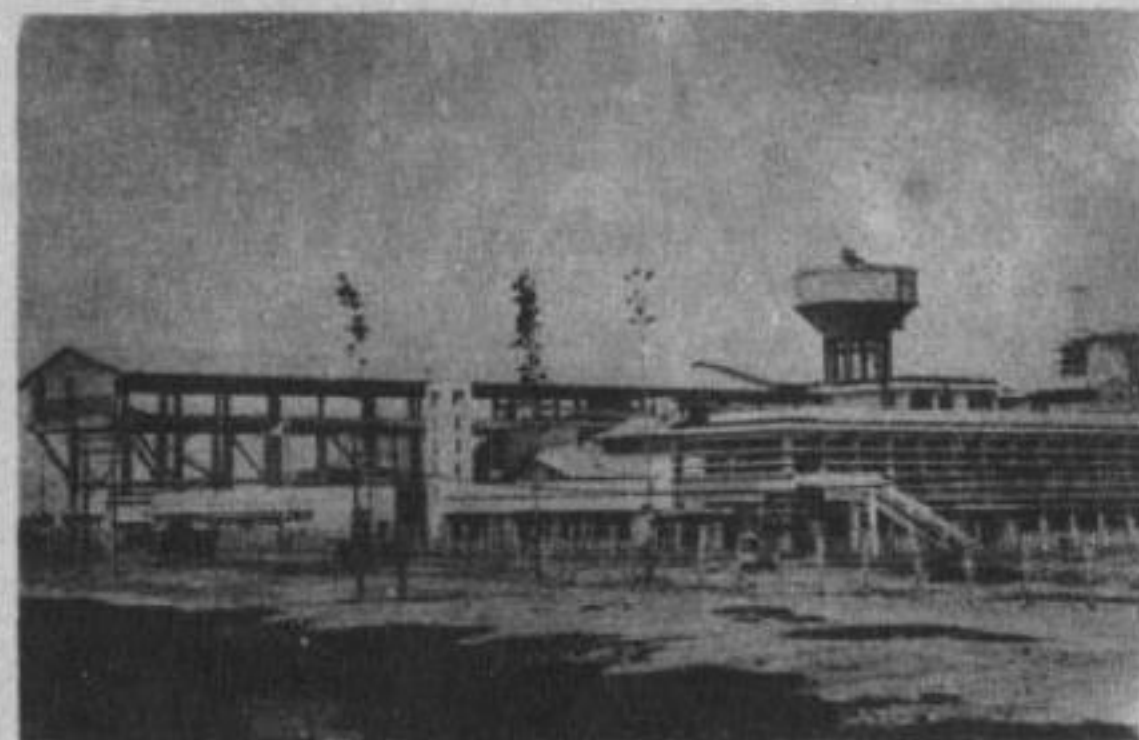
Đến khi giành được độc-lập thì nước ta lại lâm vào cảnh chiến-tranh suốt trong 20 năm nay, thành ra dân ta chưa tổ-chức được một nền đại kỹ-nghệ quan-trọng như nhiều nước văn-minh khác.

Nhưng mặc-dù sống trong hoàn-cảnh chiến-tranh, gần đây dân ta cũng khuếch-trương được nhiều ngành kỹ-nghệ nhẹ đáng kể như gò đồ nhôm, làm sườn xe đạp, tiện kim-khí, ráp đồng-hồ, máy may, máy khâu thanh, sản-xuất diêm, thuốc lá, chế-tạo đồ cao-su, đồ nhựa, làm giấy, dệt vải và lụa hóa-học, v. v.....

Bên cạnh những kỹ-nghệ nhẹ đó, ta còn có các kỹ-nghệ thực-phẩm tại các nhà máy xay lúa, làm la-de, nước ngọt, đóng đồ hộp, v.v.....

Ngoài ra, ta cũng có vài ba ngành kỹ-nghệ nặng như làm xi-măng ở Hà-tiên và Thủ-đức, đóng tàu ở Sài-gòn.

Hiện nay nền kỹ-nghệ của ta tuy có thua kém nhiều nước, song nhờ có đức-tính cần-cù của toàn dân, nhờ ở tài-nguyên phong-phú của đất nước, nhờ có vị-trí thuận-tiện trên các đường giao-thông quốc-tế, chắc hẳn một ngày gần đây Việt-nam sẽ vượt qua những bước khó-khăn để tiến tới một nền đại-kỹ-nghệ thịnh-vượng.



Nhà máy xi-măng tại Thủ-đức



Trong một xưởng dệt tại Việt-nam

BÀI HỌC

Vì những hậu-quả của chính-sách thuộc-địa và chiến-tranh, nền kỹ-nghệ của Việt-nam không khỏi thua kém nhiều nước khác.

Tuy-nhiên ngày nay, dân ta đã khuếch-trương được nhiều ngành kỹ-nghệ nhẹ như gò đồ nhôm, làm sườn xe đạp, tiện kim-khí, ráp đồng-hồ, máy khâu-thanh, sản-xuất diêm, thuốc-lá, chế-tạo đồ cao-su, đồ nhựa, làm giấy, dệt vải lụa, v.v.... Bên cạnh các kỹ-nghệ nhẹ, ta còn có những nhà máy xay lúa và những nhà máy sản-xuất thực-phẩm như la-de, nước ngọt, các đồ hộp, v.v....

Về kỹ-nghệ nặng thì có nhà máy làm xi-măng ở Hà-tiên và Thủ-đức, đóng tàu ở Sài-gòn.

BÀI TẬP

Cho biết những nguyên-nhân khiến nền kỹ-nghệ Việt-nam thua kém nhiều nước khác. Kể những kỹ-nghệ nhẹ hiện có tại nước ta. — Ta có những nhà máy nào để sản-xuất các thực-phẩm? Về kỹ-nghệ nặng ta có những gì? — Nền đại-kỹ-nghệ của Việt-nam có thể phát-triển được không? Tại sao?

26. VIỆT-NAM KINH-TẾ

Sự giao-thông: đường bộ

Ý CHÍNH

I. Nhận-xét về đường bộ tại Việt-nam:

Hình thể quá dài. Đường đi khó-khăn trên các miền rừng núi.

II. Đường bộ:

1. Quốc-lộ số 1 từ Nam ra Bắc: Từ biên-giới Cam-bốt qua Nam-phần, Trung-phần, Bắc-phần đến biên-giới Trung-hoa.

2. Những đường bộ ở:

a) Bắc-phần: Khởi đầu từ Hà-nội đi: Hải-phòng, Hồng-gai, Cao-bằng, Hà-giang, Lai-châu.

b) Trung-phần: Vinh đi Vạn-tượng, Đông-hà đi Sa-va-na-khét, Qui-nhon đi Pleiku, Ninh-hòa đi Ban-mê-thuột, Phan-rang đi Đà-lạt.

c) Nam-phần: Từ Sài-gòn đi: Vũng-tàu, Đà-lạt, Tây-ninh, Ban-mê-thuột và đi Lục-tỉnh.

CÂU CHUYỆN

Một cuộc du-lịch trên bản-đồ.

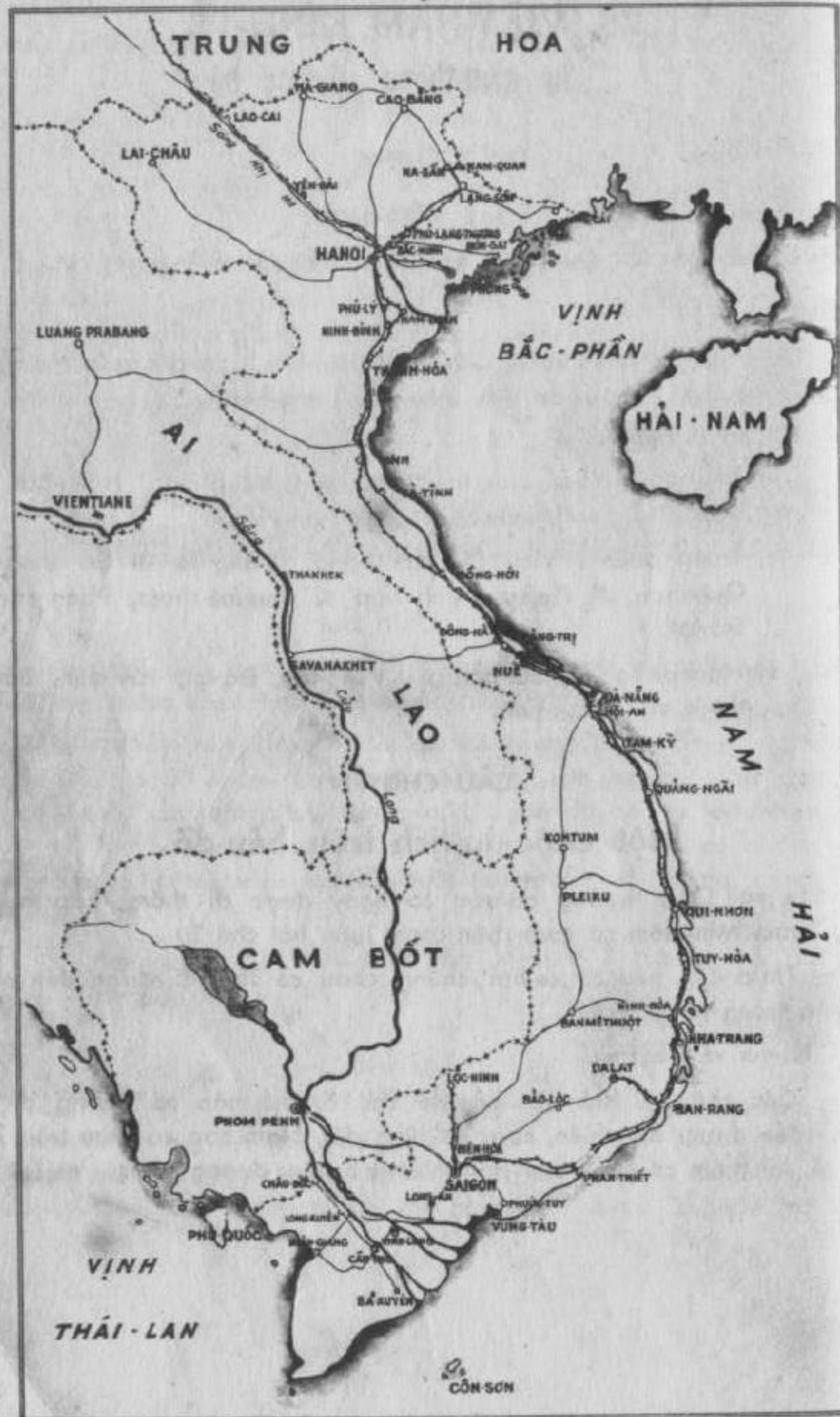
Loan và Tuấn thường ao-ước có ngày được đi thăm khắp mọi nơi trong nước. Một hôm có Loan bên cạnh, Tuấn hỏi chú Tư:

— Thưa chú, nếu có xe-hơi, chúng cháu có thể đi được đến những nơi nào trong nước ta?

Chú vui vẻ trả lời:

— Các cháu cứ nhìn lên bản-đồ thì rõ, chỗ nào có đường đi là ta có thể đến được. Tuy-nhiên, nước ta hình dài, Nam Bắc xa nhau trên 2.000 cây số, lại thêm có nhiều núi non hiểm-trở, nên đường đi có nhiều đoạn

BẢN-ĐỒ VIỆT-NAM ĐƯỜNG BỘ - HỎA-XA



cheo-leo, vất-vả, vì thế cho nên dù có xe hơi cũng ít có người đã đi được khắp các ngã đường đất nước. Và lại nước ta hiện nay bị chia hai do sông Bến-hải, chúng ta chỉ được đi lại tự-do từ vĩ-tuyến 17 trở vào mà thôi.

Trong khi chờ đợi có ngày được đi chơi xa để ngắm tận mắt những phong cảnh kỳ-thú của nước nhà, hôm nay chú cháu mình hãy làm cuộc du-lịch tưởng-tượng trên bản-đồ, xem chúng ta có thể theo các đường bộ đi được đến những đâu.

Trước hết, ta đi theo quốc-lộ số 1 khởi đầu từ Gò-dầu-hạ (giáp biên giới Cam-bốt) qua Sài-gòn, Gia-định, Biên-hòa, Phan-thiết, Phan-rang, Nha-trang, Tuy-hòa, Qui-nhon, Quảng-ngãi, Đà-nẵng, Huế, Quảng-trị, Đồng-hới, Hà-tĩnh, Vinh, Thanh-hóa, Ninh-bình, Phủ-lý, Hà-nội, Bắc-ninh, Phủ-lạng-thương, Lạng-sơn, Na-sầm, rồi lên đả Nam-quan. Riêng từ Sài-gòn đến Hà-nội quốc-lộ số 1 dài 1700km.

Ở ngoài Bắc, nếu chúng ta muốn đi thăm các tỉnh thì cứ lấy Hà-nội làm trung-tâm. Từ đây có các đường tỏa ra xung quanh như một mạng nhện để đi đến Hải-phòng, Hồng-gai, Cao bằng, Hà-giang, Lai-châu.

Ở Trung-phần, ngoài quốc-lộ số 1 đi qua hầu hết các tỉnh (trừ miền Cao-nguyên), còn có những đường xuyên ngang từ bờ biển sang Ai-lao, hay lên cao-nguyên. Những con đường quan-trọng nhất là :

- Vinh đi Luang-Prabang và Vạn-tượng.
- Đông-hà đi Savanakhet.
- Hội-an đi Kon-tum.
- Qui-nhon đi Pleiku (đã mở thành xa-lộ).
- Ninh-hòa đi Ban-mê-thuột (đã mở thành xa-lộ).



Một đoạn xa-lộ trên đường
Ninh-hòa — Ban-mê-thuột mới được mở rộng

Riêng ở Nam-phần, đường sá đã được nói rộng và xây đắp thêm rất nhiều. Đặc-biệt có một xa-lộ rất đẹp dài 30 km từ Sài-gòn đi về nẻo Biên-hòa. Những đường quan-trọng khác là :

- Sài-gòn đi Vũng-tàu, qua Gia-định, Long-thành, Phước-tuy.
- Sài-gòn đi Đà-lạt, qua Gia-định, Biên-hòa, Bảo-lộc, Di-linh.
- Sài-gòn đi Ban-mê-thuột qua Gia-định, Bình-duong.
- Sài-gòn đi Lục-tỉnh tức là về miền Tây và xuống miền Nam, đến các tỉnh Long-an, Định-tường, Vĩnh-long, Cần-thơ, Châu-đốc, Ba-xuyên, Kiên-giang.

BÀI HỌC

Sự giao-thông ở Việt-nam gặp nhiều khó-khăn vì Bắc-phần ở xa Nam-phần và địa thế có nhiều núi non hiểm-trở. Để nối liền Nam Bắc chỉ có một con đường dài là quốc-lộ số 1, đi từ biên-giới Cam-bốt đến ải Nam-quan, qua Sài-gòn, Huế, Hà-nội.

Ở Bắc-phần có những đường chính tỏa ra xung-quanh Hà-nội để đi Hải-phòng, Hồng-gai, Cao-bằng, Hà-giang, Lai-châu. Ở Trung-phần ngoài quốc-lộ số 1, có những đường từ Vinh đi Vạn-tượng, Đông-hà đi Sa-vanna-khet, Qui-nhon đi Pleiku, Ninh-hòa đi Ban-mê-thuột, Phan-rang đi Đà-lạt. Nam-phần có những đường từ Sài-gòn đi Vũng-tàu, Đà-lạt, Tây-ninh, Ban-mê-thuột và về miền Lục-tỉnh.

BÀI TẬP

1. Tại sao sự giao-thông ở Việt-nam gặp nhiều khó-khăn? Quốc-lộ số 1 đi từ đâu đến đâu và qua những tỉnh nào? Ở Bắc-phần có những con đường nào? Những con đường nào ở Trung-phần có thể đưa ta sang Ai-lao, lên Cao-nguyên? Kể những con đường chính ở Nam-phần.

2. Vẽ các đường bộ lên bản-đồ Việt-nam.

27. VIỆT-NAM KINH-TẾ

Sự giao-thông : Hỏa-xa, Đường thủy, Hàng-không

Ý CHÍNH

I. Hỏa-xa :

- 1) Đường sắt Xuyên-Việt : Hà-nội, Sài-gòn.
- 2) Đường sắt địa-phương : Hà-nội đi Na-săm, Hải-phòng đi Côn-minh (Vân-nam), Phan-rang đi Đà-lạt, Sài-gòn đi Lộc-ninh.

II. Đường-thủy .

- 1) Đường sông ở các miền đồng-bằng.
- 2) Đường biển.

III. Hàng-không :

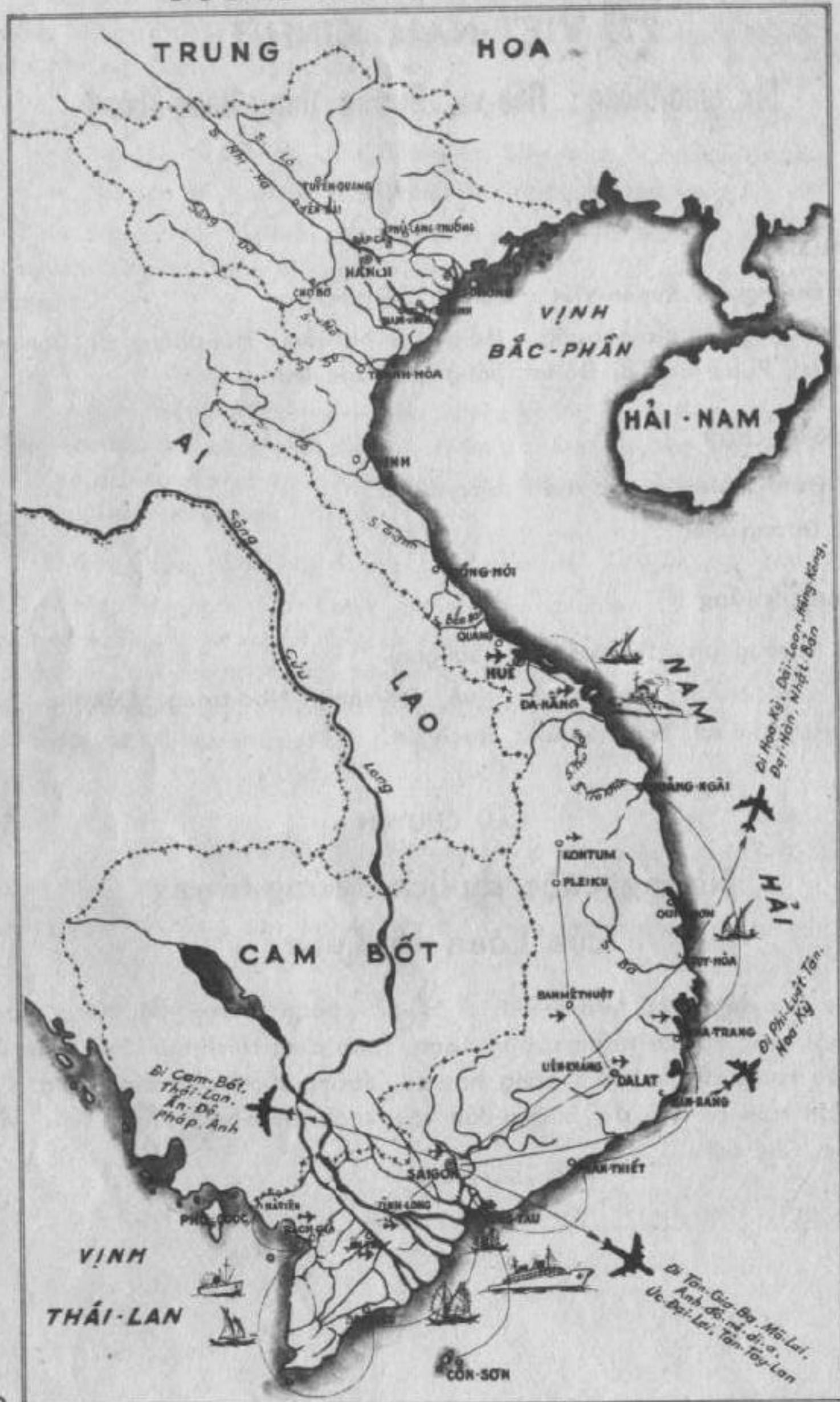
- Trường bay Tân-sơn-nhút (Sài-gòn).
- Các trường bay khác : Huế, Đà-nẵng, Nha-trang, Cần-thơ, Liên-khang (Tuyên-đức), Ban-mê-thuột, Rạch-giá.

CÂU CHUYỆN

Những cuộc du-lịch tưởng-tượng của Loan và Tuấn

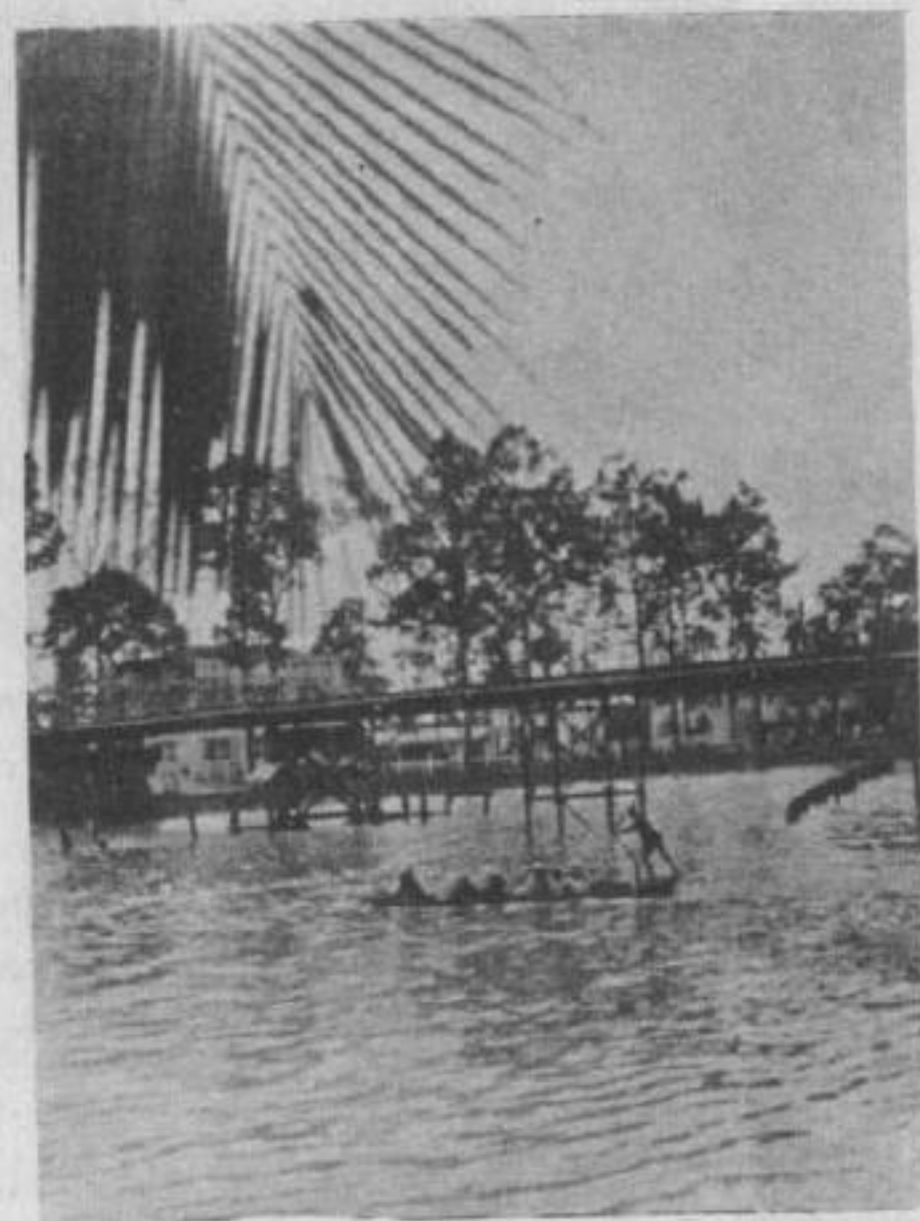
Sau khi được chú hướng dẫn đi du-lịch bằng đường bộ trong nước, dù là một cuộc du-lịch tưởng-tượng, Loan, Tuấn cũng thích-thú lắm. Tuần sau hai cháu muốn đi chơi tiếp bằng hỏa-xa, đường thủy và hàng-không. Chú Tư lại chỉ trên bản-đồ để hướng-dẫn các cháu thực-hiện nhiều cuộc viễn du khác. Chú nói :

BẢN-ĐỒ VIỆT-NAM ĐƯỜNG THỦY - HÀNG KHÔNG



— Muốn đi tàu hỏa từ Sài-gòn ra Hà-nội, trước hết chúng ta phải ra ga ở gần chợ Bến-thành, lấy vé rồi lên tàu. Đúng giờ tàu chạy, không mấy chốc sẽ rời khỏi thủ-đô rồi lần lần qua các ga Biên-hòa, Phan-thiết, Phan-rang, Nha-trang, Tuy-hòa, Qui-nhơn, Quảng-ngãi, Đà-nẵng, Huế, Quảng-trị. Đến đây tàu của chúng ta phải dừng lại vì không thể qua cầu Bến-hải được. Các châu đã hiểu tại sao. Nếu được đi suốt con tàu sẽ qua Đồng-hới, Hà-tĩnh, Vinh, Thanh-hóa, Ninh-bình, Nam-định, Phủ-lý đến Hà-nội. Từ Hà-nội ta còn có thể đi tàu hỏa lên hướng bắc qua các ga chính là Gia-lâm, Bắc-ninh, Phủ-lạng-thượng, Lạng-sơn, Na-sâm. Con đường sắt Xuyên-Việt chạy cùng chiều với quốc-lộ số 1 từ Sài-gòn ra tận ngoài Bắc.

Chú Tư ngừng lại một lát rồi hỏi Loan :



Sông Cửu-long ở Sa-đéc



Một đoàn xe lửa đang tiến chậm qua một con đường dèo

— Bây giờ cháu thử tìm trên bản-đồ xem nước ta còn có những con đường hỏa-xa nào khác không?

Loan chậm-chậm lấy thước kẻ dò theo những đường chấm đen rồi nói :

— Thưa chú, ở Bắc-phần có thêm đường từ Hải-phòng qua Hải-dương,

Hà-nội, Yên-bái, Lào-cai rồi sang Vân-nam. Ở Trung-phần có thêm đường từ Phan-rang đi Đà-lạt. Ở Nam-phần có thêm đường từ Sài-gòn đi Lộc-ninh.

Chú Tư khen Loan nhận xét đúng rồi nói tiếp :

— Như thế là hết đường hỏa-xa, chúng ta thử coi các đường thủy xem có thể đi được đến những đâu ? Nước ta tuy đã có khá nhiều đường bộ và một ít đường hỏa-xa nhưng đường thủy vẫn phải cần đến để vận-tải hàng-hóa. Ở Bắc-phần, sông Nhị và sông Thái-bình cùng với sông Đuống, sông Luộc nối liền Hà-nội với các thị trấn Yên-bái, Tuyên-quang, Chợ-bò, Đáp-cầu, Phủ-lạng-thương, Hải-phòng, Nam-dịnh, Thái-bình. Ở Nam-phần, nhờ có một hệ-thống sông ngòi ngang dọc khắp nơi, tổng-số dài tới 5000 km, nên thuyền bè có thể đi dễ-dàng từ tỉnh này sang tỉnh khác.

Thêm với đường sông, ta còn có đường biển để liên-lạc với các tỉnh miền duyên-hải bằng các thuyền mảnh và những tàu buôn lớn. Hải-cảng quan-trọng nhất ở nước ta là Sài-gòn, rồi đến Hải-phòng, Đà-nẵng, Nha-trang.

Chú Tư vừa ngừng nói, Tuấn hỏi tiếp luôn :

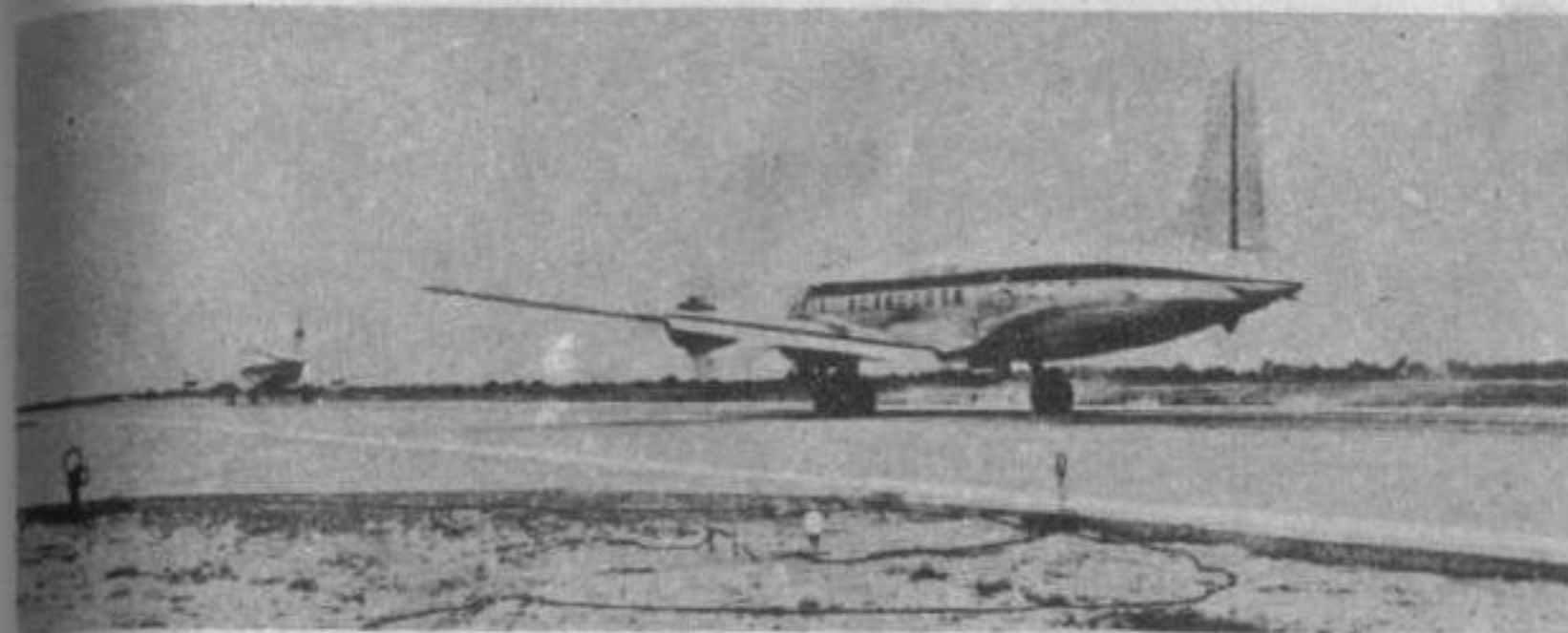
— Còn hàng-không của nước ta thế nào, hả chú ?

— Về hàng-không, ta có những đường bay để nối Sài-gòn với các đô-thị lớn trong nước như Huế, Đà-nẵng, Nha-trang, Đà-lạt, Ban-mê-thuột, Cần-thơ, Rạch-giá, v.v..... và với các thành-phố lớn trên thế-giới. Trường bay Tân-sơn-nhút của ta là một phi-cảng quan-trọng vào bậc nhất ở Đông-Nam-Á. Công-ty hàng-không Việt-nam có cả phi-cơ phản-lực để chở hành-khách và hàng-hóa ra ngoại-quốc.

Tóm lại, đường giao-thông ở Việt-nam đã khá đầy đủ ở các miền đồng-bằng, chỉ còn thiếu sót tại các vùng rừng núi mà thôi.

BÀI HỌC

Về hỏa-xa, Việt-nam có một đường quan-trọng nhất chạy cùng chiều với quốc-lộ số 1 là con đường sắt đi từ Sài-gòn đến Hà-nội, qua Nha-trang



Một đường bay mới tại phi-trường Tân-sơn-nhút

Huế, Vinh, Nam-dịnh. Từ Hà-nội, con đường sắt còn lên tận Na-sàm. Những đường sắt khác là Hải-phòng đi Vân-nam, Phan-rang đi Đà-lạt, Sài-gòn đi Lộc-ninh.

Về đường thủy, Bắc-phần có sông Nhị và sông Thái-bình nối Hà-nội với các tỉnh ở đồng-bằng và Trung-du, Nam-phần có 5.000 km sông ngòi để thuyền bè đi lại mọi nơi trong xứ. Trên đường biển, tàu thuyền có thể cập bến Sài-gòn, Nha-trang, Đà-nẵng, Hải-phòng.

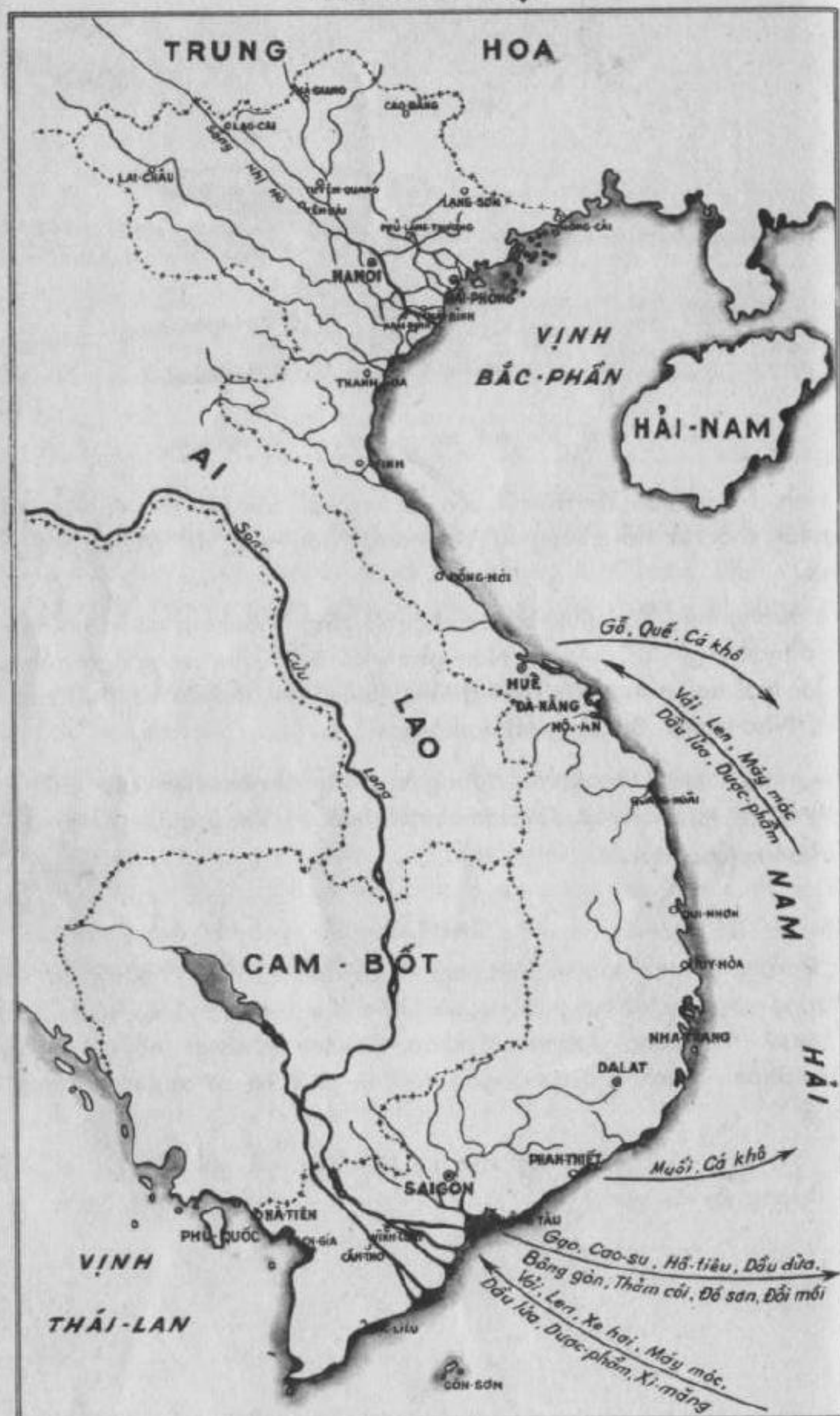
Về hàng-không, ta có các đường bay từ Sài-gòn đến các đô-thị lớn trong nước và ngoài nước. Tân-sơn-nhút là một phi-cảng quan-trọng vào bậc nhất ở Đông-Nam-Á.

BÀI TẬP

1. Đường hỏa-xa xuyên Việt-nam đi từ đâu và qua những ga nào ? Con đường sắt này đi cùng chiều và khác chiều với quốc-lộ số 1 ở những đoạn nào ? Kể những đường sắt khác. So-sánh đường thủy ở Bắc-phần với Nam-phần. Phi-cảng của Sài-gòn tên là gì ? Ta có những đường bay đi đâu ?

2. Vẽ bản-đồ các đường hỏa-xa Việt-nam và ghi các ga chính mà những đường ấy đi qua.

BẢN-ĐỒ VIỆT-NAM THƯƠNG-MẠI



28. VIỆT-NAM KINH-TẾ Thương-mại

Ý CHÍNH

I. Việc buôn-bán trong nước :

- 1) Thương-mại giữa thành-thị và thôn-quê.
- 2) Thương-mại giữa Trung-phần và Nam-phần.

II. Việc buôn-bán với ngoại-quốc :

- 1) Hàng-hóa :
 - a— Xuất-cảng : Gạo, cao-su, hồ-tiêu, bông-gòn, thảm cỏ, đồ sơn.
 - b— Nhập-cảng : Vải, len, xe hơi, máy-móc, dầu-hồi, ét-xăng, dược phẩm, xi măng.
- 2) Các bạn hàng : Nhật-bản, Hoa-kỳ, Pháp, Đức, Anh, Ý, Hương-cảng, Đài-loan.

CÂU CHUYỆN

Việc buôn-bán ở Việt-nam

Loan và Tuấn theo má đi chợ Cầu ông Lanh ở Sài-gòn. Hàng-hóa không biết từ đâu chuyển về mà nhiều quá như thế : hàng nội-hóa, hàng ngoại-hóa thứ gì cũng có, không lẽ dân Sài-gòn tiêu-thụ hết cả từng ấy hàng-hóa. Về nhà hai em đem những thắc-mắc trên đây ra hỏi chú Tư. Chú liền giảng về việc thương-mại của Việt-nam cho hai cháu nghe :

— Sài-gòn là một trung-tâm thương-mại lớn nhất của nước ta. Hàng-hóa không những tập-trung ở chợ Cầu ông Lanh mà còn đầy rẫy trong các tiệm buôn lộn và nhiều chợ khác. Từ đây nhà buôn mang vải lụa, các đồ tạp-hóa, về bán ở các tỉnh rồi lại buôn về Sài-gòn những thổ-sản của các nơi này như lúa, gạo, gia-súc, tôm cá, rau đậu v.v.....

Do đó có một sự trao đổi hàng-hóa quan-trọng giữa thành-thị với thôn-quê. Ngoài ra giữa Trung-phần và Nam-phần cũng có một nền thương-mại quan-trọng : miền Trung mua của miền Nam gạo, dầu-dừa, hồ-tiêu, các đồ chế-phẩm và bán lại cá khô, muối, nước mắm và lâm-sản.

Loan lại hỏi :

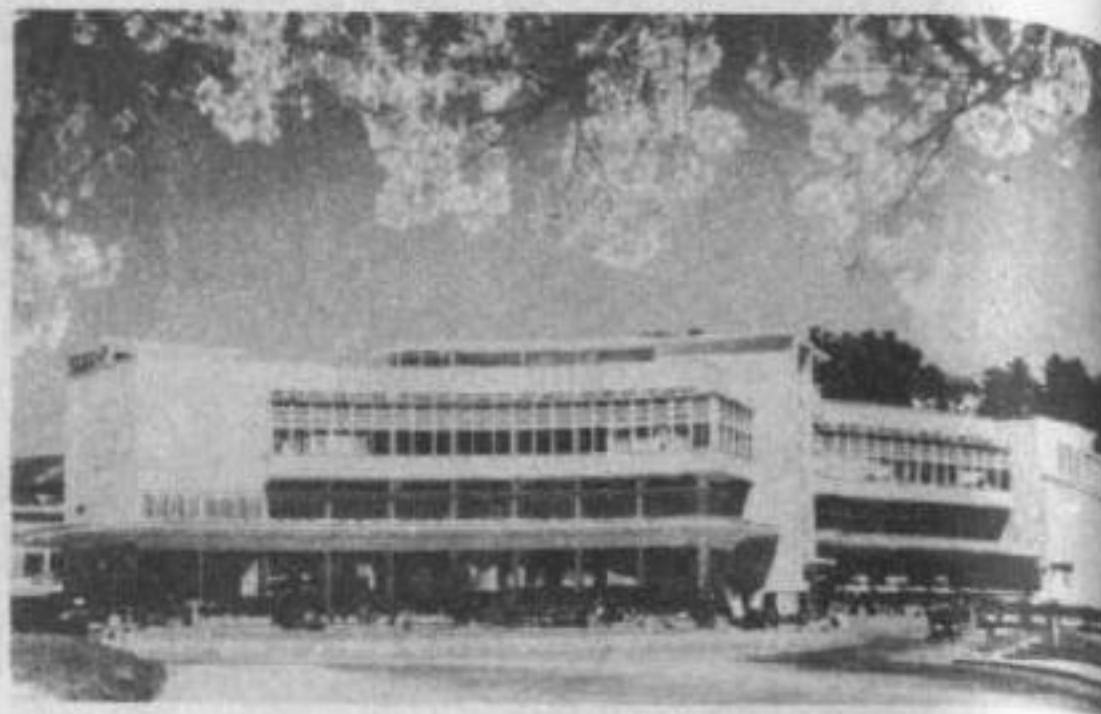
— Thưa chú, đó là việc buôn-bán trong nước, còn việc buôn-bán với ngoại-quốc thì sao ?

— Nền ngoại-thương của ta cũng khá phát-đạt, cháu ạ. Việt-nam xuất-cảng nhiều nhất là gạo, cao-su rồi đến quế, hồi, hồ-tiêu, ngô, đậu, bông-gòn, da sống, thảm cói và đồ sơn. Ta nhập-cảng vải, len, sợi, xe hơi, xe máy, các thứ máy móc, dầu hôi, ét-xăng, dược-phẩm, xi-măng.

Những nước buôn bán với Việt-nam nhiều nhất là Nhật-bản, Huê-kỳ, Pháp, sau đến Hương-cảng, Mã-lai, Đài-loan, Đức, Anh, Ý.



Chợ Bến thành ở Sài-gòn.



Chợ mới ở Đà-lạt

Loan hỏi tiếp :

— Nước ta có những thương-cảng nào đề xuất nhập hàng-hóa, hả chú ?

— Thương-cảng quan-trọng nhất ở Việt-nam là Sài-gòn với dân số ba triệu người. Sài-gòn ở cách biển 83 cây số trên bờ một con sông cũng gọi là Sài-gòn. Tuy ở sâu trong nội-địa nhưng Sài-gòn có đủ những đặc-

điểm của một hải-cảng tốt vì lòng sông đã rộng lại sâu, tàu lớn có thể ra vào dễ-dàng. Sài-gòn lại nằm giữa một miền đồng-bằng đông dân-cư, nhiều sản-vật. Để tiện việc buôn-bán, thương-cảng này đã được nối liền với các miền xa xôi bằng đường thủy, đường bộ và hàng không. Xem như thế thì Sài-gòn có nhiều tương-lai rực-rỡ trên phương-diện thương-mại. Ngoài Sài-gòn, Việt-nam còn có một hải-cảng khá quan-trọng là Hải-phòng, cửa ngõ của Bắc-phần và một số thương-cảng nhỏ khác là : Đà-nẵng, Hội-an, Nha-trang Phan-thiết.



Một khu thương-mại trong tỉnh nhỏ : thị-trần La-gi ở Bình-tuy

BÀI HỌC

Về việc buôn-bán trong nước, các nhà buôn đem chế-phẩm bán cho dân quê và mua những nông-sản và lâm-sản đem về các thành-phố. Một số nhà buôn khác mang gạo, dầu dừa, hồ-tiêu bán ra miền Trung rồi buôn nước mắm, cá khô, muối về miền Nam.

Về ngoại-thương, Việt-nam xuất-cảng gạo, cao-su, hồ-tiêu, hồi, quế, da sống, đồ sơn và nhập cảng máy móc, xe hơi, dầu hỏa, ét-xăng, dược-phẩm, xi-măng.

Các bạn hàng của ta là Nhật-bản, Pháp, Huê-kỳ, Đài-loan, Anh, Ý, Đức. Những thương-cảng là Sài gòn, Hải-phòng, Đà-nẵng, Nha-trang.

BÀI TẬP

Hàng-hóa buôn-bán giữa thành-thị với thôn-quê có những gì ? — Nam-phần và Trung-phần trao đổi những hàng-hóa nào ? — Việt-nam xuất-cảng những hàng gì ? — Nhập-cảng những gì ? — Bạn hàng ngoại-quốc của ta có những nước nào ? — Kể những hải-cảng của Việt-nam.

29. HỌC ÔN

Tiêu-công-nghệ, Kỹ-nghệ, Các đường giao-thông, Thương-mại.

1. Đánh dấu + vào ô trống trước những tiếng nào mà em cho là đúng:

Việt-nam có những tiêu-công-nghệ là:

a) Nghề dệt chiếu ở:

☐ Ninh-bình, Nam-định, Kiến-tường, Kiên-giang.

☐ Biên-hòa, Tuyên-đức, Bình-thuận.

☐ Tuyên-quang, Quảng-ngãi.

b) Nghề làm nón lá có tiếng ở:

☐ Gia-định, Ninh-thuận.

☐ Thừa-thiên, Bình-định.

☐ Tây-ninh, Phước-tuy.

c) Nghề làm đồ đồi-mồi ở:

☐ Tây-ninh, Cà-mau, Kiến-an.

☐ Nghệ-an, Khánh-hòa.

☐ Hà-tiên, Phú-quốc.

d) Nghề làm đường cát ở:

☐ Biên-hòa, Quảng-ngãi.

☐ Quảng-nam, Quảng-trị, Quảng-bình.

☐ Lai-châu, Sơn-la, Yên-bái.

2. Tìm những địa-danh thích-hợp mà điền những chỗ trống sau đây:

Việt-nam có nhà máy làm xi-măng ở ,
xưởng chữa tàu ở , những nhà máy xay lúa, làm la-de, nước
ngọt ở

3. Con đường bộ dài nhất Việt-nam gọi là gì? — Con đường này đi
từ đâu đến đâu và qua những thành-phố lớn nào?

4. Tìm những tiếng thích-đáng mà điền vào những chỗ trống sau đây:

a) Ngoài đường xe lửa Xuyên-Việt, nước ta còn có những đường
xe lửa khác là:

— Phan-rang đi

— Hải-phòng đi

b) Phi-cảng lớn nhất ở Việt-nam là trường bay
Các trường bay quan-trọng khác là

c) Thương-cảng lớn nhất của Việt-nam là Ngoài
ra, miền Bắc có thương-cảng: miền Trung có các hải-
cảng

CHƯƠNG II

Các nước lân-cận Việt-nam

- 1) Ấn-độ
- 2) Phi-luật-tân
- 3) In-đô-nê-xi-a
- 4) Miến-diện
- 5) Má-lai-á
- 6) Nhật-bản

30. ẤN-ĐỘ THIÊN-NHIÊN

Ý CHÍNH

I. Vị-trí: Bán-đảo lớn ở Nam châu Á.

– Giới-hạn: Ấn-độ giáp: Hy-mã-lạp-sơn, Đông-Hồi, vịnh Băng-gan, biển Ô-măng, Tây-hồi và A-phú-hãn.

– Diện-tích: Hơn 3 triệu cây số vuông.

II. Địa-thể: 3 miền: Hy-mã-lạp-sơn, Bình-nguyên Hằng-hà, Cao-nguyên Đê-căng.

III. Khí-hậu: chịu ảnh hưởng gió mùa.

IV. Sông lớn: Hằng-hà

CÂU CHUYỆN

Hy-mã-lạp-sơn

Một hôm, chú Tư, Loan và Tuấn đang ngồi xem báo, thấy tin có người đi thám-hiểm trên núi Hy-mã-lạp-sơn. Loan hỏi:

– Hy-mã-lạp-sơn ở đâu, Chú? Có gần nước ta không?

Chú Tư trả lời:

– Đó là một dãy núi ở Ấn-độ. Các cháu muốn biết Ấn-độ thế nào chú kể cho mà nghe: Ấn-độ là một bán-đảo rộng nhất ở miền Nam châu Á. Phía Bắc có dãy núi Hy-mã-lạp-sơn, Đông giáp Đông-Hồi và vịnh Băng-gan, Nam giáp Ấn-độ-dương, Tây giáp biển Ô-măng, Tây-Hồi và A-phú-hãn.

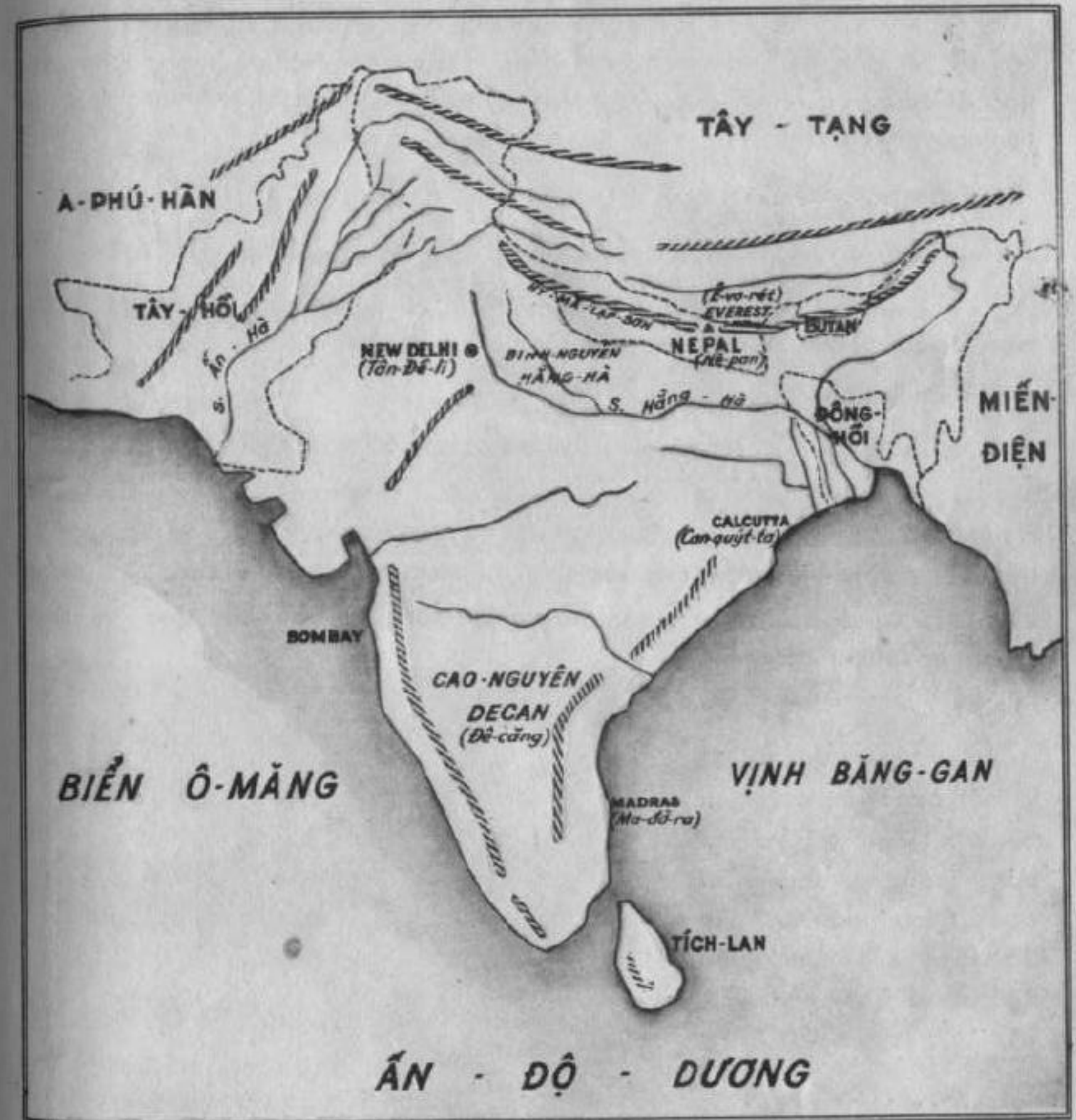
Tuấn hỏi:

– Ấn-độ có rộng bằng nước ta không, Chú?

– Ấn-độ rộng hơn 3 triệu cây số vuông, nghĩa là bằng 10 lần nước ta.

Ở Ấn-độ có dãy núi Hy-mã-lạp-sơn dài 2700 cây số, trong đó có ngọn Ê-vơ-rét (Everest) cao gần 9000 mét, cao nhất thế-giới. Trên ngọn thường có tuyết phủ quanh năm.

ẤN-ĐỘ THIÊN-NHIÊN



Loan hỏi :

— Thế Ấn-độ có nhiều núi như vậy thì họ cày cấy ở đâu, Chú ?

— Ấn-độ là một nước rộng nhất ở miền Nam châu Á, lẽ tất nhiên cũng có đồng-bằng, như ở miền Bắc Ấn-độ có đồng-bằng dài tới 3 ngàn cây số. Vì đồng-bằng này có phù-sa do sông Hằng-Hà và ngọn sông Ấn-hà bồi vào nên ruộng đất phì-nhiều, dân-cư đông-đúc. Còn miền Nam là cao-nguyên Đê-căng, đất xấu, ít người đến lập-nghiệp.

Tuấn hỏi :

— Người Ấn-độ đen, vậy ở bên ấy nóng lắm phải không, Chú ?

— Ấn-độ rất nóng vì ở miền nhiệt-đới, chịu ảnh-hưởng gió mùa, nên mưa nhiều, nhưng vẫn không đủ nước để cày cấy.

Tuấn lại hỏi tiếp :

— Thế Ấn-độ ít sông ngòi hay sao mà thiếu nước, Chú ?

— Sông lớn nhất là sông Hằng-hà dài 3 ngàn cây số, phát-nguyên từ Hy-mã-lạp-san, chảy ra vịnh Băng-gan. Nhưng sông này chỉ sản nước về mùa hè, đến mùa đông, gió đông-bắc thổi thì sông lại gần như cạn. Ngoài ra, miền Bắc Ấn-độ thì được phần thượng-lưu sông Ấn-hà chảy qua và đem lại sự phì-nhiều cho miền này.

Xem như thế Ấn-độ là một nước lớn có nhiều núi cao, sông dài, đồng-bằng rộng ; nhưng vì quá đông dân-cư nên đời sống của dân nước đó rất là khó-khăn, vất-vả.

Núi Hy-mã-lạp-san

và sông Hằng-hà



Một cảnh hồ ở Ấn-độ

BÀI HỌC

Ấn-độ là một bán đảo lớn ở miền Nam châu Á, Bắc giáp Hy-mã-lạp-san, Đông giáp Đông-hồi và vịnh Băng-gan, Nam giáp Ấn-độ-dương, Tây giáp biển Ô-măng. Tây-hồi và A-phú-hãn. Diện-tích Ấn-độ rộng hơn 3 triệu cây số vuông.

Ấn-độ chia làm 3 miền : dãy Hy-mã-lạp-san (có ngọn Ê-vơ-rét cao gần 9000 mét), bình-nguyên Hằng-hà và cao-nguyên Đê-căng.

Khí-hậu Ấn-độ nóng và ẩm. Ấn-độ có sông lớn là Hằng-hà và các ngọn sông Ấn-hà.

BÀI TẬP

Ấn-độ ở về miền nào ? Giáp những đâu ? Diện-tích rộng bao nhiêu ? Ấn-độ chia làm mấy miền ? Khí-hậu ở Ấn-độ thế nào ? Kể các sông lớn ở Ấn-độ

31. ẤN-ĐỘ NHÂN-VĂN

Ý CHÍNH

I. Dân-cư : 440 triệu người.

a) Các giống người : da trắng, đen, vàng.

b) Tôn-giáo : Ấn-độ giáo, Hồi-giáo, Phật-giáo.

II Chính-trị : Độc-lập từ năm 1950, theo chính-thể Cộng-hòa.

III. Các thành-phố lớn :

Tân-đê-ly (New Delhi), Can-quyt-ta (Calcutta), Bom-bay...

CÂU CHUYỆN

Người Ấn

Chúa-nhật vừa qua, ông Thịnh dẫn Loan và Tuấn đi mua hàng may quần áo. Ông vào tiệm người Ấn ở đường Nguyễn-Huệ. Thấy ông Thịnh đến, chủ tiệm vui-vẻ mời mua hàng. Sau vài phút lựa chọn, ông mua mấy thước hàng cho Loan và Tuấn. Ra khỏi tiệm, Tuấn hỏi:

— Ba ơi, mấy ông ở tiệm vừa rồi là người Ấn-độ phải không ? Sao ở Sài-gòn có lắm người Ấn-độ thế, Ba nhỉ ?

— Mấy ông ấy là người Ấn-độ, sang đây buôn-bán làm ăn.

Loan hỏi :

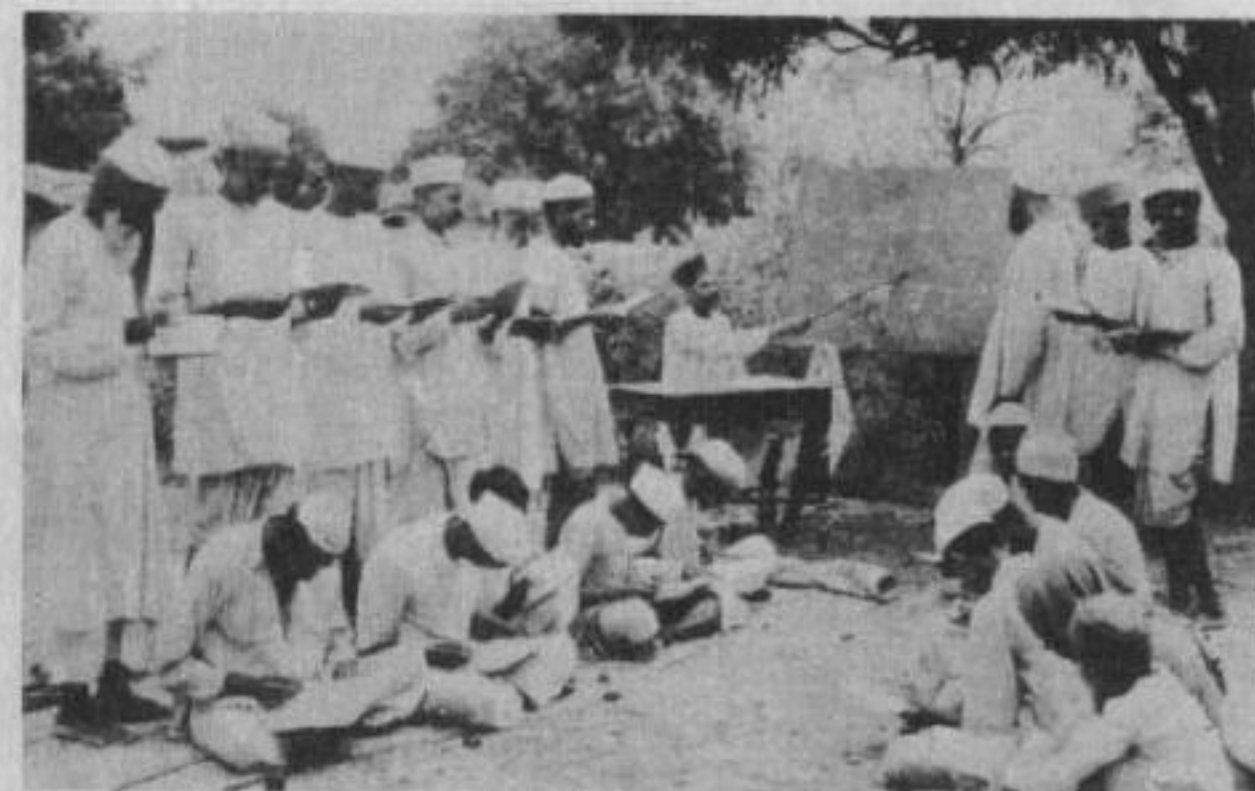
— Thế thì nước Ấn-độ đông dân lắm phải không, Ba ?

— Dân-cư Ấn-độ đông lắm, có trên 440 triệu người, phần đông sống ở miền đồng-bằng và châu-thò sông Hằng-hà. Có một số người ra ngoại-quốc làm ăn, buôn-bán như các con đã thấy. Ở Ấn-độ cũng có nhiều giống người : miền Bắc có người da trắng, miền Trung có người da vàng, miền Nam có người da đen.

Tuấn hỏi :

— Người Ấn-độ theo đạo nào, Ba ?

— Phần đông theo Ấn-độ giáo (300 triệu), Hồi-giáo (70 triệu), cũng có một số người theo Phật-giáo, Thiên-Chúa giáo. Một điều đáng tiếc là người



Một lớp học thôn-quê

Ấn-độ ít hòa-hợp với nhau, họ phân chia giai-cấp, nhất là chia rẽ về tôn-giáo. Dân Ấn-độ nói nhiều thứ tiếng khác nhau, có tới 200 thứ tiếng. Vấn đề này cản-trở nền giáo-dục rất nhiều, nên dân Ấn định lấy tiếng Hin-đi (Hindi) làm quốc-ngữ vì tiếng này có tới 50% dân số dùng; ngoài ra Anh-ngữ cũng được dùng làm ngôn ngữ trong các trường học.

Loan hỏi :

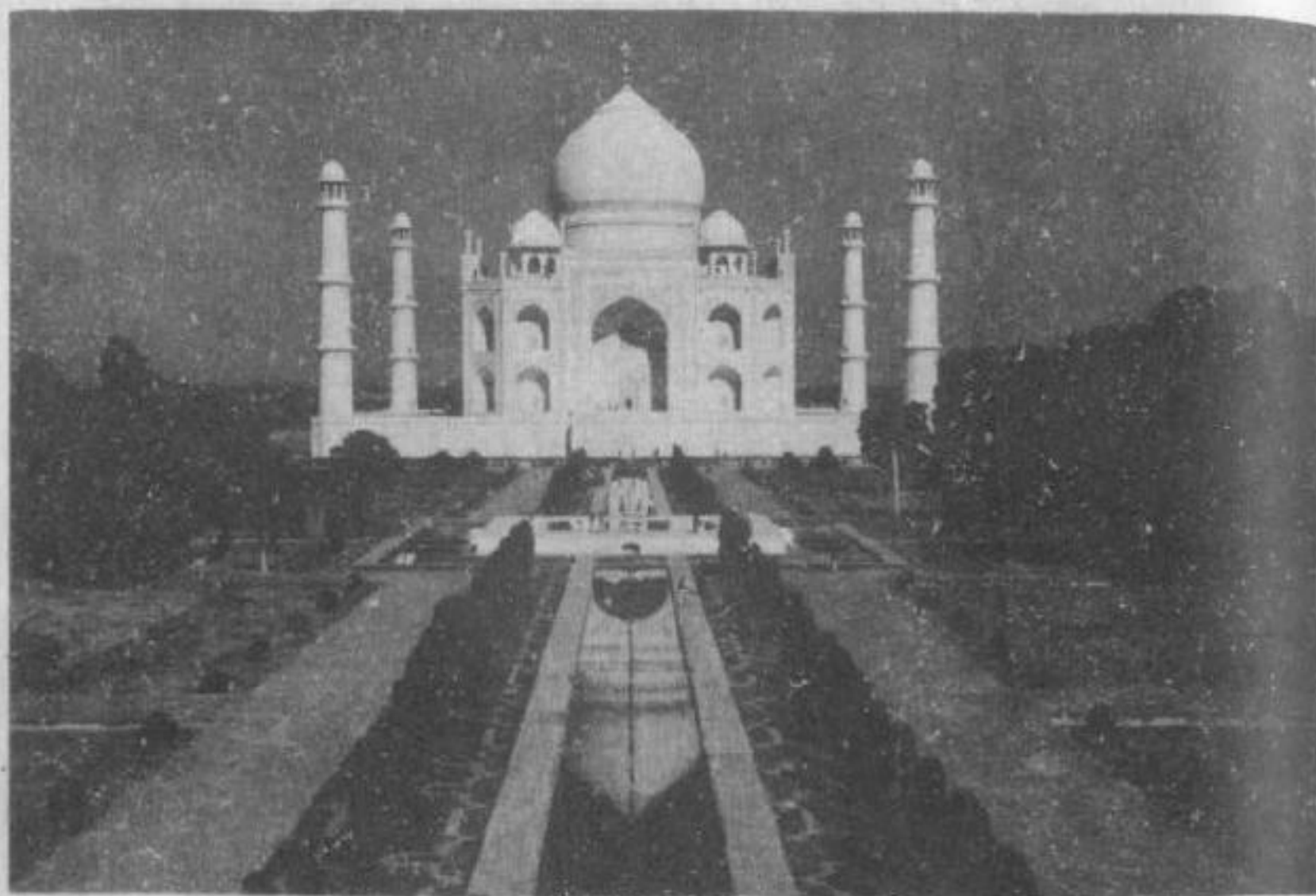
— Ấn-độ theo chính-thể gì hử Ba ?

— Ấn-độ trước kia là thuộc địa của Anh, đã giành lại độc-lập từ năm 1950 và nay theo chính-thể Cộng-hòa. Thủ-đô là Tân-đê-ly (New Delhi), các thành phố lớn là Bombay, Can-quyt-ta (Calcutta), Ma-đa-ra (Madras)...

Hiện nay, Ấn-độ đang cố - gắng nâng cao mức sống của số dân đã quá đông lại còn tăng một cách mau chóng, san bằng sự phân chia giai cấp và thống-nhất ngôn-ngữ.



Cô gái Ấn-độ



Một đền thờ ở Ấn-độ

BÀI HỌC

Dân Ấn-độ có chừng 440 triệu người, gồm nhiều chủng-tộc, theo Ấn-độ giáo, Hồi-giáo, Phật-giáo và Thiên-Chúa giáo. Ấn-độ nói nhiều thứ tiếng, thường chia rẽ về giai-cấp và tôn-giáo.

Ấn-độ độc-lập từ năm 1950, theo chính thể Cộng-hòa. Thủ-đô là Tân-đê-ly. Những thành phố lớn là : Bom-bay, Can-quyt-ta (Calcutta), Ma-đơ-ra (Madras).

BÀI TẬP

Dân-số Ấn-độ có chừng bao nhiêu? Họ theo những tôn-giáo nào? Tại sao người Ấn-độ ít hòa-hợp với nhau? Ấn-độ độc-lập từ năm nào? Ấn-độ theo chính-thể nào? Thủ-đô Ấn-độ là gì? Kể những thành phố lớn ở Ấn-độ

32. ẤN-ĐỘ KINH-TẾ

Ý CHÍNH

- I. Nông-sản: gạo, lúa mì, ngô, khoai, mía, trà, gia-vị, bông vải, đay, cao-su.
- II. Khoáng-sản: Than, sắt, mangan.
- III. Kỹ-nghệ: Xưởng dệt, đúc gang, lọc thép, làm xi-măng.
- IV. Thương-mại: Buôn-bán với Anh, Hoa-kỳ và các nước châu Âu. Các hải-cảng lớn: Bom-bay, Can-quyt-ta (Calcutta), Ma-đơ-ra (Madras)...

CÂU CHUYỆN

Cơm Ca-ri

Bà Thịnh đang làm cơm trong bếp. Loan ngủi thấy mùi thơm chạy vào hỏi:

— Mã làm món gì mà thơm vậy, Má?

Bà Thịnh trả lời:

— Má đang nấu cà-ri cho các con ăn.

— Cà-ri là gì, hử Má?

— Cà-ri là món ăn đặc biệt của người Ấn-độ.

Loan hỏi:

— Thế người Ấn-độ có ăn như ta không, Má?

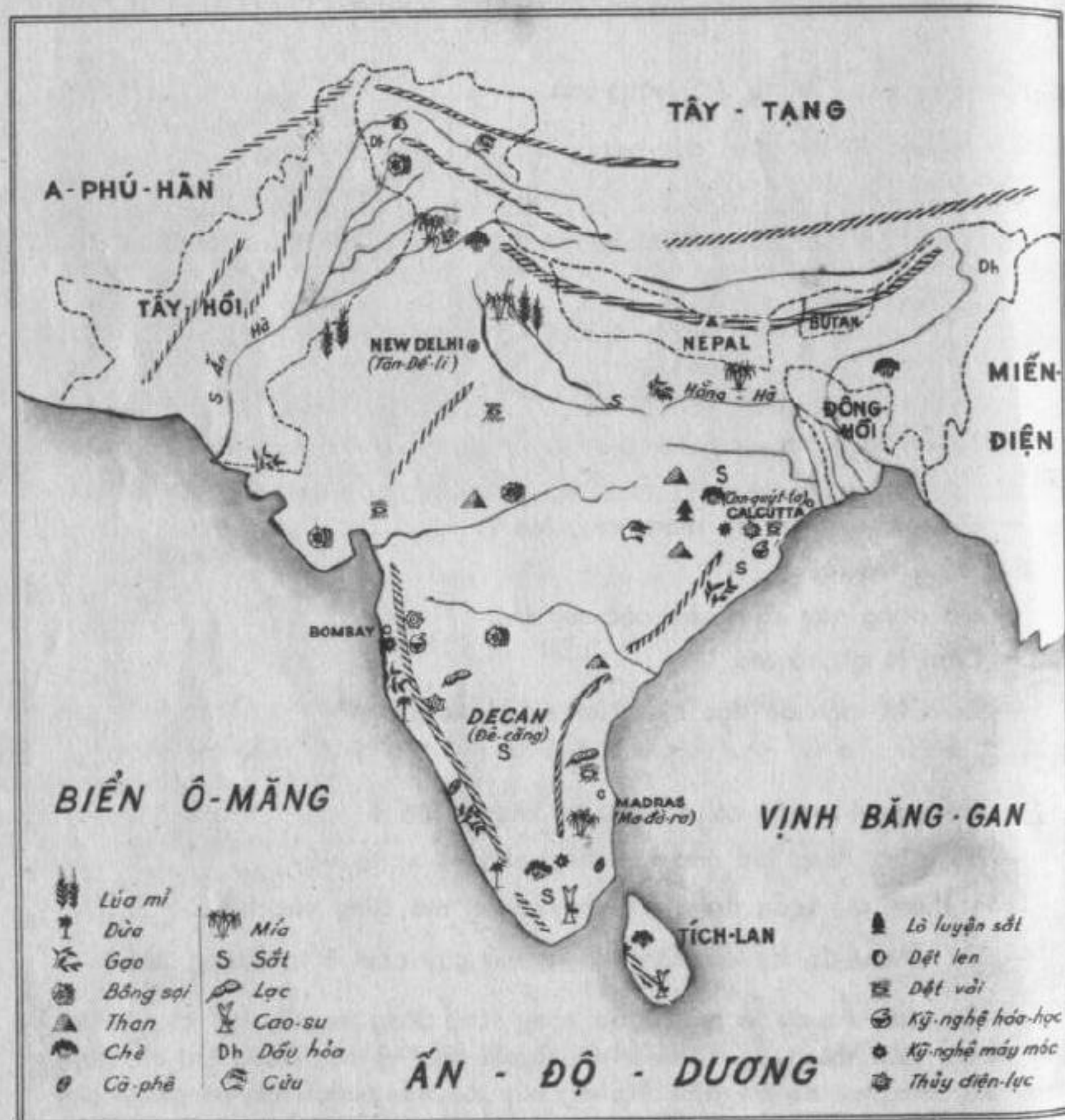
— Họ cũng dùng lúa gạo làm thực-phẩm như ta vậy.

Tuấn thấy chị Loan đang nói chuyện với má cũng vào hỏi:

— Thế ở Ấn-độ họ có trồng nhiều thứ cây như ở ta không, Má?

— Có chứ, Ấn-độ là một nước rộng lớn, đông người, lại chuyên về nghề nông, nên trồng lúa nhiều nhất. Ngoài lúa, họ còn trồng lúa mì, bắp, khoai, kê, mía, lạc để ép dầu. Những cây đề uống như trà, cà phê; cây

ẤN-ĐỘ KINH-TẾ



dùng trong kỹ-nghệ như bông vải, gai, đay, cao-su. Lúa gạo tuy trồng nhiều, nhưng vẫn không đủ cung-cấp cho dân trong nước.

Loan hỏi :

— Tại sao vậy, Má ?

— Vì ngành nông-nghiệp của Ấn-độ chưa được tiến-bộ mấy, họ lại vẫn theo những phương-pháp cổ-truyền, không dùng phân bón. Thời tiết ở Ấn-độ lại xấu, hằng năm ít mưa, nhất là ở vùng Đê-căng; phương-pháp dẫn thủy nhập điền còn kém.

Tuấn hỏi :

— Ấn-độ có nhiều mỏ không, Má ?

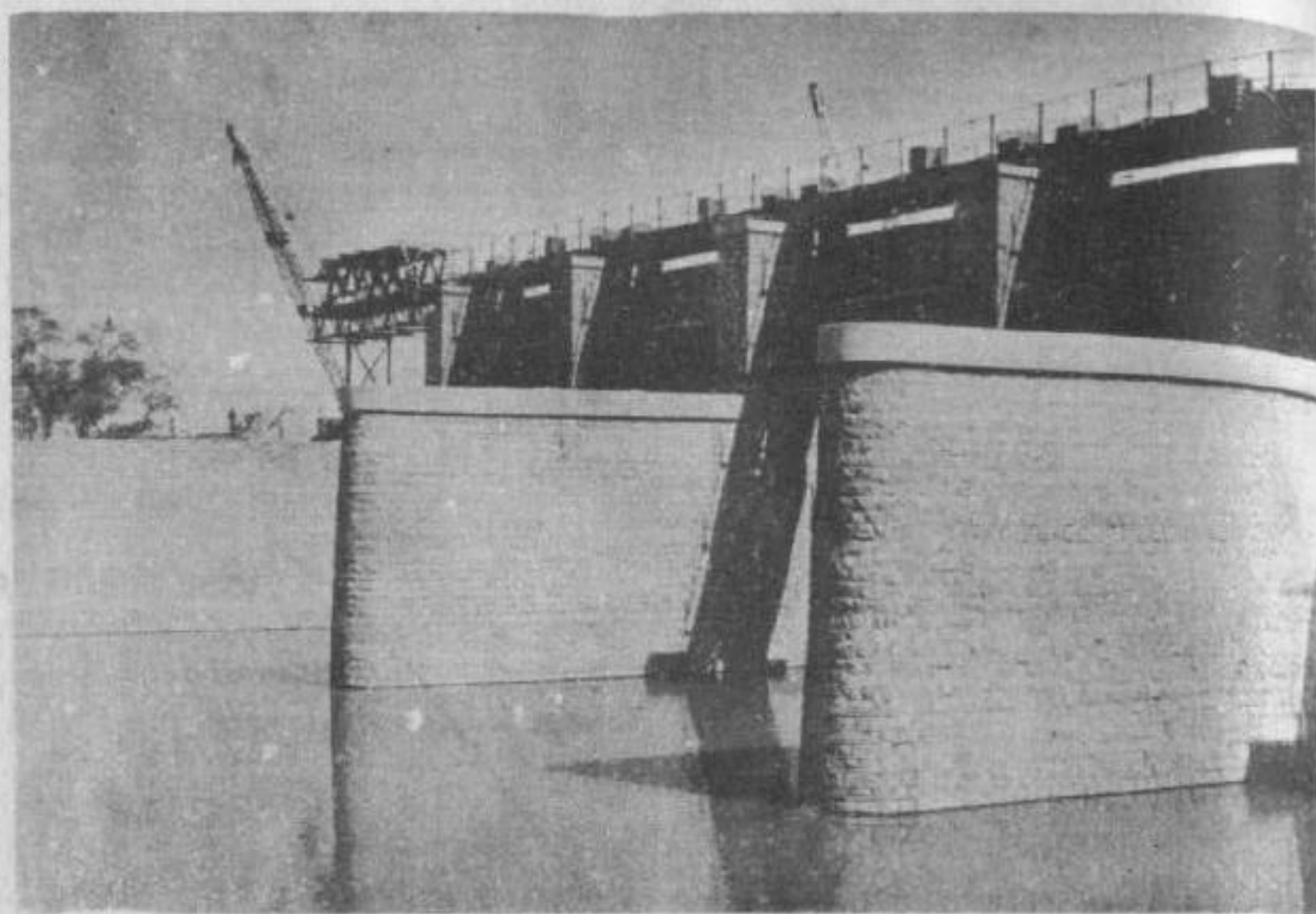
— Ấn-độ có mỏ than, kẽm, sắt, măng-gan, dầu hỏa. Nhiều xưởng dệt len, lụa, vải, nhất là ở Bom-bay, Can-quýt-ta (Calcutta). Ấn-độ cũng có nhà máy lọc thép. Kỹ-nghệ sắt và khai mỏ đang phát-triển. Nhờ có kỹ-nghệ mỏ-mang, nên ngành thương-mại cũng khá thịnh-vượng.

Hằng năm Ấn-độ xuất-cảng đay, vải lụa, trà, măng-gan, thuốc lá, da thú và nhập-cảng đồ kim khí, máy móc, dầu hỏa.

Ấn-độ buôn-bán với Anh, Hoa kỳ và các nước châu Âu.

Ấn-độ mua của Việt-nam gạo, ngô và bán cho ta vải, lụa, bao đay. Ấn-độ đang canh-tân kỹ-nghệ, canh-nông và hệ-thống dẫn thủy nhập-diện.





Đập nước ở Ấn-độ

BÀI HỌC

Nước Ấn-độ trồng nhiều lúa, lúa mì, bắp, kê, mía, hạt đề ép dầu, đay, gai, trà, cà-phê. Nhưng vì nông-nghiệp chưa được tiến-bộ, nên lúa gạo không đủ cung-cấp cho dân trong nước. Ấn-độ có nhiều mỏ than, sắt, măng-gan... Có nhà máy đúc gang, thép, xưởng dệt đay ở Can-quýt-ta, xưởng dệt vải ở Bom-bay.

Ấn-độ xuất-cảng đay, vải, lụa, thuốc lá, măng-gan ; nhập-cảng máy móc, dầu hỏa. Về thương-mại, Ấn-độ có trao đổi hàng-hóa với Việt-nam.

BÀI TẬP

Ấn-độ trồng gì nhiều nhất? Tại sao lúa trồng nhiều mà không đủ ăn? Kể các nông-sản khác. Kể những kỹ-nghệ ở Ấn-độ. Nền thương-mại ở Ấn-độ thế nào? Ấn-độ xuất, nhập-cảng những gì? Ấn-độ có buôn-bán gì với ta không?

33. PHI-LUẬT-TÂN THIÊN-NHIÊN VÀ NHÂN-VĂN

Ý CHÍNH

I. Địa-lý thiên-nhiên:

Vị-trí : Ở phía đông biển Nam-hải.

Diện-tích : 3 trăm ngàn cây số vuông.

Địa-thể : Có 7 ngàn đảo. Hai đảo lớn nhất : Luy-xông (Luzon) và Manh-đa-nao (Mindanao). Có núi lửa, thường xảy ra nạn động đất.

Khí-hậu : Nóng và ẩm.

Sông ngòi : Sông ngắn.

II. Địa-lý nhân-văn:

Dân-cư : Chừng 30 triệu.

Chính-trị : Độc-lập từ năm 1946. Theo chế-độ Cộng-hòa.

CÂU CHUYỆN

Phi-luật-tân

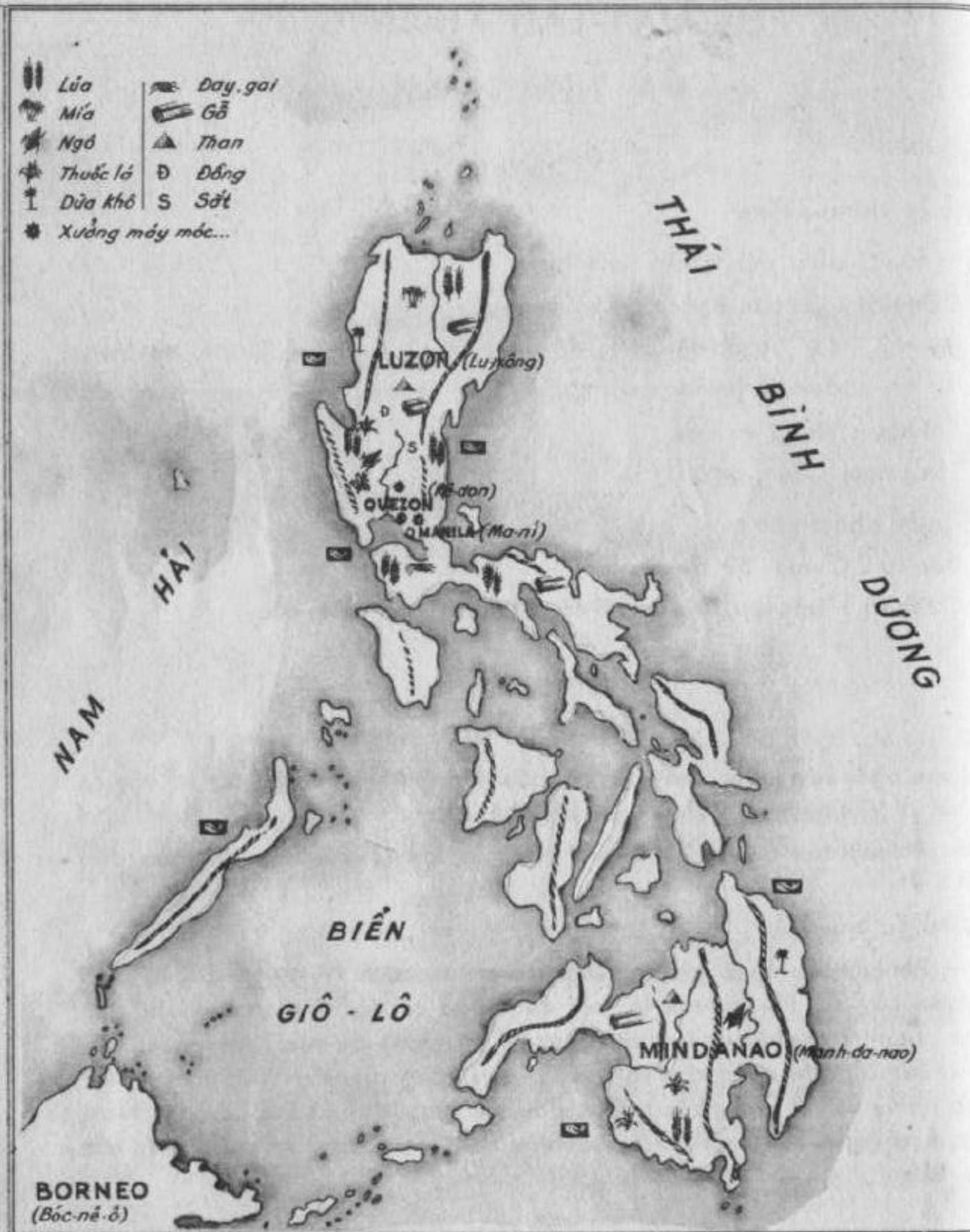
Loan ngời xem báo, thấy tin có bão lớn ở Phi-luật-tân, và vì vậy có bão rớt ở Việt-nam, liền chạy vào hỏi chú Tư :

— Phi-luật-tân ở đâu? Có gần nước ta không mà bão rớt qua đây hở Chú?

Chú Tư trả lời :

— Phi-luật-tân ở về phía Đông nước ta, cách Việt-nam chừng hơn một ngàn cây số. Phi-luật-tân là một quần-đảo có đến 7 ngàn đảo. Hai đảo lớn và quan-trọng nhất là Luy-xông (Luzon) và Manh-đa-nao (Mindanao). Đất rộng chừng 3 trăm ngàn cây số vuông, gần bằng diện-tích Việt-nam. Nước Phi có nhiều núi, ít đồng-bằng. Các dãy núi chạy dài từ Bắc xuống Nam có ngọn cao gần 3 ngàn thước. Có nhiều núi lửa, vì thế thường xảy ra nạn động đất.

PHI-LUẬT-TÂN



Quần đảo Phi-luật-tân

Loan hỏi :

- Ở Phi-luật-tân có nóng không, Chú?
- Khí-hậu ở Phi nóng và ẩm, và thường có bão. Những sông ngòi ở Phi ngắn, nước chảy mạnh, vì thế thường gây ra những cảnh ngập lụt

Tuấn hỏi :

- Ở Phi-luật-tân có đông người không, Chú?
- Phi-luật-tân có chừng 30 triệu người, đa số sống ở những miền đồng-bằng. Có một số da đen sống ở miền rừng núi. Hơn 80% người Phi theo đạo Thiên-Chúa, số còn lại theo đạo Hồi, Tin-lành và các đạo khác.

Người ngoại-quốc ở trên đất Phi-luật-tân gồm có Hoa-kỳ, Tây-ban-nha và nhiều nhất là người Trung-hoa.

Loan hỏi :

- Nước Phi-luật-tân theo chính-thể nào, Chú?
- Phi-luật-tân trước kia là thuộc-địa của Tây-ban-nha, từ năm 1899 là thuộc địa Hoa-kỳ và được độc-lập năm 1946. Hiện nay Phi-luật-tân theo chính-thể Cộng-hòa. Thủ-đô là Kê-don (Quezon). Đô-thị lớn nhất là Ma-ni (Manila).

Phi-luật-tân liên-lạc với ta về chính-trị, ngoại-giao và kinh-tế.



Một vũ-điệu Phi-luật-tân

BÀI HỌC

Phi-luật-tân là một quần-đảo ở phía Đông biển Nam-hải. Hai đảo lớn là Luy-xông (Luzon) và Manh-đa-nao (Mindanao). Diện-tích rộng chừng 300.000 cây số vuông, gần bằng Việt-nam. Có núi lửa và thường có nạn động đất.

Khí-hậu Phi-luật-tân nóng và ẩm, hay mưa to, bão lớn. Dân-số ước độ 30 triệu người. Phần đông người Phi theo đạo Thiên-Chúa. Phi-luật-tân được độc-lập từ năm 1946, theo chế-độ Cộng-hòa. Thủ-đô là Kê-don (Quezon), đô-thị lớn Ma-ni (Manila).

BÀI TẬP

Phi-luật-tân có bao nhiêu đảo? Phi-luật-tân ở về đâu? Diện-tích rộng bao nhiêu? Dân-số Phi-luật-tân độ bao nhiêu người? Phần đông dân Phi theo tôn-giáo nào? Phi-luật-tân độc-lập từ năm nào? Theo chính-thể nào? Thủ-đô là gì?

34. PHI-LUẬT-TÂN KINH-TẾ

Ý CHÍNH

I. Sản-vật :

- 1) Nông-sản : lúa, mía, thuốc lá, gai.
- 2) Lâm-sản : gỗ quý (rừng chiếm $\frac{2}{3}$ diện-tích.)
- 3) Khoáng-sản : Sắt, đồng, than.

II. Kỹ-nghệ : khá mở-mang.

- III. Thương-mại : 1) Xuất-cảng : dừa khô, mía, gai, gỗ, thuốc lá.
2) Nhập-cảng : chế-phẩm của Hoa-kỳ.

CÂU CHUYỆN

Nền kinh-tế Phi-luật-tân

Ông Thịnh đang ngồi hút thuốc lá tại phòng khách. Tuấn ở trong nhà chạy ra hỏi :

- Ba hút thuốc lá gì mà thơm thế, hử Ba ?
- Thuốc lá Phi-luật-tân đấy, con ạ.

Tuấn hỏi tiếp :

— Thế ở Phi-luật-tân, người ta có trồng nhiều thuốc lá hay không, hử Ba ?

— Nhiều lắm, ngoài ra người ta còn trồng lúa, ngô, khoai, dừa, mía, gai, dứa. Nhờ có đất tốt nên hàng năm họ sản-xuất được nhiều.

— Ở Phi-luật-tân, có nhiều rừng không, Ba ?

— Ở Phi-luật-tân rừng chiếm đến $\frac{2}{3}$ diện-tích. Trong rừng có nhiều gỗ quý.



Tiểu công-nghệ Phi-luật-tân

Tuấn nói thêm :

- Rừng nhiều vậy thì chắc ít mỏ, Ba nhỉ ?
- Không con ạ ! Phi-luật-tân có nhiều mỏ lắm, như mỏ sắt, mỏ đồng, mỏ than, mỏ vàng, bạc...
- Thưa Ba, vậy thì ở Phi có nhiều nhà máy không ạ ?
- Ngành kỹ-nghệ ở Phi khá phát-triển. Những nhà máy ép dầu, máy cưa, máy làm đường, làm thuốc lá, hoạt-động mạnh hơn cả.
- Phi-luật-tân có buôn-bán gì với ta không, Ba ?
- Có, nhưng với Hoa-kỳ nhiều nhất. Hằng năm Phi xuất-cảng gỗ, thuốc lá, đường, gai và nhập-cảng gạo, cùng các chế-phẩm của Hoa-kỳ.



Một khu phố ở Phi-luật-tân

BÀI HỌC

Phi-luật-tân chuyên về nghề nông, lúa được trồng nhiều nhất. Ngoài ra còn có những nông-sản khác như dừa, mía, đậu, thuốc lá.

Rừng ở Phi chiếm 2/3 đất đai. Trong rừng có nhiều gỗ quý. Ở Phi có mỏ sắt, đồng, than. Ngành kỹ-nghệ mới được mở-mang. Những nhà máy ép dầu, làm thuốc lá, làm đường, đang phát-triển mạnh.

Hằng năm, Phi-luật-tân xuất-cảng gỗ, thuốc lá, đường, gai, và nhập-cảng gạo, chế-phẩm của Hoa-kỳ.

BÀI TẬP

Phi-luật-tân có những nông-sản nào ? Phi có những mỏ gì ? Kỹ-nghệ ở Phi-luật-tân thế nào ? Những nhà máy nào hoạt-động mạnh nhất ? Phi-luật-tân buôn-bán với nước nào nhiều nhất ? Phi-luật-tân xuất-cảng những gì ?

35. IN-ĐÔ-NÊ-XI-A THIÊN-NHIÊN VÀ NHÂN-VĂN

Ý CHÍNH

I. Địa-lý thiên-nhiên :

- Vị-trí : Quần-đảo ở phía Nam Việt-nam, giữa Thái-bình-dương và Ấn-độ-dương.
- Diện-tích : 1.900.000 cây số vuông, lớn hơn Việt-nam 6 lần.
- Địa-thế : 4 đảo lớn.
- Khí-hậu : Nóng quanh năm, vì gần đường xích-đạo.
- Sông-ngòi : ngắn, nhiều thác.

II. Địa-lý nhân-văn :

- Dân-cư : Hơn 95 triệu, gấp 3 lần dân-số Việt-nam.
- Chính-trị : Theo chính-thể Cộng-hòa.

CÂU CHUYỆN

Đến thăm anh Thành

Loan và Tuấn lại thăm anh Thành, thấy anh đang cặm-cui bên bàn viết, Loan liền hỏi :

— Anh đang làm gì thế hở anh ?

Thành trả lời :

— Anh đang vẽ bản-đồ In-đô-nê-xi-a để giảng bài cho Dung. (Dung là em gái anh Thành, đang học lớp nhất).

Loan nói :

— Anh giảng cho chúng em nghe với, chúng em cũng chưa học đến nước In-đô-nê-xi-a.

IN-ĐÔ-NÊ-XI-A



Thành chỉ vào bản-
đồ nói:

— In-đô-nê-xi-a là một
quần-đảo ở phía Nam
Việt-nam và Phi-luật-
tân, nằm giữa Thái-bình-
dương và Ấn-độ-dương.
Diện-tích rộng 1 triệu 9



trăm ngàn cây số vuông, lớn hơn Việt-nam 6 lần. Ở đó có 4 đảo lớn là
Xuy-ma-tra (Sumatra), Boóc-nê-ô (Borneo), Gia-va (Java), và Xê-lép (Celebes),
và nhiều đảo nhỏ, rừng núi hiểm-trở, nhiều hỏa-diệm-sơn còn hoạt-động.
Bình-nguyên rộng ở phía Bắc đảo Xuy-ma-tra và Gia-va.

In-đô-nê-xi-a nóng và ẩm-thấp quanh năm, vì ở vào đường xích-đạo.
Sông ngòi ngắn, nhiều ghềnh thác.

Nước In-đô-nê-xi-a khá rộng. Dân-số có tới 95 triệu người, gấp 3 lần
dân-số Việt-nam, phần đông theo Hồi-giáo, sống ở các miền đồng-bằng.
Người da đen ở miền cao-nguyên. Cũng có những ngoại-kiểu như Ấn-độ,
Nhật-bản, Hòa-lan và nhiều nhất là người Trung-hoa.

In-đô-nê-xi-a trước kia là thuộc-địa của Hòa-lan, giành lại độc-lập từ
năm 1949. Hiện theo chính-thể Cộng-hòa. Thủ-đô là Gia-các-ta (Djakarta).
Thành-phố lớn là Xu-ra-bay-a (Surabaya) và Xu-ra-các-ta (Surakarta).

Tóm lại In-đô-nê-xi-a là một quần-đảo có nhiều núi-non rừng rậm
rộng đất phì-nhiều và đông dân-cư.



BÀI HỌC
In-đô-nê-xi-a là một
quần đảo ở phía Nam
Việt-nam nằm giữa Thái
bình - dương và Ấn - độ
dương. Diện-tích rộng

Dân In-đô-nê-xi-a.

1.900.000 cây số vuông,
gồm những đảo lớn như
Xuy-ma-tra (Sumatra),
Boóc-nê-ô (Borneo), Gia-
va (Java) và Xê-lép
(Celebes). In-đô-nê-xi-a có
nhiều rừng rậm và núi
lửa, những đồng bằng
rộng phì-nhiều.

Khí-hậu nóng và ẩm
quanh năm, vì In-đô-nê-
xi-a gần đường xích-đạo
và xung quanh có biển.

Dân-số có hơn 95 triệu người, gấp 3 lần dân-số Việt-nam.

In-đô-nê-xi-a độc-lập từ năm 1949, theo chính-thể Cộng-hòa. Thủ-đô là
Gia-các-ta. Những thành-phố lớn là Xu-ra-bay-a và Xu-ra-các-ta.

BÀI TẬP

In-đô-nê-xi-a ở đâu? Diện-tích rộng bao nhiêu? In-đô-nê-xi-a có những
đảo nào lớn? Khí-hậu thế nào? Dân-số độ bao nhiêu? Dân In-đô-nê-xi-a
theo tôn-giáo nào? In-đô-nê-xi-a độc-lập từ năm nào? Thủ-đô là gì? Có
những thành-phố nào lớn?



Một cảnh sống của dân In-đô-nê-xi-a

36. IN-ĐÔ-NÊ-XI-A KINH-TẾ

Ý CHÍNH

I. Nông-sản: lúa, bắp, khoai mì, cao-su, trà, cà-phê, ca-cao, thuốc lá, hồ-tiêu, canh-kí-na, mía, đậu phụng.

Chăn nuôi: hàng triệu con bò.

II. Khoáng-sản: mỏ dầu lửa, than, thiếc, nhôm, kẽm, măng-gan, đồng, vàng, bạc.

Lâm-sản: gỗ quý.

III. Công-nghệ: dệt vải, đan mũ, chế thuốc trị bệnh sốt rét.

IV. Thương-mại: Xuất-cảng: thiếc, cao-su, dầu lửa, đường, cà-phê, canh-kí-na, gỗ.

Nhập-cảng: máy móc, vải, lúa, gạo.

CÂU CHUYỆN

Nguồn lợi thiên-nhiên

Hôm nay, anh Thành nói tiếp cho các em nghe về những nguồn lợi thiên-nhiên của nước In-đô-nê-xi-a.

— Các em nên nhớ, nước nào cũng có những nguồn-lợi, nhưng thu được nhiều hay ít cũng tùy theo ở những miền đất tốt hay xấu, và phương-pháp cây-cấy được canh-tân hay không. Như ở In-đô-nê-xi-a, nhờ có đất nhiều màu-mỡ, nên 80% dân-cư sống về nghề nông, họ trồng nhiều lúa, bắp, khoai mì, cà-phê, trà, ca-cao, hồ-tiêu, canh-kí-na, thuốc lá, cao-su, mía, đậu phụng, đậu nành. Thêm vào đó lại có những phương-tiện dân thủy tối-tân do người Hòa-lan đem đến. Vì thế, nông-nghiệp của In-đô-nê-xi-a rất phát-đạt, hàng năm thu được nhiều hoa-lợi. Tuy vậy gạo cũng không đủ cung-cấp cho dân. Vì mỗi năm dân-số tăng thêm nửa triệu. Về ngành chăn nuôi, In-đô-nê-xi-a nuôi tới 5 triệu con bò. Còn rừng thì sản-xuất được nhiều gỗ quý.

Thành vừa ngừng nói thì Loan hỏi tiếp:

— Ngoài những nông-sản và gỗ còn có những nguồn lợi nào nữa, anh?

— Có chứ, ở đó cũng có những mỏ thiếc, than, dầu lửa, nhôm, măng-gan, đồng, kẽm, vàng, bạc. Lại có nhiều tiểu-công-nghệ cổ-truyền như nghề đan mũ, dệt vải bông, làm xì-gà, tiện gỗ. Những nhà máy tối-tân chế thuốc ký-ninh, lọc dầu lửa, chế-tạo cao-su, thường tập-trung ở đảo Gia-va và Xuy-ma-tra.

In-đô-nê-xi-a buôn bán với Hoa-kỳ, Anh, Nhật-bản, Hòa-lan, Ấn-độ và Việt-nam. Hàng năm In-đô-nê-xi-a xuất-cảng thiếc, dầu lửa, cao-su, gỗ, cà-phê, canh-kí-na, nhập-cảng máy móc, vải, lúa, gạo.

Nhờ có nguồn lợi thiên-nhiên dồi-dào, nền kinh-tế In-đô-nê-xi-a khá thịnh-vượng.



Một cảnh chợ In-đô-nê-xi-a.

BÀI HỌC

Ngành nông-nghiệp ở In-đô-nê-xi-a khá thịnh-vượng, nhưng lúa sản-xuất không đủ ăn vì số dân quá đông. Nhờ có đất phì-nhiều, phương-pháp trồng-trọt tân-tiến, nên cao-su, canh-kí-na, cà-phê, ca-cao, mía, hồ-tiêu, thuốc lá, trồng được rất nhiều.

Về khoáng-sản In-đô-nê-xi-a có những mỏ dầu lửa, thiếc, là đáng kể. Lâm-sản thì có gỗ quý. Về kỹ-nghệ có những nhà máy lọc dầu lửa, chế-tạo cao-su, thuốc ký-ninh, khá thịnh-vượng.

Nền thương-mại khá phát-đạt. In-đô-nê-xi-a xuất-cảng cao-su, dầu lửa, gỗ, canh-kí-na, cà-phê. Nhập-cảng máy móc, vải, lúa.

BÀI TẬP

Ngành nông-nghiệp ở In-đô-nê-xi-a thế nào? Lúa hàng năm có đủ cung-cấp cho dân dùng không? Tại sao? Ngoài lúa ra còn có những nông-sản nào? In-đô-nê-xi-a có những mỏ nào đáng kể? Kỹ-nghệ của In-đô-nê-xi-a thế nào? In-đô-nê-xi-a xuất, nhập-cảng những gì?

37. HỌC ÔN

Ấn-độ, Phi-luật-tân, In-đô-nê-xi-a

Điền vào chỗ trống tên các nước thích đáng với những câu sau :

- 1) là một quần đảo giữa Thái-bình-dương và Ấn-độ - dương
 là một bán-đảo lớn ở phía Nam châu Á
 là một quần-đảo ở phía Đông Nam-hải.

- 2) Đánh dấu chữ thập vào ô trống trước những số đúng :

Diện-tích :

Phi-luật-tân ☐ 250.000 km² ☒ 300.000 km² ☐ 400.000 km²

In-đô-nê-xi-a ☐ 1 triệu km² ☒ 2 triệu km² ☐ 1 triệu 1/2

Ấn-độ ☒ 3 triệu km² ☐ 2 triệu km² ☐ 1 triệu 1/2

- 3) Đảo Luy-xông và Manh-đa-nao thuộc nước nào ?

Đảo Xuy-ma-tra, Gia-va, Boóc-nê-ô và Xê-lép thuộc nước nào ?

- 4) Đánh dấu chữ thập vào những ô đúng :

Ấn-độ có sông ☒ Hằng-hà ☐ I-ra-u-a-đi

☐ Cửu-long ☐ Các sông nhỏ của Ấn-hà

- 5) Đánh dấu chữ thập trước những ô đúng :

Dân-số : Ấn-độ ☒ 440 triệu ☐ 390 triệu ☐ 350 triệu

In-đô-nê-xi-a ☐ 80 triệu ☒ 95 triệu ☐ 75 triệu

Phi-luật-tân ☐ 20 triệu ☐ 35 triệu ☒ 30 triệu

- 6) Sau đây là tên các thành-phố lớn của mỗi nước, em chọn và đánh dấu tên thủ-đô của nước ấy :

Thủ-đô Ấn-độ là ☐ Bom-bay ☒ Tân-đe-ly ☐ Can-quít-ta

Thủ-đô Phi-luật-tân là ☐ Ma-ní ☒ Kê-don

Thủ-đô In-đô-nê-xi-a là ☐ Xu-ra-bay-ra ☐ Xu-ra-các-ta

☒ Gia-các-ta

- 7) Nông-sản chính của Ấn-độ là

« In-đô-nê-xi-a là

« Phi-luật-tân là

- 8) Khoáng-sản của Phi-luật-tân là

« Ấn-độ là

« In-đô-nê-xi-a là

38. MIỀN-ĐIỆN THIÊN-NHIÊN

Ý CHÍNH

I. Vị-trí: Ở phía Nam châu Á.

- Giới-hạn: phía Bắc và Đông-Bắc giáp Trung-hoa, phía Đông giáp Ai-lao và Thái-lan, phía Nam giáp vịnh Băng-gan, Tây giáp Ấn-độ và Đông-Hồi.
- Diện-tích: 678.000 km², hơn hai lần diện-tích Việt-nam.

II. Địa-thế: Nhiều núi rừng

III. Khí-hậu: Nóng và ẩm vì ở miền nhiệt-đới. Miền Tây-Bắc mưa nhiều.

IV. Sông ngòi: Hai sông lớn: I-ra-u-a-di (Irraouaddi) và Sa-lu-en (Salouen).

CÂU CHUYỆN

Nước Miến-điện

Hôm qua chú Tư, Loan và Tuấn tiễn anh Hải đi du-lịch Miến-điện. Tới phi-trường, Loan và Tuấn đã thấy một số du-khách đợi sẵn. Loan liền hỏi:

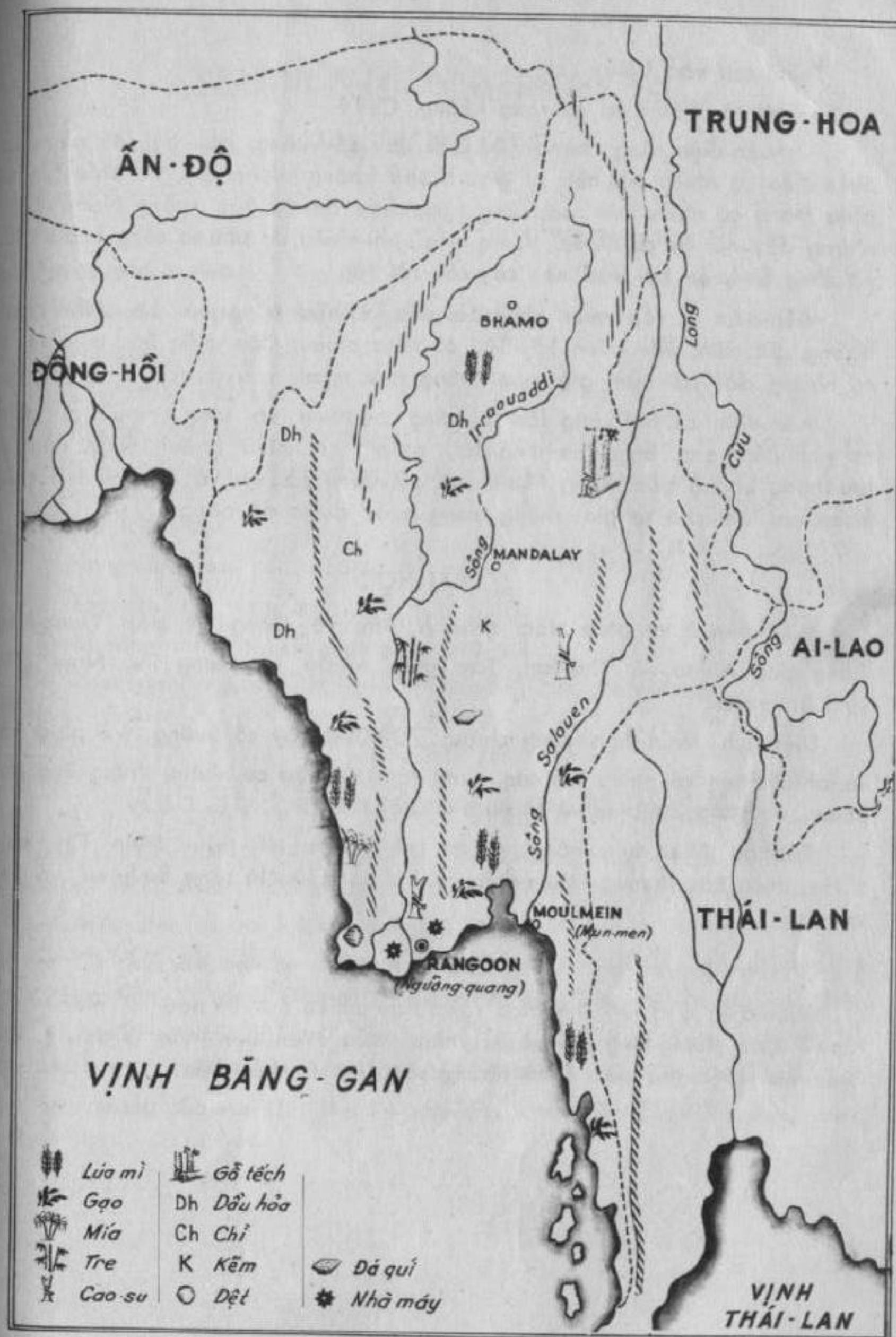
— Miến-điện ở đâu? Có lắm phong-cảnh đẹp không mà nhiều người đi vậy, Chú?

— Nước nào cũng có nhiều phong-cảnh đẹp, hai cháu muốn biết rõ Miến-điện, về nhà Chú sẽ kể cho nghe.

Máy bay cất cánh, Loan và Tuấn vẫy tay chào anh Hải rồi ba chú cháu lên xe về. Tới nhà, chú Tư không quên lời đã nói với Loan và Tuấn, liền lấy bản-đồ chỉ cho hai cháu.

— Miến-điện ở phía Nam châu Á, Bắc và Đông-Bắc giáp Trung-hoa, Đông giáp Ai-lao và Thái-lan, Tây giáp Ấn-độ và Đông-hồi, Nam giáp vịnh Băng-gan.

MIẾN-ĐIỆN



Tuấn xen vào hỏi:

— Nước Miến-điện có rộng không, Chú?

— Miến-điện rộng chừng 700.000 cây số vuông, gấp hai lần nước ta. Miến-điện có nhiều núi nên sự giao-thông không thuận-tiện. Về phía Tây và phía Đông có nhiều núi cao, rừng rậm, chạy dài từ Bắc xuống Nam. Giữa những dãy núi ấy có nhiều thung-lũng phì-nhiều, do phù-sa sông I-ra-u-a-đi và sông Sa-lu-en bồi vào nên cây-cỏ rất tốt.

Miến-điện ở vào miền nhiệt-đới nên khí-hậu nóng và ẩm. Nhờ ảnh-hưởng gió mùa, nên miền Tây-Bắc có mưa nhiều. Còn miền Bắc ít mưa, vì có những dãy núi chắn, gió mùa không thổi mạnh vào được.

Miến-điện có hai sông lớn là sông Sa-lu-en và sông I-ra-u-a-đi chảy ra vịnh Băng-gan. Sông Sa-lu-en dài, nhưng có nhiều ghềnh thác, nên sự lưu-thông không tiện. Sông I-ra-u-a-đi có nhiều phụ-lưu và sông nhánh chảy khắp nơi làm cho sự giao-thông trong nước được dễ dàng.

BÀI HỌC

Miến-điện ở về phía Nam châu Á, Bắc và Đông-Bắc giáp Trung-hoa, Đông giáp Ai-lao và Thái-lan, Tây giáp Ấn-độ và Đông-Hồi, Nam giáp vịnh Băng-gan.

Diện-tích Miến-điện rộng chừng 700.000 cây số vuông. Về phía Tây và phía Đông có nhiều núi cao, rừng rậm. Ở giữa có những thung-lũng phì-nhiều, do sông Sa-lu-en và I-ra-u-a-đi bồi thành.

Khí-hậu Miến-điện nóng và ẩm vì ở miền nhiệt-đới. Miền Tây mưa nhiều, miền Bắc ít mưa. Miến-điện có hai sông lớn là sông Sa-lu-en và I-ra-u-a-đi.

BÀI TẬP

Miến-điện ở đâu? Diện-tích rộng bao nhiêu? Miền nào có nhiều rừng rậm? Các thung-lũng phì-nhiều nhất của Miến-điện nằm ở đâu? Khí-hậu Miến-điện thế nào? Kể những sông lớn ở Miến-điện.

39. MIẾN-ĐIỆN NHÂN-VĂN VÀ KINH-TẾ

Ý CHÍNH

I. Địa-lý nhân-văn:

1) Dân-số ước độ 20 triệu người.

2) Tôn-giáo: Phật-giáo.

3) Chính-thể: dân-chủ.

Thủ-đô: Răng-gun (Rangoon).

Thành phố lớn: Mang-đa-lay (Mandalay), Mun-men (Moulmein).

II. Địa-lý kinh-tế:

1) Nông-sản: lúa, mía, cao-su.

2) Lâm-sản: gỗ tẻch, tre.

3) Khoáng-sản: chì, kẽm, dầu lửa, đá quý.

4) Thương-mại: xuất-cảng gạo, nhập-cảng các chế-phẩm.

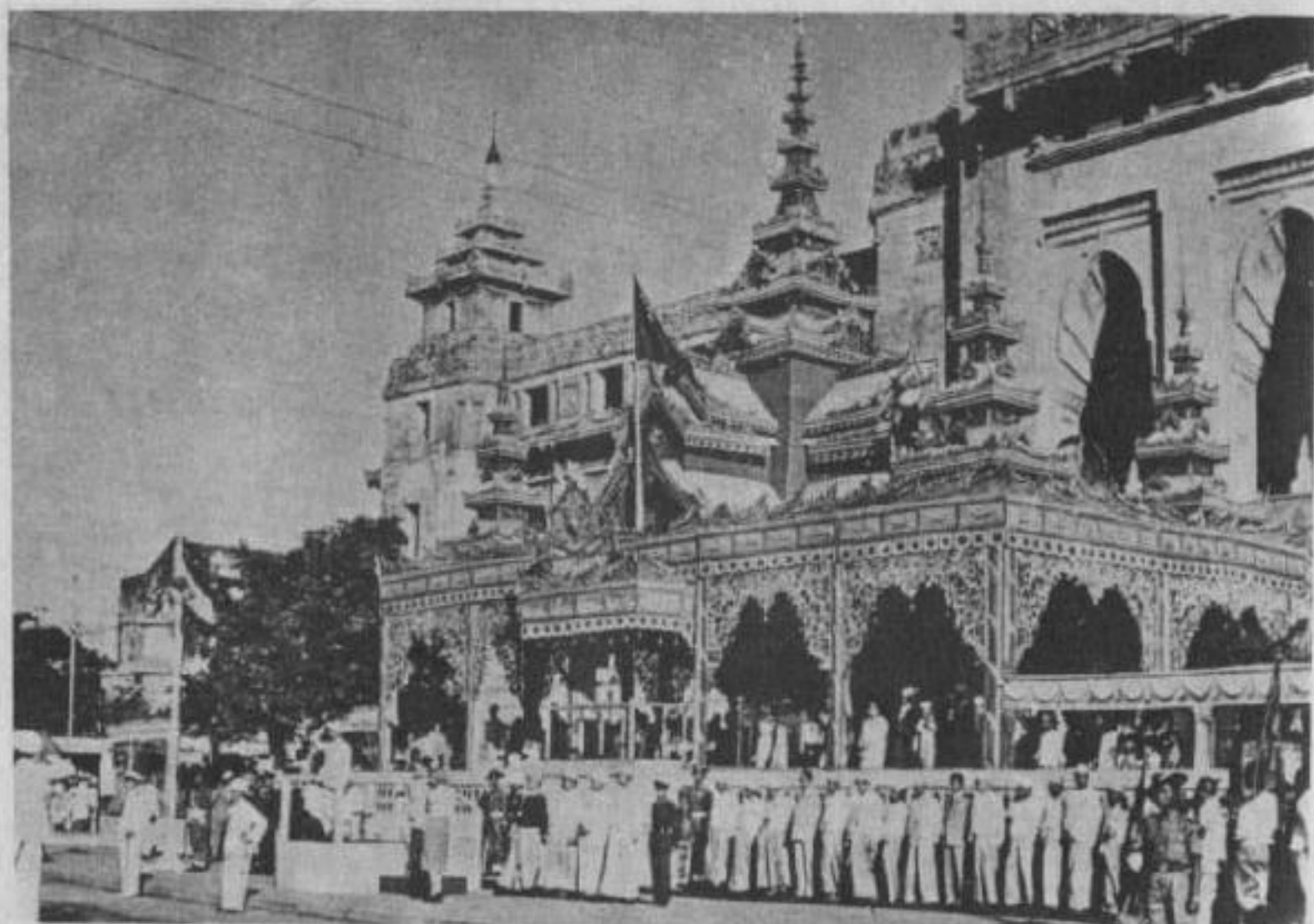
CÂU CHUYỆN

Anh Hải kể chuyện về nước Miến-điện

Sau chuyến du-lịch tại Miến-điện về, anh Hải đến thăm chú Tư và gặp Loan, Tuấn. Không đề lỡ cơ-hội, Loan liền hỏi anh Hải:

— Miến-điện có vui không, anh?

— Có chứ, đề anh kể chuyện về nước Miến-điện cho mà nghe. Phong cảnh Miến-điện rất đẹp. Dân-số độ hơn 20 triệu. Người Miến-điện phần đông theo đạo Phật. Ở thủ-đô Răng-gun, có nhiều chùa đẹp, trong đó có ngôi chùa lợp bằng vàng nổi tiếng trên thế-giới. Về văn-hóa, Miến-điện chịu ảnh-hưởng của Ấn-độ. Nhiều ngoại-kiểu sống trên đất Miến-điện, đông nhất là người Trung-hoa.



Tuần hội:

Lễ Độc-lập Miến-điện.

— Miến-điện theo chính-thể nào hử, anh ?

— Miến-điện trước là thuộc-địa của Anh, đã độc-lập từ năm 1947 và theo chính-thể Cộng-hòa. Thủ-đô Răng-gun (Rangoon) cũng là hải-cảng và phi-cảng quan-trọng nhất trên đường giao-thông giữa châu Âu với các nước ở Viễn-đông. Thành-phố lớn là Măng-đa-lay (Mandalay), Mun-men (Moulmein), Ba-mô (Bhamo).

— Miến-điện có giàu không, anh ?

— Miến-điện là một xứ khá giàu. Về nông-sản thì gạo Miến-điện có tiếng nhất, sức sản-xuất đứng vào hàng thứ sáu trên thế-giới. Ngoài ra còn có mía, đậu, lúa mì, trái cây, kê, vừng, thuốc lá, cao-su. Lâm-sản thì có gỗ téch, vỏ dẻ, tre. Khoáng-sản có dầu hỏa, chì, kẽm, đá quý. Hằng năm, Miến-điện xuất-cảng nhiều gạo, dầu hỏa, gỗ và kim-loại; nhập-cảng máy móc, tơ lụa, xe cộ và đồ kim-khí. Những kỹ-nghệ về thực-phẩm và tiểu công-nghệ đều tập trung ở Răng-gun.

Nền thương-mại của Miến-điện khá quan-trọng. Miến-điện buôn-bán với Ấn-độ, Tân-tây-lan, In-đô-nê-xi-a, Nhật-bản và Anh. Tuy Miến-điện không buôn-bán gì nhiều với Việt-nam, nhưng về ngoại-giao, ta có đặt toà Tổng Lãnh-sự ở Răng-gun.



Chùa ở Miến-điện.

BÀI HỌC

Dân-số Miến-điện có hơn 20 triệu, phần đông theo Phật-giáo, và chịu ảnh-hưởng văn-hóa của Ấn-độ. Những ngoại-kiều thì có nhiều nhất là người Trung-hoa.

Miến-điện độc-lập từ năm 1947, theo chính-thể Cộng-hoà. Thủ-đô là Răng-gun (Rangoon). Thành-phố lớn là Măng-đa-lay (Mandalay) Mun-men (Moulmein), Ba-mô (Bhamo).

Nền kinh-tế Miến-điện khá phát-đạt. Nông-sản có gạo, mía, đậu, lúa mì, trái cây, kê, vừng, thuốc lá, cao-su. Khoáng-sản có dầu hỏa, chì, kẽm, đá quý. Hằng năm Miến-điện xuất-cảng gạo, dầu hỏa, gỗ và nhập-cảng máy móc, tơ lụa, đồ kim-khí.

BÀI TẬP

Dân-số Miến-điện có bao nhiêu ? Miến-điện theo tôn-giáo nào ? Ngoại-kiều nào đông nhất ở Miến-điện ? Miến-điện độc-lập từ năm nào ? Thủ-đô là gì ? Miến-điện có những nông-sản, khoáng-sản nào ? Hằng năm Miến-điện xuất-cảng, nhập-cảng những gì ?

40. MÃ-LAI-Á THIÊN-NHIÊN

Ý CHÍNH

I. Vị-trí : Ở Đông-Nam châu Á gồm hai miền riêng biệt :

- 1) Mã-lai (ở bán đảo Mã-lai).
- 2) Sarawak, Brunei, và Bắc Borneo (ở miền Bắc đảo Borneo).

Diện-tích : gần 340.000 km².

II. Địa-thể :

- 1) Bán đảo Mã-lai : ở giữa là một dãy núi, có nhiều thung-lũng, chạy dài từ Bắc xuống Nam.
- 2) Miền Bắc đảo Borneo : có bình-nguyên ở ven biển và dãy núi sau lưng

III. Khí-hậu : Nóng và ẩm quanh năm.

IV. Sông lớn : Sông Perak và Pahang.

CÂU CHUYỆN

Liên bang Mã-lai-á

Chú Tư mở cửa bước vào phòng, Loan và Tuấn đang ngồi học. Thấy chú Tư, Loan hỏi ngay :

- Chú đi đâu về vậy ?
- Chú đi xem đá bóng về.

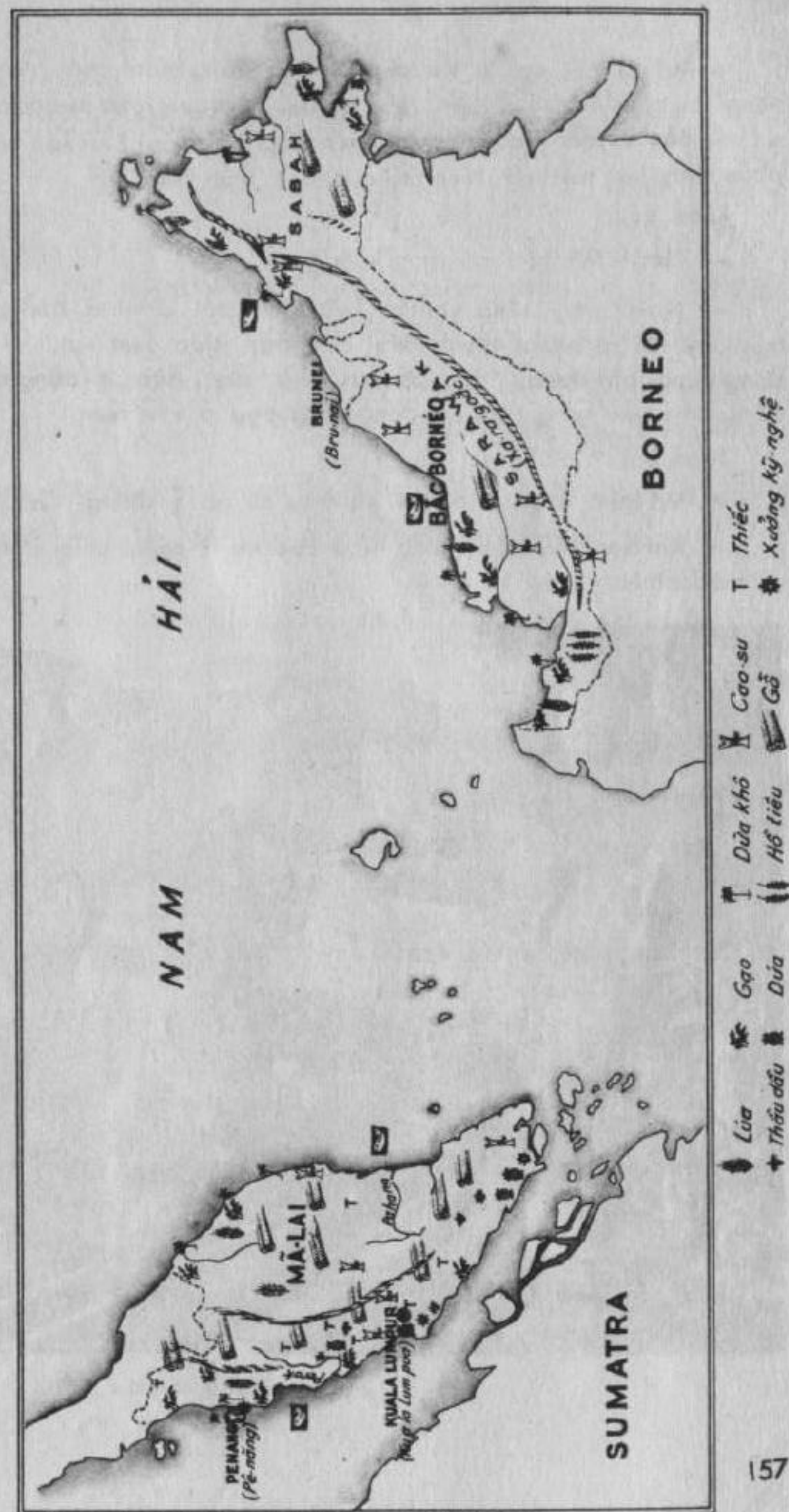
Loan hỏi thêm :

- Có hay không chú ? Bên nào thắng hử, Chú ?
- Mã-lai thắng ta hai một. Cầu thủ họ đá khá lắm.

Tuấn hỏi :

- Ủa, Mã-lai hử Chú ? Mã-lai ở đâu mà sang đây vậy, Chú ?

MÃ-LAI-Á



— Mã-lai còn gọi là Mã-lai-á ở miền Đông-Nam châu Á, gồm hai miền riêng biệt là Mã-lai ở bán đảo Mã-lai; Sarawak(Sa-ra-goắc), Brunei (Bru-nai) và Bắc Bornéo(Boóc-nê-ô) ở miền Bắc hải-đảo Bornéo. Nằm giữa hai phần này là một eo biển rộng thuộc biển Nam-hải.

Loan hỏi:

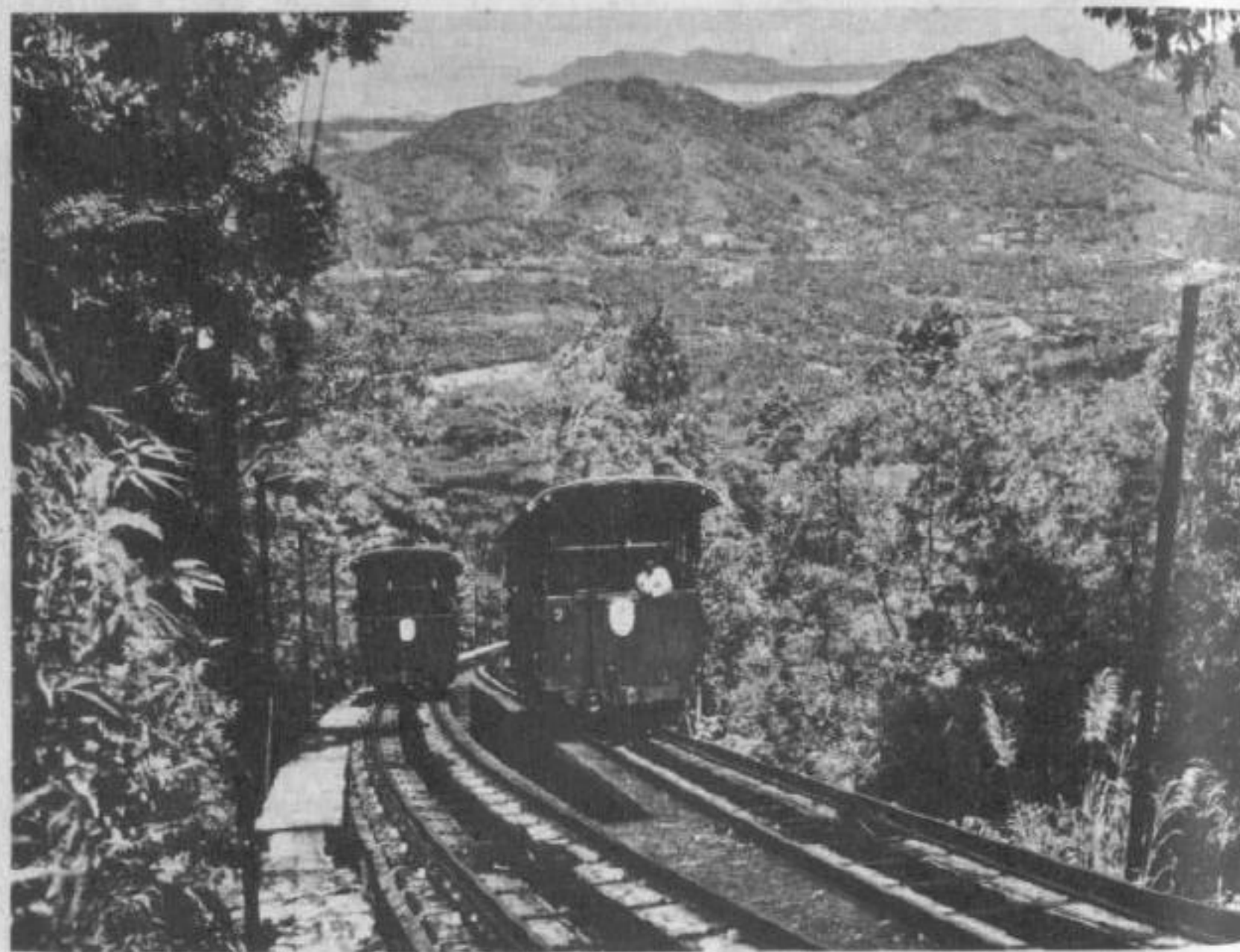
— Nước Mã-lai-á có rộng không, Chú?

— Nước này rộng chừng 340.000 km². Ở giữa bán đảo Mã-lai là một dãy núi có nhiều thung-lũng, chia bán đảo làm hai. Về phía Tây, có đồng-bằng phì-nhiều, trồng đủ các thứ cây, dân-cư đông-đúc, còn phía Đông có nhiều rừng rậm và đồng-bằng hẹp ở ven biển.

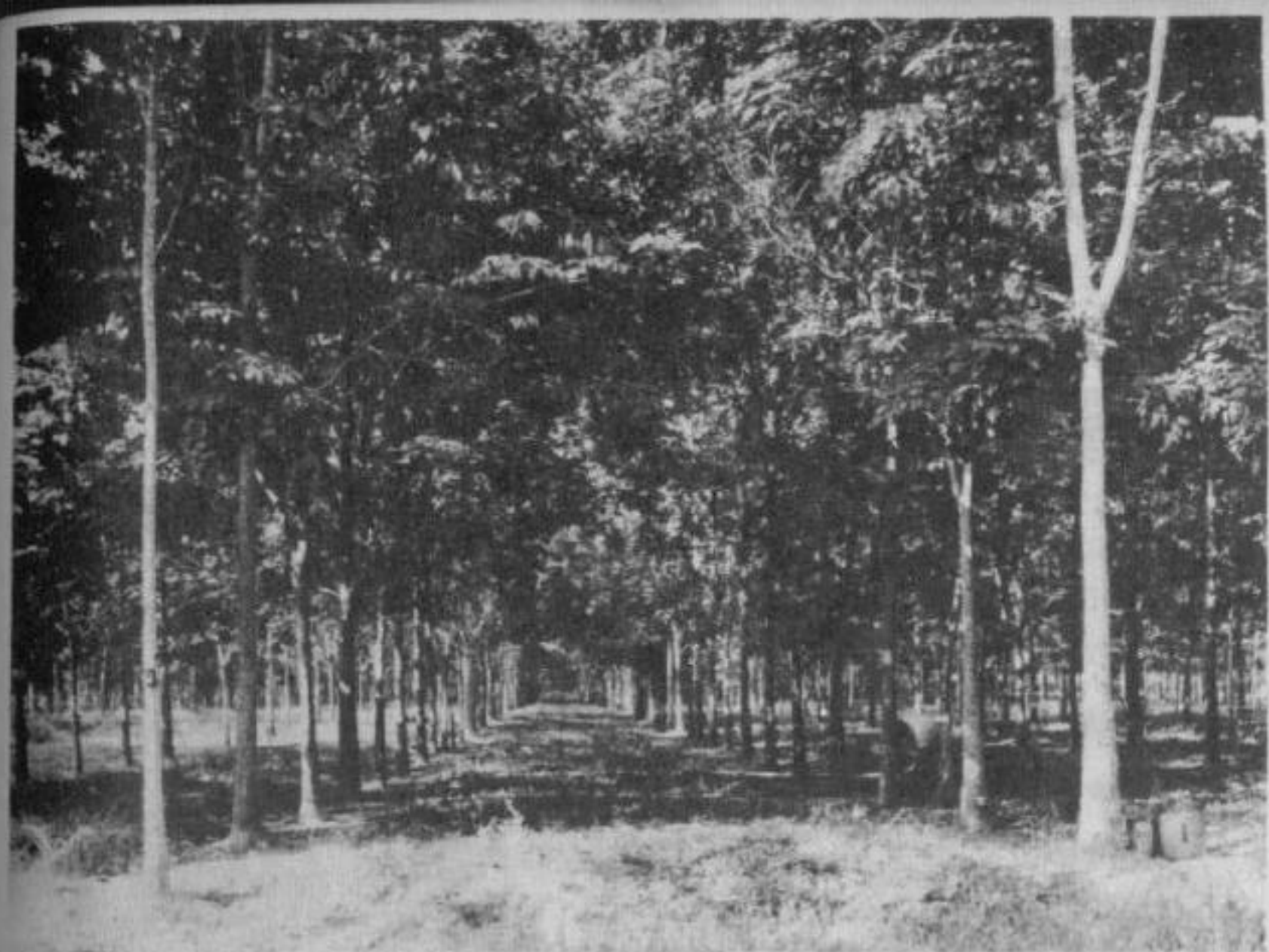
Tuấn hỏi:

— Mã-lai-á ở gần ta, thế khí-hậu có nóng không, Chú?

— Khí-hậu Mã-lai-á, cũng như các xứ ở miền nhiệt-đới, nóng và ẩm, có mưa nhiều.



Một cảnh núi đồi ở Mã-lai-á



Một rừng cao-su ở Mã-lai-á

— Thưa chú mưa nhiều thì hẳn có nhiều sông ngòi!

— Đúng thế, Mã-lai-á có hàng trăm con sông phát-nguyên từ dãy núi giữa bán đảo Mã-lai và chảy ra hai bên. Hai sông lớn là sông Perak và sông Pahang (Pê-rắc và Pa-hăng).

BÀI HỌC

Mã-lai-á ở Đông-Nam châu Á, gồm hai miền riêng-biệt: Mã-lai ở bán đảo Mã-lai; Sarawak, Brunei và Bắc Bornéo ở miền Bắc đảo Bornéo. Diện-tích rộng độ 340.000 cây số vuông. Ở giữa bán đảo Mã-lai là một dãy núi, chia bán đảo làm hai miền. Dọc theo bờ biển có đồng-bằng. Khí-hậu Mã-lai-á nóng và ẩm quanh năm. Hai con sông lớn là Perak và Pahang.

BÀI TẬP

Mã-lai-á ở đâu? Gồm có mấy phần? Diện-tích rộng độ bao nhiêu? Đồng-bằng nào quan-trọng nhất? Khí-hậu Mã-lai-á thế nào? Có sông nào lớn?

41. MÃ-LAI-Á NHÂN-VĂN VÀ KINH-TẾ

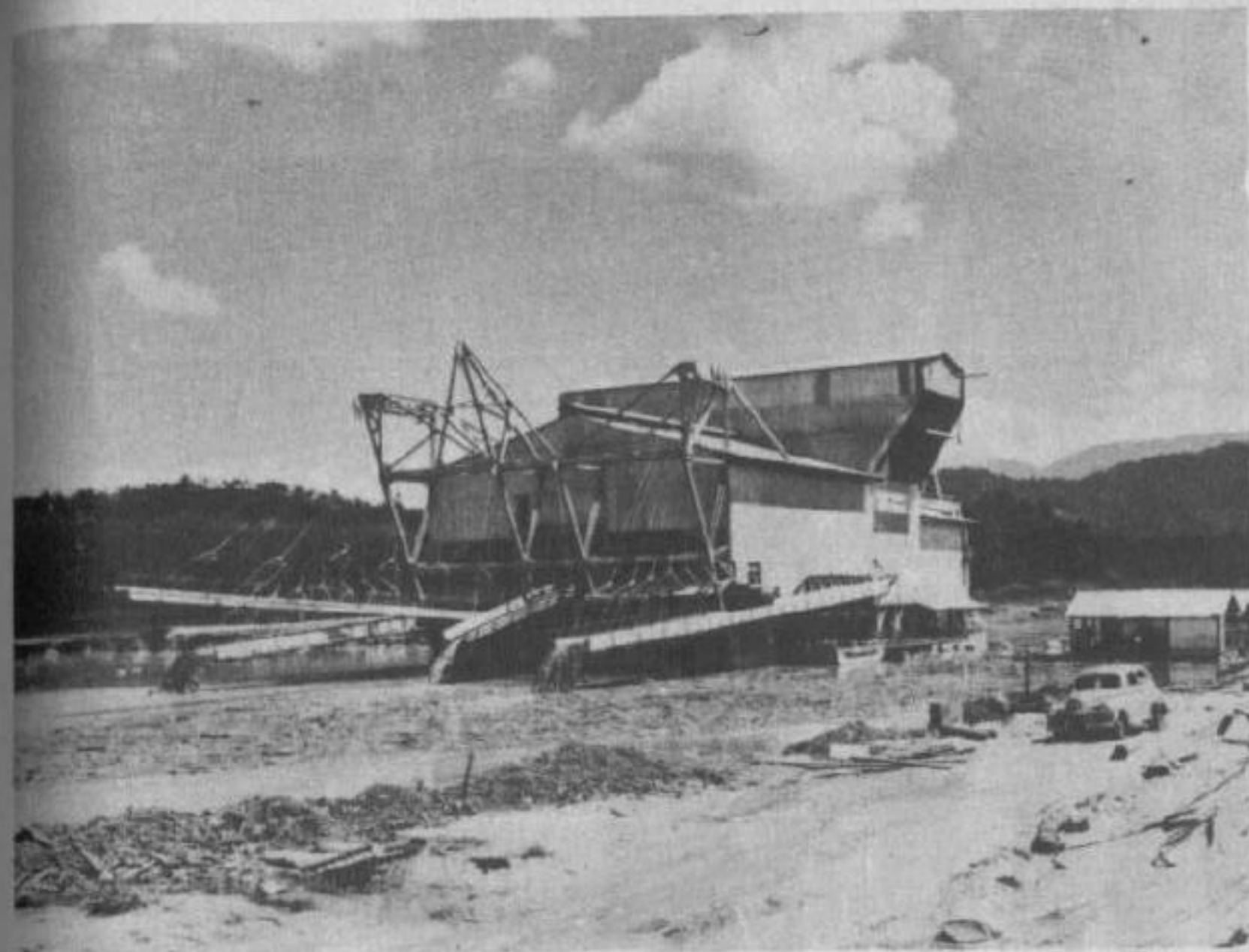
Ý CHÍNH

I. Nhân-văn :

- Dân-số độ 10 triệu người, gồm người Trung-hoa, Hồi, Á-rập, Anh.
- Tôn-giáo : Nhiều tôn-giáo khác nhau.
- Chính-thể : Mã-lai-á là một liên-bang theo chế-độ Quân-chủ lập-hiến.
- Thủ-đô : Kuala-Lumpur

II. Kinh-tế :

- Nông-sản : Cao-su, dừa khô, hồ-tiêu, thầu-dầu; trái cây, đường, trà.
- Lâm-sản : gỗ.
- Khoáng-sản : thiếc.
- Thương-mại : buôn-bán với Anh, Hoa-kỳ, xuất-cảng nhiều hơn nhập-cảng. Xuất-cảng : cao-su, thiếc, hồ-tiêu.



Khai mỏ thiếc

CÂU CHUYỆN

Liên bang Mã-lai-á (tiếp theo)

Chú Tư đang ngồi xem báo, Loan đến hỏi :

- Mã-lai-á thành lập từ năm nào, Chú ?
- Mã-lai-á là một tân quốc-gia thành-lập từ ngày 16-9-1963.

Loan hỏi :

- Dân-số nước này có đông không, Chú ?
- Dân-số Mã-lai-á ước độ 10 triệu người, gồm nhiều sắc dân như Trung-hoa, Hồi, Á-rập và Anh, theo nhiều tôn-giáo khác nhau. Các tôn-giáo lớn là Hồi-giáo, Phật-giáo, Thiên-Chúa-giáo. Những bộ-lạc ở xa thành-thị vẫn duy-trì những lối sống riêng-biệt và giữ tín-ngưỡng cổ xưa của họ.



Lấy nhựa cao-su

Về chính-trị, tân quốc-gia này theo chính-thể quân-chủ lập-hiến và là hội-viên khối Liên-hiệp Anh. Thủ-đô là Kuala-Lumpur (Kua la Lâm pua).

Tuấn hỏi :

- Nước này có những nông-sản nào quan-trọng hử, Chú ?
- Những nông-sản quan-trọng là cao-su ở phía Bắc Kuala-Lumpur, dừa khô ở Bắc Bornéo, hồ-tiêu ở Sarawak. Ngoài ra còn có lúa, khoai mì đường, trà, trái cây. Về lâm-sản có gỗ; hải-sản thì có nhiều cá.

Loan hỏi :

- Khoáng-sản và kỹ-nghệ Mã-lai-á thế nào, Chú ?
- Mã-lai-á sản-xuất thiếc nhiều nhất thế-giới. Có nhiều mỏ thiếc ở Perak và đảo Penang, nhiều xưởng đúc thiếc ở Penang. Các xưởng kỹ-nghệ tập-trung ở Penang và Kuala-Lumpur; phần lớn các xưởng này chế hóa các nguyên-liệu có sẵn trong nước như thiếc, cao-su, xi-măng. ...

Tuấn hỏi :

- Nền thương-mại Mã-lai-á có phồn-thịnh không, Chú ?
- Nền thương-mại ở nước này khá phồn-thịnh. Mã-lai-á buôn-bán với Anh, Hoa-kỳ nhiều nhất. Hàng năm xuất-cảng thiếc, cao-su.



Tiểu công-nghệ ở Mã-lai

BÀI HỌC

Mã-lai-á là một tân liên-bang, theo chính-thể quân-chủ lập-hiến. Dân-cư ước độ 10 triệu người, gồm nhiều sắc dân như Trung-hoa, Hồi, Á-rập và Anh, theo nhiều tôn-giáo khác nhau. Phần đông dân-cư sống về nghề nông, chài lưới, buôn-bán, nghề khai mỏ thiếc, kẽm và trồng cao-su.

Nông-sản có dừa khô, hồ-tiêu, cao-su, lúa, trái cây, rau, thầu-dầu. Lâm-sản có gỗ. Khoáng-sản có mỏ thiếc, nhiều nhất thế-giới. Mã-lai-á có kỹ-nghệ đúc thiếc là quan-trọng nhất. Ngoài ra còn có những kỹ-nghệ chế-hóa các nguyên-liệu có sẵn trong nước như kỹ-nghệ thiếc, cao-su và xi-măng. Mã-lai-á xuất-cảng nhiều hơn nhập-cảng; xuất-cảng thiếc, cao-su, hồ-tiêu, buôn-bán với Anh và Hoa-kỳ.

BÀI TẬP

Dân-số Mã-lai-á độ bao nhiêu ? Dân-cư sống về nghề gì ? Mã-lai-á có những nông-sản nào, lâm-sản, khoáng-sản nào ? Mã-lai-á xuất-cảng những gì ? Buôn-bán với những nước nào ? Những thành-phố nào lớn ?

42. NHẬT-BẢN THIÊN-NHIÊN VÀ NHÂN-VĂN

Ý CHÍNH

I. Địa-lý thiên-nhiên :

- Vị-trí : Quần-đảo ở phía Đông châu Á.
- Diện-tích gần 370.000 cây số vuông.
- Địa-thế : 4 đảo lớn và hàng ngàn đảo nhỏ.
Nhiều hỏa-diệm-sơn.
- Sông ngòi : nhiều sông ngắn, nước chảy mạnh.
- Khí-hậu : miền Nam, mùa hạ nóng trung-bình. Miền Bắc lạnh.

II. Địa-lý nhân-văn :

- Dân-cư : gần 100 triệu.
- Tôn-giáo : đạo Phật, đạo Khổng, Võ-sĩ-đạo.
- Chính-thể quân-chủ. Thủ-đô : Đông-kinh.

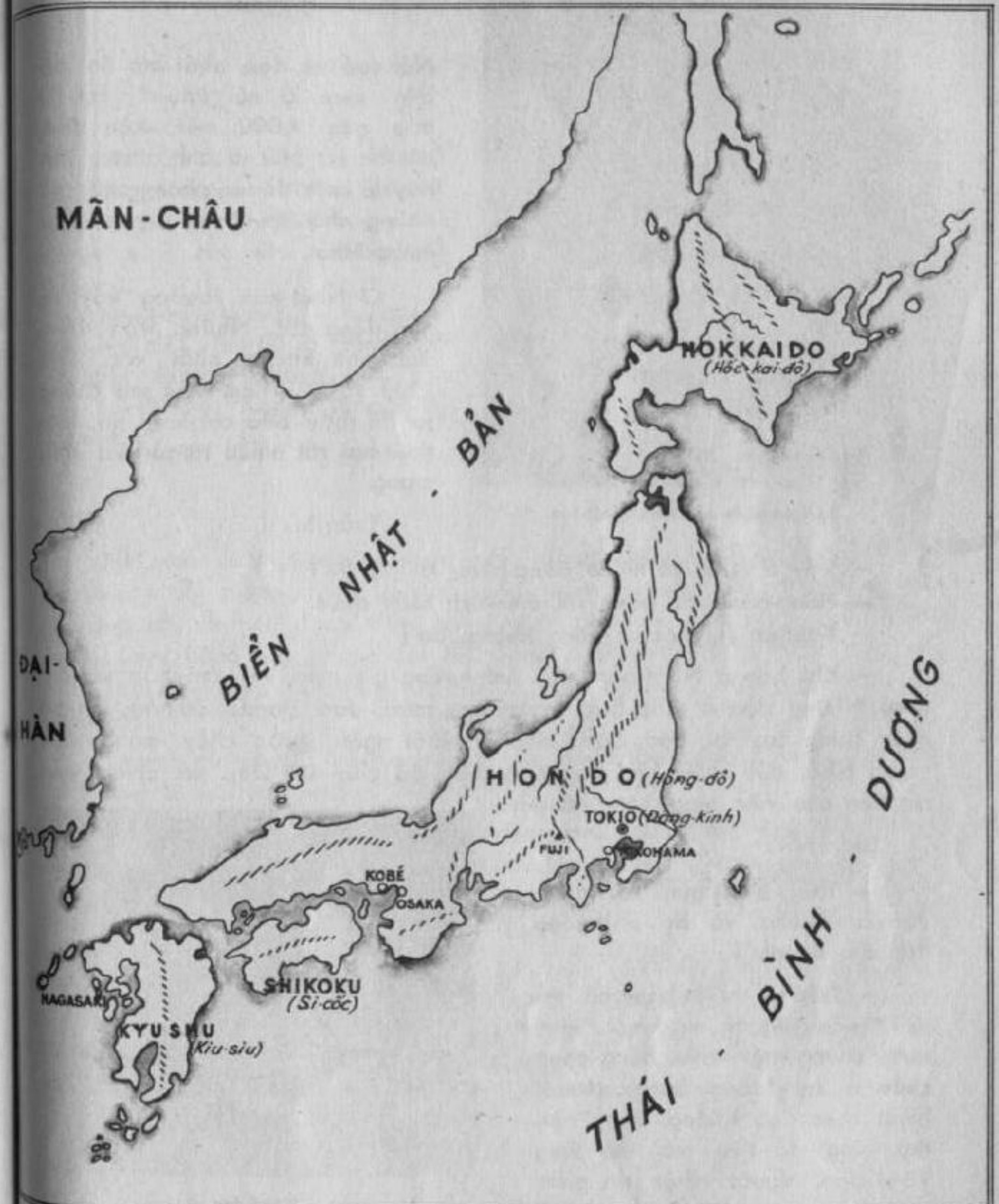
CÂU CHUYỆN

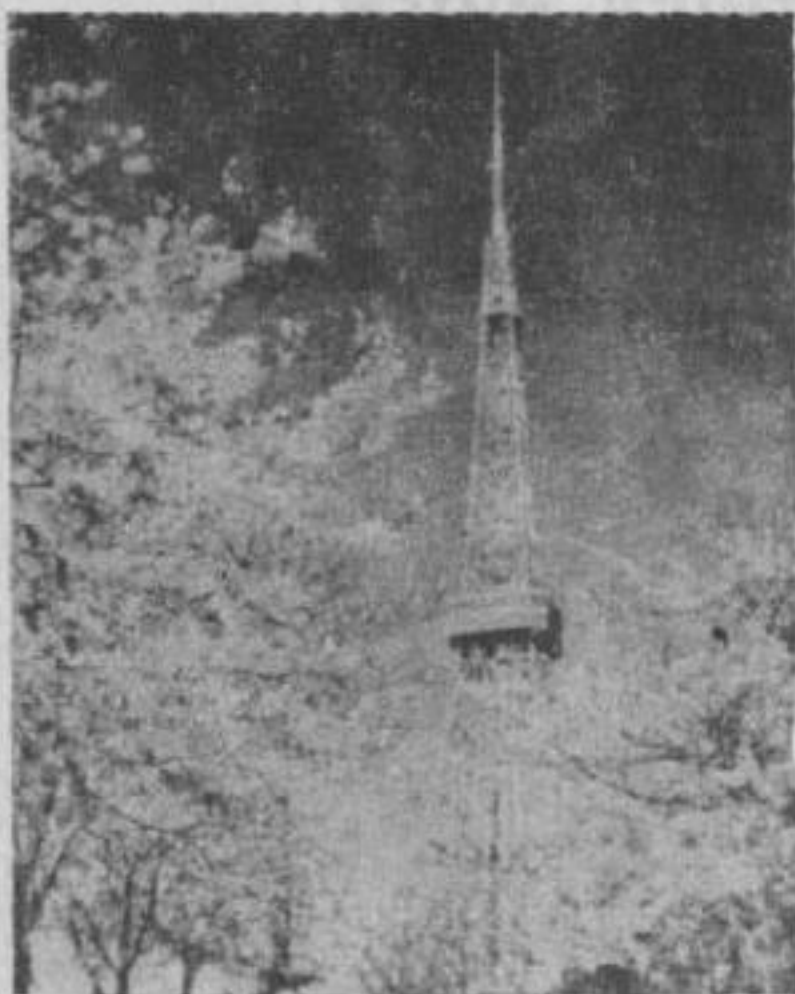
Nước Nhật

Dưới ánh đèn, mọi người đang nghe ông Thịnh kể lại cuộc hành-trình qua Nhật, Loan hỏi xen vào :

- Nhật-bản ở về đâu, có rộng không, Ba ?
- Nhật-bản là một quần-đảo ở phía đông châu Á, rộng gần 370.000 cây số vuông. Có 4 đảo lớn từ Bắc xuống Nam là Hốc-kai-đô (Hokkaido) Hông-đô (Hondo) Si-cốc (Shikoku) và Kiu-siu (Kyushu). Lại có 4.000 đảo nhỏ. Những quần-đảo từ Bắc xuống Nam nằm trên một chiều dài 2.000 cây số. Nhật-bản có nhiều núi lửa, trong đó còn một số đang hoạt-động.

NHẬT-BẢN THIÊN-NHIÊN





Núi Phú-sĩ cao nhất Nhật-bản

Núi cao và đẹp nhất mà Ba đã đến xem là núi Phú-sĩ (Fou-ji) cao gần 4.000 mét, trên đỉnh có tuyết phủ quanh năm. Núi này là một đề-tài phong-phú cho những nhà thi-sĩ và họa-sĩ của nước Nhật.

Ở Nhật-bản thường xảy ra nạn động đất. Những trận động đất kinh-khủng nhất vào năm 1923 và đầu năm 1964 mà chúng ta đã thấy báo chí loan tin, làm thiệt-hại rất nhiều tài-sản và sinh-mạng.

Tuần hỏi :

- Vậy ở Nhật có nhiều đồng-bằng không, Ba ?
- Đồng-bằng chỉ bằng 1/8 diện-tích toàn quốc.
- Khí-hậu ở Nhật có nóng không, Ba ?

— Khí hậu ở Nhật-bản chịu ảnh-hưởng gió mùa, nên ẩm-thấp và ôn-hòa. Những đảo ở phía bắc lạnh, hay mưa, đảo Hondo ôn-hòa, nhưng miền Trung hay bị bão. Sông ngòi ở Nhật ngắn, nước chảy mạnh, nên người Nhật đặt nhiều hệ-thống thủy-diện. Bờ biển lồi lõm, có nhiều vịnh rất tiện cho việc giao-thông hàng-hải.

Loạn hỏi :

— Thế Nhật-bản có đông dân-cư không và họ sinh-sống thế nào Ba nhỉ ?

— Dân-số Nhật-bản có tới 100 triệu người và mỗi năm tăng chừng một triệu. Sống chen chúc ở các đồng-bằng. Người Nhật theo đạo Khổng, đạo Phật, thờ-cúng tổ-tiên và tôn-sùng Võ-sĩ-đạo. Người Nhật ưa giản-



Võ sĩ-đạo



Núi Phú-Sĩ
và cô gái Nhật.

đi, nhà cửa làm đơn-sơ. Nhưng ở trung-tâm các đô-thị, có rất nhiều cửa tiệm, ngân-hàng v.v... được xây cất nhiều tầng rất kiên-cố.

Nhật-bản là một nước quân-chủ lập-hiến. Thủ-đô là Đông-kinh (Tokyo) Những thành-phố lớn là Yokohama, Kobê, Nagasaki, Okasa.

BÀI HỌC

Nhật-bản là một quần-đảo ở phía đông châu Á. Rộng gần 4 trăm ngàn cây số vuông. Nhật-bản có nhiều hỏa-diệm-sơn còn hoạt-động nên thường xảy ra nạn động đất. Núi Phú-sĩ đẹp và cao nhất (gần 4.000 mét). Đồng-bằng hẹp nhưng đất tốt. Sông ngắn nước chảy mạnh, tiện cho việc đặt hệ-thống thủy-diện. Khí-hậu ở Nhật chịu ảnh-hưởng gió mùa nên ẩm-thấp.

Dân-số có tới 100 triệu người. Người Nhật theo đạo Khổng, đạo Phật thờ-cúng tổ-tiên và tôn-sùng Võ-sĩ-đạo.

Nhật-bản theo chế-độ quân-chủ lập-hiến. Thủ-đô là Đông-kinh (Tokyo) Các thành-phố lớn là Yokohama, Kobê, Nagasaki, Okasa.

BÀI TẬP

Nhật-bản ở về đâu ? Diện-tích rộng bao nhiêu ? Kể những đảo lớn ở Nhật. Đồng-bằng ở Nhật thế nào ? Dân-số Nhật-bản độ bao nhiêu người ? Người Nhật theo đạo nào ? Hiện nay Nhật-bản theo chính-thể nào ? Thủ-đô là gì ? Kể những thành-phố lớn ở Nhật.

43. NHẬT-BẢN KINH-TẾ

Ý CHÍNH

I. Sản-vật :

- Nông-sản : lúa, lúa mì, lúa mạch, đậu, trà, bông vải.
- Chài-lưới rất thịnh-vượng.
- Khoáng-sản : sắt, kẽm, đồng, chì, mangan.

II. Kỹ-nghệ :

- Lọc thép, đúc gang, đóng tàu, dệt vải, len, lụa, chế-tạo đồ chơi trẻ con, đồ điện.

III. Thương-mại :

- Nhập-cảng : dầu lửa, than, thực-phẩm.
- Xuất-cảng : vải lụa, tơ hoá-học, đồ chơi, đồ điện, ván ép, đồ kim-khí, xe hơi.
- Hải-cảng : Yokohama, Kobe, Nagasaki.

CÂU CHUYỆN

Nhật-bản (tiếp theo)

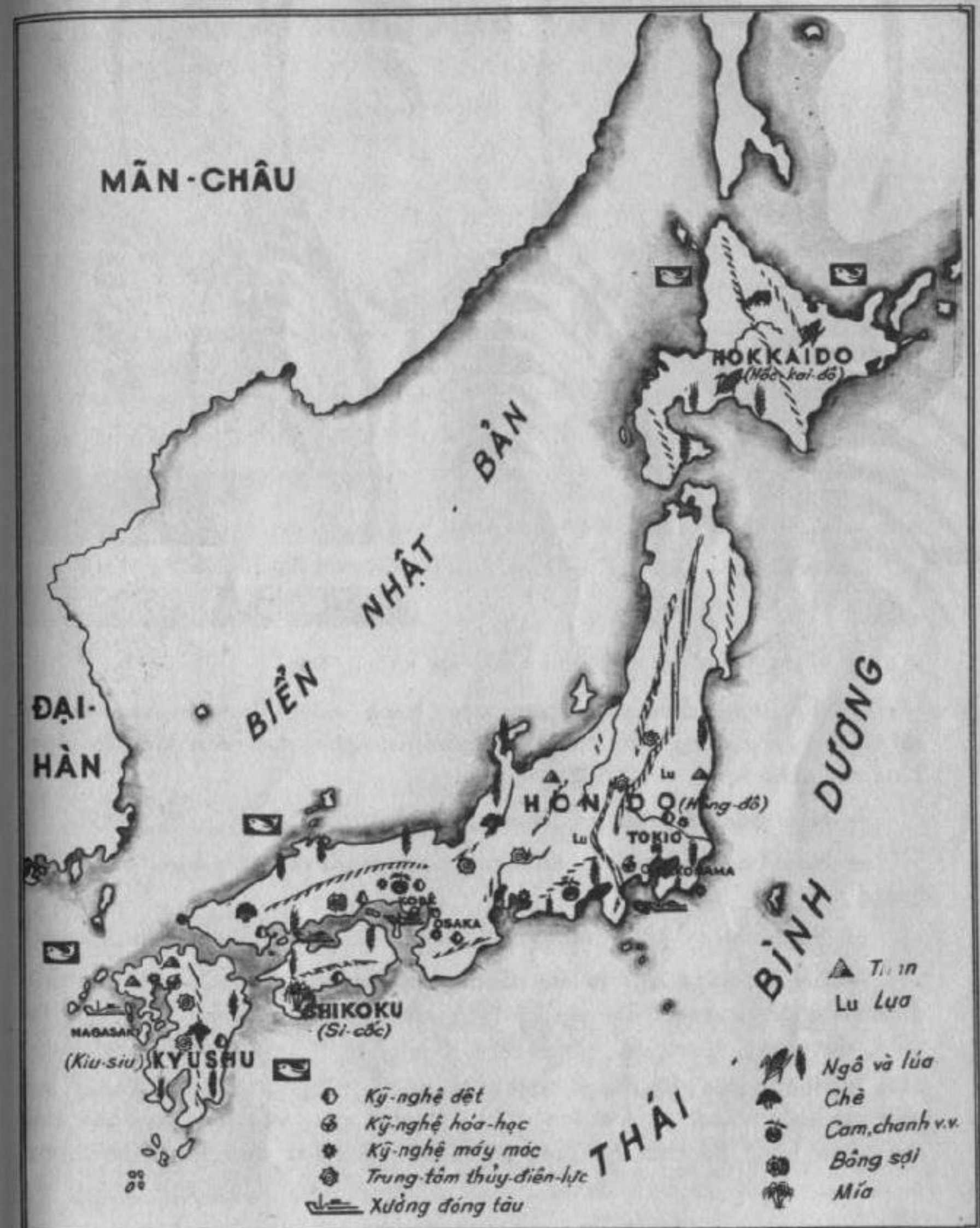
Cả nhà ông Thịnh đang quây-quần quanh bàn ăn, Loan hỏi :

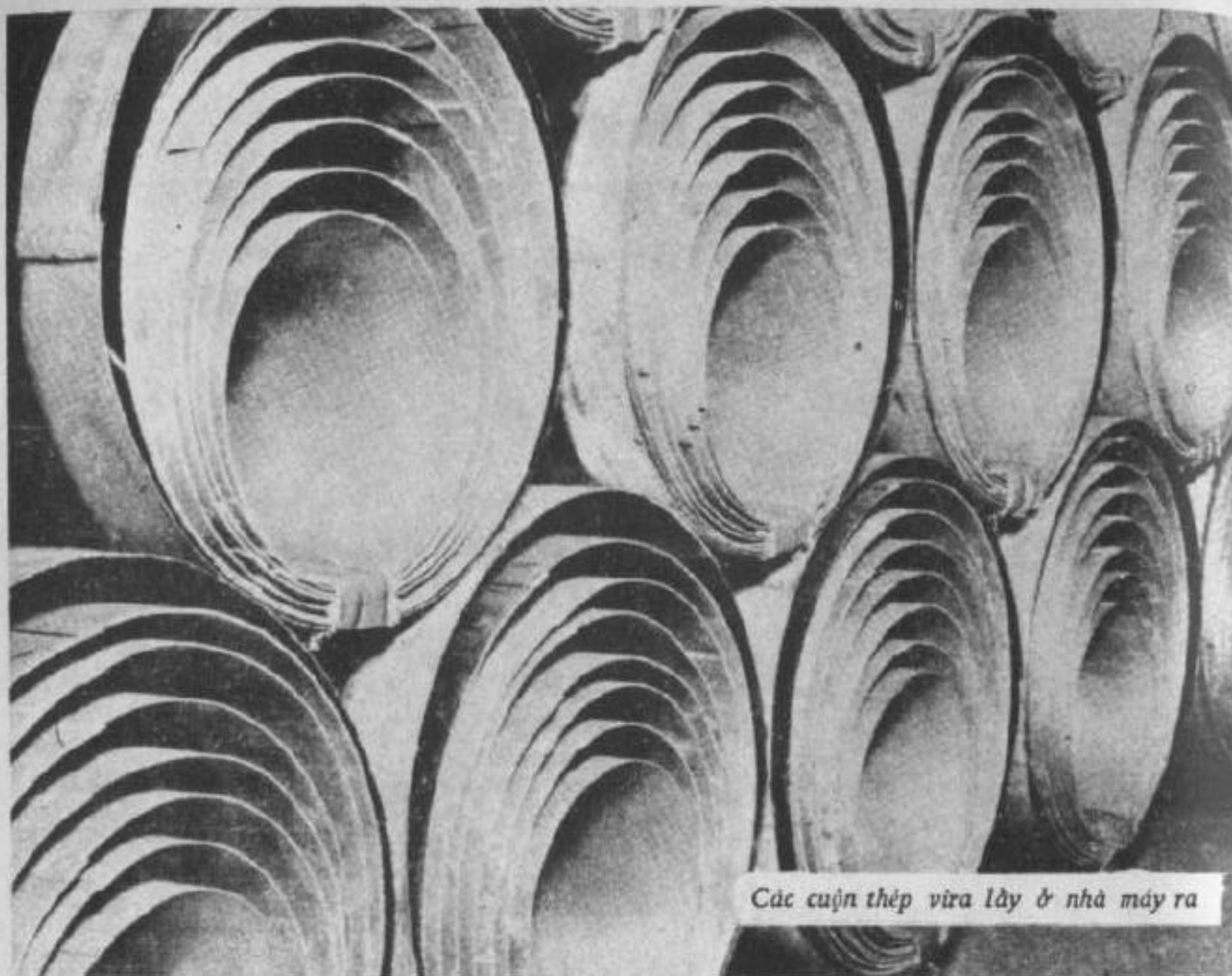
— Người Nhật ăn bánh mì hay ăn cơm như ta hử, Ba ?

— Người Nhật cũng ăn cơm như ta, nên họ trồng lúa trên phần nửa đất trồng trọt được. Ngoài ra họ còn trồng lúa mì, lúa mạch, khoai, đậu, trà, thuốc lá, trái cây, trồng dâu để nuôi tằm như ở ta.

Ở Nhật đồng-bằng ít, dân-cư đông-đúc, ai nấy đều chịu khó làm việc, ruộng đất không còn chỗ nào bỏ hoang, hết trồng lúa lại trồng hoa màu khác. Số thu hoạch hằng năm rất nhiều nhưng vẫn không đủ nuôi số dân quá đông-đúc.

NHẬT-BẢN KINH-TẾ





Các cuộn thép vừa lấy ở nhà máy ra

- Nước Nhật có nuôi nhiều súc-vật không, Ba ?
- Ở Nhật nghề chăn nuôi không quan-trọng mấy, nhưng nghề đánh cá rất thịnh-vượng, đứng đầu thế-giới. Ngoài ra, nghề nuôi trai để lấy ngọc cũng rất phát-đạt.
- Nhật-bản có nhiều mỏ không, Ba ?
- Nhật-bản có một ít mỏ vàng, bạc, than, chì, sắt, kẽm, đồng, lưu-hoàng.
- Nhật-bản chỉ có ít mỏ thôi mà sao kỹ-nghệ lại phát-đạt Ba nhỉ ?
- Tuy không có nguyên-liệu dồi-dào, nhưng nhà có nhiều nhà máy thủy điện và nhân-công rẻ, nên nền kỹ-nghệ rất phát-đạt. Những nhà máy lọc thép, đúc gang, tập-trung ở phía Bắc đảo Kiu-siu và xưởng đóng tàu ở phía Nam đảo Hông-dô đang bành-trướng. Ở vùng Okasa và Kobê, mỗi năm sản-xuất nhiều vải, len, lụa. Các kỹ-nghệ máy móc, các kỹ-nghệ chế-tạo phân bón, đồ chơi trẻ con, đồ điện, đồ nhựa đều rất thịnh-vượng.

Tuần xen vào hỏi :

- Những đồ chơi bán ở ngoài phố có phải của Nhật không, Ba ?
- Những đồ chơi các con thấy trong các tiệm phần nhiều là của Nhật, coi rất đẹp, máy móc tinh-vi, giá lại rẻ. Nhật-bản có một nền kỹ-nghệ tân-tiến, đứng đầu các nước ở châu Á.

Nhật-bản còn có một đội thương-thuyền có thể cạnh tranh với các cường quốc trên thế-giới. Mỗi năm, Nhật xuất-cảng vải, lụa, tơ hóa-học, đồ chơi, đồ điện, ván ép, đồ kim-khí, xe hơi, và nhiều máy móc; nhập-cảng lúa gạo, dầu hỏa, than đá.

Nhật-bản buôn-bán nhiều nhất với Hoa-kỳ, và các nước ở châu Á. Hải-cảng của Nhật-bản là Yokohama, Kobê, và Nagasaki. Nước Nhật rất nổi tiếng về ngành du-lịch, mỗi năm có tới 200.000 du-khách từ các nơi trên thế-giới đến xem phong-cảnh nước Nhật.



Nông dân Nhật sử-dụng máy cấy



Hợp-tác-xã lựa cam
trước khi đóng vào thùng.



Hợp-tác-xã làm nước ngọt

BÀI HỌC

Nước Nhật-bản chỉ có ít ruộng đất, nhưng nhờ ở phương-pháp trồng trọt cải-tiến, nên cũng sản-xuất được nhiều lúa, lúa mì, đậu, trà. Tuy nhiên lúa sản-xuất vẫn không đủ dùng cho số dân quá đông.

Ngành đánh cá đứng đầu thế-giới. Nhật-bản có một ít mỏ sắt, kẽm, đồng, chì, vàng, bạc. Nhà máy lọc thép, đúc gang, xưởng đóng tàu phát-triển mạnh. Nghề thêu, làm đồ sứ, làm dù, dệt tơ lụa, kỹ-nghệ đồ chơi trẻ con, đồ điện, máy móc, v.v... rất thịnh-vượng.

Nhật-bản xuất-cảng tơ lụa, máy móc, đồ sứ, đồ điện, nhập-cảng lúa gạo và nguyên-liệu,

Những hải-cảng lớn là Yokohama, Kobê, Nagasaki.

BÀI TẬP

Ngành nông-nghiệp Nhật-bản thế nào? Tại sao lúa gạo sản-xuất nhiều mà không đủ dùng? Công-kỹ-nghệ Nhật-bản thế nào? Ngành đánh cá ở Nhật thế nào? Nhật-bản xuất, nhập-cảng những gì? Em nghĩ thế nào về nền kinh-tế Nhật-bản?

44. HỌC ÔN

Nhật-bản, Miến-điện, Mã-lai-á.

Đánh dấu chữ thập trước mỗi câu đúng :

- Diện-tích Nhật-bản ☐ 500.000 km² ☐ 37.000 km²

« Miến - điện ☐ 700.000 km² ☐ 500.000 km²

« Mã - lai - á ☐ 340.000 km² ☐ 570.000 km²
- Dân-cư Nhật-bản ☐ 100 triệu ☐ 89 triệu

« Miến-điện ☐ 17 triệu ☐ 20 triệu

« Mã-lai-á ☐ 8 triệu ☐ 10 triệu
- Các sông lớn của Mã-lai-á là ☐ Perak ☐ Hàng-hà

☐ Pahang

Các sông lớn của Miến-điện là ☐ Ấn-hà ☐ Sa-lu-en

☐ I-ra-u-a-đi
- Nhật-bản, Mã-lai-á, Miến-điện, theo chính-thể nào?
- Thủ-đô Nhật-bản là ☐ Tokyo ☐ Yokohama

Thủ-đô Miến-điện là ☐ Mandalay ☐ Rangoon

Thủ-đô Mã-lai-á là ☐ Kuala-Lumpur ☐ Penang
- Điền vào chỗ trống của các câu sau đây :

Nhật-bản có những nông-sản chính là

lâm-sản là khoáng-sản là

Miến-điện có những nông-sản chính là

lâm-sản là khoáng-sản là

Mã-lai-á có những nông-sản chính là

lâm-sản là khoáng-sản là
- Kể các hàng nhập-cảng và xuất-cảng chính của mỗi nước.

CHƯƠNG III

Ngũ đại-châu

- 1) Châu Á
- 2) Châu Âu
- 3) Châu Úc
- 4) Châu Phi
- 5) Châu Mỹ

45. NGŨ ĐẠI-CHÂU

Ý CHÍNH

- I. Ngũ đại-châu : $\frac{1}{4}$ diện-tích địa-cầu : châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Úc, châu Mỹ. Ngoài ra còn có châu Nam-cực ở Nam bán-cầu.
- II. Tứ đại-dương : $\frac{3}{4}$ diện-tích địa-cầu : Bắc-băng-dương, Thái-bình-dương, Đại-tây-dương, Ấn-độ-dương.
- III. Dân-số trên hoàn-cầu : hơn 3 tỷ người Châu Á chiếm quá phân nửa.

CÂU CHUYỆN

Quả địa-cầu

Nhân lễ sinh-nhật của Tuấn, chú Tư làm quà cho cháu một quả địa-cầu. Tuấn và Loan thích lắm, quay đủ mọi chiều, xem mãi không chán mắt. Thấy hai cháu lưu-ý xem-xét địa-cầu, chú Tư mới chỉ-dẫn và giảng cho nghe :

— Trên mặt địa-cầu này, như các cháu đã biết, chỗ nào sơn màu da trời là biển, còn những nơi sơn các màu hồng, vàng, đỏ, nâu là đất. Các cháu thử so-sánh xem biển và đất phần nào rộng hơn.

Sau khi quan-sát nhiều vòng địa-cầu, Tuấn trả lời :

- Biển rộng đến gấp 3 lần đất chú ợ!
- Đúng thế, tất cả những đất nổi gọi là các đại-châu chỉ chiếm $\frac{1}{4}$ diện-tích địa-cầu mà thôi, còn $\frac{3}{4}$ là các biển lớn chứa nước mặn, gọi chung là đại-dương.
- Thưa chú, có bao nhiêu đại-châu và đại-dương tất cả?

Ngũ-Dại-Châu và Tứ-Dại-Dương



— Có năm đại-châu là châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Úc, châu Mỹ.

Ngoài ra ở Nam-cực còn có một lục-địa quanh năm tuyết bao phủ, không có người ở, ngoại trừ các đoàn thám-hiềm. Châu Mỹ còn gọi là Tân thế-giới hay Tân lục-địa, tức là phần đất mà người ta mới khám-phá ra từ cuối thế-kỷ thứ 15 ; còn các châu kia gọi là Cựu lục-địa. Tổng số diện-tích các đại-châu ước độ hơn 140 triệu cây số vuông.

Chung quanh các đại-châu là bốn đại-dương : Bắc-băng-dương, Đại-tây-dương, Thái-bình-dương, và Ấn-độ-dương. Thái-bình-dương ngăn cách châu Mỹ với châu Á, Ấn-độ-dương nằm ở phía nam châu Á; còn Bắc-băng-dương, Đại-tây-dương ngăn cách châu Mỹ với châu Âu và châu Phi.

Tuần hồi ngay :

— Thưa chú, dân-số địa-cầu có tất cả bao nhiêu và có mấy giống người ?



Các giống người trên thế-giới :
Giống da trắng, da đen, da vàng và da đỏ.

— Tổng-số dân trên địa-cầu có hơn 3 tỷ, dân-cư chỉ sống đông-đúc tại các miền đồng-bằng ẩm-áp, còn những nơi rừng núi và băng giá thì vẫn thưa người. Về các giống người thì nhiều lắm, nhưng nếu căn-cứ vào màu da

thì chỉ có 4 giống thôi, là da trắng, da vàng, da đen và da đỏ.

Người da trắng cao lớn, tóc hung, mũi cao, mắt xanh hay nâu, sống ở châu Âu, châu Mỹ, một phần châu Á và di-cư sang cả châu Úc và châu Phi.

Người da vàng thấp bé, tóc và mắt đen, sống đông nhất ở châu Á và có một số di-cư sang các châu khác.

Người da đen sống ở châu Phi, châu Úc và có một số ít ở châu Mỹ.

Người da đỏ là các giống thổ-dân ở châu Mỹ.

Tóm lại người da vàng, da trắng đông nhất, người da đen ít hơn, còn người da đỏ thì rất ít.

BÀI HỌC

Châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Úc, châu Mỹ, gọi chung là Ngũ-đại-châu, chiếm độ 1/4 diện-tích trái đất; còn lại 3/4 địa-cầu là các đại-dương : Bắc-băng-dương, Thái-bình-dương, Đại-tây-dương, Ấn-độ-dương. (Ở Nam-cực cũng còn một lục-địa và quanh năm có băng tuyết bao phủ, gọi là Nam-cực-châu).

Dân-số địa-cầu ước hơn ba tỷ người, trong số đó có dân da vàng và trắng đông nhất, rồi đến dân da đen; còn dân da đỏ chỉ có một ít sống rải-rác tại khắp châu Mỹ.

BÀI TẬP

1. Kể các châu trên thế giới. Tại sao châu Mỹ gọi là Tân thế-giới? Kể tên và cho biết vị-trí của các đại-dương. So-sánh diện-tích các châu và các đại-dương. Trên trái-đất có những giống người nào? Những giống người này ở đâu?

2. Vẽ phác bản-đồ Ngũ-đại-châu.

46. CHÂU Á

Ý CHÍNH

I. Thiên-nhiên :

- 1) Vị-trí: Bắc-bán-cầu. Diện-tích: độ 44 triệu cây số vuông.
- 2) Địa-thế: Núi cao, cao-nguyên rộng lớn, bình-nguyên bao-la. Ở trung-tâm châu Á có cao-nguyên Pa-mia rất lớn, xung quanh tỏa ra nhiều dãy núi cao. Dãy núi cao nhất là Hi-mã-lạp-sơn.

II. Nhân-văn :

- 1) Dân-số: Gần 1768 triệu người, 2/3 thuộc giống da vàng còn là da đen và da trắng.
- 2) Tôn-giáo: Đạo Phật, đạo Bà-la-môn, đạo Hồi, đạo Thiên-Chúa, đạo Khổng.
- 3) Các nước lớn: Trung-hoa, Ấn-độ, Nhật-bản, In-đô-nê-xi-a, Mã-lai-á...

III. Kinh-tế :

- 1) Nông-lâm-sản: Ngũ-cốc, gia-vị, cà-phê, trái cây, bông-vải, cao-su, tre, gỗ.
- 2) Khoáng-sản: Than, kim-loại, dầu-hỏa, thiếc, vàng....
- 3) Kỹ-nghệ: Nhật-bản dẫn đầu.
- 4) Thương-mại: Xuất-cảng thiếc, cao-su, trà...; nhập-cảng máy-móc và chế-phẩm.

CÂU CHUYỆN

Bản-đồ châu Á

Treo tám bản đồ châu Á lên tường, chú Tư chỉ và giảng cho các cháu nghe:

— Loan và Tuấn nhìn đây: châu Á ta ở vào Bắc-bán-cầu, Bắc giáp Bắc-băng-dương, Nam giáp Ấn-độ-dương, Đông giáp Thái-bình-dương, Tây giáp

Á-châu hình-thể



châu Âu, Địa-trung-hải và châu Phi. Diện-tích ước-độ 44 triệu cây số vuông, bằng 1/3 diện-tích lục-địa.

Trung-tâm châu Á có cao-nguyên Pa-mia; chung quanh tỏa ra nhiều dãy núi, cao nhất là dãy Hy-mã-lạp-sơn. Về phía Bắc dãy núi này có cao-nguyên Tây-tạng. Những bình-nguyên lớn như bình-nguyên Tây-bá-lợi-á ở phía Bắc, bình-nguyên Tân-cương ở phía Tây, còn những bình-nguyên ở phía Đông và phía Nam thì hẹp hơn như châu-thỏ sông Hoàng-hà, sông Dương-tử, sông Cửu-long, sông Hằng-hà và Ấn-hà.

Khi-hậu châu Á mỗi miền một khác: giữa lục-địa thì ít mưa, mùa hạ cực nóng và mùa đông cực lạnh, miền Cực-bắc lạnh lắm, miền Bắc thì ôn-hòa, còn miền Đông và miền Nam thì có gió mùa nên mưa nhiều và ẩm-thấp.

Loan hỏi:

— Thưa chú, châu Á có nhiều người không?

— Châu Á có quá phần nửa dân-số thế-giới, ước-độ 1768 triệu người, đa số thuộc giống da vàng, còn 1/3 thuộc da trắng và da đen. Châu Á cũng là nơi phát-tích của các tôn-giáo lớn như đạo Phật, đạo Bà-la-môn, đạo Hồi, đạo Khổng, đạo Thiên-Chúa.

Tuấn hỏi:

— Thưa chú, châu Á gồm có những nước nào?

Đôi Vọng-Cảnh tại Huế, Việt-nam



Ba cô gái Á châu: Việt-nam, Miên-điện và Thái-lan



Một ngọn tháp ở Ấn-độ

Châu Á có những nước lớn như Trung-hoa, Ấn-độ, Nhật-bản, In-đô-nê-xi-a... Những nước có liên lạc ngoại-giao với nước-ta như Nhật-bản, Đại-hàn dân-quốc, Trung-hoa dân-quốc, Phi-luật-tân, In-đô-nê-xi-a, Mã-lai-á, Thái-lan, Miên-điện, Ấn-độ, Thổ-nhĩ-kỳ, Ai-lao...

Tuấn hỏi tiếp:

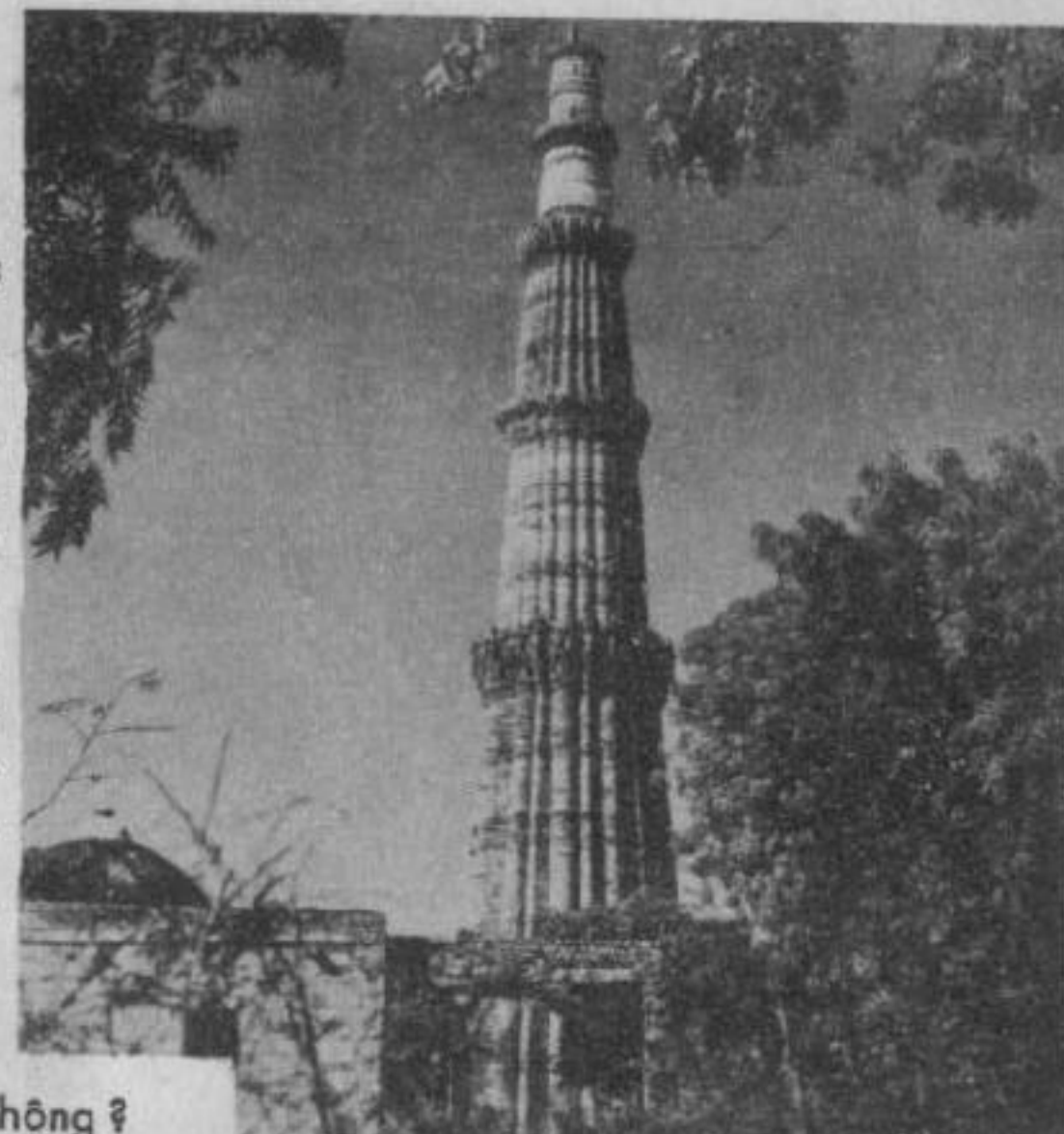
— Châu Á có giàu không?

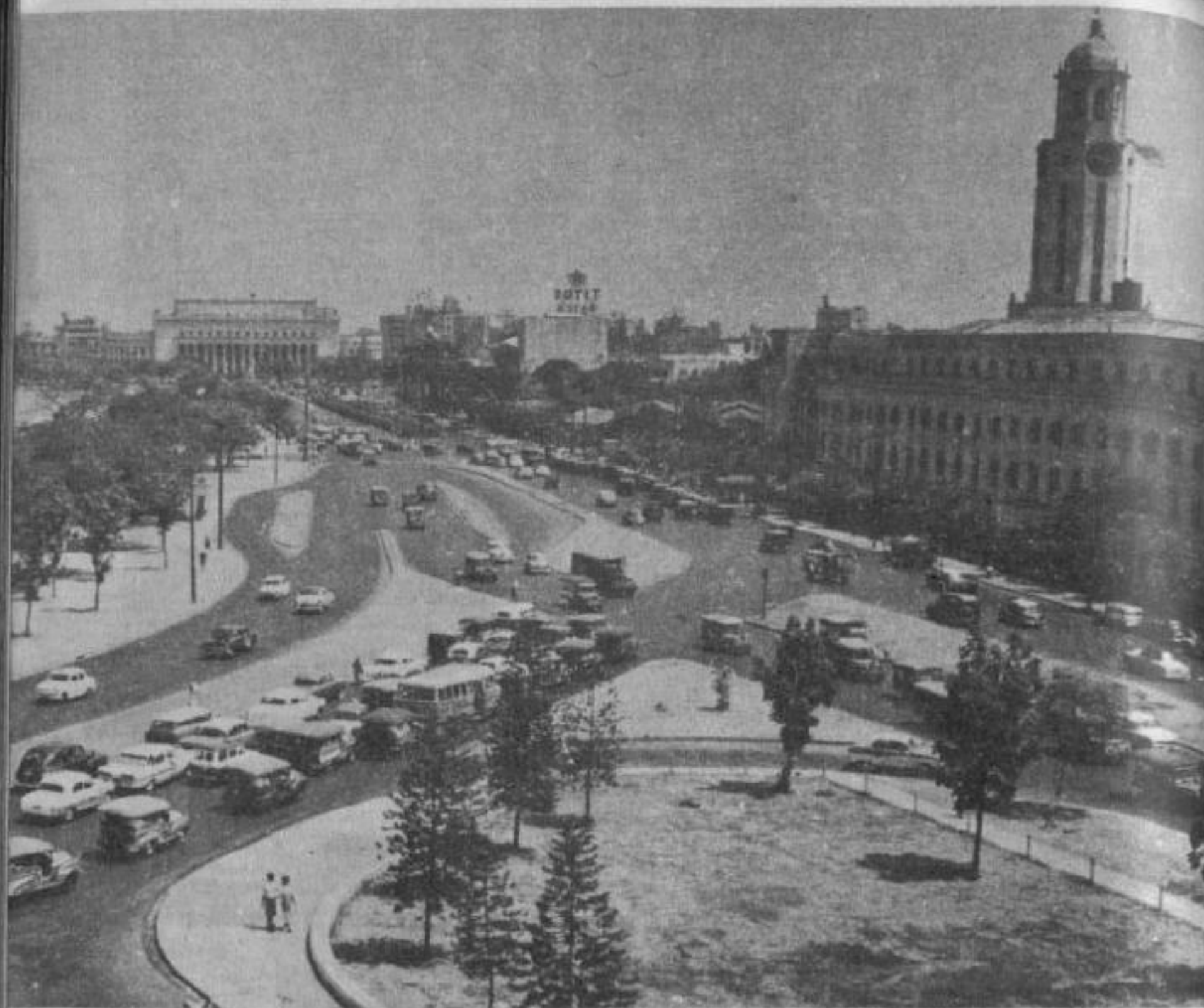
— Nếu được khai-thác triệt-đề theo phương-pháp khoa-học tối-tân như ở Nhật-bản hay Âu-Mỹ thì châu Á sẽ trở nên giàu có, vì có nhiều nguyên-liệu như mỏ than, mỏ kim-loại tại Nhật-bản, Trung-hoa, Việt-nam, mỏ thiếc ở Mã-lai, mỏ dầu hỏa tại Miên-điện, In-đô-nê-xi-a. Châu Á lại có nhiều nông-sản như ngũ-cốc, cà-phê, các đồ gia-vị, cây ăn quả, bông vải, cao-su, tre, gỗ quý v.v... Biển có nhiều cá. Đường giao-thông lại thuận-tiện, nhất là đường biển, chỉ tiếc rằng nền kỹ-nghệ tại nhiều nước chưa được phát-triển, trừ Nhật-bản và vài nước khác như Ấn-độ, Trung-hoa. Do đó ở châu Á, nền thương-mại chưa được phát-đạt lắm. Châu Á thường xuất-cảng thiếc, trà, cao-su và nhập-cảng máy móc cùng các chế-phẩm.

Nói chung châu Á đất rộng, người nhiều, nguyên-liệu dồi-dào, sở-dĩ chưa theo kịp Âu-Mỹ vì nền kỹ-nghệ chưa được khuếch-trương mạnh.

BÀI HỌC

Châu Á ở Bắc-bán-cầu, Bắc giáp Bắc-băng-dương, Nam giáp Ấn-độ-dương, Đông giáp Thái-bình-dương, Tây giáp châu Âu, châu Phi và Địa-trung-hải. Diện-tích ước-độ 44 triệu cây số vuông. Dân-số chừng hơn 1768





Một thành phố tại Phi-luật-tân

triệu người. Những nước quan-trọng có giao-thiệp với Việt-nam là Ấn-độ, Nhật-bản, Trung-hoa dân-quốc, Mã-lai-á, Phi-luật-tân... Châu Á xuất-cảng thiếc, cao-su, trà; nhập-cảng chế-phẩm và máy móc.

BÀI TẬP

Châu Á có những núi, sông nào lớn? Châu Á là nơi phát-tích ra những tôn-giáo nào? Kể các nước lớn ở châu Á. Kể các nước có giao-thiệp với Việt-nam. Tại sao châu Á chưa được giàu như Âu-Mỹ? Châu Á xuất-cảng những thứ hàng gì?

47. CHÂU ÂU

Ý CHÍNH

I. Thiên-nhiên :

- 1) Vị-trí : Phía Tây châu Á. Diện-tích : độ 10 triệu cây số vuông.
- 2) Núi và bình-nguyên : Dãy An-pơ (Alpes), dãy Các-pát (Carpates) dãy Py-rê-nê (Pyrénées), dãy U-ran (Oural). Bình-nguyên Bắc Âu.
- 3) Sông Vôn-ga (Volga), Đa-núp (Danube), Sông Ranh (Rhin), sông Sen (Seine), sông Thê-m (Thames).
- 4) Khí-hậu : Miền Tây ôn-hòa. Miền Địa-trung-hải mùa hè nóng, mùa đông lạnh.

II. Nhân văn :

- 1) Dân-số : Độ 580 triệu người. Đa số là da trắng.
- 2) Tôn-giáo : Đạo Cơ-đốc, đạo Tin-lành
- 3) Các nước lớn : Nga-sô, Anh, Đức, Pháp.

III. Kinh-tế :

- 1) Nông-lâm-sản : Lúa mì, cây ăn trái, quả nấu rượu.
- 2) Ngư-nghiệp : Bờ biển nhiều cá. Tổ-chức đánh cá theo phương-pháp khoa-học.
- 3) Khoáng-sản : Than-đá, dầu-hỏa, vàng, bạc, được khai-thác triệt-đề.
- 4) Kỹ-nghệ và thương-mại : Đại kỹ-nghệ rất tiến-bộ, hàng-hóa thừa dùng bán ra các nước khác và mua về những nguyên-liệu và thực-phẩm.

CÂU CHUYỆN

Giấc mộng viễn-du

Sáng nay chú Tư và Loan, Tuấn ra bến nhà Rồng tiễn anh Vinh sang Âu-châu du-học. Nhìn con tàu chở anh Vinh từ từ rời bến, Loan và Tuấn

tỏ ý ước-mong, có ngày được như anh Vinh, đi thăm những chân trời xa lạ. Chú Tư thấy thế bảo :

— Các cháu cố học đi, lớn lên sẽ có dịp đi quan-sát nhiều. Bây giờ nếu muốn biết qua về châu Âu, thì về nhà chú sẽ giảng cho.

Hai chị em Loan và Tuấn tán thành. Về đến nhà, Chú Tư chỉ vào bản-đồ giảng cho các cháu nghe :

— Châu Âu ở về phía Tây châu Á, Bắc giáp Bắc-băng-dương, Nam giáp Địa-trung-hải, Đông giáp châu Á, Tây giáp Đại-tây-dương. Diện-tích ước độ 10 triệu cây số vuông. Châu Âu có một bình-nguyên rộng bao-la suốt từ nước Pháp tới nước Nga. Các dãy núi lớn như dãy An-pơ (Alpes), Các-pát (Carpates), Py-rê-nê (Pyrénées) ở phía Nam, và dãy U-ran (Oural) ở phía Đông. Đặc-biệt châu Âu có nhiều vịnh và biển ăn sâu vào nội-địa làm cho sự giao-thông về đường biển được thuận-tiện. Những sông lớn của châu Âu là sông Vôn-ga (Volga), sông Đa-núp (Danube), sông Ranh (Rhine), sông Sen (Seine), sông Thê-mi (Thames).

Khí-hậu miền Tây ôn-hòa ; miền Địa-trung-hải mùa hè nóng, mùa đông lạnh và có mưa. Giữa lục-địa về mùa hè nóng và ẩm-thấp, mùa đông cực lạnh.

Loan hỏi :

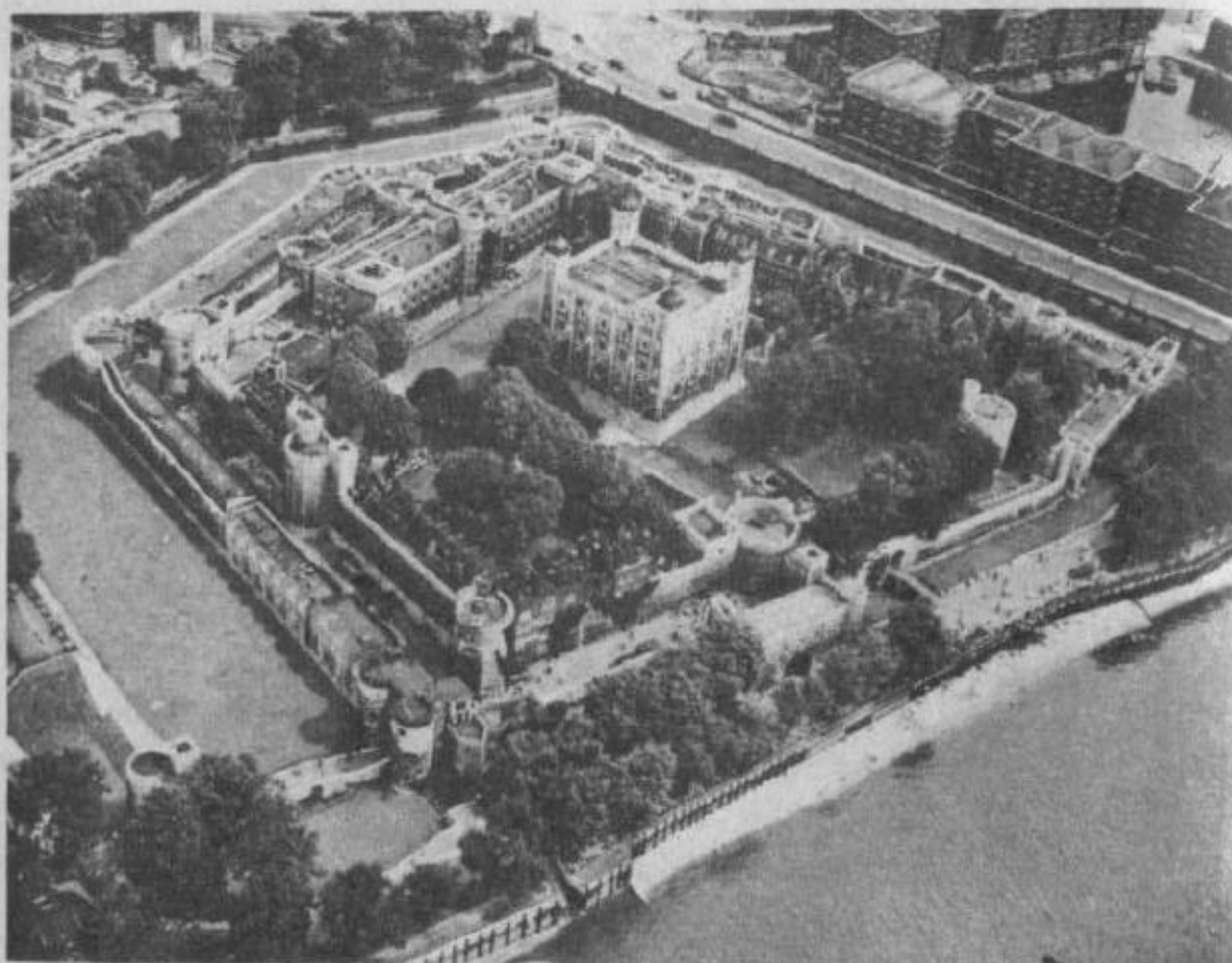
— Thưa chú, châu Âu có nhiều người không ?



Tháp Eiffel ở Pa-lê

Châu Âu nhân văn





Một lâu đài bên bờ sông Thames nước Anh.

— Chỉ bằng 1/3 dân-số châu Á, dân-số châu Âu ước độ 580 triệu người. Đa số là người da trắng, và phần đông theo đạo Thiên-Chúa. Châu Âu chia làm hơn 30 nước, nhiều nước theo chính-thể dân-chủ, một số ít theo chính-thể quân-chủ Những nước có liên-lạc với Việt-nam là Anh, Pháp, Tây-ban-nha, Bỉ, Thụy-điễn, Áo, Thổ, Đan-mạch, Hy-lạp v.v...

Tuấn nhìn những đồ dùng trên bàn chợt hỏi chú:

— Thưa chú, sao người châu Âu làm ra được nhiều đồ dùng thế? Họ có giàu không?

Châu Âu đã giàu vì đất đai phì-nhiều, lại có nhiều hầm mỏ như mỏ than, mỏ sắt, dầu hỏa, vàng, bạc, đồng, v.v... Tất cả tài-nguyên đều được khai-thác triệt-đề theo phương-pháp tối-tân. Đường giao-thông của châu



Thương-cảng Bordeaux tại Pháp

này lại rất thuận-tiện và khoa-học được phát-triển mạnh cho nên việc cày cấy, việc chôn nuôi, nền kỹ-nghệ, nền thương-mại và ngư-nghiệp đều rất phát-đạt. Những thứ hàng họ sản-xuất ra đã dư dùng, mà còn đem bán ra cho hầu hết các nước trên thế-giới nữa. Tuy vậy, họ vẫn thiếu nguyên-liệu và thực-phẩm, nên phải nhập-cảng hai thứ này.

Loan và Tuấn nghe xong thích quá. Các em ước mong lớn lên sẽ có dịp thực-hiện giấc-mộng viễn-du của mình.

BÀI HỌC

Châu Âu ở về phía Tây châu Á. Diện-tích ước-độ 10 triệu cây số vuông. Châu Âu có bình-nguyên rộng, những dãy núi dài, nhiều sông lớn. Đặc-biệt là biển ăn sâu vào nội-địa làm cho đường thủy rất thuận-tiện. Dân-số ước-độ 280 triệu người, bằng 1/3 dân-số châu Á, đa số thuộc giống da trắng.

Châu Âu có nhiều mỏ, giàu nguyên-liệu, nhất là nền văn-minh cơ-khí rất tiến-bộ nên mọi ngành kinh-tế đều phát-đạt.

BÀI TẬP

1. Châu Âu giáp giới những đâu? So-sánh với các châu khác thì châu Âu lớn hay nhỏ? Khí-hậu thế nào? Sự giao-thông đường biển thế nào? Nhờ gì mà châu Âu được giàu mạnh?

2. Tập vẽ bản-đồ châu Âu.

48. ÚC-CHÂU HAY ĐẠI-DƯƠNG-CHÂU

Ý CHÍNH

I. Thiên-nhiên

- 1) Vị-trí : Hàng vạn đảo rải-rác trên Thái-bình-dương.
- 2) Các đảo lớn: Đảo Úc-đại-lợi, đảo Tân-tây-lan; 3 quần-đảo khác là Mê-la-nê-di (Mélanésie), Po-ly-nê-di (Polynésie), Mi-cờ-rô-nê-di (Micro-nésie).
- 3) Khí-hậu : Đại thể nóng và khô-khan, nhưng dễ chịu, nhờ ảnh-hưởng của gió biển.

II. Nhân-văn

- 1) Dân-số : Hơn 17 triệu người. Đa số là người da trắng gốc ở Anh hay Ái-nhĩ-lan. Độ hơn 3 triệu người là thổ-dân da đen và da hung.
- 2) Tôn-giáo : Đạo Tin-lành và đạo Hồi.
- 3) Các nước lớn : Úc-đại-lợi, Tân-tây-lan.

III. Kinh-tế

- 1) Nông-sản : mía, dứa, chuối, lúa mì, hương-mạch, bắp...
- 2) Mực-súc : Cừu, bò.
- 3) Khoáng-sản : Sắt, chì, kẽm, đồng, than, thiếc, vàng, bạc, u-ra-ni-um....
- 4) Kỹ-nghệ : Luyện thép, dệt len, vải, lọc u-ra-ni-um, biến chế thực-phẩm, sản-xuất máy-móc, dược-phẩm và hóa-chất .
- 5) Thương-mại : Xuất-cảng len, lúa mì, thực-phẩm, khoáng-sản. Nhập-cảng dầu hỏa, bông vải, gỗ, trà, cao-sù...

CÂU CHUYỀN

Nước Úc ở đâu ?

Nghe tin anh Quang ở cạnh nhà, được học bằng và sắp đi du-học ở Úc-dại-lợi, Loan và Tuấn hỏi chú Tư:

— Thưa chú, nước Úc ở đâu ạ?

— Nước Úc đại-lợi thuộc về châu Úc hay Đại-dương-châu. Châu Úc do nhà hàng-hải trứ-danh Ma-gien-lăng người Bồ-đào-nha tìm thấy trước tiên vào đầu thế-kỷ thứ 16. Châu này có hàng vạn đảo rải-rác trên Thái-bình-dương, ở về phía Đông châu Á và phía Tây châu Mỹ, diện-tích ước độ 9

Mc-châu



triệu cây số vuông, lớn gần bằng châu Âu và gấp hơn 28 lần nước ta. Ngoài 2 đảo lớn là Úc-đại-lợi và Tân-tây-lan, còn có 3 quần-đảo khác là quần-đảo Mê-la-nê-di, Mi-cơ-rô-nê-di và Pô-ly-nê-di nữa.



Một phố ở Hải-cảng Sydney bên Úc.



Một đàn cừu ở Tân-tây-lan.

Khí-hậu Đại-dương-châu đại-đề nóng và khô-khan, nhưng nhờ có ảnh-hưởng của biển, nên rất dễ chịu.

Loan hỏi:

— Thưa chú, Đại-dương-châu toàn là người da trắng ở phải không?

— Không phải, trước khi người Âu-châu đến, nơi đây đã có thổ-dân da đen như dân Ca-nắc, Pa-pu và người Pô-ly-nê-diêng da hung-hung ở rồi. Hiện thời dân-số tổng-cộng độ 17 triệu người, hơn 2/3 là người da trắng, theo đạo Tin-lành, còn thổ-dân thì theo Hồi-giáo.

Châu Úc hay Đại-dương-châu có hai quốc-gia là Úc-đại-lợi và Tân-tây-lan, tự-trị trong khối Liên-hiệp Anh. Hai nước này có liên-lạc ngoại-giao với Việt-nam ta. Còn phần lớn các đảo khác là căn-cứ quân-sự, thuộc-địa, hay chỗ tàu bè qua lại nghỉ-ngơi của các cường-quốc, như Mác-san, Guy-am thuộc Mỹ, Ta-hi-ti thuộc Pháp, một phần Tân-ghê-nê thuộc Úc...

Tuấn hỏi:

— Úc-châu có giàu không?

— Châu này đất rộng, người thưa, nhiều nguyên-liệu, kể vào bậc giàu trong các châu trên thế-giới. Về nông-nghiệp, họ trồng được nhiều mía, dứa, chuối, lúa mì, hương-mạch, bắp... Việc chăn nuôi rất phát-đạt; số cừu nuôi được đến nay vẫn đứng hàng đầu trên hoàn-cầu. Ngoài ra lại còn có nhiều bò mộng nữa.

Khoáng-sản có rất nhiều, như sắt, chì, đồng, kẽm, thiếc, vàng, bạc. Miền Bắc Úc-đại-lợi còn có cả U-ra-ni-um nữa.

Nền kỹ-nghệ cũng khá thịnh-vượng. Tại Úc có nhiều nhà máy như máy lọc dầu, máy luyện kim-loại, máy lọc u-ra-ni-um, máy chế-tạo dược và hóa-phẩm. Ở Tân-Tây-lan có nhiều nhà máy chế-tạo thực-phẩm. Hai nước này thường xuất-cảng nhiều len, lúa mì, bơ, phó-mát, thịt ướp, trái cây, rượu, quặng mỏ và nhập-cảng dầu hỏa, bông vải, giấy, gỗ, thuốc lá, trà, cao-su



Nhà hội-đồng của người Maori tại Tân-tây-lan.

Nói tóm lại Úc-châu đất rộng, khí-hậu tốt, nguyên-liệu nhiều, nhưng dân-số ít nên chưa được khai-thác triệt-đề.

BÀI HỌC

Úc-châu tức Đại-dương-châu có hàng vạn đảo rải-rác trên Thái-bình-dương. Diện-tích độ gần 9 triệu cây số vuông. Dân-số hơn 17 triệu người, đa số là người da trắng, nguồn-gốc ở Anh và Ái-nhĩ-lan. Úc-châu có hai nước là Úc-đại-lợi và Tân-tây-lan, tự-trị trong khối Liên-hiệp Anh. Hai quốc-gia này có đặt liên-lạc ngoại-giao với nước ta. Nền kinh-tế châu Úc cũng khá thịnh-vượng. Canh-nông và chăn nuôi là hai nguồn lợi chính.

BÀI TẬP

1— Châu Úc hay châu Đại-dương ở đâu? Kể các đảo lớn và những quần-đảo của châu này. Châu Úc có những giống người nào? Nguồn lợi chính của châu này là gì?

2— Vẽ bản-đồ Đại-dương-châu.

49. CHÂU PHI

Ý CHÍNH

I. Thiên-nhiên :

- 1) Vị-trí : Phía Tây châu Á, phía Nam châu Âu. Diện-tích : hơn 30 triệu cây số vuông.
- 2) Địa-thế : Châu Phi là một cao-nguyên rất vĩ-đại, xung quanh có những dãy núi cao.
- 3) Sông : Sông Nin (Nil), sông Công-gô (Congo), sông Ni-gie (Niger), sông Dăm-be (Zambèze). Kênh : Suy-ê (Suez).
- 4) Khí-hậu : Có nhiều đới khí-hậu khác nhau.

II. Nhân-văn :

- 1) Dân-số : 250 triệu người. Đa số là người da đen, độ 1/5 là người da trắng.
- 2) Tôn-giáo : Đạo Hồi, đạo Thiên-Chúa và nhiều đạo khác.
- 3) Các nước lớn : Ai-cập, Nam-Phi, Ê-ti-ô-pi, An-giê-ri...

III. Kinh-tế :

- 1) Nông-sản : Khoai-mì, đậu-phụng, cây lấy dầu, bông vải, mía, ca-cao
Mực-súc : cừu, lạc-đà, đà-điều.
- 2) Khoáng-sản : Vàng, kim-cương, ra-đi-um, u-ra-ni-um.
- 3) Thương-mại : Xuất-cảng nguyên-liệu, kim-cương. Nhập-cảng phân bón và máy-móc.

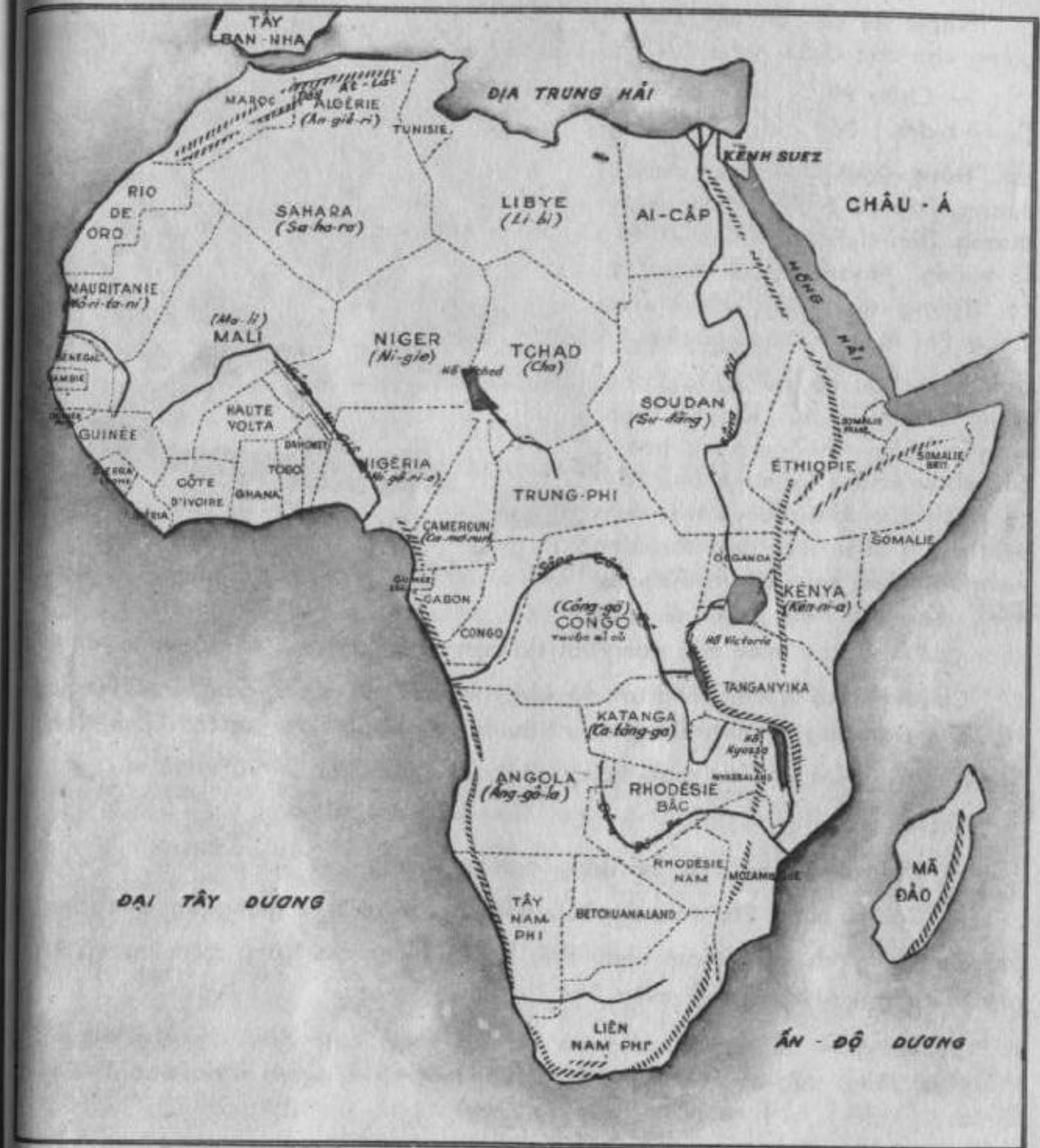
CÂU CHUYỆN

Câu chuyện về châu Phi

Loan và Tuấn đang ngồi học thì chợt có một người da đen, tóc quăn, thân hình cao-lớn, đi qua nhà. Tuấn lấy làm lạ hỏi chú Tư :

- Thưa chú, người châu nào đó mà da đen thế ?
- Người châu Phi đấy, cháu ạ.

Phi-châu



Nhân vui câu chuyện, chú Tư giảng cho các cháu nghe :

— Châu Phi ở về miền Nam Cựu-lục-địa. Bắc giáp Địa-trung-hải, Đông giáp châu Á và Ấn-độ-dương, Tây và Nam giáp Đại-tây-dương. Diện-tích hơn 30 triệu cây số vuông. Ngang giữa châu Phi có đường xích-đạo chạy qua. Châu Phi là một cao-nguyên vĩ-đại. Phía Bắc có núi Át-lát, phía Đông có những núi lửa và bình-nguyên rộng. Khí-hệ nóng hơn ở các châu khác. Tại miền nhiệt-đới có một mùa khô-ráo và một mùa ẩm-thấp, ở miền xích-đạo thì nóng và mưa nhiều, tại sa-mạc thì ngày nóng và đêm lạnh, quanh năm không có mưa, còn miền Địa-trung-hải thì có một mùa nóng và một mùa lạnh

Châu Phi có 4 con sông lớn là sông Nin, sông Công-gô sông Ni-gie và sông Dăm-be; ở phía Đông có nhiều hồ lớn, ngoài ra còn có kênh đào Suy-ê rất tiện-lợi cho sự giao-thông quốc-tế, giữa châu Á và châu Âu.

Tuấn hỏi :

— Thưa chú, châu Phi có đông dân-cư không?

— Dân-số châu Phi ước độ 250 triệu người. 4/5 là giống da đen sống ở miền Trung và miền Nam châu Phi, 1/5 là giống da trắng gồm người Ả-rập và người Ai-cập ở về miền Bắc.

Về tôn-giáo thì người Ả-rập và Ai-cập theo đạo Hồi, các bộ-lạc thì thờ thần sông, núi, cây cối và thú-vật, có một số ít người theo đạo Thiên-Chúa.

Trước kia, nhiều nước châu Phi là thuộc-địa của châu Âu, gần đây đã giành được độc-lập. Những nước lớn là Ai-cập, Nam-Phi, Ê-ti-ô-pi, An-giê-ri, Công-gô, Ni-gie, Ca-mơ-run, Ma-rốc, Tu-ni-di... Đa số các nước ở châu này có liên-lạc ngoại-giao với Việt-nam.



Cảnh sông Nil ở Soudan.



Một cảnh ở châu Phi.

Loan hỏi :

— Thưa chú, nền kinh-tế của châu Phi thế nào?

— Châu Phi có nhiều nguyên-liệu nhưng hiện nay nền kinh-tế chưa được mở-mang lắm. Về nông-nghiệp, hàng năm châu Phi sản-xuất khoai mì, đậu phụng, bông vải, cà-phê, mía và ca-cao. Việc chăn-nuôi cũng khá phát-đạt. Miền Bắc nuôi nhiều lạc-đà, ngựa, cừu, dê; miền Nam nuôi nhiều đà-diều, bò, cừu và ngựa-vằn.

Châu Phi có nhiều mỏ quí, ở Nam Phi có mỏ vàng, kim-cương, đồng, ở Bắc Phi có mỏ thiếc, mỏ ra-di-um, mỏ u-ra-ni-um. Số vàng sản-xuất tới 1/2 và kim-cương tới 3/4 số sản-xuất của thế-giới.

Vì kỹ-nghệ chưa được phát-triển lắm và đường giao-thông chưa được thuận-tiện mấy, nên thương-mại hiện nay hãy còn sút kém. Châu Phi xuất-cảng nhiều nguyên-liệu, kim-cương, vàng, nhập-cảng phân bón, máy móc.

BÀI HỌC

Châu Phi ở về phía Tây châu Á và phía Nam châu Âu. Diện-tích ước hơn 30 triệu cây số vuông. Châu Phi là một cao-nguyên vĩ-đại. Các sông lớn là sông Nin, sông Công-gô, sông Ni-gie, sông Dăm-be... Kênh đào Suy-ê rất quan-trọng cho sự giao-thông quốc-tế. Dân-số ước độ 250 triệu người, đa số là dân da đen. Nhiều nước có liên-lạc ngoại-giao với Việt-nam. Châu Phi có nhiều mỏ quí. Kỹ-nghệ và thương-mại hãy còn sút-kém.

BÀI TẬP

Châu Phi giáp-giới những đâu? Kể các sông lớn ở châu Phi. Quan-trọng nhất là kênh gì? Châu Phi có những mỏ gì quí? Nền kỹ-nghệ và thương-mại thế nào? Kể các nước lớn ở châu Phi.

50. CHÂU MỸ

Ý CHÍNH

I. Thiên-nhiên :

1. Vị-trí : Ở biệt-lập về một phía địa-cầu, chạy dài từ Bắc-cực đến gần Nam-cực. Diện-tích chừng 42 triệu cây số vuông.
2. Địa-thế : Bắc-mỹ có các dãy núi Rốc-Ky, Áp-pa-lét và cao-nguyên Gia-nã-đại; Nam-mỹ có dãy An-đơ và cao-nguyên Ba-tây.
3. Sông : Mít-xít-xi-pi, Mít-xu-xi, A-ma-dôn.
4. Khí-hậu : Trung-mỹ và miền Bắc Nam-mỹ khí-hậu miền nhiệt-đới. Bắc-mỹ và miền Nam Nam-mỹ ôn-hòa.

II. Nhân-văn :

1. Dân-số : Gần 420 triệu người. Đa số là người da trắng.
2. Tôn-giáo : Thiên-Chúa giáo.
3. Các nước lớn : Hoa-kỳ (United States), Gia-nã-đại (Canada), Ba-tây (Brazil), Mê-tây-ca (Mexico).

III. Kinh-tế :

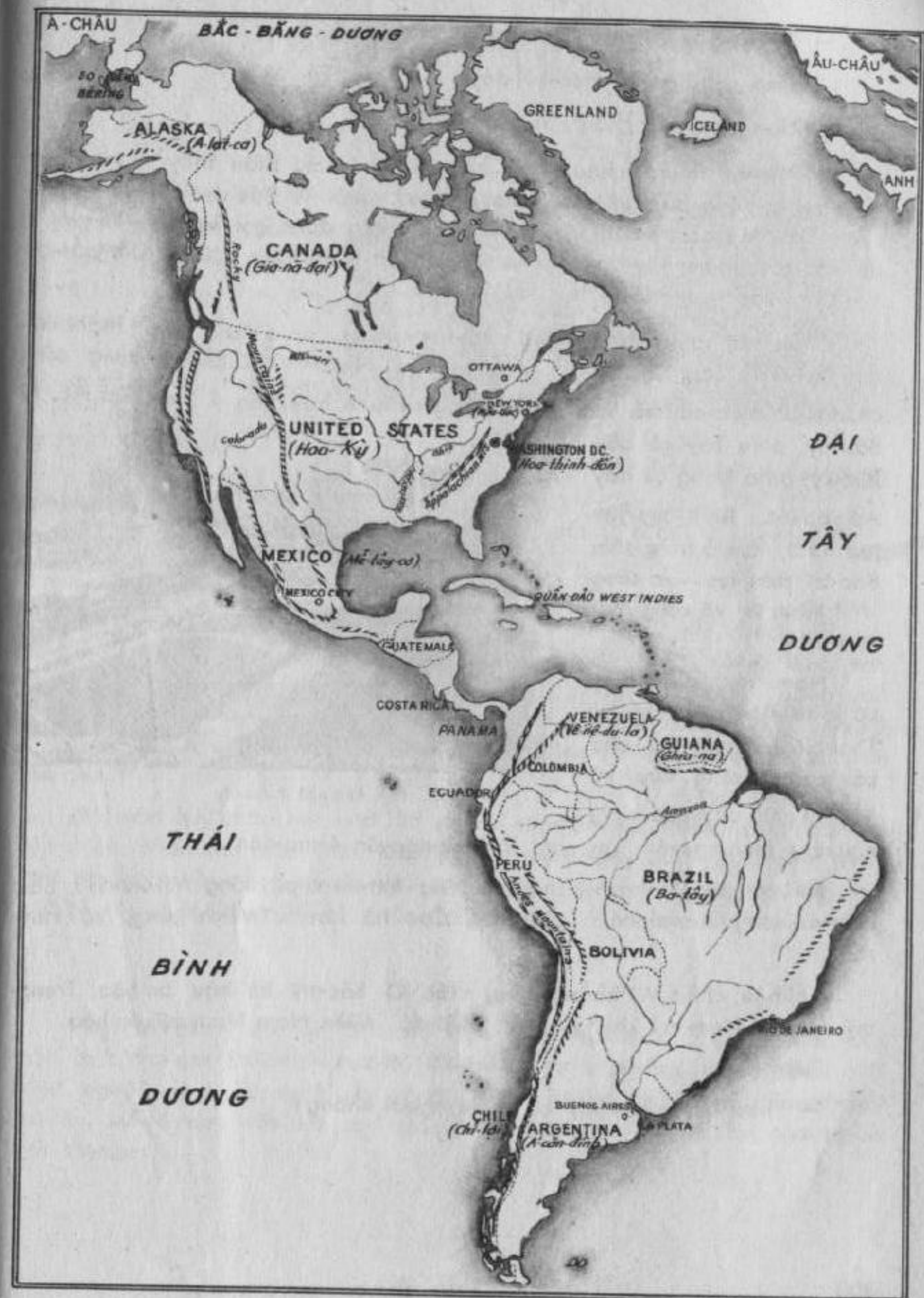
1. Nông-sản : Lúa mì, bắp, bông vải, đường, mía, cà-phê, ca-cao, thuốc lá.
2. Khoáng-sản : Than, dầu lửa, đồng, thiếc, sắt, bô-xít, vàng, kim-cương, măng-gan.
3. Kỹ-nghệ : rất phát-triển.
4. Thương-mại : rất phát-đạt.

CÂU CHUYỆN

Châu Mỹ

Sáng nay có một vị giáo-sư ngoại-quốc lại thăm nhà. Khi khách về rồi, Loan hỏi:

Mỹ-châu thiên nhiên và nhân-văn



— Thưa chú, ông đó người nước nào thế?

— Ông người nước Hoa-kỳ đấy.

— Hoa-kỳ thuộc châu nào hở chú?

— Hoa-kỳ thuộc châu Mỹ. Châu Mỹ như các cháu thấy ở trên bản đồ này, ở riêng biệt về một phía địa-cầu, suốt từ Bắc-cực tới gần Nam-cực. Châu Mỹ nằm trong Tây bán-cầu và còn được gọi là Tân-thế-giới vì do nhà thám-hiềm Tây-ban-nhã là Cô-lôm-bô (Columbus), tức Kha-luân-bô tìm thấy vào cuối thế-kỷ thứ 15.

Châu Mỹ phía Đông giáp Đại-tây-dương, phía Tây giáp Thái-bình-dương, chia làm 2 miền là Bắc-Mỹ và Nam-Mỹ. Diện-tích tổng cộng chừng 42 triệu cây số vuông, gần bằng châu Á hay hơn 4 lần châu Âu. Ở Bắc-mỹ, phía Tây có dãy Rốc-ky, phía Đông có dãy Áp-pa-lét. Bình-nguyên lớn nhất nằm ở trung-tâm Bắc-mỹ trên lưu-vực sông Mít-xít-xi-pi và sông Mít-xu-ri.

Nam-mỹ, phía Tây có dãy An-đơ ở ven bờ Thái-bình-dương, coi như cái xương sống của xứ này. Ở giữa có nhiều bình-nguyên, bình-nguyên lớn nhất là bình-nguyên A-ma-dôn.

Những sông lớn ở Mỹ-châu là sông Mít-xít-xi-pi, sông Mít-xu-ri ở Bắc-mỹ và sông A-ma-dôn ở Nam-mỹ. Các hồ lớn là Mi-chi-găng, và Huy-rông.

Khí-hậu châu Mỹ không đồng nhất. Ở Bắc-mỹ khí-hậu ôn-hòa. Trung-mỹ và Bắc Nam-mỹ khí-hậu miền nhiệt-đới. Miền Nam Nam-mỹ ôn-hòa.

Tuấn hỏi:

— Thưa chú, châu Mỹ có nhiều người không?



Một khu phố ở Ba-tây



Thành-phố Buenos Aires ở Á căn Đĩnh

— Dân-số châu Mỹ ước độ 420 triệu người, đa số là giống dân da trắng từ châu Âu thiên-cư sang, còn các giống khác là dân da đen, da vàng và một số ít là thổ-dân da đỏ. Phần đông người châu Mỹ theo đạo Thiên-Chúa. Các nước lớn là Hoa-kỳ, Gia-nã-đại, Ba-tây, Mễ-tây-cơ. Hầu hết các quốc-gia tại Mỹ châu có liên-lạc ngoại-giao với Việt-nam.

Loan hỏi:

— Thưa chú, châu Mỹ giàu lắm phải không?

— Giàu lắm. Về nông-sản có các thứ lúa mì, bắp, mía, bông vải, cà-phê, ca-cao, thuốc lá. Khoáng-sản rất nhiều như dầu hỏa, đồng, thiếc, sắt, nhôm, than, vàng, bạc, kim-cương... Nền kỹ-nghệ rất phát-triển, đứng vào bậc nhất hoàn-cầu. Việc thương-mại cũng phát-đạt lắm vì châu Mỹ sản-xuất được đủ các thứ máy-móc và đồ dùng và bán ra cho nhiều nước trên thế-giới.

Nói tóm lại, châu Mỹ nhờ có nhiều nguyên-liệu thiên-nhiên, đất-đai phì-nhiều, nhân-dân kiên-nhẫn, cầu-tiến và mạo-hiềm, nhất là nhiều nước biết áp-dụng khoa-học tối-tân vào canh-nông, kỹ-nghệ, thương-mại, nên nền kinh-tế rất phồn-thịnh. Nhiều quốc-gia giàu mạnh vào bậc nhất hoàn-cầu.

BÀI HỌC

Châu Mỹ chạy dài từ Bắc-cực đến gần Nam-cực, ở riêng biệt một mặt quả địa-cầu. Diện-tích ước-độ 42 triệu cây số vuông. Dân-số hơn 420 triệu người, đa số là người da trắng. Các nước lớn là Hoa-kỳ, Gia-nã-đại, Ba-tây, Mễ-tây-cơ. Hầu hết các quốc-gia tại châu Mỹ có liên-lạc ngoại-giao với Việt-nam.



Bạch cung: dinh thự của Tổng-Thống Hoa-kỳ

Châu Mỹ nhờ đất-đai phì-nhiều, nhiều nguyên-liệu và biết áp-dụng khoa-học tối-tân vào canh-nông, kỹ-nghệ... nên rất giàu mạnh.

BÀI TẬP

1) Châu Mỹ có những dãy núi nào? Kể các sông lớn. Châu Mỹ chia làm mấy miền? Sự liên-lạc ngoại-giao giữa Việt-nam và các nước châu Mỹ thế nào? Vì sao châu Mỹ được cường-thịnh?

2) Vẽ phác bản-đồ châu Mỹ.

51. HỌC ÔN

Ngũ-đại-Châu

Đánh dấu chữ thập vào các ô trước tiếng nào mà em cho là đúng:

1. Lục-địa lớn nhất là:

- | | |
|-----------------------------------|----------------------------------|
| ☐ Châu Âu | ☐ Châu Á |
| ☐ Châu Phi | ☐ Châu Mỹ |

2. Nước tiến-bộ nhất về kinh-tế ở châu Á là:

- | | |
|-----------------------------------|---|
| ☐ Ấn-độ | ☐ Trung-hoa dân-quốc |
| ☐ Nhật-bản | ☐ Việt-nam |

3. Chọn 3 nước có diện-tích lớn hơn cả ở châu Âu:

- | | |
|-------------------------------|--------------------------------------|
| ☐ Pháp | ☐ Tây-ban-nha |
| ☐ Bỉ | ☐ Bồ-đào-nha |
| ☐ Anh | ☐ Ba-lan |
| ☐ Đức | ☐ Nga-sô |

4. Các nước lớn ở châu Úc là:

- | | |
|-------------------------------------|--------------------------------------|
| ☐ Guy-am | ☐ Mác-san |
| ☐ Úc-đại-lợi | ☐ Tân-tây-lan |

5. Đa số người châu Phi thuộc giống:

- | | |
|----------------------------------|-----------------------------------|
| ☐ Da vàng | ☐ Da trắng |
| ☐ Da đen | ☐ Da đỏ |

6. Hai nước quan-trọng ở châu Phi là:

- | | |
|------------------------------------|----------------------------------|
| ☐ Ai-cập | ☐ Công-gô |
| ☐ Ê-ti-ô-pi | ☐ Nam-Phi |

7. Tìm những tiếng thích-đáng mà điền vào chỗ trống sau đây :

Châu Mỹ nằm riêng biệt ở bán-cầu. Châu này chia làm hai phần là và Phía Tây Bắc-mỹ có dãy núi phía Đông có dãy Các sông lớn ở châu Mỹ là Dân-số châu Mỹ ước độ người, đa số thuộc giống Ngoài ra còn có một ít thổ-dân thuộc giống da Châu Mỹ có nhiều khoáng-sản như mỏ Các nước lớn là

CHƯƠNG IV

Các cường-quốc có liên-hệ với Việt-nam

- 1) Nước Hoa-kỳ
- 2) Nước Anh
- 3) Nước Pháp

52. HOA-KỲ THIÊN-NHIÊN

Y' CHINH

I. Vị-trí, giới-hạn, diện-tích :

Một nước lớn giữa Bắc-Mỹ. Bắc giáp Gia-nã-đại, Nam giáp Mễ-tây-cơ, Đông giáp Đại-tây-dương, Tây giáp Thái-bình-dương. Diện-tích độ 9.360.000 cây số vuông.

II. Địa-thể :

Phía Tây là dãy núi Rắc-ky, Phía Đông là dãy Áp-pa-lét. Khoảng giữa là bình-nguyên rộng lớn. Ven bờ Thái-bình-dương có một bình-nguyên nhỏ.

III. Sông hồ :

Sông Mít-xít-xi-pi có phụ-lưu là các sông Mít-xu-ri và Ô-hai-ô. Ở Đông-bắc có 5 hồ lớn.

IV. Khí-hậu :

Miền ven Thái-bình-dương và Đại-tây-dương khí-hậu ôn-hòa. Miền nội-địa mùa hè rất nóng và mùa đông rất lạnh. Miền Nam nóng và ẩm-thấp. Miền Tây-Nam khô-khan.

CÂU CHUYỆN

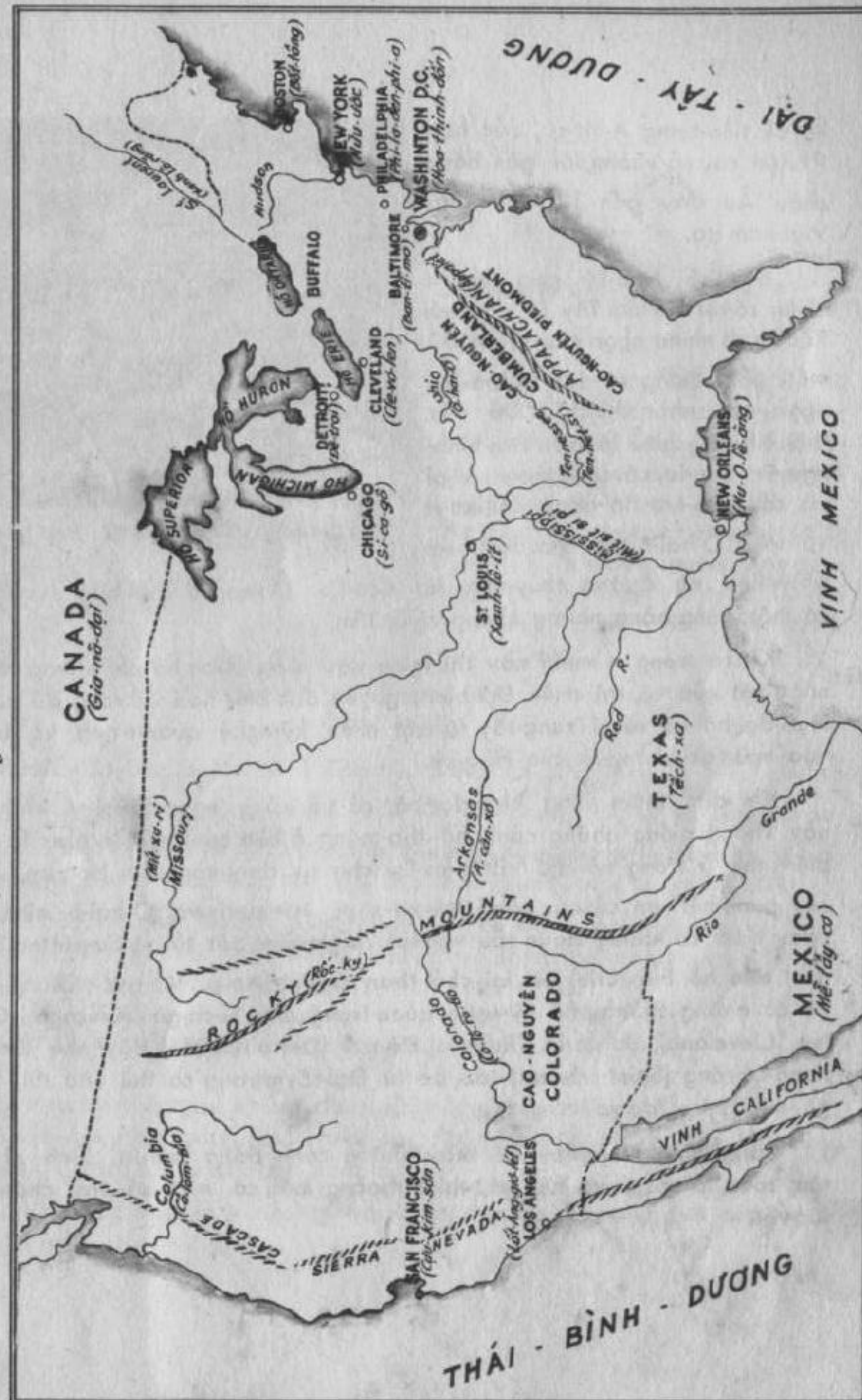
Thư của cô Mai Anh

Nữ-ước, ngày 10 tháng 7 năm 1964
Loan và Tuấn thân-mến,

Cô đã đến Nữ-ước nhằm vào dịp nghỉ hè, nên có thì giờ đi nhiều nơi trên đất nước Mỹ. Vậy viết thư về kể qua cho các cháu nghe :

Hoa-kỳ là một nước lớn ở Bắc-Mỹ. Bắc giáp Gia-nã-dại, Nam giáp Mê-tây-cơ, Đông giáp Đại-tây-dương, Tây giáp Thái-bình-dương. Diện-tích,

Hoà Kỳ hình-thế



kể cả tiểu-bang A-lát-ca, ước hơn 9 triệu cây số vuông, lớn gần bằng châu Âu hay gần 30 lần nước Việt-nam ta.

Địa-thể Hoa-kỳ chia làm 4 miền rõ-rệt : Phía Tây là dãy núi Rốc-ky có nhiều ngọn cao tới 4000 mét; phía Đông có dãy Áp-pa-lét, ngọn cao nhất chỉ độ 1000 mét thôi. Khoảng giữa là miền Đại-bình-nguyên bao-la, có sông Mít-xít-xi-pi và các phụ-lưu là sông Mít-xu-ri và sông Ô-hai-ô, làm cho đất thêm

phì-nhiều và đường thủy-vận rất tiện-lợi. Ở ven bờ Thái-bình-dương cũng có một đồng-bằng nhưng không rộng lắm.

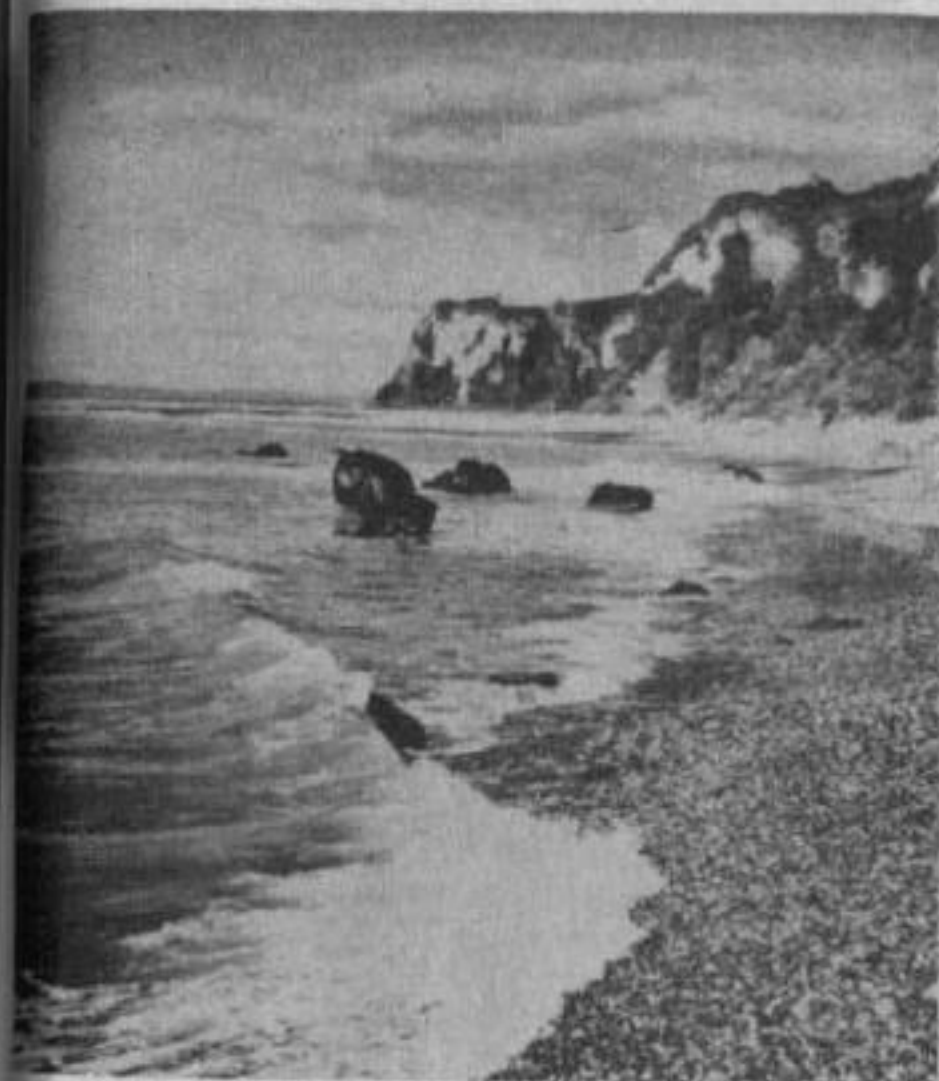
Kể ra trong 4 miền này thì miền nào cũng quan-hệ cả, nhưng theo sự nhận-xét của cô, thì miền Đại-bình-nguyên đặc-biệt hơn, vì trong đó có vùng Ngũ-dại-hồ và vùng Trung-tây là một miền kỹ-nghệ quan-trọng và là một vựa ngũ-cốc khổng-lồ của Hoa-kỳ.

Khi đến thăm vùng Ngũ-dại-hồ, cô vô cùng ngạc-nhiên vì những hồ này không giống những cảnh hồ thơ-mộng ở bên mình, mà thật sự là những biển nhỏ ở trong nội-địa, rất tiện-lợi cho sự thủy-vận của Hoa-kỳ, có khi còn quan-hệ hơn cả các sông Mít-xít-xi-pi, Mít-xu-ri và Ô-hai-ô nữa. Suốt ngày đêm có những đoàn tàu vận-tải chở quặng sắt từ hồ Su-pê-ri-ơ (Superior) đến hồ Ê-ri (Erie) rồi lại chở than ở núi Áp-pa-lét về. Chung-quanh hồ có những thành-phố kỹ-nghệ quan-trọng như Si-ca-gô (Chicago), Cle-vơ-len (Cleveland), Buf-fa-lô (Buffalo), Đê-troi (Detroit)... Mới đây nhờ sông đào Xanh-Lô-răng (Saint-Laurent) tàu bè từ Đại-tây-dương có thể vào tới Si-ca-gô và Đê-troi được.

Sang vùng Trung-tây, cô thấy những cánh đồng bao-la, hình như vô-tận, toàn là bắp và lúa mì, thỉnh-thoảng mới có một số trại chăn nuôi súc-vật.



Thương-cảng Vicksburg ở bên sông Mississippi



Một cảnh bờ biển

Rời vùng này, cô ra nghỉ mát ở ven bờ Đại-tây-dương, nơi đây cũng như vùng bờ-biển Thái-bình-dương, khí-hậu ôn-hòa, mùa hè rất đông du-khách đến đòi gió. Khí-hậu các miền bờ biển khác hẳn với khí-hậu miền Tây-nam nóng và khô-khan và miền nội-địa rất nóng về mùa hè, rất lạnh về mùa đông...

BÀI HỌC

Hoa-kỳ là một nước lớn ở Bắc-mỹ. Diện-tích ước hơn 9 triệu cây số vuông, lớn gần bằng cả châu Âu. Các núi lớn là dãy Rốc-ky và dãy Áp-pa-lét; con sông lớn là Mít-xít-xi-pi, có phụ-lưu là sông Mít-xu-ri và sông Ô-hai-ô. Năm hồ lớn ở phía Bắc rất tiện cho đường thủy-vận trong nội-địa.

Khí-hậu Hoa-kỳ không giống nhau : ở ven bờ Đại-tây-dương và Thái-bình-dương thì ôn-hòa, miền nội-địa nóng và lạnh thái-quá, miền Tây-nam nóng và khô-khan.

BÀI TẬP

1. Hoa-kỳ giáp-giới những đâu ? Chia làm mấy miền ? Kể các sông và núi lớn. Hoa-kỳ lớn bằng bao nhiêu lần nước ta ? Những hồ lớn là những hồ nào ? Có ích-lợi gì cho sự giao-thông ?

2. Vẽ phác bản-đồ vùng Ngũ-hồ, kênh đào Saint-Laurent và các thành-phố kỹ-nghệ.

53. HOA-KỲ NHÂN-VĂN

Ý CHÍNH

- I. Dân-cư : Dân-số gần 200 triệu người. Đa số là người da trắng. 1/10 là da đen. Độ 1 triệu người da vàng và một số ít người da đỏ.
- II. Chính-trị : Chính-thể Cộng-hòa. 50 tiểu-bang hợp lại thành liên-bang, đứng đầu là Tổng-thống. Thủ-đô là Hoa-thịnh-đốn.
- III. Tôn-giáo : Đạo Thiên-Chúa.
- VI. Các thành-phố lớn : Nữu-ước (New-York), Si-ca-gô (Chicago), Phi-la-đen-phi-a (Philadelphia), Cựu-kim-sơn (San Francisco), Lốt-ăng-giơ-lét (Los Angeles).

CÂU CHUYỆN

Thư của cô Mai Anh (tiếp theo)

Tiếp theo đoạn trước, hôm nay cô nói về vấn-đề nhân-văn Hoa-kỳ cho các cháu nghe :

Hoa-kỳ tức nước Mỹ trước kia là thuộc-địa của người Anh. Ngày 4-7-1776, mười ba xứ liên-kết lại tuyên-bố độc-lập, dưới quyền lãnh-đạo của Đại-tướng Hoa-thịnh-đốn (Washington). Cuộc chiến-tranh giành độc-lập xảy ra. Sau 8 năm huyết-chiến, Hoa-kỳ thắng trận. Người Anh phải công-nhận nền độc-lập của nước Mỹ vào năm 1783. Lúc đó, dân-số Hoa-kỳ chưa có tới 4 triệu người. Nhưng nhờ sự sinh-sản rất mau và người các nước Âu-châu thiên-cư sang rất nhiều, nên ngày nay toàn-quốc đã có tới gần 200 triệu người. Đa số là dân da trắng. 1/10 là da đen, trước kia tồ-tiên là người châu Phi bị đưa sang làm nô-lệ cho người da trắng. Dân da vàng như người Trung-hoa, Nhật-bản, sang buôn-bán lâu ngày đã nhập Mỹ-tịch, ước độ hơn 1 triệu người, còn dân da đỏ không có bao nhiêu, sống rải-rác ở khắp nước Mỹ.



Điện Capitol : trụ sở Quốc-hội Hoa-kỳ.

Phần đông dân chúng Mỹ theo đạo Thiên-Chúa, phái Tân-giáo. Nhiều người sống ở thị-thành. Một số đông cũng thích ở vùng ngoại-ô, giữa những rặng cây im mát và thảm cỏ xanh rờn. Đặc-biệt là những ngôi nhà riêng biệt này không hề có hàng rào ngăn-cách nhau. Các nhà chọc trời thường ở trung-tâm thành-phố và được dùng làm văn-phòng hay hiệu buôn.

Nước Mỹ là một nước dân chủ, theo chính-thể Cộng-hòa, do 50 Tiểu-bang liên-kết lại thành Liên-bang Hoa-kỳ, có một vị Tổng-thống điều-khiển, quyền-hành rất lớn, cứ 4 năm bầu lại một lần. Mỗi tiểu-bang có một Thống-đốc đứng đầu và có quyền tự-trị đến một giới-hạn nào đó. Quốc-hội Liên-bang gồm có hai viện là Dân-viện và Thượng-nghị-viện. Quốc-kỳ của Mỹ gồm có 50 ngôi sao tượng-trưng cho 50 tiểu-bang.

Hoa-kỳ có hàng trăm thành-phố. Những thành-phố lớn nhất là Nữu-ước (New-york), Si-ca-gô (Chicago), Cựu-kim-sơn (San Francisco), Phi-la-đen-phi-a (Philadelphia), Lốt-ăng-giơ-lét (Los Angeles). Thủ-đô Liên-bang là Hoa-thịnh-đốn.

Hoa-kỳ là nước đầu tiên công-nhận nước Cộng-hòa Việt-nam, có liên-lạc ngoại-giao mật-thiết với nước ta. Hiện ở Sài-gòn, Hoa-kỳ có đặt tòa Đại-sứ, cơ-quan Viện-trợ, sở Thông-tin..... và tại Hoa-thịnh-đốn có tòa Đại-sứ của Chính-phủ Việt-nam ta.



Một đường phố ở Nữu-ước.

BÀI HỌC

Dân-số Hoa-kỳ hiện nay gần được 200 triệu người. Đa số là dân da trắng 1/10 là dân da đen và một số ít dân da vàng và dân da đỏ.

Phần đông dân Mỹ sống ở thị-thành. Hoa-kỳ theo chính-thể Cộng-hòa, gồm 50 tiểu-bang, đặt dưới quyền điều-khiển của vị Tổng-thống Liên-bang. Thủ-đô là Hoa-thịnh-đốn và các thành-phố lớn là Nữu-ước, Cựu-kim-sơn, Si-ca-gô, Lốt-ăng-giơ-lét, Phi-la-đen-phi-a...

Hoa-kỳ có liên-lạc mật-thiết về ngoại-giao với Việt-nam. Tại Sài-gòn và Hoa-thịnh-đốn đều có tòa Đại-sứ của hai nước.

BÀI TẬP

Hoa-kỳ độc-lập từ bao giờ? Dân-số nay là bao nhiêu người? Đa số là người da gì? Hoa-kỳ theo chính-thể nào? Có bao nhiêu tiểu-bang? Do ai điều-khiển? Kể những thành-phố lớn. Hoa-kỳ có liên-lạc gì với Việt-nam?

54. HOA-KỲ KINH-TẾ

Ý CHÍNH

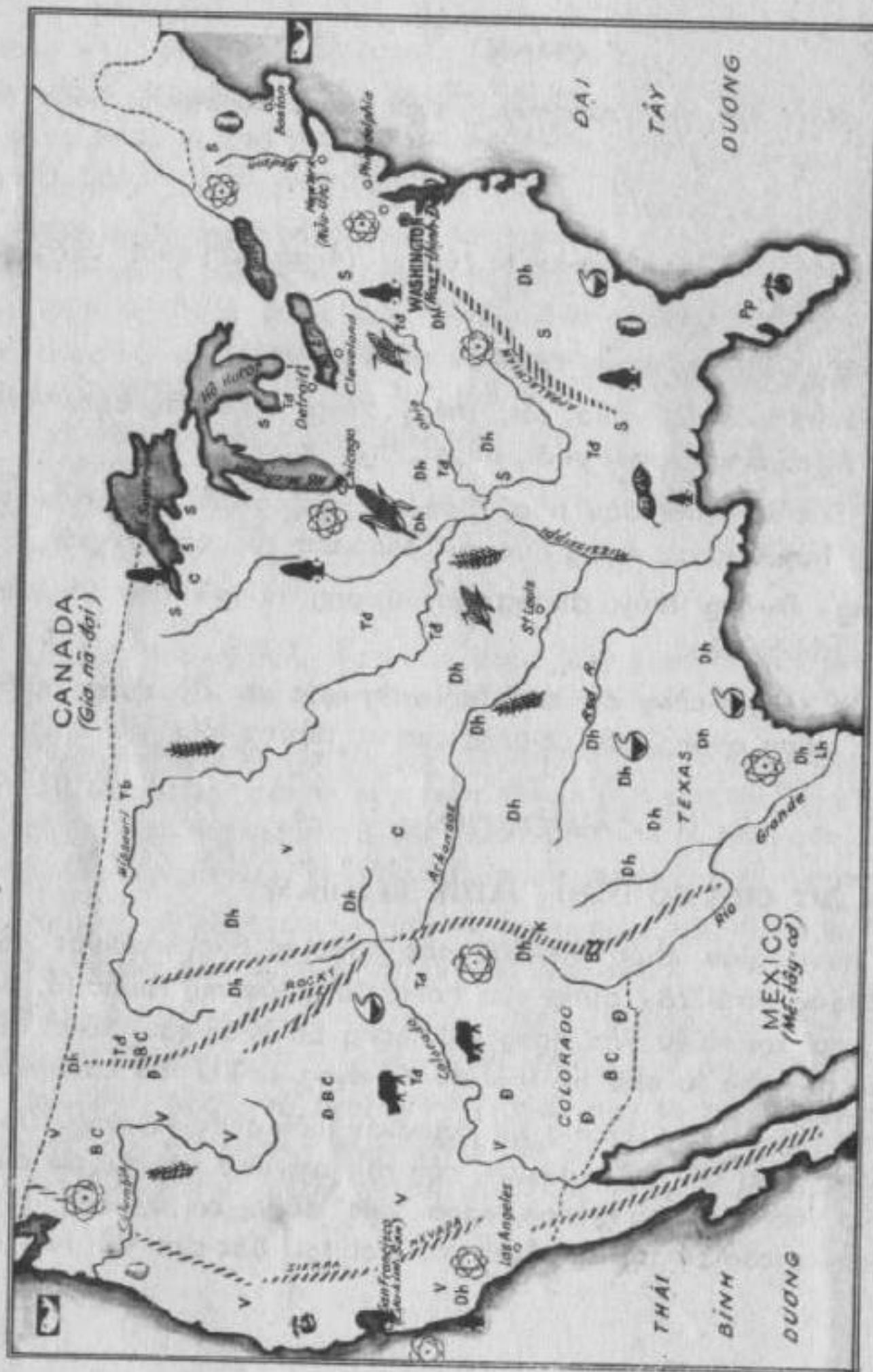
1. Nông-sản : Bắp, lúa mì, hương-mạch, đậu nành, đại-mạch, thuốc lá, trái cây...
2. Chăn nuôi : Bò, heo, cừu...
3. Lâm-sản : 1/4 đất đai Hoa-kỳ là rừng, 3/4 gỗ sản-xuất dùng để chế-tạo giấy.
4. Ngư-nghiệp : Cá nước ngọt, cá nước mặn, cá voi.
5. Khoáng-sản : Than, dầu hỏa, sắt, thép, đồng, chì, kẽm, bạc, vàng, u-ra-ni-um, phốt-phát, nhôm, thủy-ngân.
6. Kỹ-nghệ : Sức sản-xuất dầu hỏa, điện-lực, quặng sắt, máy-móc, đồ hộp, giấy,... bằng nửa sức sản xuất của cả thế-giới.
7. Giao-thông : Đường thủy, đường bộ, đường hàng-không vô cùng thuận-tiện.
8. Thương-mại : Xuất-cảng đủ các loại máy-móc và đồ dùng, nhập-cảng quặng mỏ, cà-phê, cao-su, đường mía, gỗ

CÂU CHUYỆN

Thư của cô Mai Anh (tiếp theo)

Hoa-kỳ là nước giàu nhất thế-giới, các cháu ạ. Sức sản-xuất bắp, hương-mạch, bông-sợi, trái cây đứng vào hàng đầu; lúa mì, thuốc lá, đậu nành, đại-mạch, gai sợi nhiều vào hạng nhì, hạng ba hoàn-cầu. Sở-dĩ sản-lượng phong-phú đến thế là nhờ họ triệt-đề áp-dụng cơ-khí vào canh-nông.

Lâm-sản cũng rất dồi-dào, chừng 1/4 diện-tích toàn quốc là rừng, 3/4 số gỗ khai-thác được dùng để chế-tạo giấy, còn thì làm nhà và các đồ dùng khác. Ngư-nghiệp vào hạng trung-bình, ngoài việc đánh cá ở sông, biển, các công-ty đánh cá còn có tàu đi đánh cá voi tại Bắc-cực để lấy mỡ làm dầu.

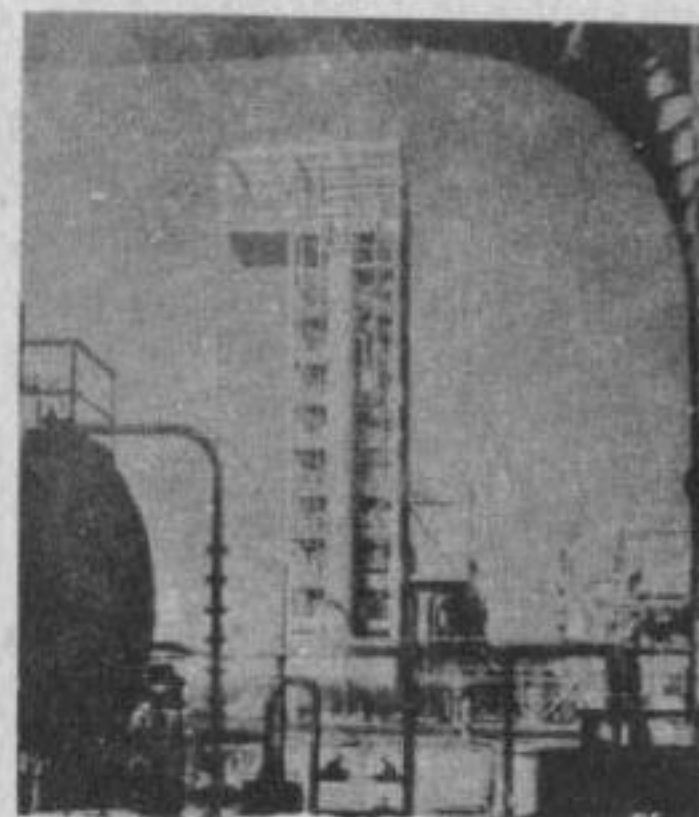


- | | | | | | |
|-------------|--------|--------------|-----------|---------------|-------------------|
| Tb Than bùn | D Đồng | Bt Đất-lạt | K Kẽm | Đp Dầu phung | ☼ Kỹ-nghệ hỏa-học |
| Dh Dầu hỏa | C Chỉ | Pp Phốt-phát | Lm Lúa mì | Tc Trồng cây | ☼ Lò luyện sắt |
| Td Than đá | V Vàng | Lh Lưu-hoàng | Ng Ngô | ☼ Kỹ-nghệ dệt | ☼ Nguyên-tử lực |
| S Sắt | B Bạc | Tn Thủy-ngân | | | |



Một bến tàu ở Niu-uớc.

Đường-sá của Hoa-kỳ tiện-lợi vô-cùng : trên chừng 5 triệu cây số đường nhựa, có hơn 60 triệu xe hơi lưu-thông. Tính ra cứ 3 người dân thì một người có xe riêng. Đường thủy của họ cũng thuận-tiện lắm. Các tàu chạy trên sông, trên biển và nhất là trên các hồ lớn rất nhiều. Do đó giá tiền chuyên-chở bằng đường thủy rất rẻ. Đường sắt được khai-thác triệt-đề. Trong nước có tới hàng ngàn công-ty thiết-lộ đứng lên khước-trương. Đường hàng-không cũng phát-triển mạnh lắm. Các đường bay trong nước và quốc-tế nhiều vào hạng nhất trên thế-giới.



Nhà máy lọc dầu

Việc chăn nuôi cũng thịnh-vượng lắm. Số bấp sản-xuất được, đều dùng vào việc nuôi bò, heo, cừu và các gia-súc khác. Những người chăn nuôi thường dùng ngựa hay máy bay trực-thăng để đi kiểm-soát các đàn bò, cừu.

Khoáng-sản thật vô cùng phong-phú. Dầu hỏa, than đá, sắt, đồng, chì, kẽm, vàng, bạc, thủy-ngân, phốt-phát, u-ra-ni-um đều nhiều vào hạng nhất, nhì trên thế-giới.

Kỹ-nghệ sản-xuất điện-lực, máy-móc, đồ-hộp, dầu hỏa, bông vải, giấy rất là phát-triển.

Nền thương-mại của Hoa-kỳ vô cùng phát-dạt. Những hàng xuất-cảng thì có máy-móc, đồ hộp, ngũ-cốc, bông vải v.v... còn hàng nhập-cảng là cà-rôm, bốc-xít, thiếc, kền. Thị-trường chính của Hoa-kỳ là Gia-nã-đại, Ba-tây, Mễ-tây-cơ, Nhật-bản, Đức Ngoài ra, các nhà tư-bản Hoa-kỳ còn đầu-tư tại các nước khác nữa. Do đó số vàng của Hoa-kỳ bằng 2/3 số vàng của cả hoàn-cầu.



Trại-chủ lúa bò về chuồng bằng máy bay trực-thăng



Máy gặt lúa tại một nông-trại

Nước Mỹ nổi tiếng giàu mạnh trên thế-giới là do nguyên-liệu dồi-dào, phương-pháp canh-nông, thương-mại, chăn-nuôi, ...rất tối-tân và nhất là do ở hùng-tâm, tráng-chí của toàn-dân vậy.

Thôi thư đã dài rồi, có dịp qua nước khác cô sẽ viết cho các cháu sau. Thân-ái chúc các cháu ngoan và học-hành tấn-tới.

Mai- Anh.

BÀI HỌC

Hoa-kỳ là nước giàu nhất hoàn-cầu. Nông-sản và khoáng-sản thường đứng vào hàng đầu thế-giới. Lâm-sản cũng rất dồi-dào. Tất-cả các ngành kỹ-nghệ đều rất phát-đạt. Sản-lượng về giấy, kim-khí, than đá, dầu hỏa, điện-lực, bằng nửa sản-lượng của cả thế-giới. Nền thương-mại trong nước cũng phát-triển-mạnh. Các nhà tư-bản lại còn có nhiều cổ-phần tại nhiều nước trên hoàn-cầu.

BÀI TẬP

1. Nền kinh-tế của Hoa-kỳ thế nào? Ngư-nghiệp ra sao? Đường giao-thông trong nước thế nào? Nền thương-mại thế nào? Vì sao mà Hoa-kỳ được giàu-mạnh như thế?

2. Tập vẽ bản-đồ Hoa-kỳ kinh-tế.

55. NƯỚC ANH THIÊN-NHIÊN VÀ NHÂN-VĂN

Ý CHÍNH

I Thiên-nhiên :

1. Vị-trí và diện-tích : Một nhóm hải-đảo ở phía Tây châu Âu: Đảo Bờ-ri-tân (Great Britain), miền Bắc đảo Ái-nhĩ-lan (Northern Ireland) và các đảo nhỏ. Diện-tích ước-độ 244.000 cây số vuông.
2. Địa-thể : Miền Tây-Bắc có nhiều cao-nguyên và núi. Ngọn Ben Nevis cao 1343 m. Miền Đông-nam có đồng-bằng và đồi thấp.
3. Sông ngòi : Thăm (Thames), Xơ-van (Severn), Hum-be (Humber).
4. Khí-hậu : ôn-hòa nhưng ẩm-thấp và rất nhiều sương mù.

II. Nhân-văn :

1. Dân-cư : 53 triệu người đều thuộc giống da trắng.
2. Tôn-giáo : Đạo Thiên-Chúa (phái Tân-giáo).
3. Chính-trị : Quân-chủ lập-hiến.
4. Các thành-phố lớn : Luân-đôn (London), Biéc-minh-gam (Birmingham), Li-vác-pun (Liverpool), Gờ-lát-gâu (Glasgow), Măng - sét - ta (Manchester).

CÂU CHUYỆN

Nước Anh

Chú Tư vừa dắt xe vào nhà, Loan và Tuấn chạy ra hỏi :

— Chiều hôm nay sao chu về trễ thế ?

— Chú bận vào thư-viện Anh nghiên-cứu nên về trễ.

Nghe thấy nói đến thư-viện Anh, Tuấn nhanh-nhau nói :



Nhà thờ St. Paul ở Luân-đôn.

— Vậy chắc chú biết nhiều chuyện nước Anh lắm, lát nữa chú kể cho cháu nghe đi.

Chiều đến, chú Tư vui vẻ gọi hai cháu lại kể:

— Nước Anh ở phía Tây châu Âu, gồm có một đảo lớn là Bờ-ri-tân, miền Bắc Ái-nhĩ-lan và một số đảo nhỏ khác. Nước Anh Bắc giáp Bắc-hải, Nam giáp biển Măng, Tây giáp Đại-tây-dương. Diện-tích ước độ 244.000 cây số vuông.

Miền Bắc và miền Tây nước Anh có nhiều cao-nguyên và núi, ngọn cao nhất là Ben Nê-vít (Ben Nevis), cao tới 1343 m. Trong miền này có nhiều mỏ sắt và mỏ than. Miền Đông và miền Nam là bình-nguyên rộng lớn, có nhiều đồng cỏ xanh-rờn và ruộng đất màu-mỡ.

Sông ngòi ở Anh ngắn và nước chảy từ từ, lại nhờ mưa nhiều nên quanh năm tiện cho sự giao-thông. Những sông lớn là sông Thê-m, sông Xơ-vơ-n, và sông Hum-be.

Nước Anh nhân-văn



Kinh-thành Luân-đôn từ trên máy bay chụp xuống



Khí-hậu ở Anh thì ôn-hòa nhưng ẩm-thấp vì nhiều sương mù và mưa. Miền núi nhiều mưa và trời nhiều mây, miền Đông-nam thì ít mưa và sáng sủa hơn.

Loan hỏi :

- Thưa chú, nước Anh có nhiều người không ạ ?
- Dân-số nước Anh ước độ 53 triệu người, hầu hết là người da trắng và theo đạo Thiên-Chúa.

Anh quốc theo chính-thể quân-chủ lập hiến. Hiện nay Nữ-hoàng Elizabeth II đứng đầu trong khối Liên-hiệp Anh. Quyền lập-pháp thì thuộc về hai viện là Thứ-dan nghị-viện và Nguyên-lão nghị-viện; còn quyền hành-pháp thì do Thủ-tướng điều-khiển, có các tổng-trưởng phụ-tá.

Thủ-đô nước Anh là Luân-đôn, còn các thành-phố lớn là Biéc-minh-gam (Birmingham), Li-vóc-pun (Liverpool), Gờ-lát-gâu (Glasgow) và Măng-sét-tơ (Manchester)

BÀI HỌC

Nước Anh là một nhóm hải-đảo ở phía Tây châu Âu. Gồm có một đảo lớn là Bờ-ri-tân và miền Bắc đảo Ái-nhĩ-lan. Diện-tích ước độ 244.000 cây số vuông. Phía Tây và Bắc có nhiều núi và cao-nguyên, trong đó có mỏ than và sắt; phía Đông và phía Nam là đồng-bằng phì-nhiều. Các sông lớn là sông Thê-m và Hum-be. Khí-hậu nước Anh ôn-hòa, nhưng ẩm-thấp và nhiều sương mù.

Dân-số độ 53 triệu người, thuộc giống da trắng. Nước Anh theo chính-thể quân-chủ lập-hiến. Thủ-đô là Luân-đôn và các thành-phố lớn là Biéc-minh-gam, Li-vóc-pun, Gờ-lát-gâu, Măng-sét-tơ...

BÀI TẬP

1. Nước Anh ở đâu ? Diện-tích ước độ bao nhiêu cây số vuông ? Khí-hậu thế nào ? Dân-số độ bao nhiêu người ? Nước Anh theo chính-thể gì ? Thủ-đô ở đâu ? Các thành-phố lớn là những thành-phố nào ?

2. Vẽ sơ-lược bản-đồ nước Anh.

56. NƯỚC ANH KINH-TẾ VÀ LIÊN-HỆ VỚI VIỆT-NAM

Ý CHÍNH

I. Kinh-tế :

- 1) Nông-sản : Lúa mì, hương-mạch, củ-cải đường, khoai. Các cây dùng về kỹ-nghệ như lanh (lin).
- 2) Chăn-nuôi : Cừu, bò, heo, gà.
- 3) Lâm-sản : không đáng kể.
- 4) Khoáng-sản : Than đá, sắt.
- 5) Kỹ-nghệ : Chế-tạo máy-móc, đóng tàu, xe hơi, đầu máy xe lửa, luyện thép,... dệt vải, len, làm các hóa-chất.
- 6) Giao-thông : Rất mở-mang. Anh có một đoàn thương-thuyền lớn vào bậc nhất thế-giới.
- 7) Thương-mại : Rất thịnh-vượng. Xuất-cảng máy-móc, sắt, thép, đầu xe lửa, máy bay, xe hơi, tàu thủy, len vải... Nhập-cảng : thực-phẩm và nguyên-liệu.

II. Liên-lạc với Việt-Nam :

Tại Sài-gòn và Luân-đôn có tòa Đại-sứ của 2 nước.

CÂU CHUYỆN

Nước Anh (tiếp theo)

Loan nói :

— Thưa chú, cháu xem báo mục lá thư Anh quốc, thấy nói nước Anh giàu lắm.

Một nhà máy điện tại nước Anh.



— Ủ, nước Anh giàu lắm, nhưng không phải giàu về canh-nông mà giàu về kỹ-nghệ và thương-mại. Thật vậy, nước Anh đất hẹp, mặc dầu phương-pháp canh-tác tối-tân, nhưng sản-lượng vẫn không đủ dùng trong nước. Nông-sản chính của Anh là lúa mì, hương-mạch, củ-cải đường, khoai tây...

Việc chăn nuôi cũng khá phát-đạt, người Anh nuôi được nhiều cừu, bò, heo,... rất tốt, nhưng vẫn không đủ cung-cấp cho cả nước dùng. Lâm-sản thì không đáng kể vì rừng-rú chỉ có độ 4 hay 5% diện-tích toàn-quốc thôi.

Khoáng-sản kể cũng phong-phú, nhiều nhất là than đá rồi đến sắt, đồng, chì, thiếc, kẽm, v.v.... nhưng vì khai-thác đã lâu nên nguyên-liệu không còn được mấy. Kỹ-nghệ của Anh phát-triển rất mạnh. Hiện nay kỹ-nghệ chính của họ là đóng các loại xe, tàu, như xe lửa, ô-tô, tàu thủy, tàu bay, v.v... Kỹ-nghệ len, vải cũng rất quan-trọng và tập-trung ở miền Bắc nước Anh. Kỹ-nghệ nước Anh, dựa vào than đá và muối, đã chế được nhiều hóa-phẩm như thuốc nhuộm, cường-toan, dược-phẩm, ny-lông v.v...



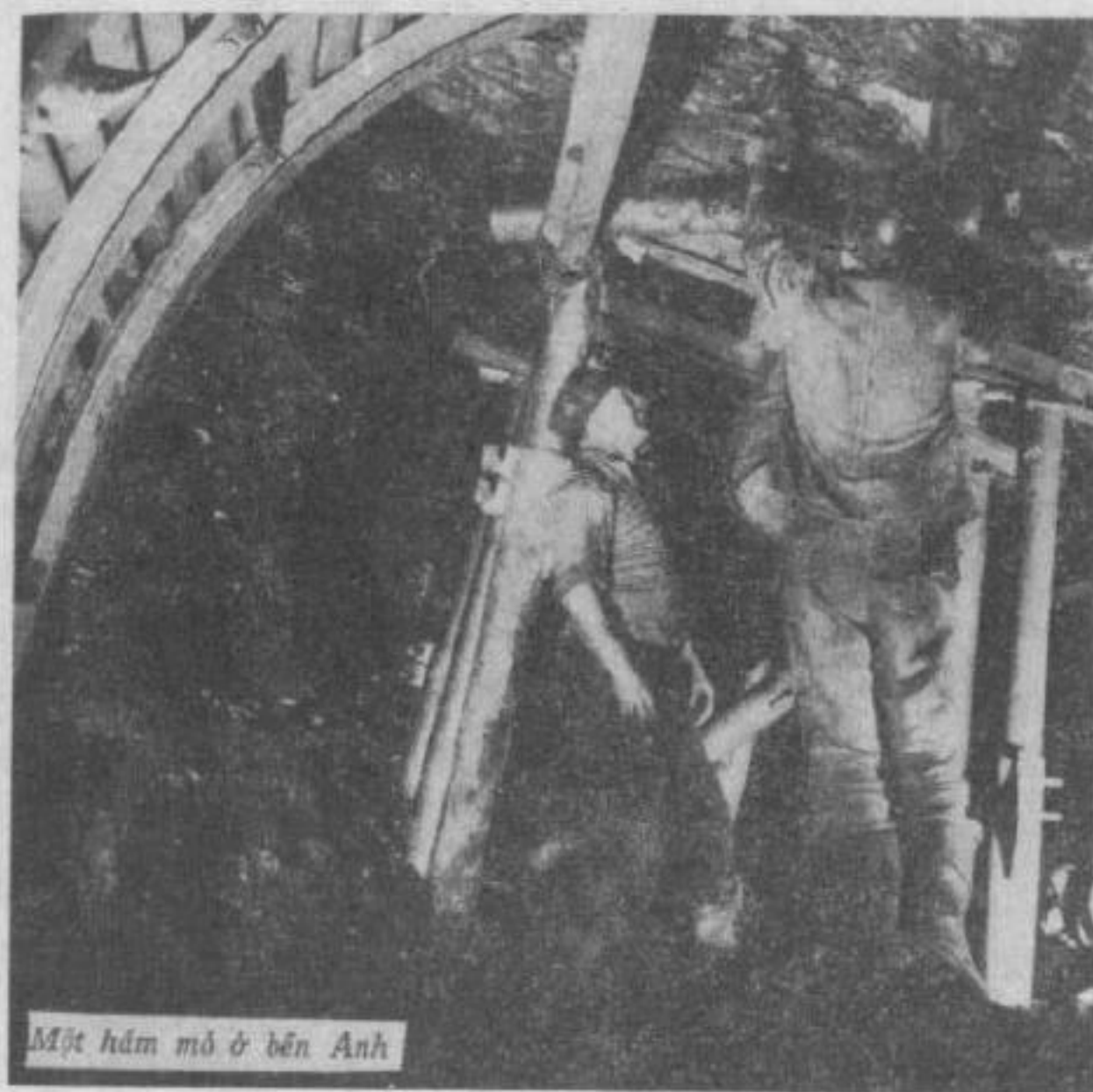
Một xưởng đóng tàu tại nước Anh.

Tuấn hỏi :

— Thưa chú, nước Anh ở giữa đại-dương, chắc giao-thông toàn bằng đường thủy cả ?

— Chỉ đúng một phần thôi. Sự giao-thông tại nước Anh ở trong nội địa thì bằng đủ các phương-tiện : tàu hỏa, xe-hơi, tàu thủy, máy bay, ... còn với ngoại-quốc thì vừa bằng đường biển, vừa bằng đường hàng-không. Các cháu nên nhớ rằng : nước Anh có một đoàn thương-thuyền lớn vào bậc nhất thế-giới, họ giao-thiệp với hầu hết các quốc-gia, do đó nền thương-mại của nước Anh rất thịnh-vượng. Họ có thị-trường ở gần khắp mọi nơi, nhất là tại các thuộc-địa cũ. Nước Anh xuất-cảng xe-hơi, máy bay, tàu thủy, dầu xe lửa, các thứ hóa-phẩm, len, vải, v.v... nhập-cảng thực-phẩm và nguyên-liệu.

Nước Anh và Việt-nam có liên lạc mật-thiết với nhau về phương-diện chính-trị cũng như kinh-tế. Tại Sài-gòn và Luân-đôn có tòa Đại-sứ của hai nước.



Một hầm mỏ ở bên Anh

BÀI HỌC

Nước Anh rất hẹp nên nông-sản và lâm-sản không được dồi-dào nhưng có nhiều khoáng-sản. Nền kỹ-nghệ phát-triển rất mạnh. Đường giao-thông thuận-tiện lắm, nhất là đường biển vì nước Anh có một đội thương-thuyền có tiếng ở trên thế-giới, nhờ đó nền thương-mại của Anh rất là phát-đạt. Họ xuất-cảng đủ các thứ máy-móc, hóa-phẩm, len, vải và nhập-cảng thực-phẩm và nguyên-liệu v.v...

Nước Anh và Việt-nam có liên-lạc mật-thiết với nhau về phương-diện chính-trị và kinh-tế. Tại Luân-đôn và Sài-gòn có tòa Đại-sứ của hai nước.

BÀI TẬP

1) Tại sao nước Anh không có nhiều nông-sản và lâm-sản? Khoáng-sản thế nào? Nền kỹ-nghệ thế nào? Tại sao nước Anh có một đoàn thương-thuyền lớn? Sự giao-thiệp giữa nước Anh và Việt-nam thế nào?

2) Vẽ sơ-lược bản-đồ nước Anh.

57. NƯỚC PHÁP THIÊN-NHIÊN VÀ NHÂN-VĂN

Ý CHÍNH

I. Thiên-nhiên

1. Vị-trí diện-tích : Ở phía Tây châu Âu. Diện-tích hơn 550.000 cây số vuông.
2. Địa-thế : Dãy An-pơ (Alpes), dãy Pi-rê-nê (Pyrénées), dãy Trung-sơn. Miền Bắc và miền Tây có nhiều bình-nguyên.
3. Khí-hệ : Ôn-hòa.
4. Sông ngòi : Sông Sen (Seine), sông Loà (Loire), sông Ga-rôn (Garonne), sông Rôn (Rhône), sông Ranh (Rhine).

II. Nhân văn

1. Dân-cư : 46 triệu người, thuộc giống da trắng.
2. Tôn-giáo : Đạo Cơ-đốc.
3. Chính-trị : Chính-thể Cộng-hòa, đứng đầu có Tổng-thống, 7 năm bầu một lần.

CÂU CHUYỆN

Năm năm ở bên Pháp

Sáng chủ-nhật, Ái, người anh họ của Loan và Tuấn, mới ở bên Pháp về lại thăm chú Tư và các em. Loan và Tuấn mừng quá. Nhân vui câu chuyện Tuấn bảo Ái:

— Anh ở bên Pháp 5 năm, chắc biết nhiều chuyện, vậy anh hãy kể cho chúng em nghe đi.

Ái gật đầu vui-vẻ kể:

— Nước Pháp ở về phía Tây châu Âu, Bắc giáp biển Măng (Manche); Đông giáp các nước Đức, Thụy-sĩ và Ý; Nam giáp Địa-trung-hải và Tây-ban-nha; Tây giáp Đại-tây-dương. Diện-tích ước-độ hơn 550.000 cây số vuông, rộng vào hạng nhì châu Âu, sau Liên-bang Sô-viét.

Nước Pháp hình lục-lăng đều đặn. Miền Đông có dãy núi An-pơ (Alpes). Miền Tây-nam có dãy núi Pi-rê-nê (Pyrénées). Ở giữa có dãy Trung-sơn. Miền Bắc và Tây có nhiều bình-nguyên phì-nhiều, chiếm đến quá phân nửa nước Pháp. Các sông lớn là sông Sen (Seine), sông Loà (Loire), sông Ga-rôn (Garonne), sông Rôn (Rhône), sông Ranh (Rhine). Quan trọng hơn cả là sông Sen vì quanh năm tàu bè có thể qua lại được và chảy qua kinh-thành Ba-lê.

Khí-hệ nước Pháp thì dai dề ôn-hòa vì ở vào ôn-đới và chịu ảnh-hưởng của dòng nước nóng chảy qua miền Bắc Đại-tây-dương.

Dân-số nước Pháp ước độ 46 triệu người.

Nước Pháp theo chính-thể Cộng-hòa đứng đầu có Tổng-thống, cứ 7 năm bầu lại một lần. Thủ-đô Ba-lê (Paris) là một thành-phố lớn trên hoàn-cầu, có nhiều lâu-đài cổ-kính, đại-học đường lừng danh và cũng có tiếng là một kinh-đô hoa-lệ nhất thế-giới.

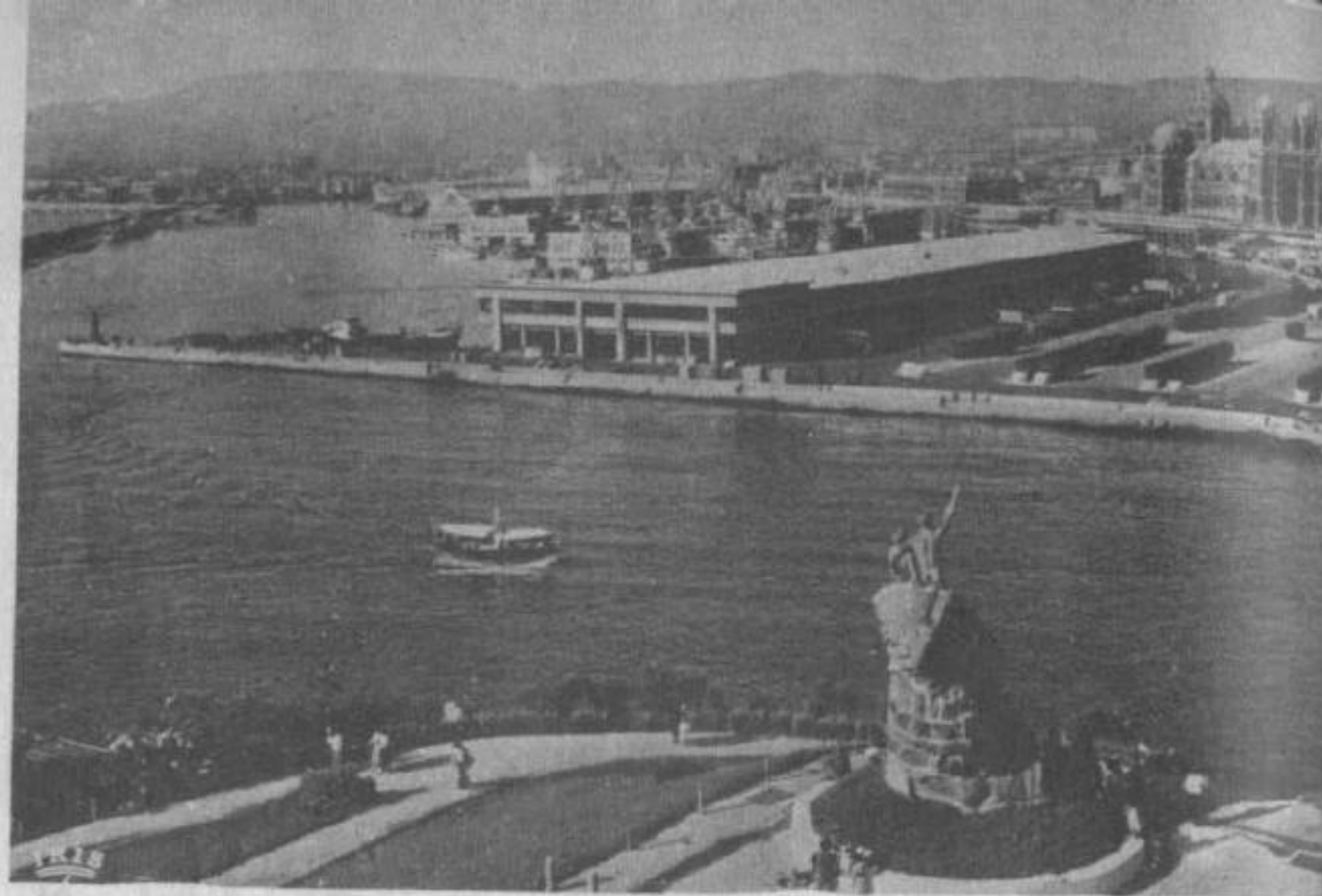
Những thành-phố lớn là Mác-xây (Marseille),



Một làng ở chân núi Alpes



Dọc bờ sông Seine tại Pháp



Thương-cảng Bordeaux tại Pháp

Ly-ông (Lyon), Boóc-đô (Bordeaux), Tu-lu (Toulouse), Lin (Lille), Nít-xơ (Nice), Lơ Ha-vơ (LeHavre).

Các vùng kỹ-nghệ ở miền Đông và miền Bắc.

Những nơi có nhiều phong-cảnh đẹp hằng năm hấp-dẫn được rất nhiều du-khách như Nít-xơ, Cốt-đa-duya (Côte d'Azur) và núi An-pơ (Alpes).

BÀI HỌC

Nước Pháp ở về phía Tây châu Âu. Diện-tích ước độ 550 ngàn cây số vuông, rộng gấp rưỡi Việt-nam. Dân-số ước độ 46 triệu người, cũng gấp rưỡi dân-số nước ta; toàn thể là người da trắng và theo đạo Cơ-đốc.

Nước Pháp theo chính-thể Cộng-hòa, đứng đầu là Tổng-thống. Thủ-đô là Pa-ri. Các thành-phố lớn là Mác-xây, Ly-ông, Boóc-đô, Lin, Tu-lu...

BÀI TẬP

1) Nước Pháp giáp-giới những đâu? Có những dãy núi nào? Những sông nào? Dân-số ước độ bao nhiêu người? Nước Pháp theo chính-thể nào? Thủ-đô ở đâu?

2) Vẽ sơ-lược bản-đồ nước Pháp?

58. NƯỚC PHÁP KINH-TẾ VÀ LIÊN-HỆ VỚI VIỆT-NAM

Ý CHÍNH

I. Kinh-tế:

- 1) Nông-sản: Lúa mì, hương-mạch, đại-mạch, bắp, khoai-tây, củ-cải đường, thuốc lá, nho, trái cây.
- 2) Lâm-sản: 1/5 đất đai toàn-quốc là rừng.
- 3) Mực súc: Bò, cừu, heo, ngựa, gà, vịt.
- 4) Khoáng-sản: Than, dầu hỏa, quặng mỏ, chì, bô-xít, phốt-phát.
- 5) Kỹ-nghệ: Các nhà máy chế sắt, luyện thép, nhôm, dệt vải, len, lụa, làm đồ hộp, nấu rượu nho, chế-tạo dược-phẩm và các chất hóa-học, các xưởng đóng xe hơi...
- 6) Giao-thông: Thuận-tiện nhất là đường thủy.
- 7) Thương-mại: Xuất-cảng: Xi-măng, rượu nho, bột, vải, len, xe hơi, máy-móc, dược-phẩm và các đồ trang-sức. Nhập-cảng: Than-đá, lúa mì, phốt-phát, gỗ, cà-phê, trái cây.

II. Liên-hệ với Việt-nam

Kinh-tế: Trao đổi hàng-hóa.

Văn-hóa: Sở thông-tin, trường học Pháp.

Chính-trị: Tòa Đại-sứ Pháp ở Sài-gòn, tòa Đại-sứ Việt-nam ở Pa-ri.

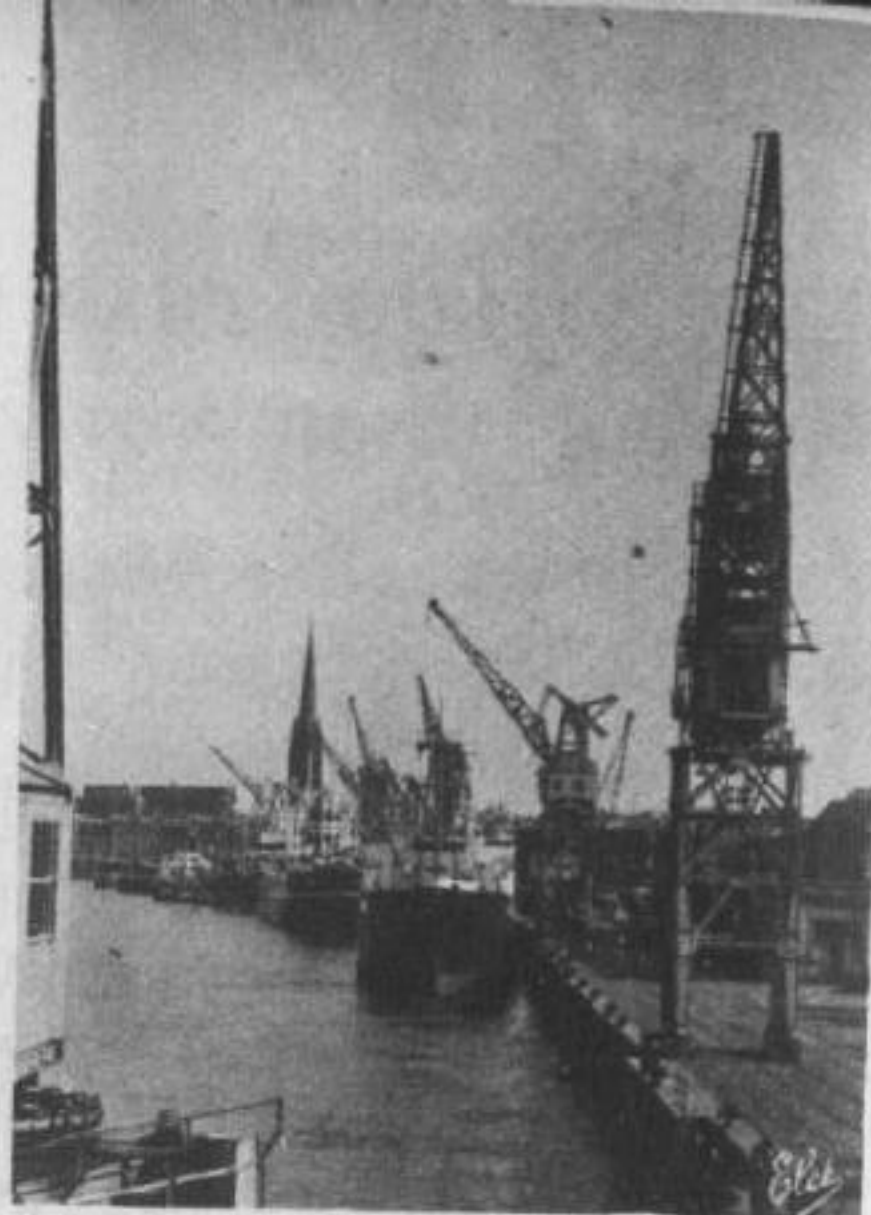
CÂU CHUYỆN

Năm năm ở bên Pháp (tiếp theo)

Tuấn hỏi:

— Nghe anh nói nước Pháp có nhiều bình-nguyên phì-nhiều, vậy nước Pháp có giàu không hả anh?

— Nước Pháp cũng khá giàu. Về nông-ngiệp, họ trồng, được lúa mì, hương-mạch, đại-mạch, bắp, khoai tây, củ-cải đường, thuốc lá, nho, rau và trái cây. Mục-súc vào hạng trung-bình. Người Pháp nuôi được nhiều bò, cừu, heo và gà vịt. Tuy số lượng không nhiều, nhưng súc-vật nổi tiếng là giống tốt trên hoàn-cầu và sản-xuất được nhiều bơ sữa. Rừng chiếm gần 1/5 diện-tích của toàn quốc, có các thứ gỗ như thông, sồi, dẻ v.v... Tuy thế Pháp vẫn không đủ gỗ dùng, thường phải nhập-cảng gỗ để làm giấy. Khoáng-sản có than, dầu hỏa, chì, bô-xít, phốt-phát, v.v... tương đối đủ dùng ở trong nước.



Bến tàu ở Bordeaux

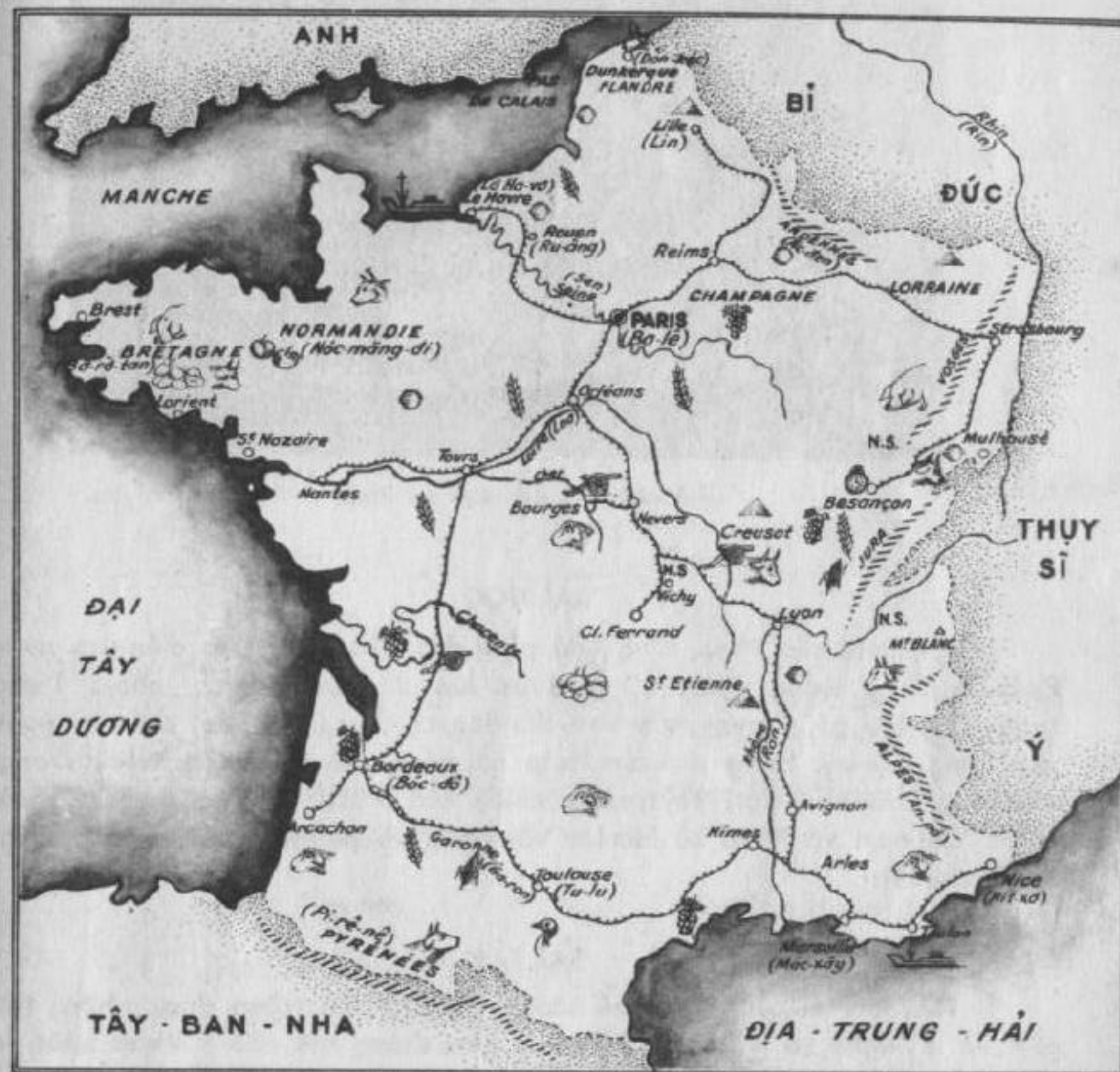
Kỹ-nghệ vào hạng tiến-bộ trên hoàn-cầu. Các nhà máy của Pháp là nhà máy luyện thép, nhôm, dệt vải, len, làm đồ hộp, nấu rượu nho, chế-tạo mỹ-phẩm, dược-phẩm, hóa chất, xe hơi, xưởng may quần áo sẵn và làm đồ trang-sức. Hàng của Pháp tốt, nhiều thứ nổi tiếng trên hoàn-cầu.

Đường giao-thông thuận-tiện nhất là hải-đạo. Pháp có nhiều hãng tàu buôn đi khắp thế-giới.

Nền thương-mại cũng rất mở-mang. Nước Pháp xuất-cảng mỹ-phẩm, rượu nho, bột, vải, nỉ, xe hơi, máy-móc, hóa-chất, dược-phẩm... và nhập-cảng thuốc lá, lúa mì, phốt-phát, gỗ, cà-phê, trái cây.... Thị-trường chính của họ là các thuộc-địa cũ.

Việt-nam và Pháp có liên-lạc mật-thiết với nhau về kinh-tế, văn-hóa và chính-trị. Tại Sài-gòn có tòa Đại-sứ, có trường học, có sở Thông-tin của Pháp. Tại Ba-lê có tòa Đại-sứ của Việt-nam.

Nước Pháp nhân-văn-kinh-tế



Lúa mì Khoai tây Táo Nho Bắp Bò Trâu
Ngỗng Heo Than đá Kỹ-nghệ dệt Kỹ-nghệ đóng-hồ Xưởng đúc súng
Xưởng đóng tàu



Một nhà máy thủy-điện tại Pháp

BÀI HỌC

Nền kinh-tế của Pháp cũng khá phát-đạt. Gần một nửa diện-tích nước Pháp là đồng ruộng. Pháp trồng được lúa mì, hương-mạch, nho... Trong rừng có nhiều gỗ. Khoáng-sản khá dồi-dào, có than, dầu hỏa, chì... Kỹ-nghệ vào hạng tiến-bộ. Hàng-hóa của Pháp nổi tiếng trên hoàn-cầu. Việc thương-mại cũng khá phát-đạt. Thị-trường chính của Pháp là các thuộc-địa cũ. Nước Việt-nam và Pháp có liên-lạc với nhau về phương-diện văn-hóa, kinh-tế và chính-trị.

BÀI TẬP

1. Nền kinh-tế của Pháp thế nào ? Người Pháp trồng được những thứ gì ? Về kỹ-nghệ có những gì ? Đường giao-thông thế nào ? Pháp xuất và nhập-cảng những gì ? Pháp có liên-lạc gì với Việt-nam ?

2. Tập vẽ bản-đồ nước Pháp.

59. HỌC ÔN

Về Hoa-kỳ, Anh, Pháp

(Đánh dấu + vào ô trống trước những câu nào mà em cho là đúng).

Diện-tích Hoa-kỳ :

- ☐ Ước độ 8 triệu cây số vuông
☐ — 9 triệu cây số vuông
☒ — 9 triệu rưỡi cây số vuông
☐ — 10 triệu cây số vuông

Dân-số Hoa-kỳ ước độ :

- ☒ 200 triệu người ☐ 180 triệu người
☐ 160 — ☐ 220 —

Hoa-kỳ theo chính-thể :

- ☐ Quân-chủ ☐ Dân-chủ
☐ Độc-tài ☐ Cộng-sản

Thủ-đô Hoa-kỳ là :

- ☐ Nữu-ước (New-York) ☒ Hoa-thịnh-đốn (Washington)
☐ Cựu-kim-sơn (San Francisco) ☐ Si-ca-gô (Chicago)

Nước Anh có con sông lớn là :

- ☒ Thê-m (Thames) ☐ Sông Loa (Loire)
☐ Sông Mít-xít-xi-pi (Mississippi) ☐ Sông Đa-núp (Danube)

Nước Anh xuất-cảng các thứ :

- ☐ Thực-phẩm ☐ Máy bay, xe hơi, tàu thủy.
☐ Quặng-mỏ ☒ Len, vải

Thủ-đô nước Anh là:

☒

London (Luân-đôn)

☐

Lì-vác-pun (Liverpool)

☐

Măng-sét-tơ (Manchester)

☐

E-đim-bua (Edimbourg)

3. Lấy những tiếng trích-dáng đã học mà điền vào những chỗ trống sau đây:

Nước Pháp ở phía châu Âu. Dân-số ước-độ
triệu người. Nước Pháp theo chính-thể đứng đầu có
Thủ-đô là Nước Pháp sản-xuất : Nước
Pháp và Việt-nam có liên-lạc với nhau về phương-diện và

văn-hoà - kinh-tế

Đ. Tâm Liên

chính tả.

NHÂN DÂN HOA-KỲ

với sự hợp-tác của

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

thân tặng

các Trường Sở tại Việt-Nam

SÁCH NÀY TẶNG, KHÔNG BÁN